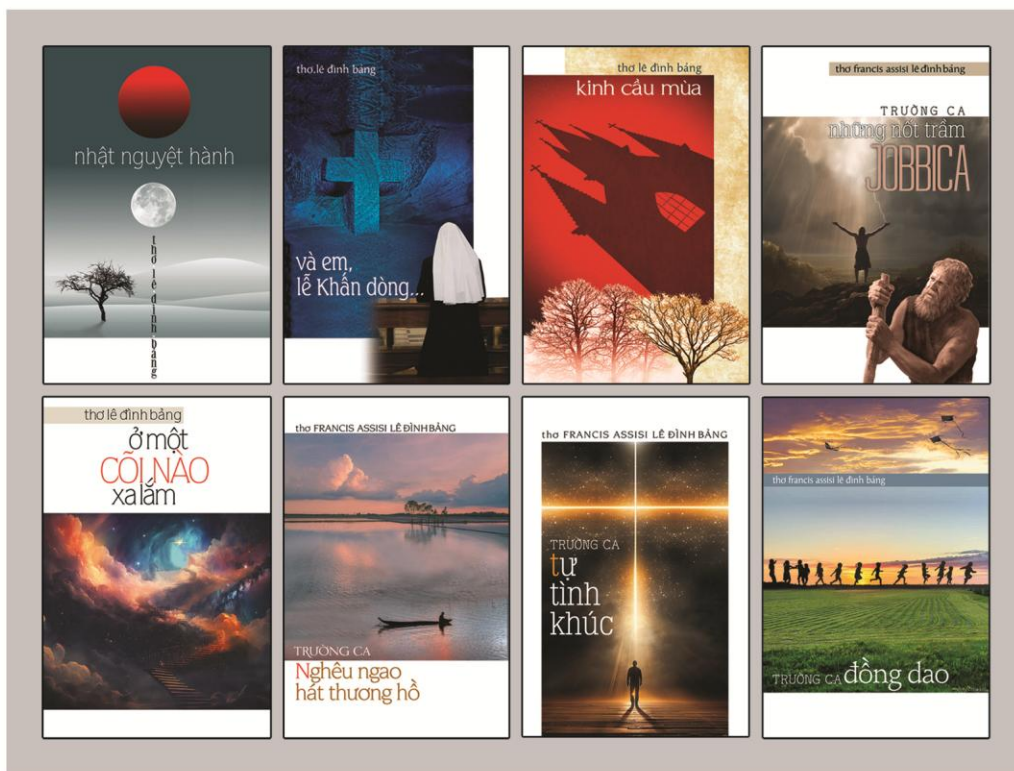


BÙI CÔNG THUẤN

tôi đọc thấy trong

thơ. francis assisi lê đình bảng



THƠ LÊ ĐÌNH BẢNG

Chuyên luận

Mục lục

1. LỜI NÓI ĐẦU	tr.3
2. QUỲ TRƯỚC ĐÈN VÀNG	5
3. HÀNH HƯƠNG	15
4. THĂM CÁC MIỀN THƠ	27
5. MỘT TẤM LÒNG	39
6. LỜI TỰ TÌNH	46
7. KINH BUỒN	58
8. ƠN ĐỜI MỘT CÔI MÈNH MÔNG	70
9. NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG	86
10. ĐỌC BÀI HÀNH HƯƠNG	97
11. BÀI NHÃ CA THÁNG GIÊNG	104
12. BÀI THƯƠNG KHÓ	112
13. CHUYỆN HOA SOAN	126
14. Thơ ca Công giáo đương đại	136
15. TỰ TÌNH KHÚC	153
16. TRÒ CHUYỆN	166
17. TRƯỜNG CA VỀ THƠ	177
18. VÀ EM. LỄ KHẤN DÒNG	194
19. BẢN TANGO VỚI CHÚA	203
20. NGHÊU NGAO HÁT THƯƠNG HỒ	214
21. MẤY GHI CHÚ VỀ TRƯỜNG CA	224

Bùi Công Thuận

THƠ LÊ ĐÌNH BẢNG

Chuyên luận



(Lê Đình Bảng & Bùi Công Thuận. Huế 2010)

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Công giáo bén rễ đức tin từ những năm 1533^[1], đến nay đã gần 500 năm. Công giáo trở thành một tôn giáo lớn trong cộng đồng tôn giáo-tín ngưỡng tại Việt Nam. Tư tưởng Thần học, Triết học và Mỹ học Kitô giáo đã hòa vào hệ thống tư tưởng Việt (gồm minh triết Việt, Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo), làm nên bản sắc và bản lĩnh dân tộc Việt. Văn học Công giáo đã góp phần rất sớm đổi mới văn học Việt cả về tư tưởng, và nghệ thuật, đưa văn chương Việt hội nhập với phương tây, thoát ly hẳn ảnh hưởng của văn học Trung Hoa. Đời sống đức tin của giáo dân Công giáo làm phong phú những mùa lễ hội dân tộc. Văn hóa Công giáo (Tư tưởng, đạo đức lối sống, Kiến trúc, Âm nhạc, Ngôn ngữ, ...) đã trở thành một phần giá trị quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân xứ này.

Nhà thơ Lê Đình Bảng đã lớn lên trong bối cảnh ấy. Ông quê ở Thái Bình. Đây là một vùng quê mà hạt giống đức tin triển nở xanh tươi từ rất sớm. Năm 1638, cha Felice Morelli đã đặt chân đến giảng đạo tại làng Bò Trang (thuộc xứ Bò Ngọc, Giáo phận Thái Bình ngày nay). Từ đây, Tin Mừng dần dần lan rộng đến các làng khác trong Phủ Thái Bình.^[2] Lòng đạo

¹ [Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục](#), quyển XXXIII, tờ 5-6 ghi chú như sau:

“ *Gia-tô, đã lục, Lê Trang Tông, Nguyên Hoà nguyên niên, tam nguyệt nhật, Dương nhân I-nê-khu tiềm lai Nam Chân chi Ninh Cường, Quần Anh, Giao Thủy chi Trà Lũ âm dĩ Gia-tô tả đạo truyền giáo*” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục,).

Dịch nghĩa: “Đạo Gia-tô, theo bút ký của tư nhân, tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ nhất (1533) đời [Lê Trang Tông](#), có người Tây dương tên I-nê-khu, lén đến truyền đạo Gia-tô ở làng Ninh Cường và Quần Anh, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy”.

² **Hội đồng Giám mục Việt Nam giới thiệu** sơ lược về giáo phận Thái Bình

bình dân của người con Thái Bình thật sốt sắng, đặc biệt thể hiện trong những mùa lễ hội. Thái Bình có nhiều lễ hội truyền thống nổi tiếng: *Hội Chùa Keo, Hội Đền Trần, Hội La Vân, Hội Đồng Bằng, Hội Đồng Xâm, Hội đền Tiên La, Hội Đền Chòi, Hội Quang Lang, Hội Đền Côn Giang, Hội Đền Hét* [3]. Những mùa lễ hội Công giáo làm giàu thêm kho tàng văn hóa dân gian Thái Bình. Thơ Lê Đình Bảng tập nập, đông vui hình ảnh lễ hội Việt là xuất phát từ ngọn nguồn những lễ hội này.

Và, Thơ Lê Đình Bảng còn thừa kế vốn văn học rất giàu có của tiền nhân. Girolamo Majorica (1591-1656) đã viết nhiều truyện văn xuôi chữ Nôm (*Các Thánh truyện. 1646*). Ông được xác định là tác giả truyện văn xuôi chữ Nôm thế kỷ 17. Vốn từ vựng nhà đạo trong tác phẩm của ông rất phong phú. Lữ Y Đoan viết *Sấm Truyền ca* năm 1670 (trước *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du khoảng 150 năm). Có thể nói, đây là một “công trình” dịch thuật, Việt hóa và diễn ca Kinh thánh Cựu Ước đồ sộ, có giá trị tư tưởng, học thuật và văn chương nhiều mặt [4]. Felipe do Rosario Bình (1759-1833), đến năm 1822, ông đã viết 27 cuốn sách bằng Quốc Ngữ [5]. Có thể coi tác phẩm của Bình là kho tàng Quốc ngữ đồ sộ, thật mới mẻ, do người Việt trữ tác, góp phần đưa văn hóa Việt Nam hội nhập văn hóa phương tây. *Thuật tích việc nước Nam* của Lm Đặng Đức Tuấn (1806-1874) đầy ắp hiện thực đời sống giáo dân dưới thời vua Tự Đức [6], góp phần trực tiếp vào đời sống đạo của giáo dân thời bấy giờ. Và ngày nay, những hình tượng văn học mà nguyên mẫu là người Việt trong *Thuật tích việc nước Nam* vẫn còn giá trị.

Lê Đình Bảng là nhà thơ theo chân Đức Giêsu đi khắp mọi miền thế gian, để loan báo Tin Mừng bằng thi ca. Đức tin, lòng Mến, sự nhiệt thành và cốt cách Việt tỏa sáng trang thơ. Lê Đình Bảng khai mở một miền quê thi ca Công giáo trù phú: Đó là sự kết hợp thi pháp Ca dao với hồn thơ cổ điển và cảm hứng lãng mạn trong việc sử dụng chất liệu văn hóa Công giáo (Cựu Ước, Tân Ước, Sinh hoạt lễ hội) để làm nên một thế giới thi ca mới. Điều đọng lại sâu sắc nhất trong thơ Lê Đình Bảng là sự trải nghiệm sâu sắc đời sống Đức tin và tình yêu quê hương rất sâu nặng. Hai yếu tố cốt lõi này cùng với cốt cách tài hoa thiên phú đã làm nên giá trị thơ Lê Đình Bảng.

Lê Đình Bảng là khuôn mặt tiêu biểu cả về tư tưởng và nghệ thuật của thơ ca Công giáo đương đại. Rồi đây, nhiều luận văn sẽ nghiên cứu về thơ của ông. Bởi đó là một vườn hoa rất đẹp của văn học Công giáo, cũng đồng thời là cầu nối rất giá trị giữa văn học Công giáo với văn học Việt đương đại

Tháng 1/ 2026

<https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/gp-thai-binh-31519>

³ Huy Tùng: **Top 10 lễ hội đặc sắc nhất Thái Bình**

<https://petrotimes.vn/top-10-le-hoi-truyen-thong-dac-sac-nhat-thai-binh-705515.html>

⁴ Bùi Công Thuấn: **Lữ Y Đoan và Sấm Truyền Ca**- Nguồn: **Hoa trên núi thánh**, Nxb Hồng Đức 2025. Tr. 256

<https://www.vanthocongghiao.net/2024/04/sam-truyen-ca-cua-lu-y-doan-va-nhung-gia-tri-van-chuong-tac-gia-bui-cong-thuan.html>

⁵ Lê Đình Bảng: **Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường**. Nxb Tự điển Bách Khoa. 2010, tr. 139

⁶ Bùi Công Thuấn. **Hoa trên Núi Thánh**. Nxb Hồng Đức 2025. Tr. 281

<https://www.vanthocongghiao.net/2023/07/lm-gioakim-dang-duc-tuan-nhung-dong-gop-ve-tu-tuong-va-nghe-thuat-tac-gia-bui-cong-thuan.html>

**“QUỲ TRƯỚC ĐÈN VÀNG”,
THƠ CỦA “NGƯỜI ĐI NHẬT CHỮ” TÀI HOA.**

(Đọc tập thơ *Quý trước đèn vàng* của Lê Đình Bảng. Nxb Tôn Giáo 2010)

Bùi Công Thuận

Nhà thơ Lê Đình Bảng (*) tự nhận mình là “*người đi nhật chữ*”:

*Con chỉ là người đi nhật chữ
Lang thang nơi phố chợ đông người
Để nghe mạch chảy, nghe trời đất
Ngàn vạn âm vang của cuộc đời...*

(Kính khuya)

Những dòng thơ trên đủ giới thiệu cho bạn đọc một hồn thơ khoáng đạt, cao rộng. Hồn thơ ấy “*nghe mạch chảy*” của thời gian, “*nghe trời đất*” cất lời và, nghe “*ngàn vạn âm vang của cuộc đời*”. Đó là một hồn thơ đã vượt ra khỏi giới hạn của không gian và thời gian để trái tim rung cảm dào dạt trước vẻ đẹp rất lạ lùng và kỳ diệu của cuộc đời này.

Lê Đình Bảng đã in các tập thơ: *Bước chân giao chỉ* (Sài gòn 1967), *Hành hương* (2006), *Quý trước đèn vàng* (2010), *Lời tự tình của bến trần gian* (2012), *Ơn đời một cõi mệnh mang* (2014), *Kinh buồn* (2014), và các tập thơ được phổ nhạc: *Đội ơn lòng Chúa bao dung* (2012), *Lời khấn nhỏ chiều Chúa nhật* (2012), *Về cõi trời mệnh mang* (2012). Ngoài ra Lê Đình Bảng còn là nhà nghiên cứu lịch sử văn học Công giáo Việt Nam. Ông đã in “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” (2010), và bộ sách gồm 6 cuốn “*Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*” (2009) do ông sưu tầm, nghiên cứu...

Quý trước đèn vàng là tập thơ riêng về Đức Maria.

KHÁM PHÁ MỚI MẸ VỀ HÌNH TƯỢNG ĐỨC MARIA

Ở Việt Nam, việc sùng kính Đức Maria đã trở thành lòng đạo nhiệt thành của giáo dân. Trong một năm có đến 2 tháng hoa, tháng Năm và tháng Mười, dành để giáo dân quây quần xung quanh Mẹ, đọc kinh Mân Côi, kiệu hoa, dâng hoa. Các tước hiệu dành cho Đức Maria cũng rất phong phú: *Đức Mẹ Hằng cứu giúp, Đức Mẹ ban ơn lành, Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa, Maria Nữ vương hòa bình...* Linh địa Công giáo cũng là linh địa của Đức Mẹ: *Đức Mẹ La vang, Đức Mẹ Trà Kiệu, Đức Mẹ Măng Đen, Đức Mẹ Tàpao...* Kinh nhạc để cầu nguyện cùng Đức Maria cũng rất phong phú và có nhiều bài tuyệt hay.

Vì thế, thật không dễ để có thể khám phá ra những điều mới mẻ về hình tượng Đức Maria. Trước đây, Hàn Mặc Tử đã viết bài *Ave Maria* tuyệt hay, bài thơ lại được Nhạc sư Hải Linh phổ nhạc, tạo nên một lâu đài nghệ thuật tráng lệ:

*...Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen
Hồi Sứ Thần Thiên Chúa Ga-bri-en
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời
Để ca tụng – bằng hương hoa sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân rất đổi anh linh...”*

Những câu thơ dát bằng châu ngọc ngôn ngữ ấy sẽ là đỉnh thi son mà những nhà thơ Công giáo đi sau khi viết về Đức Maria không dễ vượt qua.

Lê Đình Bảng đã khắc họa được một hình tượng Đức Mẹ rất đẹp nhưng hoàn toàn khác với hình tượng Đức Maria của Hàn Mặc Tử.

Nhà thơ họ Hàn ca tụng Đức Mẹ “*bằng hương hoa sáng láng/ Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng*”, và đặt Đức Mẹ trên trời cao với chuyển động của vũ trụ: “*xôn xao muôn tinh tú/ ...náo động cả muôn trời*”. Xung quanh Đức Mẹ “*Sáng nhiều quá*” và “*Thơm đường bao*”.

Lê Đình Bảng đem Đức Mẹ về gần gũi với mình, gần gũi với đời sống khó nghèo gian nan. Đức Mẹ hòa trong khung cảnh thiên nhiên Việt Nam, cô đọng trong những tình tự dân tộc, và sâu lắng trong tâm thức Việt về người mẹ. Đặc biệt, Lê Đình Bảng dùng hình ảnh “*Mẹ hóa đá*” đã có trong văn hóa dân gian Việt để khẳng định lòng tin: Mẹ vững như núi đá chở che con Mẹ mấy trăm năm ở những linh địa. Nhờ thế, bạn đọc ngoài Công giáo có thể tiếp cận được thơ về Đức Mẹ một cách tự nhiên, như thơ về người mẹ trần gian của mình.

Mẹ sống với đàn con những ngày *nước trắng đồng không*, những ngày mưa giông, bão lụt khắp cả Bắc, Trung, Nam:

*Mẹ là gai nửa phen tre
Nhưng khi nắng quái, bốn bề mưa giông
Lòng tin con, ngã ba sông
Trông ra nước trắng đồng không mấy bờ
(Heo may lời con)*

Mẹ với đời nghèo khó âm thầm nhẫn nhục.

*Mẹ tit tấp đầu non
Hai trăm năm nhẫn nhục*

*...Đất vẫn nghèo sỏi đá
Vẫn lá rau, con cá
Con bốn mùa nắng nôi
Đêm đêm thấp sao trời*

Mẹ, mưa nguồn tắm gội

Cây đời con tốt tươi”

(Mẹ vẫn ở đầu non)

Một hình tượng giàu phẩm tính dân tộc:

Mẹ vẫn đứng cùng phong rêu quá khứ

Hai trăm năm, phơi rạt mặt gió Lào

Cháy lòng con bao nỗi nhớ xôn xao

Mỗi khi đếm từng mùa thu đi, thay lá

(Trường ca Mẹ La vang)

Một tứ thơ rất đẹp về cái nóng khắc nghiệt của gió Lào làm đá rịn mồ hôi.

Bỗng dưng con thấy bồi hồi

Sông khuya đá rịn mồ hôi gió Lào...

...Mẹ là bến lặng bờ trong

Để con nương nấu mà giọng thuyền về

(Kinh nguyện La Vang)

Mẹ là Mẹ cả núi sông.

Dừng đây, đôi ngả đi, về

Chênh vênh đá dựng, tư bề núi non

Tít mù làng bản, sơn thôn

Rung rưng khói biếc hoàng hôn nhớ nhà...

...Mẹ sông, Mẹ núi, Mẹ ngàn

Mẹ ôm lấy cả vô vàn chúng sinh

(Mẹ. Suối an bình)

Lê Đình Bảng gặp gỡ hồn thơ Hàn Mặc Tử, nhưng vẫn rất khác:

Vì đêm ấy mới là đêm trừ tịch

Xác-hồn-thiên-vô-nhiễm trở thành hoa

Giữa ba tòa sen ngát ánh dương pha

Giữa băng tuyết rờ ràng ơn phước lạ

Hai nghìn năm, Mẹ sầu bi hóa đá

Lạnh vô cùng, tím ngắt những hoàng hôn...

(Cửa đẹp)

Lê Đình Bảng khác Hàn Mặc Tử vì khắc tạc Đức Maria trên nền của hiện thực Việt

Nam:

Sau cuộc chiến tưởng chừng không được gặp

Lúa ngô reo hay triệu triệu tâm lòng

Máy đồng trong, nước trắng cũng về sông

Mẹ đứng đó, hai trăm năm, lệ đá”

(La Vang. Tháng Tám mùa thu)

Lê Đình Bảng tâm tình với Mẹ:

*Con mãi mê cuộc sống
Để bây giờ tay không
Vẫn lạc chợ, trôi sông
Vẫn cơm đường, cháo chợ*

Mẹ thành non thành đá

Phong rêu với bụi bờ...

(Lên ngàn)

Và đây là lời nguyện cầu:

*Lạy Mẹ Tà Pao giáng phúc, ban ơn
Xin mở rộng cửa thiêng đường, Mẹ nhé*

*Và thương lấy những đoạn trường, dâu bể
Để chúng con làm muối mặn cho đời
Thả lưới xa bờ, chổ nước xa khơi
Bên phải mạn thuyền, cá tôm đầy chật*

(Trường ca Mẹ Tà Pao)

Lê Đình Bảng ít nói đến Mẹ trên trời. Đức Maria trong thơ Lê Đình Bảng cũng không đậm chất thần học trong Kinh thánh như *Mẹ đồng công Cứu chuộc*, *Mẹ Thiên Chúa*. Người Mẹ ấy cũng không phải là Mẹ của những ơn phép lạ mà người bình dân thường cầu xin (lâu lâu lại có tin đồn Đức Mẹ hiện ra chổ này, chổ kia). Đức Maria của Lê Đình Bảng gần gũi thân thương lắm, và rất Việt Nam.

Tôi rất thích tứ thơ này về Đức Mẹ, vì Mẹ cùng “*nắng nôi dãi dãi*”, cùng “*áo rách thương nhau*” với con dân Việt.

*Đội ơn Đức Mẹ Môi Khôi
Cho con yêu cả nắng nôi dãi dãi
Cũng đành áo rách thương nhau
Cái duyên cam quýt vừa sâu vừa dằm...*

(Con về thăm xứ bời)

Và đây là hình ảnh người mẹ trần gian đã nuôi nấng nhà thơ niềm tin yêu cậy trông với Đức Mẹ trên trời. Hình ảnh người mẹ này thật mới lạ trong thi ca Việt đương đại.

*Mẹ ngồi trước hiên, tay lần tràng hạt
Đếm cả đời người được mấy mùa vui...*

*Nhà ta đó, tiếng súng xa đôn bót
Đêm đêm về, nghe thềm thĩ câu kinh...*

*Mẹ cong lưỡi chữ R phát Riêm
Mỗi lần dạy con dăng hạt, dăng hoa
Lần chuỗi Mân Côi kính nhớ Đức Bà
Mấy chục năm qua con vẫn nhớ lời mẹ...*
(Tháng Giêng, Về Phát Diệm)

*Của cải mẹ cha cho có vậy
Để dành khi con lớn, con khôn
Những câu kinh sách, phiên châu, lễ
Đã thấm vào da thịt, máu, xương
Đã nên nhân đức, nên lòng đạo
Nuôi sống cả đời con, xác, hồn...*
(Chuyện những mùa hoa)

NHỮNG BÀI THƠ TÌNH CÔNG GIÁO

Hình như sau bài thơ tình *Tha La xóm đạo* của Vũ Anh Khanh (1950), tôi chưa được gặp bài thơ tình Công giáo nào (?). Vì thế khi được đọc *Quy trước đèn vàng*, tôi thật ngỡ ngàng trước vẻ đẹp thơ tình Công giáo của Lê Đình Bảng:

Quê nhà

*Tháng Năm rồi tới tháng Mười
Làm sao quên được một thời ấu thơ
Cùng em đi lễ nhà thờ
Hoa bằng lăng nở tím bờ ao sen*

*Em quỳ, tôi cũng quỳ bên
Hương trầm lên, khói trầm lên trước tòa
Mẹ là vườn ngát hương hoa
Chúng con, giọt nước mưa sa ngoài đồng*

Bạn đọc ngoài Công giáo không hiểu tại sao nhà thơ lại nói đến tháng Năm và tháng Mười trong kỷ niệm tình yêu. Đó là hai tháng “nhà đạo” dành tôn kính Đức Mẹ. Trong hai tháng này, nhà thờ Công giáo có nghi thức dâng hoa, rước kiệu Đức Mẹ, không khí vui như ngày lễ hội.

Tình yêu trong bài thơ chỉ là kỷ niệm đơn sơ nhưng thánh thiện, tinh khiết: kỷ niệm nhà thờ cùng em đi lễ nhà thờ, con đường có hoa bằng lăng tím và có cả ao sen. *Em quỳ, tôi cũng quỳ bên/ Hương trầm lên, khói trầm lên trước tòa*.

Kỷ niệm chỉ có vậy nhưng bài thơ tình có sức ám ảnh về những điều mới lạ. Đó là tứ thơ “*Cùng em đi lễ nhà thờ/ Hoa bằng lăng nở tím bờ ao sen*”. Cái mới lạ của tứ thơ là sự kết hợp màu tím bằng lăng lãng mạn với hoa sen hồng thuần khiết. Nhưng mà, ao sen gần nhà chùa hơn “nhà đạo”, và *hương trầm, khói trầm* bay lên nghi ngút cũng là không gian Thiên. Cả hai chất

liệu tưởng như xa lạ và trái ngược với cái đẹp Công giáo lại được miêu tả hết sức tự nhiên. Một điều lạ nữa là nhà thờ thường đông người nhất là trong tháng hoa. Ở thôn quê ngày xưa, trong nhà thờ, nam nữ không được ngồi bên nhau như Tây. Trong bài thơ này, nhà thơ và em lại rất riêng tư. Cùng quỳ bên nhau, cùng hướng lên Đức Mẹ, tâm hồn họ bay lên cùng với *huong trầm* và *khói trầm* ngào ngạt.

Lê Đình Bảng đem vào thơ tình Công giáo chất liệu làng quê thấm đẫm tình tự dân tộc kết hợp với vẻ đẹp của cái riêng tư phương Tây tạo nên một bài thơ tình rất đẹp. Đó là cái đẹp của một tình yêu đơn sơ, thánh thiện, sự tinh khiết, gắn bó với làng quê, tình quê. Tình yêu này rất khác với tình yêu đậm chất nhục thể trong thơ tình Xuân Diệu.

Thơ tình Lê Đình Bảng neo được trong lòng người đọc nhiều cảm xúc là nhờ cái tình tự làng quê rất đậm ở những tứ thơ thật tài hoa:

MÙA TRĂNG VU LAN NHỚ MẸ

*Năm ấy em lên mười mấy tuổi
Tôi từ phố huyện về thăm quê
Trời mưa, mưa mấy ngày không ngớt
Con nước lên sấp sấp bậc hè*

*Nghe thoáng, ở bên bờ giếng, đợi
Đầu vườn cây khế mới ra hoa
Hình như cơn gió nồm nam gọi
Đôi sáo nâu về đậu trước nhà*

*Chúng cũng như mình thôi, vất vả
Nhịn ăn, đâu nhịn được tình yêu
Trời ơi, cái tháng ba năm đôi
Mong bếp nhà ai lên khói chiều*

*Có phải vì em mau nước mắt
Khi không, ra đứng ngóng đầu thôn
Em buồn, tôi cũng buồn lây, nhỉ
Nom cứ như hai đứa mất hồn*

*Em biết tôi mò côi bố mẹ
Nhưng thèm yêu, thèm nhớ người dung
Giờ, em ở phía nơi chân sóng
Tôi, đóm sao khuya lạc cuối rừng
Chả biết đến khi nào gặp lại
Mà thời gian đang đặng vô chừng...*

*Cứ mỗi mùa Vu Lan cúng quã
Nghe chùa bên mở huệ, tuần chay*

*Đọc đường ra nghĩa trang em bảo
“Mẹ ngủ trong gò đất cỏ may
Thành bụi, thành tro than lãng đãng
Vàng trắng tơ mọc giữa ban ngày”*

Hiện thực sống đạo ở làng quê làm phong phú thêm không gian nghệ thuật của thơ ca Việt Nam.

*Tôi từ phố Hiến xa xôi
Cây rau, ngọn cỏ, suốt đời long đong
Hôm vô tới xứ Đàng Trong
Chờ em ở mãi Ba Giồng mới lên*

*Đò theo sông Hậu, sông Tiền
Những mông mênh nước, những mênh mang trời
Nửa khuya, cập bến Chùa Dơi
Thoảng nghe kinh kệ, nhịp voi, nhịp đày*

*Hạt mùng em giấu trong tay
Hạt thương, tôi dỡ dành cây hoa hường
Đường nào xuôi ngã Thơm Rơm
Qua Hàm Luông, ghé Cái Mơn mấy hồi*

*Đền vàng, quỳ trước song đôi
Khấn dâng, một mảnh gương soi trước tòa
Đây là Phép Ngắm Rosa
Và đây tràng chuỗi Đức Bà Môi Khôi
Bao giờ cho đến tháng Mười
Chim quyên xuống đất thuyền tôi lên bờ
Nắng vàng ngoài dậu ô rô
Hôm nay lễ trọng, nhà thờ đông ken*

*Dập dìu trai gái đua chen
Cho tôi theo kiệu về bên xứ nhà
Lạy trời, đừng nổi phong ba
Để tôi neo một bến phà-quê em...*

Bài thơ hay ở chất giọng ca dao, ở sự tài hoa của nhà thơ trong nghệ thuật kể chuyện, ở cái tình tự quê hương rất sâu trong những tứ thơ đột ngột mới lạ và ở nét đẹp lễ hội Công giáo làm mới hẳn không gian thơ (so với không gian nhà chùa trong thi ca dân tộc).

Tôi trích hơi dài và không bình gì thêm, vì cái hay của thơ Lê Đình Bảng như hương hoa thấm vào rất sâu ở mọi giác quan của người đọc, tạo nên cái âm vang nghệ thuật trong tâm hồn, đó là một thứ hạnh phúc rất lạ chỉ có nghệ thuật mới có thể đem đến.

NHÀ THƠ, NGƯỜI NHẬT CHỮ TÀI HOA

Thơ Lê Đình Bảng hiện lên hình ảnh “người nhật chữ” tài hoa. Đó là một thi nhân lãng tử, một gã *thương hồ*. Nhà thơ tự hỏi:

Hoa quỳ năm ngoái, năm xưa
*Có còn yêu **gã thương hồ** hay không.*
(Mẹ như trăng ở đầu nguồn)

Người thơ hòa trong dòng người hành hương đi mọi miền đất nước: Đỉnh Mẫu sơn (*Lên đình Mẫu Sơn*), đền thánh Đức Mẹ La Vang (*Trường ca Mẹ La Vang*), vào nam viếng Đức Mẹ Bãi Dâu (*Nguyện cầu Mẹ Bãi Dâu*), về thăm Đức Mẹ ở Xứ Bưởi Năm Roi (*Con về thăm xứ Bưởi*), *Về thăm Mẹ Hòn Chông*, *Tháng 5 về quê Mẹ Trà Kiệu*, *Về thăm Mẹ Trà Kiệu-Bến Tre*. Nhà thơ “*lên núi chay tịnh bốn mươi ngày*” (*Lên ngàn*), lên Tây Nguyên viếng Đức Mẹ Măng Đen (*Kinh cầu Mẹ Măng Đen*), về Phan Thiết viếng Mẹ Tà Pao (*Trường ca Mẹ Tà Pao*)...

Trăm năm trước những ai về Dinh Cát
Về Cổ Vưu, Cây Da, ghé Hội Yên
Những nhà thờ - họ đạo, xóm làng bên
Cờ xí rợp mấy vùng quê lương, giáo

Người ở Kinh ra, cân đai, áo mào
Kẻ Đàng Ngoài vô, thanh lịch, đài trang
Qua Trường nhà Hồ, vượt phá Tam Giang
Chón heo hút bỗng dập dùi phường phố

Đợi con nước, tuần trăng, xem quỳnh nở
Tháng Tám mùa thu, đến hẹn lại lên
Trăm nẻo về, cùng một bến đông ken
Muôn ngã rẽ chảy đầy nguồn sông Mẹ
(Trường ca Mẹ La Vang)

Lòng thành chẳng dám đơn sai
Chúng con Kinh Bắc, dặm dài đường xa
Những là mới bảy mới ba
Chân sơn phách nhịp, miệng hoa hát tình...

...Đương mùa vải chín trên cây
Thảo thơm dâng Mẹ những ngày hành hương
(Nỗi niềm Kinh Bắc)

Trong dòng người đông ken ấy, “*gã thương hồ*” đầy ắp tâm sự. Đó là nỗi niềm của “*kẻ đã treo gươm rửa kiếm*”, đòi “*Như một ngọn nhang tàn thấp khuya*”, nhưng còn lắm gian nan.

“Xót kẻ đã treo gươm rửa kiếm
Thân ngựa già thoát biển màu sương

*Mơ phai tàn cuộc đoạn trường
Nước trôi sông vắng con đường tịch liêu”*

(Khóc mẹ)

*Như một ngọn nhang tàn thấp khuya
Heo may khẽ động đã tan lìa
Đời con những nắng trưa, mưa sớm
Đắm đắm trông lên một nẻo về*

(Mẹ hằng xuân)

*Đời con, thuyền ván ra khơi mãi
Giông gió tư bề, giông gió thôi...*

Những lúc chênh chao mùa đổi gió

Mẹ ơi con mệt đứt hơi rồi

*Chèo buông, không lái, trôi đầu sóng
Mẹ dẫn đưa con về đến nơi*

(Đầu sóng xa khơi)

Biết vậy nhưng không thể khác được, vì đã trót tài hoa. Nhà thơ tâm sự với Mẹ:

Mẹ biết, lòng con như chỉ rối.

Sợi thừa mau, ngang dọc bời bời

Chả là, con trót đã mang quá

Gieo gió, đành cam gặt bão thôi

Đã mấy lần ăn năn sám hối

Ngựa quen đường cũ đã lâu rồi

Làm sao rửa sạch bao lầm lỗi

Chẳng lẽ làm hư phí của đời

(Phù dung)

Dù trần trở cuộc sống “nắng mưa” nhưng người thơ gần gũi và tin yêu Mẹ, có khi đùa vui bên Mẹ.

Mẹ ơi khi Mẹ lên trời

(Cho con cưỡi ngựa đi mời quan viên)

Đêm nay chờ nụ trăng lên

Thuyền ơi, đừng dạt về bên kia bờ

(Mẹ như trăng ở đầu nguồn)

Bạn đọc những câu thơ đầy ấp tâm sự của Lê Đình Bảng, và nhiều khi kinh ngạc về sự tài hoa của thi nhân. Tài hoa ấy thể hiện ở sự phát hiện “Cái đẹp” của đời sống Công giáo, cái đẹp của tình yêu lứa đôi thánh thiện tinh khiết, cái đẹp của những tứ thơ bất ngờ, cái đẹp của thơ ca cổ điển, cái đẹp ở vốn từ giàu có trong sự giao thoa giữa ngôn ngữ bình dân với ngôn ngữ bác học. Còn có Cái đẹp của sự kết tinh thơ cổ điển, thơ lãng mạn với ca dao và cái đẹp

của một “*hồn thơ đạo*” cao rộng phóng khoáng, sánh ngang với hồn thơ Đường và cốt cách thơ Thiên.

Đây là những câu thơ thấp thoáng *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du:

*Xót người vò võ trông mong
Chân mây, đầu núi, quãng đồng, dặm xa...
Xót người dầu dãi trên non
Hơi sương, khói núi, hoàng hôn, nguyệt tà*
(Nguyện cầu Mẹ Bãi Dâu)

Âm hưởng những câu Kiều vừa sang trọng vừa day dứt:

*Cũng đành gửi lại mai sau
Phát phơ ngoài nội bông lau cuối mùa
Lấy gì đền đáp thân thừa
Mẹ ơi, bong bóng chiều mưa tội tình?*

*Hạt buồn vào cõi ba sinh
Hạt hư vô của phận mình long đong
Kể từ con biết trông mong
Trái tim như cứ bông bênh, ủ ê.*

*Từ hôm nguồn bỏ sông về
Xa nhau, bỗng nhớ non khuya bóng chày
Bãi bờ nghìn dặm quanh đây
Bên kia lũy khuất, bên này rào ngăn*
(Cho mai sau đời con)

Phảng phất khí vị Thiên, và âm vang thơ cổ điển:

*Mai sớm đầu sương phơi sắc thắm
Đã chiều phai nhạt mấy tràng giang
Xin làm hạt bụi rơi vương vãi
Mỗi bước chân qua chẳng ngó ngang*
(Phù dung)

Hạt sương đầu ngọn cỏ sớm mai phơi sắc là hạt sương của Vạn Hạnh Thiền sư (“*Thịnh suy như lộ thảo đầu phô*”- Thị đệ tử). Tứ thơ “*Đã chiều phai nhạt mấy tràng giang*” gợi ra hình ảnh nỗi buồn cổ điển của Huy Cận trong bài *Tràng giang*. Nhưng Lê Đình Bảng kết hợp hòa điệu tư tưởng Thiên, màu sắc cổ điển với tư tưởng *con người chỉ là tro bụi* của Thiên Chúa giáo tạo nên một tứ thơ mới lạ.

Cái tình tứ tài hoa này thật thú vị:

*Nghĩ mình, một chút mưa sương
Giọt vui chưa cạn, giọt thương đã nhòa
Những ngày chơm chớm hương hoa
Thoáng qua, chỉ một thoáng qua, phai tàn*

*Chiều chiều mây trắng bay ngang
Áy ai, đò dọc, đò ngang xa vời
Bây giờ sông rẽ ngăn đôi
Nhớ nhung là của hai người nhớ nhung*
(Nhớ nhung)

Và sự tinh tế đến kinh ngạc:

*Ở đây, cồn bãi lúa thừa
Thoảng nghe chuông lễ nhà thờ hôm mai
Ở đây, trướng cá, bông xoài
Một cơn gió thoảng rụng ngoài hiên mưa*
(Về thăm Mẹ Hòn Chông)

XIN ĐƯỢC CHIA SẺ VỚI NHÀ THƠ

63 bài thơ trong ***Quy trước đèn vàng*** đều là những bài thơ hay, có nhiều bài cái hay níu lấy người đọc không dứt ra được (*Trường ca Mẹ La Vang, Kinh nguyện La Vang, La Vang. Tháng Tám mùa thu, Về La Vang. Nhà Mẹ trăm gian, Bao giờ cho đến tháng Mười, Đồng dao, Quê nhà, Mùa trăng Vu lan nhớ mẹ, Tiệc cưới Cana, Về thăm Mẹ Hòn Chông, Mẫu đơn nở cạnh nhà thờ...*).

Rất vui và rất quý vì sau Hàn Mặc Tử, thơ ca Công giáo lại có được một ngòi bút tài hoa như nhà thơ Lê Đình Bảng. ***Quy trước đèn vàng*** đặc sắc ở những hình ảnh rất đẹp của đời sống Công giáo. Tình yêu Công giáo rất tinh khôi. Tiếng thơ là tiếng tâm tình chân thực. Và hơn tất cả, ***Quy trước đèn vàng*** khám phá, sáng tạo nhiều tứ thơ mới lạ so với thơ ca đương đại; khám phá hình tượng Đức Mẹ hòa trong thiên nhiên, cuộc sống và tâm thức Việt. *Cái Tôi* “*nhà đạo*” của thi nhân đã vượt qua *Cái tôi cô đơn bé tắc* của Thơ Mới. Lê Đình Bảng vẫn làm thơ truyền thống, nhưng đã nâng phẩm chất nghệ thuật của thơ truyền thống Việt lên một bước mới, đó là sự kết hợp *mỹ học truyền thống* với *mỹ học Kitô giáo* đậm chất Việt.

Nhà thơ vẫn chưa ngừng bay lên:

*Xin mở rộng cửa thiên đường Mẹ nhé
Con bay lên theo cánh gió của trời
Mẹ là biển, là sao mai chiếu rạng
Thuyền con neo, chờ bến lặng, ra khơi*
(Thuyền đời)

Tháng 6/ 2020

(*) **Lê Đình Bảng** sinh năm 1942, tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Việt Hán- Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1966, ĐH Sư Phạm Sài Gòn-Việt Hán năm 1971. Hiện định cư ở Gibbsboro, New Jersey, USA.

<https://buicongthuan.wordpress.com/2020/06/24/tho-le-dinh-bang-quy-truoc-den-vang/>

Những khuôn mặt thơ ca Công giáo đương đại

LÊ ĐÌNH BẢNG - HÀNH HƯƠNG

(Nxb Tôn Giáo. 2011)

Hành Hương có 57 bài thơ và 5 bài thơ phổ nhạc. Nhà thơ Lê Đình Bảng nói về sinh mệnh của tập thơ: “*Hành Hương* là một trong những tập thơ đã kinh qua nhiều trường đoạn nhất. Nó ra đời ở dạng chép tay (1972-1975). Được đánh máy, chuyển tay trong nội bộ bạn bè, sinh viên học sinh các Đại Chung viện, dòng tu (1976-1992). In vi tính (có họa sĩ vẽ bìa, in thử 1000 tập, 1992-1994). Nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển viết Vào Đề và họa sĩ Choé ký họa. In chính thức (1994), tái bản (1999) và (2006), ra mắt tại Hoa viên Hiệp Nhất, nhà sách Đức Mẹ, 38 Kỳ Đồng, Q.3 Tp.HCM, với công chúng yêu thơ Công giáo chừng 300 người”[1].

Không những thế, Lê Đình Bảng còn in cuốn “*Hành hương với Hành Hương*”[2], ghi lại cảm nhận của rất nhiều “Đấng bậc” có thể giá, ý kiến của các nhà thơ, nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ, biên tập viên các báo Công giáo, và nhiều bạn bè tác giả đã đọc tập thơ. Tôi ghi nhận được 35 bài viết về tập thơ của: Đức Giám Mục Giuse Vũ Duy Thống, Đức Tổng Giám mục Têphanô Nguyễn Như Thế, Lm GB Cao Vĩnh Phan, Lm Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, Lm Antôn Hà Văn Minh, Lm Vinc Phạm Trung Thành, Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều, nhà thơ-họa sĩ Bằng Sĩ Nguyên, nhà văn Trần Thị Trường, nhà thơ Trần Vạn Giã, Nhà thơ-Linh mục Trăng Thập Tự, Nhạc sĩ Phanxicô, Nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển, Lm-Nhạc sĩ Ân Đức, Lm Giuse Nguyễn Hữu duyên, Lm Vinc Nguyễn Minh Chu, Lm. Rô cô Nguyễn Tự Do, các bạn hữu Nguyễn Văn Đậu, Nguyễn Ngọc Phách, Vũ Lưu Xuân, Bạch Châu, Huỳnh Hay, Dom. Trinh, Nguyễn Đình Đầu, Bùi Ta Ngọc, Phan Nhi, Kim Lệ và Lê Kim, Thế Hùng, Đỗ Lộc Hưng, Kiều Giang, Đào Đăng, Hoàng Minh Thức, P. Phạm Gia Thuận, Lan Giao.

Hành Hương quả là một tập thơ “nặng ký” của một “tác giả có thể giá” trong thế giới nghệ thuật Công giáo. Tất cả những điều hay, những câu thơ bài thơ đẹp, những tư tưởng sâu sắc của thơ Lê Đình Bảng đã được khám phá. Là người đi sau, tôi không biết những điều mình viết có góp thêm được gì cho *Hành Hương* không?

Có lẽ phải lên đường “hành hương” một chuyến nữa với nhà thơ.

Thơ trong tập *Hành Hương* hầu hết là **thơ tự tình**, thơ là tiếng nói trực tiếp của Tôi. Phẩm chất của **Cái Tôi trữ tình** trong thơ quyết định giá trị thơ.

CÁI TÔI TRỮ TÌNH CÔNG GIÁO

*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện
Hồn reo vui trong từng chữ từng lời
Trong đất màu dương võ vạc sinh sôi
Trong cây lá vươn sức dài vai rộng*

(Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện)

Có thể đó là một “*tuyên ngôn thơ*” của Lê Đình Bảng, là “*y thức sáng tạo*” của một nhà thơ Công giáo:

*Cảm ơn Chúa đã cho tôi tắm gội
Lớn dần lên trong hương sắc của người
Ngày lại ngày hoa trái cứ sinh sôi
Mỗi gieo vãi là một lần cấy hạt
(Giữa bao la đất trời)*

Nhưng *Cái Tôi* trữ tình của một “*nhà thơ đạo*” khác với *Cái Tôi* của “*nhà thơ đời*” thế nào? Chẳng hạn *Cái Tôi* trong thơ Thiên, trong *Thơ Mới* (1930-1945), thơ kháng chiến (1945-1975) và thơ đương đại?

Lê Đình Bảng có nỗi niềm của nhà thơ thế sự:

*Tôi nghe rõ mỗi gập ghềnh trôi nổi
Trữ trên vai gánh nặng của đời mình
Của phận người của một kiếp phù sinh
Nhu thiếu phụ nửa khuya chờ trở dạ
(Lời kinh chiều Emmaus)*

Thơ Lê Đình Bảng cũng thấp thoáng *Cái Tôi* của nhà thơ lãng mạn (Thơ Mới 1930-1945):

*Tôi nhìn tôi giữa trong xanh
Tôi heo may tựa chỉ mảnh treo chuông
Xin mời em cứ lên nương
Rừng phong thu ấy vừa hương sắc đầy
(Lời buồn của đất)*

Cái Tôi ca dao:

*Lạy trời mưa cứ mây quanh
Để em cuống quýt đợi mình ngoài hiên
Tôi chong đèn, thức thâu đêm
Khi đông đưa hát, khi mềm mại ru
(Kinh cầu mùa)*

Tôi trong bóng dáng một Thiên sư vân du:

*Tôi loài vượn cổ trên non
Lưng vai gió cuốn đầy truông lá ngàn
(Bên kia Biển Hồ)*

Và cái “*ngông tài tử*” từ Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát đến Tản Đà, Xuân Diệu và Bùi Giáng:

*Neo thuyền đi, người viễn khách yêu ơi
Ta mở miệng và cười vang phố xá
(Đêm rất thánh)*

Tôi là một kẻ du ca

Lang thang phố chợ, xa nhà đòi phen

Khi lên, nhạc ngựa vang rền

Trống chầu như thoảng mùi sen đầu hồ

Thì ra đời quá hung to

Áo xiêm còn bận chào đưa khách về...

(Nhã ca)

Điểm một vài nét như thế để thấy sắc thái thâm mỹ trong *Cái Tôi trữ tình* của thơ Lê Đình Bảng là rất phong phú và có cội nguồn trong thi ca dân tộc.

Nhưng nếu chỉ như thế thì thơ Lê Đình Bảng không đứng được ở một cõi riêng. *Cái Tôi trữ tình* của nhà thơ Công giáo Lê Đình Bảng có gì riêng và có gì mới hơn đã có trong thi ca dân tộc?

Lê Đình Bảng khởi đi từ hạt cơm nhà Chúa (thời ở Chủng viện):

Nhiều khi tôi hỏi riêng tôi

Bát cơm nhà Chúa hạt vơi, hạt đầy

Hạt nào tôi giữ trong tay

Của riêng, xin để dành ngày cánh chung

(Tự tình khúc)

Điều này chi phối toàn bộ thế giới tâm hồn nhà thơ. Thế giới ấy đầy ắp những tín lý thần học, luân lý Đức Tin; chi phối thế giới quan, nhân sinh quan nhà thơ. Với người Công giáo, Thiên Chúa là đấng tạo dựng đất trời, tạo dựng nên Tôi. Tôi chỉ là hạt bụi. Tôi được Cứu Độ trong tình yêu thương của Chúa. Hạnh phúc hay đau khổ cũng như sinh mệnh của tôi là thuộc về Chúa. Tôi chỉ biết cảm ơn Người và ăn năn sám hối. Tôi hằng mong được an nghỉ trong Người.

*Cám ơn Ngài đã **cho tôi sự sống***

Từ cõi hư không, nên vóc nên hình

(Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện)

Mỗi phút hân hoan, từng giây thẳng thốt

*Đây kho tàng **ân sủng Chúa ban cho***

Từ thớ hồng hoang, trái đất nguyên sơ

Tôi trú ngụ trong tay Ngài êm ái

(Lời dâng)

Lạy Chúa Trời từ muôn thuở xa xưa

Ngài dẫn đưa tôi đi qua Biển Đỏ

(Xuất hành)

Mỗi con chữ, mỗi lời kinh bịn rịn

Của kẻ ăn xin hát xẩm đầu đường

*Tôi như vậy, mà **sao Chúa vẫn thương***

Oi giọt nước ở đầu ngành dương liễu

(Sao Chúa vẫn yêu tôi)

Lạy Chúa trời, tôi rõ **phận đời tôi**
Mỗi thương khó, mỗi mừng vui, tàn héo
(Một chút tình cỏ hoa)

Có đôi lúc, vì cơn đau, nổi chết
Tôi như người đãng trí, rất ngây ngô
Muốn liều thân làm kẻ đốt đền thờ
Vừa khao khát đức tin, vừa thèm thuồng cơm bánh
(Lời kinh chiều Phục sinh)

Sao đời tôi lắm gian nan
Mãi mê trầm mồi, đa mang bời bời
Tạ ơn Người, vẫn yêu tôi
Áo cơm từng bữa, một đời nặng vai
(Ơi người cố quận Sion)

Từ vực thẳm, tôi trông lên, lạy Chúa
Mảnh trời nghiêng, sao rét mướt linh hồn
Suốt dậm dài xa tít tắp Sion
Chong mắt đợi, đêm muôn màng, góa bụa
(Lời kinh chiều Emmaus)

Cứ để **tôi là hạt bụi**, tấm cám
Hạt lúa mì rơi vãi giữa đồng không..
...Biết đến bao giờ tôi **được kéo lên**
Khỏi kiếp bùn nhơ như người trộm ấy.
(Khổ hạnh ca)

...Nhỡ mai một khi lỡ làm va vấp
Hỏi Chúa còn dung tha đỡ vực tôi không?
Đã bao lần tôi chết đuối trên sông
Mơ chiếc bè lau, ngọn lửa chài hiu hắt
(Lời trần tình trước hừng đông)

Lạy Chúa Trời, đến bao giờ đá nát vàng tan
Cho tôi sự nhớ ra mình-con-chim-lìa-tổ
Hãy cột dây và điệu tôi đi vòng quanh phố chợ
Gặp từng người, xin đấm ngực ăn năn
(Hãy xé lòng, đừng xé áo)

Tôi quỳ lạy Chúa trên cao
Dẫn dắt tôi kéo sa vào tối tăm
Thế mà tôi tưởng xa xăm
Hóa ra Người ở âm thầm trong tôi
(Chúa ở trong tôi)

NHỮNG CHIỀU KÍCH CỬA HỒN THƠ

Nếu chỉ nhìn *Cái Tôi nhà thơ Công giáo* qua lăng kính Thần học và tín lý Công giáo thì không thấy được phẩm chất thi sĩ và cá tính sáng tạo rất riêng của Lê Đình Bảng. Hồn thơ của ông còn có những chiều kích khác.

Ngoài chiều kích tâm linh đã phân tích ở trên, Nhân vật Tôi còn hiện diện trong trường thời gian lịch sử và hoạt động trong không gian Kinh Thánh, Tôi vượt qua thời gian và không gian hiện hữu. Những chiều kích này khác với thơ truyền thống. Nhân vật Tôi vừa hướng nội, lại vừa hướng về tha nhân để đối thoại, chia sẻ.

Nhà thơ hóa thân thành một người đang sống vào thời cách đây hơn 2000 năm, đi tìm Đức Giêsu, ngồi đợi Ngài, và đã gặp Ngài. Con người thơ ấy không phải là người trong đám đông đi theo Chúa để nghe giảng hay cầu chữa bệnh, cũng không phải môn đồ kề cận Chúa để được huấn luyện trở nên thánh, mà là một người rất đời, rất thân tình với Chúa.

Lê Đình Bảng đã tạo dựng được không gian lịch sử, không gian Kinh Thánh, với những con người, những sự kiện như đang xảy ra trong hiện tại, có những liên hệ mật thiết với hiện tại. Nhà thơ đắm mình trong thế giới ấy để chia sẻ với mọi người.

Hình ảnh Đức Giêsu thật trẻ trung và mới lạ, lại rất đời gần gũi, quen thuộc. Lê Đình Bảng có khả năng tái hiện những trình thuật của Kinh thánh về Đức Giêsu bằng cảm quan riêng, kết hợp với không gian thơ Việt, tạo nên sự ngạc nhiên thú vị. Đặc biệt thú vị ở sự sáng tạo những tứ thơ mới so với những gì được miêu tả trong Kinh Thánh.

Hay tin Ngài ở Canaan

Ngựa tôi đi một ngày đàng, còn xa

Tới nơi vừa lúc trăng tà

Mới hay, thuyền mới vừa qua Biển hồ

(Bên kia Biển Hồ)

Nếu có một ngày

Tình cờ, em gặp chàng thanh niên tóc bay tiền sử

Áo vải, chân không giữa đám trẻ thơ

Hay một hừng đông Biển hồ

Ngồi trên mạn thuyền, giữa nơi nhà hội

Mùa sương sa, em về may áo mới

Gọi mưa trên bờ cuội trắng như tơ

Gió sa mạc cơ hồ

Đang thổi mấy chiều hơi nước

Tôi đợi Người

Miệng lưỡi khát khô

(Người hát rong trên đồng cỏ)

Ở bên kia sông, chiều nay giữa phùng mua bán

Tôi đã gặp Người giữa tuổi ba mươi

(Trên sông Jordan)

Tôi đã gặp Người ở xóm nghèo Nazareth

*Chắt chiu từng mảnh đời vừa tuổi lớn khôn
Rồi một hôm đi lễ về, cha mẹ lạc con
Giục già về đâu? Jordan ơi, sông chảy ngược dòng
Bò câu nghiêng xuống trên đầu **người trai trẻ**
Những xóm chài mấp mé sườn non.*

(Những chứng từ có thật)

Một đoạn thơ ngắn nhưng có thể thuật lại sống động và mới mẻ đoạn Kinh thánh từ lúc Đức Giêsu ở Nazareth, Chúa lên đền thờ bị lạc cha mẹ, đến khi Chúa chịu Phép Rửa trên sông Jordan.

”*Jordan ơi, sông chảy ngược dòng*” là một tứ thơ rất thú vị, là một lời gọi thân thương dòng sông nơi Đức Giêsu chịu Phép Rửa của Gioan. Điều lạ lùng mà Kinh Thánh không miêu tả là sông *Jordan chảy ngược dòng*. Thực ra đó là một ẩn dụ. “Bấy giờ Đức Giêsu từ miền Galilê đến sông Jordan, gặp ông Gioan để xin ông làm phép rửa cho mình. Nhưng Gioan một mực can Người và nói: “Chính tôi mới cần được Ngài làm Phép Rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi !”(Mt 3,13-17). Lẽ ra Gioan phải được Chúa làm phép rửa cho, nhưng lại làm ngược lại, như *sông Jordan chảy ngược dòng*.

Tứ thơ: ”*Bò câu nghiêng xuống trên đầu người trai trẻ*” thuật lại đoạn Kinh Thánh: “Khi Đức Giêsu vừa chịu phép rửa xong, Người lên khỏi nước. Lúc ấy các tầng trời mở ra; Người thấy Thần Khí Thiên Chúa đáp xuống như chim bồ câu và ngự trên Người. Và có tiếng từ trời phán rằng: “*Đây là Con yêu dấu của Ta, Ta hài lòng về Người*”(Mt 3,13-17 đđ). Nếu chỉ có vậy thì không lạ. Câu thơ kết đoạn đem chất phương Đông vào bối cảnh Kinh Thánh tạo nên một tứ mới lạ:

*“Bò câu nghiêng xuống trên đầu người trai trẻ
Những xóm chài mấp mé sườn non”.*

Xưa nay trong thi ca, những xóm chài thường ở ven sông. Xóm chài của Lê Đình Bảng lại “*mấp mé sườn non*” tức là nằm chênh vênh trên sườn núi. Đức Giêsu bây giờ là một *người trai trẻ* của xóm chài trên sườn núi. Người là hiện thân của niềm vui và sự bình an bên chim bồ câu hiền lành. Sáng tạo này làm mới hẳn hình ảnh Đức Giêsu trong Kinh Thánh.

Hành Hương có nhiều sáng tạo như thế. **Hành Hương là đi tìm và gặp gỡ Đức Giêsu**, Đức Vua của yêu thương và hòa bình; đồng thời gặp gỡ mọi người ở những nơi đau khổ vì chiến tranh vì tội lỗi, để chia sẻ niềm vui mà nhà thơ tìm được nơi Đấng Cứu Độ.

Nhà thơ đối thoại với người phụ nữ Samari bên giếng Giacop (Ga 4, 5-42), và người đàn bà tội lỗi lấy dầu thơm xúc chân Chúa, dùng tóc mình lau chân Chúa (Luc 7, 36-50). Cả hai đều đã được thấy Ôn Cứu Độ.

*Ngày mai, em có lên đền thánh
Nghe những tường nghiêng vai núi cao
Lệ đã xanh rêu bờ giếng cũ
Ơi, người thiếu phụ có xông xao
...
Dầu thơm, hay tóc em thơm nhĩ*

*Khi trái tim muốn nói, thật gần
Trong cõi vô ngôn thân khí ấy
Lệ rưng rưng là lệ ăn năn
(Bên bờ giếng cũ)*

Nhà thơ nói chuyện với người thiếu phụ Nivinê thời tiên tri Giona rao giảng (khoảng 8 thế kỷ trước Công nguyên), nhưng cùng lúc chia sẻ những đau thương của người dân Vùng Vịnh hôm nay.

*Sao em không về
Vùng Vịnh tháng giêng bão táp
Vùng Vịnh quận đau theo từng hồi còi báo động
Lưới lửa đầy trời, choàng tỉnh cơn mê?
Tôi hằng đợi em người thiếu phụ Nivinê
Quê em đó cổ thành Babilon*

...

*Sao em không về
Ngôi nhà xưa ngó ra biển cả
Chập chờn đầy lũ ma trôi
Trôi giạt xác người!
Bốn phía rừng dương tươi tắn
Đâu những mẹ già, vợ góa, con cô?
Và trẻ thơ chưa kịp làm người
Gục chết trong hầm trú ẩn...*

...

*Tôi vẫn đợi em về
Dù cổng thành Nivinê không mở
(Tháng Giêng ở Vùng Vịnh)*

Nivinê là một thành lớn, nghe lời Giona rao giảng đã sám hối và được Chúa thứ tha. Tất nhiên vùng Vịnh hôm nay không phải là Nivinê ngày xưa nên *em không về*. Nhưng nhà thơ vẫn đợi em về “*Dù cổng thành Nivinê không mở*”.

*Chúa vẫn đứng 2000 năm ngoài cửa
Từ Giêrusalem, từ mỏm đất Gaza
Có một người bị bắn chết hôm qua
Chỉ vì dám ngồi chung bàn với người anh em ngoại đạo...
(Lời trần tình trước hừng đông)*

Nhà thơ đợi chờ người trai trẻ của xóm chài trên sườn núi với những cánh *Bồ câu* nghiêng xuống trên quê hương mình:

*Em có thấy lũ trẻ thơ ùn ùn trên đường sơ tán
Những mẹ già góa bụa long hong
Từ căn nhà tối om, từ phiên chợ nhếch nhác, bão giông
Tóc bạc trắng bông lau, đêm đêm chong đèn đợi cửa*

...

*Quê hương ta
Cũng một thời, mài mực ru con, mài sơn đánh giặc
Kẻ xuôi về phương Nam, người lên non Tây Bắc
Mẹ đỡ dành con, cơm cháo qua ngày
(Mặt trời ở phương Đông)*

Nhà thơ nói chuyện với em gái Belem và bộc lộ tình yêu quê hương một thời lửa đạn.

*Ở bên ấy pháo hoa hay đạn lửa
Và giờ này im tiếng súng chưa em
Con đường nào, về hang đá Be Lem
Hai phòng tuyến, hai làn ranh đối đầu thù hận ...*

*... Quê hương ta cũng một thời đạn bom rục rủa
Có thương đau, gian khổ mới thành người
Các em về, thả nghé, hát rong chơi
Ngửa mặt, đếm đầy trời sao chi chít
(Bài du ca của gã Tuần phiên)*

*Từ Hebron đến bờ Tây cát bụi
Hắt hiu trông, mồ mả lấp ơ hờ
Nhưng mẹ già rét mướt áo toì mưa
Xác trẻ cháy đen bên đồng đồ chơi vương vãi*

*Ở Gaza, những chiều đông xa ngái
Em heo may sang xứ lạ quê chồng...*

(Gửi người thiếu phụ chẵn chiến)

(Hebron là một thành phố của Palestine nằm ở phía nam Bờ Tây, cách Jerusalem 30 km về phía nam)

Như vậy, chiều kích của hồn thơ Lê Đình Bảng không chỉ là không gian Kinh Thánh mà còn là hiện thực chiến tranh Vùng Vịnh, hiện thực của Việt Nam một thời rục rủa.

Trong chiều kích này hồn thơ Lê Đình Bảng sâu sắc tư tưởng nhân ái và tình yêu quê hương sâu nặng.

*Như cây đước ở trong rừng ngập mặn
Tôi mang ơn đất nước dưới chân mình
Cả đại ngàn sơn dã những mùa xanh
Cả mưa móc dạt dào muôn suối tưới
(Giữa bao la đất trời)*

Cái Tôi của nhà thơ đi về trong một thế giới vượt thời gian, vượt không gian, từ lòng tin vào Ôn Cứu Độ trong Kinh Thánh (thời Giona khoảng 800 năm trước Công nguyên) đến thế giới hiện thực của Vùng Vịnh và hiện thực Việt Nam hôm nay “*Các em về, thả nghé, hát rong chơi/ Ngửa mặt, đếm đầy trời sao chi chít*”. Thế giới nghệ thuật này trong thi ca Việt Nam đương đại chưa có.

THI PHÁP CỦA HÀNH HƯƠNG

Điều làm nên cốt cách thơ Lê Đình Bảng không chỉ ở chiều kích tư tưởng và thẩm mỹ của nhân vật trữ tình Tôi, mà còn ở thi pháp của *Hành Hương*.

Tôi không có ý định viết về Thi Pháp thơ Lê Đình Bảng, mà chỉ tập chú vào một vài *yếu tố Thi pháp* làm nên đặc sắc của tập thơ *Hành Hương*.

Đọc *Hành Hương*, người đọc được đưa vào thế giới của Kinh Thánh cả Cựu Ước và Tân Ước. Điều này là hiệu quả nghệ thuật của việc dùng các **điển ngữ Kinh Thánh**. Văn học Trung đại Việt Nam dùng nhiều điển ngữ của lịch sử và văn học Trung Quốc. Lê Đình Bảng góp vào thi ca dân tộc những hiệu quả nghệ thuật của điển ngữ Kinh Thánh.

Điển ngữ Kinh Thánh gợi ra không gian lịch sử, sự việc, con người được nói đến trong Kinh Thánh, đồng thời thể hiện được tư tưởng, tình cảm của nhà thơ ẩn trong điển ngữ. Điển ngữ làm cho câu thơ trở nên sâu sắc, sang trọng, nhưng cũng cản trở người đọc nếu không có tri thức lịch sử, địa lý mà điển ngữ nói đến.

Lê Đình Bảng dùng điển ngữ Kinh Thánh khởi từ nỗi buồn của Cain thời Cựu Ước đến cuộc đời Đức Giêsu từ khi ở Nazareth đến khi Chúa sống lại hiện ra với tông đồ trên đường Emmaus trong Tân Ước. Thi thoảng Lê Đình Bảng kết hợp *điển ngữ Kinh Thánh* với *điển ngữ trong văn học Trung Quốc* (sông Dịch, nơi Kinh Kha qua sông đi hành thích Tần Thủy Hoàng; bến Tầm Dương trong Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị...), và ngôn ngữ Thiên.

Cain sầu năm xưa

Đưa nhau lên đền thờ

(Bồng bênh bao nỗi nhớ)

Tôi ngồi tôi **nhớ Sion**

Treo đàn lên, ngó **Tầm Dương** bạt ngàn

(Ơi người cố quận Sion)

Về phương ấy khẩn xin đời dâu bé

Là **Canaan** hay bần bật **Tầm Dương**

(Hành hương)

Cây hương bá buồn ủ ê từng phút

Là hồn tôi đầy bóng tối âm u

(Xin trời mưa xuống)

Xin mặt trời dừng lại bên sông

Hãy mở toang, ngôi **đền cổ Pharaon**

Một nửa cầu vồng vắt ngang **Biển Đỏ**

(Người hát rong trên đồng cỏ)

Hay tin Ngài ở **Canaan**

Ngựa tôi đi một ngày đàng, còn xa

(Bên kia Biển Hồ)

Từ vườn cây dầu lên đỉnh Cấn –Vê

Babylon ơi, mưa đá dầm dề

Khô ải, lạc loài, áo tơi, nón lá

(Khô hạnh ca)

Jordan ơi, đã tới mùa bát ngát hương sen

Khi chim ngói từng bầy rủ nhau về làm tổ

(Trên sông Jordan)

Đêm vẫn ba mươi, đầy bóng tối

Rừng phong buồn trút lá xôn xao

Vườn Cây Dầu lặng cảm như đá

Trăng hạ tuần rơi trên lưng sâu

(Vườn trong khuya)

Ngày mai, trâm gãy, bình rơi đỏ

Em cũng như tôi giây phút đầu

Tan tác buồn trông theo lớp lớp

Ai về sông Dịch, về **Emmaus**?

(Bên bờ giếng cũ)

Là khi ấy, lửa từ trời sa xuống

Xác hồn tôi cửa mở hết **luân xa**

Như nhập đồng, tôi nhẩy múa reo ca

Đêm nhã nhạc, cây **từ bi** nảy lộc

(Xin trời mưa xuống)

(“**Luân xa, từ bi**” là ngôn từ nhà Phật)

Một thành công khác của thi pháp Lê Đình Bảng trong *Hành Hương* là cách dựng lại cuộc đời Đức Giêsu trong *không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật* với nhãn quan thẩm mỹ riêng của nhà thơ. Những gì tường thuật trong Kinh Thánh về những nơi Đức Giêsu đến, những người Đức Giêsu gặp gỡ, những sự kiện của hành trình Đức Giêsu cứu rỗi nhân loại, được Lê Đình Bảng tái tạo thành một “trần thuật mới” rất riêng, như đoạn thơ miêu tả Đức Giêsu là *chàng thanh niên tóc bay tiên sử, ba mươi tuổi*, con người hiền lành của *xóm chài mấp mé sườn non*, Người Ngồi trên mạn thuyền, giữa nơi nhà hội... (đã phân tích ở trên).

Đây là những khổ thơ rất đẹp hình ảnh và tư tưởng, phối hợp nhiều kiểu điển ngữ và chất liệu thơ của Thi pháp thơ Lê Đình Bảng:

Và khi ấy hồi bỏ câu thiên sứ

Gõ nhịp mà ca, trẩy hội cầu mưa

Hạt xuống đồng, xanh mướt búp măng tơ

Hạt lên dốc, đầy đà cây muôn trượng

(Xin trời mưa sương xuống)

Cây Thánh giá nở hoa đào rực rỡ

Hãy thả bỏ câu bay rợp đèn vàng

Hương sáp, mật ong, quần điều áo lục

Bên đây bờ Tân ước...

(Người hát rong trên đồng cỏ)

HÀNH TRÌNH THƠ LÊ ĐÌNH BẢNG

Tập thơ *Quy trước đèn vàng* là hành trình khám phá về Đức Maria trong lịch sử giáo hội Việt Nam. Mẹ là núi đá chở che con dân, một người Mẹ vừa mang nét đẹp Thần học và vẻ đẹp dân dã Việt. Lời thơ đẹp như châu ngọc, và hồn thơ trong veo như suối nguồn tinh khiết của Mỹ học Thiên Chúa giáo kết hợp với Mỹ học trong thơ ca truyền thống.

Hành Hương là một bước phát triển mới của Thi pháp thơ Lê Đình Bảng. Nhà thơ tạo hẳn ra thế giới nghệ thuật trong việc phối hợp *điển ngữ Công giáo* với *điển ngữ văn học trung đại Việt Nam*. **Hành Hương là đi tìm, gặp gỡ, khám phá Đức Giêsu**, nguồn ơn bình an và Ôn Cứu Độ. Hành trình này khởi đi từ nguyên thủy đến khi tìm thấy “*Người ở âm thầm trong tôi*”. Hình tượng Đức Giêsu là hình tượng thật mới mẻ trong thơ ca “nhà đạo” Việt Nam. Những đóng góp này của Thơ Lê Đình Bảng có khả năng mở đường cho nhiều nhà thơ Công giáo đi sau, nhưng cũng thật khó, nếu người làm thơ Công giáo thế hệ sau không có một hồn thơ tài hoa trong thi pháp và một tầng quặng vĩa rất dày về Kinh Thánh. Có lần tôi hỏi nhà thơ Lê Đình Bảng rằng ở đâu mà anh có vốn từ giàu có, sang trọng như vậy? Nhà thơ trả lời, anh đã đọc rất kỹ tất cả Kinh Thánh Cựu ước và Tân Ước. Tôi cũng hiểu thêm rằng, những gì anh có được còn là sự thâm nhập và sống rất sâu nặng với văn hóa Việt, và thơ ca truyền thống.

Lê Đình Bảng là một *nhà thơ Công giáo* đỉnh đạc, giàu có sức sáng tạo, và rất tài hoa. Ước mong các nhà thơ Công giáo, theo con đường của tiền nhân, cùng xây dựng một tòa lâu đài thi ca tráng lệ trong lòng thi ca dân tộc (điều này Thánh ca Việt Nam đã làm được). Và Lê Đình Bảng đã góp phần mở ra nhiều con đường thơ Công giáo thật đẹp.

Tháng 6/ 2020

[1] Thư trao đổi ngày 29/5/2020

[2] *Hành hương với Hành Hương*. Nxb Tôn Giáo. 2013

VỀ THĂM CÁC MIỀN THƠ

(Tổng quan về bộ sách *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam* in năm 2009 của Lê Đình Bảng)

Bùi Công Thuấn

Bộ sách *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam* gồm 6 cuốn do nhà xuất bản Tôn Giáo và nhà xuất bản Phương Đông in năm 2009. Đây là một công trình đồ sộ 4.088 trang in. Bộ sách là tuyển tập thi ca Công giáo từ khởi đầu đến đương đại (2009) do Nhà thơ- nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng “*sưu tầm, nghiên cứu và giới thiệu*”.

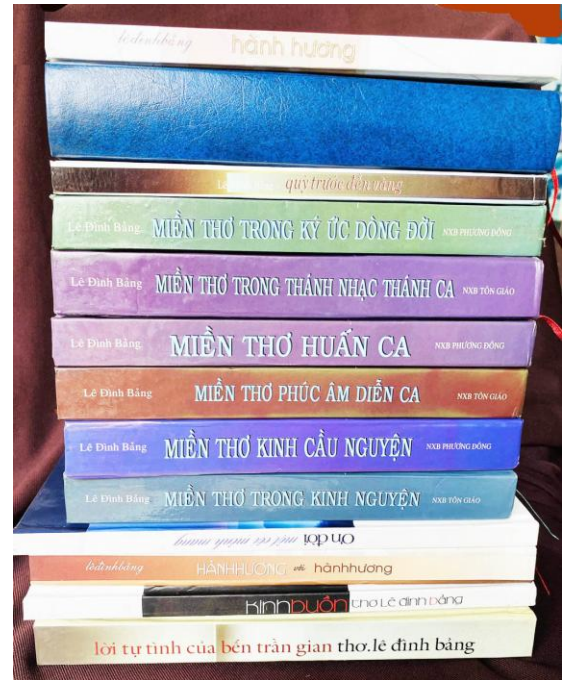
MỘT KHO TƯ LIỆU RẤT QUÝ

Xin dành sự tri ân và ngưỡng mộ của tôi đối với công sức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và giới thiệu bộ sách rất quý giá này của nhà thơ Lê Đình Bảng.

Trước hết bộ sách giúp người đọc nhận ra văn chương Công giáo Việt Nam có một kho tàng lớn (riêng về thơ). Kho tàng này góp phần làm giàu có nền thi ca dân tộc.

Bộ sách cũng là kho tư liệu rất quý đối với các nhà nghiên cứu văn chương Công giáo Việt Nam, khi mà tình hình tư liệu còn tản mát nhiều nơi, và giới nghiên cứu học thuật chưa quan tâm nhiều đến mảng văn học này so với thơ Thiền Lý – Trần. Chẳng hạn, Việc sáng tạo chữ Quốc ngữ, và sáng tác thơ văn bằng chữ Quốc ngữ là một đóng góp rất giá trị của văn chương Công giáo cho ngôn ngữ và văn chương Việt. *Truyện thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản xuất bản ở Sài Gòn 1887 là tiểu thuyết bằng Quốc Ngữ đầu tiên của Văn chương Quốc ngữ Việt Nam. Truyện cũng đem vào văn chương Việt Nam cách viết tiểu thuyết theo lối phương Tây khác hẳn với lối viết chương hồi của tiểu thuyết Trung Quốc trước đó.

Nói vậy để thấy rằng văn chương Công giáo (nói chung) tuy chỉ mới xuất hiện từ thế kỷ XVI, song cũng có những giá trị đóng góp cho sự phát triển chung của văn học dân tộc. (Xin đọc thêm *Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường* của Lê Đình Bảng). Nhưng nền văn chương ấy còn chìm khuất, chưa được giới nghiên cứu quan tâm đầy đủ. Có lẽ ngoài những nguyên nhân lịch sử và chính trị, thì nguyên nhân chính là tình hình tư liệu. Rồi đây, khi những tầng quặng mỏ tư liệu này được khai quật và làm sáng tỏ, được những nhà nghiên cứu văn chương có tâm huyết khám phá, chắc chắn nhiều giá trị khác nữa của văn chương Công giáo được tìm thấy góp phần làm giàu thêm kho tàng văn học dân tộc.



Ở công trình *Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*, nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng đã xem xét Văn chương Công giáo trong quá trình phát triển lịch sử thì ở Bộ sách *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam* ông đã sắp xếp tác phẩm của các tác giả theo nội dung và chủ đề. Mỗi chủ đề ông gọi là một “miền thơ”. 6 cuốn là 6 miền thơ: *Miền thơ Phúc Âm điển ca*, *Miền thơ trong kinh nguyện*, *Miền thơ Kinh cầu nguyện*, *Miền thơ Huấn ca*, *Miền thơ trong thánh nhạc, thánh ca*, *Miền thơ trong ký ức dòng đời*.

Lê Đình Bảng viết cùng một lúc hai bộ sách *Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*, và *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*. Cả hai bộ sách nương tựa và bổ sung cho nhau, giúp người đọc vừa có cái nhìn văn học Công giáo theo chiều lịch sử phát triển, lại vừa có thể tạm ngưng dừng lại thăm từng “miền thơ”, thưởng lãm hoa trái đầu mùa đậm đà và mênh mang sắc hương. Vì thế có những bài giới thiệu cùng được in trong cả hai cuốn này. Thí dụ bài viết về Lm. Philipphê Bình (1759-1833); Lm. Gioakim Đặng Đức Tuấn (1806-1874)...

VỀ THĂM CÁC “MIỀN THƠ”

Lê Đình Bảng đã giới thiệu và trích tuyển thơ của 76 tác giả (từ khởi nguồn thế kỷ XVI đến 2009). Có tới 47 Linh mục và Giám mục trong tổng số các tác giả thi ca Công giáo được giới thiệu. Điều này có nhiều ý nghĩa.

Mỗi tác giả đều được giới thiệu kỹ về năm sinh, quê quán, cuộc đời hoạt động và sáng tác, cùng với những bài viết (sưu tầm) đánh giá về tác giả đó. Tuy vậy, phần đánh giá thi ca, về nghệ thuật, về phong cách và sự đóng góp của mỗi tác giả vào lịch sử văn học chưa được nghiên cứu sâu rộng. Phần đất này còn mênh mông dành cho những nhà nghiên cứu đi sau.

Mỗi “*Miền thơ*” đều có một bài giới thuyết chung về chủ đề của cuốn sách, cảm nhận của người sưu tập, biên soạn; và đôi khi, ông mở rộng biên độ về mọi phía thi ca tư tưởng có liên quan. Ông đã giải thích đến ngọn nguồn việc *điển ca Phúc Âm*, việc đọc kinh của người Công giáo Việt trong truyền thống kinh kệ phương Đông, việc dùng thi ca để giáo huấn trong truyền thống của Giáo hội và của dân tộc...

Tuy vậy khi làm công việc biên tập, ông viết: “*Buổi đầu làm công việc sưu tập, thú thật chúng tôi chưa đủ dữ kiện để đưa ra nhận định, dù chủ quan.*”(Miền thơ Kinh cầu nguyện). Có thể việc sưu tập và san định thơ cũng đã ngốn của ông quá nhiều công sức và thời gian; cũng có thể, việc ông không “*đưa ra nhận định*” là cách ông mời gọi những nhà nghiên cứu cùng tham gia, bởi ông có thừa tài năng và dữ liệu để làm công việc của một nhà nghiên cứu. Thay vào việc đưa ra những nhận định về tác giả, tác phẩm, ông đã sưu tầm được những tài liệu khác về vấn đề, bổ sung cho những gì ông muốn chia sẻ với người đọc.

Thí dụ, viết về Lm. Felipe do Rosario Bình (*Miền thơ trong ký ức dòng đời*-tr.49-76), sau bài giới thiệu tiểu sử và tác phẩm của Lm. Felipe do Rosario Bình, Lê Đình Bảng sưu tầm các bài nghiên cứu của Lm GS Thanh Lãng, của Lm Đỗ Quang Chính, của tác giả Hoàng Gia Hiền viết về Lm Bình. Hình thức này vừa mở rộng nguồn tư liệu, vừa làm phong phú giá trị thi ca của Lm Bình, vì đối tượng được soi chiếu ở nhiều góc độ. Cách làm này có giá trị khoa học và hết sức công phu.

Lê Đình Bảng xác định rõ công việc của mình. Ở *Miền thơ Phúc Âm diễn ca*, ông viết: “*Tự nhủ mình chỉ là gã nhà quê, kẻ ngoại đạo (paganus) lang thang ngoài hành lang của cung cấm, chẳng dám hẻo lánh bàn việc chuyển dịch Kinh Thánh hay dở đúng sai thế nào. Thật lòng, tôi chỉ muốn đi tìm chất thơ bâng bạc đâu đó trong các bản dịch Việt ngữ mà thôi*” (tr 28).

Là người “*đi tìm chất thơ*” trong kho tư liệu đồ sộ sưu tầm được, Lê Đình Bảng đã xác lập hướng *tìm hiểu, khám phá* có giới hạn của mình trong công việc nghiên cứu. “*Chất thơ*” trong các “*Miền thơ*” chính là cái cốt lõi của nghiên cứu về thơ, cũng là chỗ tinh tế nhất không phải ai cũng có thể nhận ra. Chỉ cần đọc tên các “*miền thơ*” của Lê Đình Bảng, người đọc đã thấy sự tinh tế độc đáo của ông, bởi có những “*miền thơ*” không gọi ra “*chất thơ*” nào. Thí dụ *Miền thơ trong kinh nguyện, Miền thơ Kinh cầu nguyện, Miền thơ Huấn ca*. Thú thực rằng, tôi rất “*dị ứng*” với những gì là “*giáo huấn*”. “*thơ giáo huấn*” càng tránh xa hơn. Nhưng nhìn ra được “*chất thơ*” trong Huấn ca, trong Kinh nguyện, thì đó là chỗ độc đáo của Lê Đình Bảng.

Và chính ông tạo ra “*chất thơ*” cho những “*miền thơ*” ông biên tập. Ông kết hợp cách viết uyên bác khoa học của người nghiên cứu với cách viết tùy bút của một nghệ sĩ, một nhà thơ, nên trang văn của ông có sức hấp dẫn sâu xa cả về trí tuệ và về sự rung cảm của trái tim. Trang văn nào của ông cũng say mê, bay bổng phóng túng.

Ông khiêm tốn rằng: “*Một mình liều lĩnh làm công việc của một tập thể chuyên môn, diều vơi..., chắc chắn tôi không tránh khỏi những sai sót về mặt này mặt khác. Nhưng trong thâm tâm, tôi hằng tin rằng mình cứu đi, rồi sẽ có người trao đổi, bổ sung hoặc chỉ giáo cho...*”(Miền thơ trong thánh ca, thánh nhạc. tr 52).

Xin mời bạn đọc ghé qua các “*miền thơ*” đẹp đẽ, trong sáng và cao rộng ấy.

Miền thơ Phúc Âm Diễn ca

Ở Bài khái quát, Lê Đình Bảng nói về Kinh thánh, Kinh Thánh ghi chép Lời Hằng sống. Từ đó, ông đặt vấn đề Kinh thánh đã đến, đã tác động và đã ở lại với tín hữu Việt Nam ra sao, bằng cách nào? Ông ngạc nhiên về số lượng tác phẩm thể loại này đông đảo và đáng nể phục. “*Hóa ra, bởi người Việt mình thích ngâm nga, ưa vần điệu; người Việt mình muốn thi vị hóa, muốn lãng mạn, bay bổng một chút để vơi quên đi những lam lũ của thời vụ, đồng mùa*” (tr.33). Ông đặt vấn đề: *Chúng tôi... đặt vấn đề Kinh Thánh trong quá trình hội nhập đời sống đức tin, văn hóa trong cộng đồng văn hóa Việt Nam từ buổi hưng đông thế kỷ XVII đến nay.*

Ông cho rằng đại bộ phận của Thánh kinh Cựu Ước đều là thơ hoặc có chất thơ. Ông dẫn thánh vịnh 22.

Ông nhận định:

“*Kinh Thánh đã trở thành chất liệu và cảm xúc tôn giáo làm nên tác phẩm đậm đặc mùi đạo trong dòng chảy chung của Văn học Việt Nam*” (tr.29)

“*Nói chung, vì nhu cầu- truyền đạo, giữ đạo, sống đạo-ở mỗi nơi, mỗi thời việc chuyển dịch Kinh Thánh sang Việt Ngữ luôn tiếp diễn nhưng không đồng bộ*” (tr.30)

“Chuyển tải Thánh kinh sang thơ ca, nhà thơ những muốn được gửi gắm các tâm tình say sưa ngọt ngào tin cậy mến của Thánh kinh “vào tận gan ruột qua trung gian của răng lưỡi, môi miệng và hương vị” (tr.33)

Miền thơ Phúc Âm Diễn ca giới thiệu các tác giả:

Lữ Y Đoan (1613-1678), Alexis Tống Viết Toại (1875-1958), Giuse Mai Lâm (1915-1992), Gérard Gagnon Nhân (1914-1994), Dom. Trần Đức Huân (1907-1984), Giuse Nguyễn Thế Thuần (1922-1975), Phê rô Long Giang Tử (1920-1989), Phanxicô Savie Nguyễn Xuân Văn (1922-2002).

Ông cho biết: “Còn nhiều, rất nhiều tác giả đã và đang tiếp nối bước đi trên con đường...”

Miền thơ trong kinh nguyện

Để hiểu kinh nguyện có ảnh hưởng thế nào trong đời sống tinh thần giáo dân, Lê Đình Bảng dẫn người đọc thâm nhập vào đời sống đạo đức bình dân. *Việc đọc kinh* đã thành thói quen lành thánh (tr.15):

“*Đọc kinh, nguyện ngắm là sống trọn vẹn tiếng nói có vần điệu biến ngẫu, có đối xứng và cung giọng bổng trầm diễn cảm của người Việt mình xuyên suốt các chặng đường lịch sử*” (tr.24), “*Đến nỗi ở đâu, làm việc gì cũng vang lên giai điệu, ngôn ngữ kinh. Kinh riêng, kinh chung, kinh sớm, kinh mai, kinh truyền tin giữa ngõ, kinh chạng vạng hoàng hôn. Kinh tối, kinh đêm, kinh theo ta ra ngõ đi chợ. Kinh thăm đất thăm đồng. Kinh reo vui Chúa Nhật, lễ trọng, phiên châu. Kinh ủ ê giọt sầu báo tử. Bởi thế mà đạo Chúa không nhuộm màu sầu thảm bi quan. Họ nguyện cầu bằng thơ, bằng kinh kệ ca hát*” (tr.33).

Ông kể lại ký ức tuổi thơ về việc đọc kinh và rút ra kết luận: “*Tất tần tật cái vốn liếng chữ nghĩa ấy đã nuôi sống, đã thổi chúng tôi lớn lên, chấp cánh cho chúng tôi vào đời*” (tr.17). Ông kinh ngạc: “**Kinh hạt toàn là thơ, mặc ai muốn đọc, xướng, ngâm hay hát...**”, **Kinh đã thành thơ**. Ông thốt lên: “*Thế mới biết tổ tiên mình tài hoa thật, giỏi giang đáo để, mà cũng thánh thiện chẳng thua kém ai*” (tr.19). Ông dẫn ra các kinh *Phép ngắm Rosa*, *Kinh Phục dĩ chí tôn*... Ông phân tích: “*Cái tài hoa và khôn khéo của tổ tiên ta trong quá trình chuyển dịch-biên soạn kinh hạt thật đáng khẫu phục, tâm phục. Có Thần học. Có tín lý. Có triết học. Lại vận dụng được cả ngôn ngữ trên cơ sở văn chương học thuật Hán Nôm, luật lệ thi phù nữa*” (tr.24)

Và ông kết luận: “*Kỳ diệu thay phải có phép màu nào thì thứ ‘văn nhà thờ, thơ nhà đạo’ ấy mới sinh sôi nảy nở, mới ‘chở được đạo’ đến cho hàng chục triệu người con Chúa ở mảnh đất thân yêu này chứ?*” (tr.25)

Thực ra không có gì khó hiểu cả. Thuở xa xưa, người tín hữu Kitô giáo Việt Nam hầu hết là không biết chữ. Các vị Thừa sai người nước ngoài, các Linh mục người Việt muốn giảng giáo lý cho họ, thì chỉ có một cách là truyền miệng. Hình thức thi ca là hình thức đặc dụng nhất. Trẻ con đi nhà thờ chỉ nghe đọc kinh chung vài lần là thuộc lâu lâu. Mục đích của việc biên soạn kinh nguyện là để truyền đạo chứ không phải là sáng tác thi ca. Tuy nhiên, nhìn ra “chất thơ” trong kinh nguyện Công giáo là chỗ kỳ công của Lê Đình Bảng.

Ông nhận định: Người Công giáo Việt Nam “nói kinh” ra cửa miệng như họ đã nói ca dao tục ngữ nói Kiều hoặc Lục Vân Tiên...Ảnh hưởng của kinh nguyện Công giáo chẳng khác gì ảnh hưởng của Phật giáo. Ông dẫn các bài thơ *Hương Sơn phong cảnh*, bài *Chùa Hương* và trường hợp Đạo Phật làm thay đổi nhân sinh quan của GS Trần Văn Khê. Ông cũng dẫn cả thơ của của “Phật hoàng” Trần Nhân Tông.

Dưới góc độ tìm hiểu, nghiên cứu thơ trong kinh, ông ”tranh thủ” được cả những **giai thoại** kết hợp với việc **ký âm** một số lớn kinh nguyện - ca văn Công giáo (mà hiện nay đã và đang có nguy cơ tàn phai, mất gốc). Cuốn sách có những minh họa cụ thể, tạo điều kiện cho nghiên cứu và đặc biệt cho các thế hệ trẻ có thể ngâm nga được cung giọng xưa của tổ tiên. Đó là con đường mà các bậc tiền bối đã làm, như Trần Văn Khê, Phạm Duy, Lê Thương, Hải Linh, Hùng Lô, Nguyễn Hữu Ba, Lưu Nhất Vũ và Lê Giang v.v.

Ông cũng giới thiệu một trong những cuốn sách kinh đồ sộ nhất và giàu tính thi ca nhất là *Thiên Chúa thánh giáo-Nhật khóa* (tr.3) và các tác giả: Thầy giảng Phan-chi-cô (?-1640), Phêrô Phạm Thạch Thiện (1818-1903), Lm Giuse Vũ Đức Trinh (1918-1964), Lm Giuse Vũ Ngọc Bích (1914-2004), Lm Giacôbê Đỗ Minh Lý (1923-2003).

Miền thơ kinh cầu nguyện:

Lê Đình Bảng viết tùy bút về nghe kinh: “*ta vẫn đọc thấy đầy ắp thi tụng nơi những bài kệ, bài tán của nhà Phật. Cũng thấy điệp trùng ngọn triều thi giáo trong những kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ Nhạc, Xuân Thu. Và đến với Đạo Đức kinh, Nam Hoa Kinh thì ảo huyền giác bươm như chim bằng cưỡi gió tung bay. Còn Thánh kinh Công giáo, không nghi ngờ gì nữa, là một trường ca, một thi thiên bất tuyền, đằm chất thơ. Ai không đọc, không mê Thánh kinh, không làm thơ được và coi như chưa biết cầu nguyện là gì*” (tr.12).

Người viết bài này xin mở ngoặc chỗ này: “*những kinh Thi, Thư, Dịch, Lễ Nhạc, Xuân Thu... Đạo Đức kinh, Nam Hoa Kinh*” mà Lê Đình Bảng nói đến là những tác phẩm triết học, không phải là kinh (lời cầu nguyện chung) như kinh nguyện Công Giáo đọc trong nhà thờ, đọc khi cầu nguyện chung.

Ông dẫn Phanxicô Assisi (1182-12269), Gioan Thánh giá (1542-1591), Têrêsa Avila (1515-1582), Têrêsa Hải Đồng Giêsu (1873-1897), Chateaubriand (1768-1848), Lamartine, Lacordaire (1802-1861), R.Tagore, André Gide...”.

Và ông kết luận: “*Như thế, liệu có cường điệu lắm chăng, khi nói rằng con đường gần nhất, nhanh nhất để đến với đạo, chớ được đạo là con đường của thi ca?*” (tr.18)

Ông miên man về Shakespear, Chủ soái thời Hồng Đức, Mario Vargas Liosa, Octavio Paz, Hoài Thanh...“*Trước và sau Hàn Mặc Tử, thi nhân Công giáo ở Việt Nam tuy đông đảo, nhưng vẫn chỉ là những ngôi sao lẻ loi, sống và viết rất lặng lẽ, âm thầm. Viết vì đức tin, lòng đạo, viết để ngợi ca, viết như lời cầu nguyện trong khung cảnh dòng tu, nhà thờ xứ đạo làng quê hơn là muốn góp mặt góp tiếng với trận bút trường văn*” (tr.30)

Ông kể lại lịch sử từ khi báo chí Công giáo ra đời (1908), lá cờ tiên phong là *Nam Kỳ Địa Phận*, quy tụ vài chục cây bút thâm hậu...Năm 1943 mở ra một hành trình mới, hình thành một tập hợp với đường lối chủ trương rõ ràng mà **Tác phẩm đầu xuân** như một tuyên ngôn thơ (tr.31) văn chương Công giáo đối thoại với Xuân Thu Nhã tập...

Vì là tùy bút nên ông đã không nói với người đọc về nội dung thơ trong *Miền thơ kinh cầu nguyện*. Ông giới thiệu các tác giả: Lm. Sảng Đình Nguyễn Văn Thích (1891-1978), Đỗ Đình: (1907-1970), Hàn Mặc Tử (1912-1940), Bàng Bá Lân (1912-1988), Phạm Đình Tân (1913-1992), Bùi Tuân (1913-1966). Hồ Dzếnh (1916-1991), Maria Ngọc Minh (1916-1996), Nguyễn Duy Diễm (1920-1965), Lm Phêrô Vũ Đình Trác (1927-2003), Têrêsa Trần Thị Hoa (1936-2003), Maria Faustine Anê Huỳnh Thị Kim Hải (1944-2008).

Trong cuốn sách này, Lê Đình Bảng cũng bộc lộ nhiều suy nghĩ riêng về thơ Công giáo: *“Vẫn biết thơ là tiếng nói của ngôn ngữ và sứ mạng cao cả của nhà thơ là không ngừng nâng cao cái đẹp của ngôn ngữ của Tiếng Việt, cứu rỗi Tiếng Việt (ý của Nguyễn Quang Thân). Đối với nhà thơ Công giáo, không chỉ có vậy. Họ còn gánh nặng trên vai bên kia một sứ mạng trọng đại hơn, đó là giới thiệu và diễn tả được đức tin lòng đạo của người Kitô hữu với đồng bào anh em mình, bằng chữ nghĩa và tiếng nói của chính dân tộc mình...”* (tr. 34)

Miền thơ huấn ca

Ở bài giới thiệu, Lê Đình Bảng nói đến bề dày lịch sử của Kitô giáo trong việc giảng dạy, truyền đạt và tiếp thu giáo lý. Ông dẫn Cự ước: Sách *Huấn Ca* cũng như sách *Gióp, Thánh Vịnh* là thi phú ca ngâm. Ở Việt Nam sách dạy về đạo luôn dư dả đến độ thừa mứa (tr.15). Rất nhiều bài học huấn ca mang đậm chất thơ ở các thể loại *văn học nhà đạo* như: Kinh nguyện, Ca vãn vè, Tuồng, Truyện, Mừng chúc, Điều vãn, Văn tế và cả trong khối lượng Thư Chung của chủ chiên các giáo phận về những lĩnh vực Bí tích, Phụng vụ, Lễ nhạc, Tu đức, Học tập, Luân lý, Phong tục, Gia đình, Hôn nhân, xã hội, Thời vụ Mùa màng (tr.19).

Lê Đình Bảng cũng đối chiếu với giáo huấn trong tác phẩm văn học dân tộc như *Trê Cóc, Gia Huấn Ca, Bích Câu Kỳ ngộ, Quan Âm Thị Kính, Nhị thập tứ hiếu, Đại nam quốc sử diễn ca*. Người đọc có thể nhận thấy Huấn ca Kitô giáo ở Việt Nam có nguồn gốc từ Huấn ca của Giáo hội kết hợp với huấn ca trong truyền thống văn học dân tộc. Ở góc nhìn này, Lê Đình Bảng đã đặt văn học Công giáo trong sự phát triển chung của văn học dân tộc, xác định được những giá trị mới mẻ mà văn học Công giáo góp phần vào văn học dân tộc.

Cuốn sách giới thiệu huấn ca của các tác giả: Thánh Lm Philipphê Phan Văn Minh (1815-1853), Lm Phêrô Trần Lục (1825-1899), GM Đaminh Maria Hồ Ngọc Cẩn (1876-1948), Lm Giuse Trần Văn Trang (1882-1945), Lm Philipphê Lê Thiện Bá (1891-1981), Lm Giuse Maria Trần Văn Thi (1912-1991), Lm Giuse Đoàn Văn Hàm (1918-1991), Hồng Y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng (1919-2009).

Miền thơ trong ký ức dòng đời:

Trước hết ông ngẫm ngợi về nội hàm của nhan đề miền ký ức, hoài niệm: *“Ký ức hoài niệm là gì, nếu không phải là một phần đời của một người, một thế hệ đã kinh qua. Một thuở, một thời dẫn ta đến thiên thu vạn đại”*(tr.14)*“Có thể tìm lại được thời gian đã mất. Nơi ký ức, qua chuyện kể, nơi hồi tưởng tự sự, trong bậc tầng những đổ nát hoang tàn của phế tích lịch sử* (tr.15).

Từ đây, Lê Đình Bảng lần lại những sự kiện văn học và ông ghi nhận: *“Nhiều sự kiện và nhiều nhân vật đã được đánh giá lại, trả về đúng vị trí khách quan, có thật”*. Ở góc độ lịch sử,

văn hóa và văn học nghệ thuật... được nhìn nhận một cách công bằng (A. Rhodes, Philippe de Rosa Bình, Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Trường Tô, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Paulus Của, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, Phan Khôi, Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo (nhóm Tự Lực Văn Đoàn). Cũng đã có trường hợp tương tự về *Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt và Hoàng Cao Khải*, “*những góc tối trong dòng lịch sử trong ngộ nhận đã được giải mã*” (tr.15). Lê Đình Bảng còn dẫn *Sử ký Tư Mã Thiên*, thơ Đường (*Lạc Tân Vương, Lý Bạch, Thôi Hiệu, Đỗ Phủ, Vương Duy, Trương Kế, Lưu Vũ Tích, Trần Tử Ngang, Vương Bột, Liễu Tông Nguyên, Bạch Cư Dị*).

Trở về dòng văn học Việt Nam (tr.18) ông dẫn người đọc đi suốt chiều dài lịch sử. Từ thời Lý thế kỷ XI, đời Trần, đời Lê, thời Tây Sơn, “*bao nhiêu biến động, đổi đời, là bấy nhiêu tâm sự về việc nước, việc nhà, của chung và nỗi niềm riêng*. Ông trích dẫn *Lý Thường Kiệt, mẫn Giác, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm*.

Thời Tây Sơn-Nguyễn Ánh, một bên ca tụng và bên kia phản kháng *Nguyễn Huy Lượng, Lê Ngọc Hân, Phan Huy Ích, Phạm Thái, Nguyễn Hữu Chinh, Hoàng Quang, Đặng Đức Siêu, Nguyễn Văn Thành*.20-(Dẫn thơ *Hoàng Quang, Phạm Thái, Ngọc Hân*.

Văn học triều Nguyễn, ông nhắc đến thơ *Hồ Xuân Hương* (tr.20) *Bà Huyện Thanh Quan, Cao bá Quát, Nguyễn Công Trứ*, nhắc đến truyện thơ Nôm (*Nhị Độ Mai, Nữ Tú Tài, Tống Trân, Thạch Sanh, Phương Hoa, Hoàng Trù, Quan Âm Thị Kính, Bích câu kỳ ngộ, Hoa Diệu tranh năng, Phan Trần, Mai Đình Mộng Ký, Kim Thạch kỳ duyên, Tỳ Bà Hành, Đoạn trường Tân Thanh...*), dẫn thơ *Tú Xương, Chu Mạnh Trinh, Nguyễn Khuyến, Tản Đà*.

Ông nói về *khuyh hướng thời thế*. Có những người làm chính trị và cũng có những người đứng bên lề thời cuộc. Thỏa hiệp hoặc lặng thinh: *Phan Thanh Giản, Tôn Thọ Tường, Bùi Hữ Nghĩ, Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Văn Giai, Nguyễn Thị Bích, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...*(tr.22) và dẫn thơ *Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Văn Giai, Tản Đà*.

Ông cho rằng ở ta, “*sự ra đời, phát triển và sự thừa thắng của chữ Quốc Ngữ, khách quan, chủ quan đã trở thành một trong những sự kiện mang tính lịch sử*”(tr.25), từ đó nói về thái độ của nhà thơ Công Giáo:...”*Nói như thế để thấy các nhà thơ Công Giáo không hề quay lưng lại lịch sử, không hề đứng bên lề thời cuộc hoặc “đi dưới bóng cờ của đoàn quân viễn chinh” như một số dư luận quá ác ý chụp mũ, kết án*”.(tr.30). Ông dẫn sách báo Phan Bội Châu viết về Công giáo (tr.30)

Lê Đình Bảng nói về nội dung cuốn sách: “*Chúng tôi xin giới thiệu chân dung một số nhà thơ Công giáo và tác phẩm của họ ở mỗi chặng đường lịch sử ít nhiều đã để lại dấu ấn hoặc nhắc nhở ta suy nghĩ gần xa về những gì đã diễn ra trong qua khứ*” (tr.31). “*Nội dung tác phẩm của họ có thể chỉ là những cảm nghĩ. Cảm nhận cá nhân về một sự kiện, một biến cố nào đó, có thể như là một ghi chép, một nhật ký văn học...*”

Rồi ông lan man sự kiện *Màu tím hoa sim*, sự khiêm tốn chân thành rất mực của Nguyễn Đình Thi, sự kiện *Nhân Văn Giai Phẩm* trở thành bi kịch (*Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần dân...Phùng Quán, Trần dân, Văn Cao, Quang Dũng*. Chuyện của những năm gần đây đọc di cảo Chế Lan Viên, chúng ta ngộ ra cái nợ “*tìm đường*”, liên tưởng đến *ngẫu hứng triết lý phiêu*

bông của Bùi Giáng, về huyền thoại bút danh TTKH chưa được giải mã (tr.40), Hoàng Cầm oan khuất với Lá Diêu bông.

Và để khép lại phần dẫn nhập... Ông kể lại một thông tin rất thời sự thơ. Đó là chuyện nhà thơ Hữu Thỉnh (Chủ tịch Hội Nhà Văn Việt Nam) ứng khẩu làm thơ lần về thăm Long An trong cuộc bầu cử quốc hội khóa XII. Lê Đình Bảng kết luận : *“Vậy đấy, người Việt mình làm thơ cả trong giao lưu chính trị, trong gặp gỡ, san sẻ chuyện mình”* (tr.44).

Cuốn sách giới thiệu các tác giả: Lm. Philipphê Bình (1759-1833), Lm. Gioakim Đặng Đức Tuấn (1806-1874), Phaolô Nguyễn Trường Tộ (1827-1871), Petrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Huỳnh Tịnh Paulus Của (1834-1907), Phê rô - Giuse Nguyễn Hữu Bài (1863-1935), GM. Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng (1868-1944), Mai Lão bạng (1906-1942), Lm. Giuse Phúc Dân (1906-1974), GM. Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang (1909-1999), GM. Giuse Maria Nguyễn Quang Tuyền (1945-2006).

Miền thơ trong thánh nhạc, thánh ca

Bài giới thiệu dài 38 trang in, nhận định chung: *“Trùng trùng các nhạc đoàn. Điệp điệp các thể hệ nhạc sĩ”* (tr. 96).

Trước hết, ông đặt vấn đề *chất thơ* trong Thánh ca - Thánh nhạc, và tự nhủ: *“Liệu có phiêu lưu hoang tưởng không? Xin thưa, nhiều phen tôi đã phân vân, ngập ngừng, vì tự lượng sức mình không thể với tới cái thế giới thánh thiêng và huyền diệu của cung bậc, của tiết tấu... Nếu liền liền thâm nhập vào Thánh nhạc, thánh ca, hóa ra mình chỉ là kẻ ngoại đạo, cùng lắm, như chim chích giữa rừng”* (tr.15)

Rồi ông lần đến cội nguồn tinh thần của mình. Ông sống trong không gian thời gian dày đặc nhạc và thơ. Ông nhận ra tiếng Việt là một thứ của báu mà Nguyễn Du đã viết nên Truyện Kiều, Phạm Duy, Cung Tiến đã dệt thơ thành nhạc... Ông còn ngược về xa xưa, trích lời Đắc Lộ nhận định về tính nhạc của tiếng Việt (tr.20)

Lê Đình Bảng đặt Thánh ca, Thánh nhạc vào dòng lịch sử âm nhạc của dân tộc, vào cuộc cách mạng tân nhạc ở Việt Nam đầu thế kỷ XX (tr.25) để định vị giá trị của Thánh nhạc, Thánh ca Công giáo. Ông lược qua lịch sử âm nhạc Việt nam: *“khởi đi từ Sài Gòn (1911), ra Hà Nội (1930), vô Huế (1937, tân nhạc Việt Nam đã hình thành”* (tr.27), *“Các nhạc sĩ Công giáo Việt Nam tập hợp thành từng nhạc đoàn với sinh hoạt độc lập”*, sáng tác theo hướng dẫn của Giáo hội. *“Những thập niên 1930, 1950, và 1960 của thế kỷ trước, chúng ta chỉ có những bài thánh ca mang tính cầu nguyện nặng về cảm xúc hoặc ít nhiều mô phỏng gần xa với Thánh Kinh. Dần dần, qua huấn giáo, nghiên cứu, họ đã mạnh dạn lấy chất liệu dân ca của dân tộc kết hợp với giọng cầu kinh hàng ngày để sáng tác những bản thánh ca Việt Nam”* (tr. 31).

Lê Đình Bảng xem xét đặc điểm thánh ca ở miền Nam, *“ca từ đều là thơ”*(tr. 33), miền Bắc *“lời ca lúc ấy cũng đã rất thơ”*(tr.38). Ông điểm qua nhạc Giáng sinh, thánh ca của các nhạc sĩ Duy tân, Nguyễn Khắc Xuyên, Hoài Đức, Hải Linh, Ngô Duy Linh, Tiến Dũng, Hoài Chiên, Hoàng Kim. Vinh Hạnh...và kể ra một loạt các tên tuổi khác như Kim Long, Hoàng Diệp, Nguyễn Văn Hòa, Xuân Thảo, Hảo triều, Thái Nguyên, Phạm Liên Hùng... (tr. 47).

Ông kết luận: “*Tôi biết, còn nhiều, nhiều lắm, không tài nào kể xiết...*” các nhạc sĩ Thánh ca (tr.51); “*Tôi chỉ biết nói lời cảm tạ, tri ân*” (tr.49); “*Thật tình là tôi không hề dám có tham vọng viết về một quá trình, thậm chí một chặng đường, một nhân vật nào trong cõi thiêng liêng ấy*” (tr.52)

Trong cuốn sách, Lê Đình Bảng viết: *Trịnh Công Sơn người hát thơ*, như một dụng ý để các nhạc sĩ Công giáo từ đó nâng *chất thơ* của ca từ thánh ca.

Cuốn sách giới thiệu các tác giả: Phaolô Nguyễn Văn Quy (1855-1914), GM Đôminicô Maria Hồ Ngọc Cần (1876-1948), Lm Phaolô Đoàn Quang Đạt (1877-1956), Cha già Vượng (1867-?), Lm Giuse Maria Sáng Đình Nguyễn Văn Thích (1891-1978), Lm. Giacôbê Nguyễn Linh Kinh (1893-1955), Lm. Gioan Baptixta Lasan Nguyễn Văn Vinh (1912-1971), Lm. Duy Ân Mai (1919-2008), Tâm Bảo (?-?), Anrê Thiên Phụng (1920-1982), Phanxicô Assisi Hải Linh (1920-1988), Lm. Tôma Trinh Cát (1920-2008), Lm. Rôcô Phương Linh (1921-1995), Hồng Y Giuse Maria Trịnh Văn Căn (1921-1990), Phêrô Hùng Lân (1922-1986), Lm. Giuse Ngô Duy Linh (1922-1998), Lm. Giuse Hoài Đức (1922-2007), Lm. Luca Hùng Sỹ (1922-2005), Lm. Giacôbê Nguyễn Khắc Xuyên (1923-2005), Lm. Antôn Tiến Dũng (1924-2005), Lm. Phêrô Hoàng Diệp (1924-2008), Lm. Giuse Nguyễn Duy Vi (1926-1996), Lm. Phêrô Võ Thanh (1927-2003), Lm. Gioakim Hoàng Kim (1927-1985), Lm. Giuse Huyền Linh (1927-2003), Lm. Rôcô Chính Trung (1927-2004), GB Hoài Chiên (1929-2005). Lm. Giuse Vinh Hạnh (1931-1966), Anphong Hoàng Ngô (1932-1997), Lm. Đaminh Duyên Lý (1937-2007), Giuse Việt Chung (1938-1996), Inhaxio Thy Yên (1941-2005).

LÊ ĐÌNH BẢNG VIẾT TÙY BÚT

Văn phong tùy bút bao trùm mọi trang văn nghiên cứu nên những khám phá, những đánh giá về thi ca đậm dấu ấn chủ quan.

Đặc điểm của Tùy bút là sự xuất hiện trực tiếp của “Cái Tôi” đầy cảm xúc trên trang văn. “Cái Tôi” của Lê Đình Bảng là **“cái Tôi” tài hoa, uyên bác và lãng mạn**. Cái Tôi ấy “bụi bặm” nhưng *hào hoa bay bổng, thăng hoa và rộng mở*. Không “*ngông và kiêu bạc*” như Nguyễn Tuân, nhưng *Cái Tôi* tùy bút Lê Đình Bảng “... *hát trên đỉnh núi cao*”, không “*tài hoa hướng nội*” như Hoàng Phủ Ngọc Tường nhưng anh lại *trữ tình sâu lắng*, không hiền lành như đất trong văn phong của Anh Đức, nhưng anh lại *mộc mạc ngát hương hoa đồng gió nội*.

Đây là một đoạn Tùy bút về Thơ:

“*Chẳng hiểu sao, cứ mỗi khi nghe, xướng, đọc lên hoặc ngâm ngợi những ngôn từ trong kinh sách; hoặc mỗi khi đắm mình vào khó hương, nghi lễ tế tự của mỗi tín ngưỡng, của các tôn giáo nơi cung thánh, nhà thờ và đền chùa miếu mạo, là y như tôi có cảm giác đang thả hồn mình trôi đi miệt mài đến vô ưu trong dòng chảy của thi ca. Kinh và thơ. Thơ và kinh. Không còn biên cương nào cả. Lẫn vào nhau, quấy lầy nhau. **Sôi tràn, khắp khởi, bồi hồi, tê dại. Như kẻ xuất thế, mộng du, ngồi đồng**. Bằng đôi cánh bay bổng tuyệt vời thăng hoa của từng câu chữ, ngôn từ, của từng âm sắc, thanh điệu, của từng tiết nhịp, hình tượng và ý tứ ẩn chìm, thơ dịu dẫn tôi vào cõi mộng, vào bến giác, bờ mê, ngát trí. Thơ cho tôi **gặp gỡ vô biên như***”

được khai thị, nhập thân, để rồi thơ lại đưa tôi về trần gian với hệ lụy, với vô thường, mong manh, còn mắt, hư huyền” (Miền thơ kinh cầu nguyện. Tr. 11)

Lê Đình Bảng nhận định về thơ Trần Thị Hoa cũng bằng những lời mộng mị như vậy:

“Thi ca là tiếng nói từ trái tim đến trái tim, nên không có tuổi. Và tôi, qua những hàng chữ thô mộc này, muốn mời gọi những ai yêu thơ đạo-con đường tư lựa của văn hóa và đức tin-cứ đến thật gần, để yêu Chúa... Cứ mở ra mà đọc. Biết đâu sẽ soi thấy bóng dáng tâm hồn mình trong ấy, đắm chìm với tơ trời và mạch đất. Như ta đã nhận ra và chiêm ngắm dung mạo đức Kitô nơi mọi người xung quanh” (Miền thơ kinh cầu nguyện-tr.493)

Vì là Tùy Bút, Lê Đình Bảng miên man trong dòng suy nghĩ, và rất nhiệt thành, sôi nổi dẫn người đọc đi trên con đường đầy hoa mộng của trí tuệ và cảm xúc, nhiều khi ông quên mất việc giới thiệu nội dung “Miền thơ”.

Trong cuốn *Miền thơ trong ký ức dòng đời*, ở bài dẫn luận, Lê Đình Bảng dẫn người đọc đi đến mọi miền chữ nghĩa. Người đọc chắc “ngộp thở” khi nghe ông nói miên man đủ thứ chuyện văn chương từ cổ chí kim chỉ để dẫn giải ý nghĩa nhan đề cuốn sách *Miền thơ trong ký ức dòng đời*: Ký ức là gì, giòng đời trôi giạt thế nào, thân phận nhà thơ, tâm sự và thái độ nhà thơ ra sao trước cuộc bể dâu... Vâng chỉ có thế! nhưng ông phải dẫn cả lịch sử văn học, cả các nhà thơ Đường và tác phẩm văn học dân gian. Lẽ ra ông có thể viết ngắn hơn, nhưng cảm xúc đã đẩy ngòi bút của ông trôi miệt mài với dòng đời, không có chỗ dừng.

Cũng trong mạch Tùy bút đầy ngẫu hứng như vậy, trong *Miền thơ trong Thánh nhạc, Thánh ca*, Lê Đình Bảng đưa vào bài viết: *Trịnh Công Sơn người hát thơ giữa bao la đất trời* (tr.726) có vẻ như rất lạc lõng. Ai cũng biết ca khúc của Trịnh Công Sơn là những bài thơ ấn tượng, đặt trên nền tư tưởng Thiên, chẳng liên can gì đến Thánh ca, Thánh nhạc Công giáo. Trái lại, trong khi giới thiệu các nhạc sĩ Công Giáo, Lê Đình Bảng chỉ nói về “chất thơ” trong ca từ nhưng chưa xác định được nhạc sĩ Công giáo nào là nhà thơ đích thực như Trịnh Công Sơn (?).

Giới thiệu Anrê Thiên Phụng, Lê Đình Bảng viết: “*Xuất sắc nhất và đáng nhớ hơn cả là bài “Mẹ trên trời”. Cả nhạc và lời đều chuẩn mực, tròn đầy*” (tr. 209). Người đọc không hiểu “*chuẩn mực, tròn đầy*” là gì? Về giai điệu, hay về ca từ? Viết về Hải Linh (bài *Hải Linh một thời để nhớ* - tr.222), Lê Đình Bảng ghi lại sâu sắc khát vọng làm Ca trưởng của Hải Linh, tuyệt nhiên không có một câu chữ nào nói về “chất thơ” trong ca từ của Hải Linh: “...*sự nghiệp đào tạo từ 40-50 lớp ca trưởng trong suốt 32 năm (1957-1988) ở trong và ngoài nước là những minh chứng hùng hồn nhất về ‘một Hải Linh ca trưởng’ cái danh xưng mà chính bản thân ông lấy làm tự hào*” (tr. 224).

Thành ra cuốn sách *Miền thơ trong Thánh nhạc, Thánh ca* có thể được xem là một “công trình” giới thiệu các nhạc sĩ Thánh ca Việt Nam, hơn là một “*Miền thơ trong Thánh ca Thánh nhạc*”. Rất tiếc, Lê Đình Bảng chưa quan tâm chỉ ra đặc sắc giai điệu, cấu trúc, của các ca khúc, và chưa định vị phong cách âm nhạc của từng tác giả. Người sành nghe Thánh ca có thể nhận ra ngay “cái riêng” trong ca khúc của Hải Linh, Tiến Dũng, Hoàng Diệp, Hoàng Kim, Việt Chung...

Dù vậy, đây đó, Lê Đình Bảng cũng có những khám phá, đánh giá *cội nguồn thi ca Công giáo Việt Nam* có thể định hướng cho người nghiên cứu đi sau.

Ở mỗi tác giả, Lê Đình Bảng nỗ lực khẳng định giá trị thơ ca của họ. Chẳng hạn viết về tập *Sứ điệp tình thương* của Lm Nguyễn Xuân Văn (*Miền thơ Phúc Âm diễn ca* tr.509), ông “*thú thật, tôi rất ngại đọc loại này, một phần công việc này đã quá nhiều người làm*”, “*một phần vì nó vốn khô khan, chả có gì hấp dẫn*”. “*Cảm giác sợ những pho sách dày cộm là một điều có thật...Sứ Điệp tình thương dày 414 trang, 9764 câu thơ, kể chuyện cuộc đời Chúa Cứu thế*”(tr.510). Vậy mà Lê Đình Bảng đã đọc, đã trích được những câu thơ hay của tập thơ. Ông đánh giá về thơ Nguyễn Xuân Văn: Nguyễn Xuân Văn “*đã thổi Tin Mừng vào tận số âm thanh ngôn ngữ của dân tộc bằng thứ vần điệu mượt mà, nền nã nhất là thơ Lục bát, điều mà không phải ai cũng làm được*”(tr. 515).

Thực ra, giá trị tập thơ *Sứ điệp tình thương*- diễn ca cuộc đời Chúa Cứu thế theo Tin Mừng Mathêu, Marcô, Luca, và Gioan- cần được nghiên cứu ở phương diện khác, không phải ở chỗ “*thổi Tin Mừng vào thơ Lục bát*” như nhận định của Lê Đình Bảng.

Đây là một vài nhận định có tính Lý luận văn học về thơ trong các “*Miền thơ*” *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*:

“**Kinh Thánh đã trở thành chất liệu và cảm xúc** tôn giáo làm nên tác phẩm đậm đặc mùi đạo trong dòng chảy chung của Văn học Việt Nam” (*Miền thơ Phúc Âm diễn ca*-tr.29)

“**Kinh đã thành thơ** khi đi vào đời sống Công giáo Việt Nam. Thế mới biết tổ tiên mình tài hoa thật, giỏi giang đáo để, mà cũng thánh thiện chẳng thua kém ai” (*Miền thơ trong kinh nguyện*-19)... “*Đọc kinh, nguyện ngắm là sống trọn vẹn tiếng nói có vần điệu biến ngẫu, có đối đẵng và cung giọng bổng trầm diễn cảm của người Việt mình xuyên suốt các chặng đường lịch sử*” (đd-tr.24); “*Đến nỗi ở đâu, làm việc gì cũng vang lên giai điệu, ngôn ngữ kinh. Kinh riêng, kinh chung, kinh sớm, kinh mai, kinh truyền tin giữa ngõ, kinh chạng vạng hoàng hôn. Kinh tối, kinh đêm, kinh theo ta ra ngõ đi chợ. Kinh thăm đất thăm đồng. Kinh reo vui Chúa Nhật, lễ trọng, phiên châu. Kinh ủ ê giọt sầu báo tử. Bởi thế mà đạo Chúa không nhuộm màu sầu thảm bi quan. Họ nguyện cầu bằng thơ, bằng kinh kệ ca hát*” (đd. tr 33).

LỜI GAN RUỘT

Tìm ra chất thơ trong các *Miền thơ* chính là chỗ độc đáo của Lê Đình Bảng, vừa với tư cách một nhà thơ yêu say mê cái đẹp trong những áng văn thơ Công giáo, vừa với tư cách một nhà nghiên cứu có cách làm khoa học và công phu, khám phá được một điều hết sức quan trọng với thi ca Công giáo. Xưa nay tôi chưa thấy nhà nghiên cứu nào đi *tìm chất thơ* trong Kinh Bát Nhã, Kinh Kim Cang, Kinh Hoa Nghiêm... Phật giáo, bởi những Kinh này thiên về tư tưởng, trí tuệ, mà chỉ giới tu học Thiền mới lĩnh hội được; và xưa nay, kinh nguyện Công giáo là những lời cầu nguyện chung, rất riêng tư, thuộc lĩnh vực tâm linh của Kitô hữu, mấy ai nghĩ đến “*chất thơ*” trong kinh nguyện. Phát hiện ra “*chất thơ*” trong kinh nguyện, ca văn Công giáo, Lê Đình Bảng đã khẳng định đó là kho tàng thi ca Công giáo. Nền thi ca này không chỉ có vài nhà thơ thành danh, mà nền thi ca ấy có một nền tảng rất sâu rộng trong mọi câu chữ của Kinh Thánh, Kinh nguyện, và thấm rất sâu vào đời sống tâm linh tín hữu, một bộ phận của dân

tộc. Làm được việc này, Lê Đình Bảng đã đặt được một cột mốc quan trọng và hết sức ý nghĩa, có tính khai mở cho những nhà nghiên cứu văn học Công giáo đi sau, bởi trước ông, tôi chưa thấy nhà nghiên cứu văn học Công giáo nào lại dành tất cả tâm huyết đời mình cho công việc khó khăn này.

Nỗ lực thứ hai của Lê Đình Bảng là khi nghiên cứu về bất cứ “*Miền thơ*” Công giáo nào, ông cũng đặt “*miền thơ*” ấy trong dòng chảy của văn học dân tộc. Ông đặt *Huấn ca* Công giáo Việt Nam bên cạnh *Huấn ca* của Cựu Ước và đối sánh với *Gia Huấn ca* của Nguyễn Trãi. Ông đặt *Miền thơ trong Thánh nhạc*, *Thánh ca* bên cạnh cuộc cách tân âm nhạc Việt Nam đầu thế kỷ XX, đặt *Miền thơ trong ký ức dòng đời* trong dòng chảy của văn chương Việt Nam suốt từ thờ Lý đến nay... Điều này khẳng định được **văn học Công giáo Việt Nam có cội nguồn từ Kinh thánh kết hợp với những truyền thống dân tộc**, và góp phần làm phong phú hơn văn học dân tộc. Những nỗ lực ấy giúp người đọc khai mở khỏi những ngộ nhận, định kiến xưa nay về văn học Công giáo. Đến nay, công luận đã công nhận có một nền văn học Công giáo ở Việt Nam phát triển cùng với văn học dân tộc, đem vào văn học dân tộc Mỹ học Kitô giáo và rất nhiều điều mới mẻ về tư tưởng và thi pháp từ Kinh Thánh.

Tôi có may mắn được trò chuyện với nhà thơ Lê Đình Bảng và được ông gửi gắm nhiều tâm nguyện qua bộ sách *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam* (6 cuốn, hơn 4000 trang) và cuốn *Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*. Tôi hiểu đó là những “*lời gan ruột*” nhà thơ-Nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng với văn chương Công giáo Việt Nam.

Ông chia sẻ:

“*Bộ sách 6 Tập của tôi đã vắt kiệt tim óc của tôi rồi. Kể cả tập Văn học Công giáo Việt Nam - Những chặng đường (nxb Từ Điển và Bách Khoa, 2010)*” [Email 29/5/2020]

“*Bộ sách 6 Tập này là tất cả mồ hôi, máu lệ của tôi, suốt dòng dài năm tháng khốn khổ, cô độc, cô đơn nhất trên chiếc xích lô già nua, còm cõi, vắt vẻo đâu đường xó chợ. Thậm chí, cái ruột bút bi, mảnh giấy, chỗ ngồi yên ả cũng được xem là... xa xỉ, ước mơ. Tất tần tật viết tay, những bao thuốc lá, những mảnh giấy hoá đơn, lật vạt, vương vãi, những cặm xe xích lô xâu chuỗi giấy tờ, chữ nghĩa, hình ảnh... Computer, Google, Net... còn ở mãi... đâu đâu... xa vời, không dám nghĩ tới... Nói thật, không ai có thể ngờ. Bản thân tôi, đến lúc này, cũng không ngờ! Hẳn là hồn thiêng của hơn 100 tác giả, ở cõi bên kia, đã nguyện cầu Chúa gia hộ, độ trì tôi chăng?*”

Xin Anh hiểu cho tình cảnh... cru mang, sinh thành và chào đời của chúng, tôi đã viết ở Lời Dẫn Nhập của 6 tập sách ấy” [Email 25/6/2020].

Thật hiếm có nhà nghiên cứu nào lại say mê và dành tất cả tâm huyết đời mình cho *Văn học Công giáo Việt Nam* như vậy. Ông đã làm được một “sự nghiệp” mà nhiều người nghiên cứu *Văn học Công giáo Việt Nam* đi trước chưa làm được. Và nhờ công trình của ông, rồi đây giới nghiên cứu sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận được một kho tàng tư liệu quý giá.

Trong cuốn sách *Hành hương với Hành Hương*, phần “*Chung mối đồng cảm Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam của Lê Đình Bảng*” (Nxb Tôn Giáo. 2013), có rất nhiều ý kiến của các “Đấng bậc” trong Giáo hội đánh giá cao bộ sách. Tôi ghi nhận ý kiến của 20 Giám mục: GM Phêrô Nguyễn Văn Nhơn (Gp Đà Lạt), Tổng GM Giuse Ngô Quang Kiệt (Tổng Gp Hà Nội), GM Phêrô Trần Đình Tứ (Gp Phú Cường), GM Giuse Vũ Văn Thiên (Gp Hải phòng), GM Micae Hoàng Đức Oanh (Kontum), TGM Steph Nguyễn Như Thế (Gp Huế), GM Fx

Nguyễn Văn Sang và GM Phê rô Nguyễn Văn Đệ (Gp Thái Bình), GM Dom Nguyễn Chu Trinh (Gp Xuân Lộc), GM Giuse Trần Xuân Tiến (Gp Long Xuyên), GM Giuse Châu Ngọc Trí (Gp Đà Nẵng), GM Giuse Đặng Đức Ngân (Gp Lạng Sơn), GM Giuse Nguyễn Chí linh (Gp Thanh Hóa), GM Phaolô Cao Đình Thuyên (Gp Vinh), GM Vinc Nguyễn Văn Bản (Gp Buôn Mê thuật), GM An tôn Vũ Huy Chương (Gp Hưng Hóa), GM Phaolô Nguyễn Văn Hòa (Chủ tịch Ủy Ban Thánh nhạc), GM Phaolô Tịnh Nguyễn Bình Tĩnh (Đà Nẵng), GM Giuse Vũ Duy Thống (Gp Phan Thiết), Đức Ông Giuse Đình Đức Đạo, nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu; và ý kiến của 86 Linh mục, nhạc sĩ, nhà nghiên cứu, nhà báo bạn bè thân hữu ghi nhận giá trị to lớn của cuốn sách. Thật đáng khâm phục nỗ lực suu tầm, nghiên cứu thi ca Công giáo của nhà thơ Lê Đình Bảng.

Vấn đề là bộ sách này từ khi được phát hành và giới thiệu đến nay đã 10 năm, song những công trình nghiên cứu Văn học Công giáo có giá trị học thuật vẫn chưa nhiều; và Giáo hội cũng chưa có hoạt động cụ thể nào về việc tổ chức, phát huy Văn chương Công giáo Việt Nam. Nghĩ là, món nợ của chúng ta với tiền nhân vẫn còn nguyên đấy!

Năm 2020 Tạp chí *Nghiên cứu Văn học* (Hội nhà văn Việt Nam) in Chuyên san “*Văn hóa, văn học Công giáo Việt Nam - Diện mạo và đặc sắc*” có tóm lược cuốn sách *Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường* của Lê Đình Bảng thành một bài viết giới thiệu trong chuyên san. Tôi nghĩ đó là một tín hiệu vui vì giới nghiên cứu học thuật đã bắt đầu chú ý đến Văn học Công giáo ở phương diện lịch sử. Và chúng ta có quyền hy vọng.

Tháng 7/2020

MỘT TẤM LÒNG VỚI THI CA CÔNG GIÁO

(Trò chuyện với nhà thơ-nhà nghiên cứu văn học Lê Đình Bảng)

Bùi Công Thuấn

Nhà thơ Lê Đình Bảng Sinh ngày 17.9.1942 tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Quê: Thọ Cách, Thái Thụy, Thái Bình. Học Tiểu chủng viện Mỹ Đức (Thái Bình), Phan Rang và Phanxicô Savie (Bùi Chu) Sài Gòn, ĐCV Lê Bảo Tịnh - Gia Định (1958-1960). Tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Việt Hán - ĐH Văn khoa Sài Gòn (1966), ĐH Sư Phạm Sài Gòn -Việt Hán (1971). Từng dạy học ở Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Duy Khang (Sài Gòn)... Cộng tác với các báo: *Trái tim Đức Mẹ, Đức Mẹ La Vang, Đức Mẹ Hằng Cứu giúp, Thăng Tiến, Sống Đạo, Hoà Bình, Dân Chủ, Công Giáo và Dân Tộc, Hiệp Thông, Đồng Hành, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Phụ Nữ.....Văn Hoá Phật giáo* (1960-1975). Ông cũng là thành viên, ủy viên các Ban thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam: Ủy Ban Thánh Nhạc, Ủy Ban Phụng Tự, Ủy Ban Giáo Dân, Ủy Ban Văn hóa, Ủy Ban loan báo Tin Mừng.

Lê Đình Bảng đã in các tập thơ: *Bước chân giao chỉ* (Sài gòn 1967), *Hành hương* (2006), *Quỳ trước đèn vàng* (2010), *Lời tự tình của bến trần gian* (2012), *Ơn đời một cõi mệnh mang* (2014), *Kinh buồn* (2014), và các tập thơ được phổ nhạc: *Đội ơn lòng Chúa bao dung* (2012), *Lời khẩn nhỏ chiều Chúa nhật* (2012), *Về cõi trời mệnh mang* (2012). Ngoài ra Lê Đình Bảng còn là nhà nghiên cứu lịch sử văn học Công giáo Việt Nam. Ông đã in “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” (2010), và bộ sách gồm 6 cuốn, 4.088 trang in: “*Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*” (2009) do ông sưu tầm, nghiên cứu...

Tôi may mắn được trò chuyện với nhà thơ Lê Đình Bảng một vài lần, những lần dự hội thảo ở Huế, ở Đại chủng viện Xuân Lộc. Câu chuyện của chúng tôi rất thú vị và mở ra rất rộng về phía nghiên cứu, sáng tác văn học Công giáo. Tôi chỉ xin phép ghi lại đây những nghĩ suy và tâm lòng của một người yêu văn chương Công giáo.

BCT: *Thưa anh, làm thơ, khó nhất, trước hết là vốn từ. Nghèo chữ nghĩa thì không thể làm thơ được. Thơ của anh có một vốn từ hết sức phong phú, ở đâu anh có được một kho từ vựng giàu có như vậy?*

LDB: Xin thưa Anh, cái gốc gác, ngọn nguồn trước đã, nhé. Thú thật, tôi vốn tham lam, ngay từ khi tám bé. Đọc, đọc và đọc. Dĩ nhiên, lúc thơ đại ấy, đọc chỉ là đọc. Cái gì cũng vơ vào. Rồi lớn dần, khôn ra, có suy nghĩ. Đọc, đọc và tích lũy cho mình. Để ngẫm ngợi. Để suy diễn. Để quy nạp. Để tiêu hoá. Tất cả như một quá trình của vạn vật tuần hoàn: sinh, hoá, trụ, diệt.

Tôi mê Cựu Ước (đặc biệt, *Sáng Thế, Xuất Hành, Giảng Viên, Thi Phú, Tiên Tri, Huân Ca, Thánh Vịnh, Diễm Tình Ca...*) Trong ấy, **toàn là thơ và thơ**. Mình chết đuối trong dòng sông vỡ bờ ấy cả một đời. Lại đọc và nghiền Tân Ước, nhất là theo bước chân Chúa Giê su rảo khắp núi đồi, biển đảo, rừng sâu, làng chài, phố thị, làng quê. Hỏi, thế thì làm sao mà thiếu vắng Kinh Thánh được? Tôi đã nhiều phen trao đổi với anh chị em làm thơ Công giáo rằng, “*ai không đọc và sống Kinh Thánh*” thì đừng hòng bén mảng tới cõi thi ca Công giáo. Họ tin hay không, tự do và ân sủng Chúa ban, tùy lòng họ mở hay khép.

Bên cạnh Kinh Thánh, tôi có một “*nguồn vốn nhưng không, dân dã, ruột thịt*”, đó là kho tàng **kinh sách nhà đạo**, mà ông bà, thầy mẹ, anh chị em, bà con tôi “mớm nuôi” tôi.

Này, Anh có tin, tôi gấp quyển *Toàn Niên Kinh Nguyễn* dày cộm mấy trăm trang, rồi khoanh tay, nhắm mắt đọc thuộc lòng như cháo chảy, từ trang đầu đến trang cuối không? Chuyện khảo kinh, thi kinh hồi bé ở xứ đạo làng quê nghèo khổ của tôi đấy.

Đấy là cái nguồn bên đạo, nhé. Còn nguồn ngoại lai, cứ tạm gọi là “*bên lương*” đi. Là chút ít chữ Hán Nôm, là *Sử ký Tư Mã Thiên*, là *Đường Thi*, kể cả Sách vở La Quán Trung, Bô Tùng Linh. Đọc, đọc cho kỳ hết. Nhà nghèo, coi cộp, đọc ké. Thế là nuốt. Vô được nhiều, hay nhiều. Chắc chắn, không dư, không rơi rụng, vương vãi bao nhiêu. Vẫn đủ vốn, dù 30, 50 hay 100. Còn lãi chán. Tôi đã nghiệm ra đáp số của mùa màng bát ngát này...

Tôi xin xưng tội công khai với Anh: Không thể đếm hết các điển ngữ Kinh Thánh và Kinh Nguyễn đã “hoá thân” đã “nhập thể” vào thi ca của tôi. Y như cái “bí tích ân sủng” Chúa đã “đóng đinh” vào cả linh hồn, thân xác tôi vậy. Không còn là “*ảnh hưởng, tác động, va chạm, lây nhiễm, ám ảnh*” nữa. Đã “**nhập hồn vía, đã thành máu thịt tôi**”. Tôi mặc kệ Thánh Thần, như gió muốn thổi đến đâu thì thổi. Sống mà không phải tôi sống, mà Chúa sống trong tôi. Anh

đừng cười mà bảo tôi ngoa ngôn, nhé. Không. Tôi nhớ, Anh viết, trong *Quy trước đèn vàng, Hành Hương*, còn nhiều thú vị cần được khai quật, nhưng vì khuôn khổ bài viết không cho phép đẩy thôi. Vâng, đúng vậy. Ở mỗi tập thơ, mỗi quyển sách (trong bộ *Ở Thượng Nguồn...*) tôi còn gửi gắm, ký thác rất nhiều, biết ngỏ cùng ai? Tôi trộm nghĩ, Anh là người đầu tiên và duy nhất, như Columbus đặt chân lên miền đất hứa châu Mỹ. Rất hãnh diện, khi người khác "nhìn và nhận ra" mình là người bên đạo, đi đạo, có đạo, không lẫn vào đâu được. Cái dấu sắt nung đỏ lửa là cây thánh giá đã "đóng đinh" trên hình hài, điệu bộ, ngôn ngữ và linh hồn tôi rồi, không xoá mờ, phai nhạt được. Kinh Thánh, Kinh Nguyện đã là gia nghiệp đời tôi. Tạ ơn Chúa.

Song song với hai nguồn vốn thánh thiêng trên, tôi con có chút "của riêng" để "làm tin". Đó là thứ **ngôn ngữ cửa miệng rất dân gian, là lời hát ru**, là những gì tôi nghe, tôi nhớ, tôi gom góp, như con chim tha hạt sớm chiều. Con đường ấy là điền dã, là cơm đường cháo chợ, hát xẩm xin ăn rách rưới bên đường. Tôi đi, tôi thấy, tôi lắng nghe, tôi chắt chiu, dành dụm, giữ ngọc gìn vàng. Tất cả quy hướng về Chúa, khi chúng "tự nhào nặn, tự cộng sinh và tiếp biến". Khi bay bổng, thăng hoa nhất, đây là đã "tới cõi" đặt dưới chân Chúa vô lượng hải hà...Tôi vỡ đất, cày cuốc, gieo trồng. Chúa cho sương trời hơi đất và nắng gió, đơm hoa, kết trái.

BCT: Quả là nguồn từ vụng của anh bát ngát và nhờ thế, thơ anh như cánh đồng, như trời bể bao la chữ. Thưa anh, anh làm thơ Công giáo với mục đích gì?

LDB: Khi tôi làm thơ, làm thơ đạo, làm thơ Công giáo, nói như thánh Phao lô, dù Hy Lạp hay Do Thái, miễn sao **rao truyền được tin mừng của Đức Ky tô bị đóng đinh**. Chuyện này, có vẻ giản đơn và nhẹ nhàng. Nhưng thưa Anh, đôi với tôi lớn lắm, khó lắm. Phải "đổ hết máu thịt mình ra". Một cuộc "khổ nạn" trên hành trình Núi Sọ. Đâu phải hễ mở miệng *lạy Chúa tôi, Lạy Đức Mẹ*, có ông cha, bà phước, có bóng tháp nhà thờ, có tiếng chuông, tiếng câu kinh...amen là thơ đạo, thơ Công giáo đâu? Còn lâu! xin lỗi, không dám đâu! Gọi đó là "thơ đạo" ư? Biết chết liền!Hihi!

BCT: Thưa anh, anh làm thơ như thế nào?

LDB: khi cầm bút, tôi chỉ muốn để mình trôi đi như hơi thở. Nói thật, ít khi, tôi phải khổ công để khuôn ép, gò bó. Tôi rất sợ đánh mất "cái thoáng qua, cái khoảnh khắc vụt đến, vụt đi" ấy. Sợ không gặp lại, sợ nó khác đi. Lúc này, đọc lại các tập thơ đã ra đời, thưa Anh, tôi không hề có ý gì khi chọn "bao nhiêu bài, bao nhiêu câu, bao nhiêu thể loại" cho mỗi tập. Phải chẵn hay lẻ? Phải thế nọ, thế kia. Không. Nó cứ diễn ra như nó muốn.

Rất tâm đắc với Anh về một người làm thơ, một nhà thơ Công giáo Việt Nam, là " phải thực sự **tài năng** (kể cả ngón tài hoa nữa); một **bản lĩnh** trong sáng tạo; một **cốt cách** độc đáo và một **vốn liếng rất giàu** có về ngôn từ, hình tượng."

BCT: Anh nghĩ gì về người sáng tác, người viết lý luận phê bình văn học Công Giáo Việt Nam đương đại?

LDB: ...trộm nghĩ, cứ 1000-5000 tín hữu thì có thể có được 1-2 người viết lách (dĩ nhiên chưa phải là nhà văn, nhà thơ). Mà giả như trong 500-1000 nhà văn nhà thơ thì cũng chưa chắc có được một ngòi bút lý luận - phê bình cho xứng tầm...Hãy cứ nhìn suốt chiều dài lịch sử văn học Việt Nam (từ 1533 đến 2009) mà xem. Chỉ loé lên như một tia chớp ở Võ Long Tê (1965) và lác đác, bâng bạc với Thanh Lăng và Nguyễn Văn Trung. Rồi thôi, lịm tắt. Không còn động tĩnh, âm hao gì? Mà cũng chẳng hề nghe ngóng một thắc mắc, phản hồi? Hình như, tôi có dự

cảm về một tình cảnh ”sống chết mặc bay”, từ cả mọi phía: Hội thánh tôi yêu và người tín hữu cầm bút?

Nói thật, trong cõi... nghiên cứu - lý luận - phê bình Văn học Công giáo Việt Nam, chúng ta là một...vùng trắng, một cánh đồng hoang. Gần 500 năm, đạo Chúa vào Việt Nam, chúng ta đã có một gia tài. Nhưng càng về sau này, càng nhạt, càng trống vắng. Bởi vậy, bản thân tầm thường của tôi - với ơn Chúa và nỗ lực vượt khó, cày ải, tuyệt vọng trong nhiều năm (1975-2009) - chỉ vỡ vạc được bấy nhiêu, đóng góp cho đạo, cho đời. Bây giờ đã gần đất và xa trời, chỉ biết cầu xin và hy vọng, Anh, người viết lý luận - phê bình Văn học Công giáo Việt Nam sẽ viết nên những dòng chữ làm sánh danh Chúa, giới thiệu cho xã hội thấy được những chân dung, những công hiến có giá trị thật vào dòng chảy Văn học Việt Nam.

BCT: *Cám ơn anh về một “niềm hy vọng”. Anh đã sưu tầm và viết bộ sách 6 cuốn Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam như thế nào?*

LDB: Bộ sách 6 Tập này là tất cả mồ hôi, máu lệ của tôi, suốt dòng dài năm tháng khổn khổ, cô độc, cô đơn nhất trên chiếc xích lô già nua, còm cõi, vất vưởng đầu đường xó chợ. Thậm chí, cái ruột bút bi, mảnh giấy, chỗ ngồi yên ả cũng được xem là...xa xỉ, ước mơ. Tất tần tật viết tay, những bao thuốc lá, những mảnh giấy hoá đơn, lật vạt, vương vãi, những cảm xe xích lô xâu chuỗi giấy tờ, chữ nghĩa, hình ảnh....Computer, google, net...còn ở mãi...đầu đầu...xa vơi, không dám nghĩ tới...Nói thật, không ai có thể ngờ. Bản thân tôi, đến lúc này, cũng không ngờ! Hẳn là hồn thiêng của hơn 100 tác giả, ở cõi bên kia, đã nguyện cầu Chúa gia hộ, độ trì tôi chăng? Xin Anh hiểu cho tình cảnh...cru mang, sinh thành và chào đời của chúng

Khi suy nghĩ và viết bộ sách 6 tập ***Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam***, tôi chỉ nhắm 2 điều: đãi cát tìm vàng - thi ca, và tìm hiểu thi ca *Công giáo Việt Nam* xuyên suốt dòng lịch sử từ buổi hưng đông (tạm thời là từ nửa đầu thế kỷ XVI đến nay: đương đại, nhưng chỉ đề cập đến những tác giả và tác phẩm của những người đã mất. Thuật ngữ ”*thượng nguồn*” ở đây, không được, không bị hiểu là...tận cùng...tít tắp của thời gian. Nhưng đơn giản thôi, là các tác giả và tác phẩm của người và của thời đã qua. Trên dưới một trăm tác giả, vài trăm tác phẩm (vì cũng có tác giả có 2, 3, 4, 5 tác phẩm) và hàng nghìn hình ảnh minh hoạ trong bộ sách hơn 4000 trang ấy, thưa Anh, lại vẫn là ”*thơ và thi ca Công giáo Việt Nam*”. Chẳng dám nghĩ, đó là ”*tiêu chí*” nào. Chẳng muốn ”*nhốt*” họ vào một cái ”*khuôn khổ*” nào. Thậm chí, cũng không hề có ý tưởng ”*sắp xếp*” vào một khuynh hướng, một trường phái cụ thể nào, như thường tình của các nhà viết văn học sử: Dương Quảng Hàm, Vũ Ngọc Phan, Thiếu Sơn, Phạm Thế Ngũ...

Bởi vậy, tôi không đánh số 1, 2, 3...5, 6. Cứ để mặc người đọc tự do, cầm tập nào và đọc tập nào, tùy ý. Kể cả việc họ có quyền thắc mắc, đặt xuống hoặc nâng lên tập này, tập kia, xếp đặt lại cho có bên có bề, theo ý họ. Đã có khá nhiều người đọc và góp ý với tôi rằng ”*tại sao...và tại sao?*”. Tôi chỉ dạ vâng, để đó

Còn về hình thức cũng thế. *Kinh Thi, Sở Từ, Liêu Trai, Sử Thi, Thánh Vịnh, Tiên Tri, Diễm Tình Ca, Vè Vãn, Ca Ngâm, Hát Nói* v.v. không nằm trong phạm trù của một ”*tiêu chí*” nào. Viết để mời gọi mọi người cùng bàn, cùng ăn, cùng uống. Khóc và cười với nhau, như thánh Phaolô và Đô Phủ bảo. Thế thôi. Vì thế, tôi tạm chia cái ”*thượng nguồn thi ca*” ấy ra làm 6, 7, 8 nhánh, gọi là ”*miền thơ*”. Tôi sống, tôi đọc và **tôi đã ”*nắm*” được cái ”*chất thi ca Công giáo Việt Nam*”** nhiều, ít trong từng tác giả, tác phẩm: thơ trong kinh nguyện; thơ để cầu nguyện; thơ trong những diễn ca Phúc Âm; thơ để huấn giáo; thơ để ghi nhận ký ức, hoài niệm và thơ trong ca từ của thánh nhạc thánh ca Việt Nam. Và sau nữa, thơ trong Vè Vãn, Ca Ngâm và cả trong Câu Đối, Sắc Phong, Hoàn Phi, Liễn...

Trong lúc viết đề dẫn..., tôi đã chọn lựa: tự sự, tùy bút. Hãn Anh đã nhận ra, ở mỗi Tập và mỗi tác giả, tác phẩm, tôi sắm vai ”*người trong cuộc, người kể chuyện*” với tác giả, hơn là nhà văn ”đứng nhìn, soi rọi và...phát hiện” ra những ẩn giấu, khuất chìm. Đa phần, bằng ”điền dã, tiếp cận, gặp gỡ, trò chuyện, thư từ” (kể cả tranh luận, giữa những thập niên (1965-1975-2009) chưa hề có internet, computer, google...riêng đối với tôi.

Nhờ những ”*chứng nhân sống*” này, tôi đã ”mời” được chút chút ”*tắm cá, bóng chim*”. Cũng là nhờ ơn Chúa thôi. Đến khi bộ sách này ra đời, tôi tạ ơn Chúa. Sau đó, tôi ”lập đàn” hương khói nguyện cầu các tác giả đã phù trì, che chở tôi vượt qua trăm nỗi đoạn trường, tưởng không thể nào...

Không chỉ khi viết về *Lịch sử văn học Công giáo*, mà thừa Anh, ở toàn bộ những sinh hoạt của tôi - từ suy nghĩ, nguyện cầu đến viết lách (viết văn, làm thơ), dạy học, mc...tôi vẫn một mực sắm vai” một người kể chuyện, ở ngôi thứ nhất “tôi”. Tất tần tật không gian, thời gian, chủ thể, khách thể đều ở trạng thái ”hiện thực hoá”. Tôi nghĩ, sẽ sinh động, ngồn ngộn, tươi nguyên hơn là một quá khứ đã bị đóng băng, bị đổ xi măng cốt thép; hơn là những chói loà chỉ tổ làm mờ mắt, choáng ngợp, để mảy mò bước theo những lối mòn nhạt nhẽo, cũ mèm.

Chúa, Phật, Tiên, Người, Đòi, Tình Yêu, Nỗi đau, Nỗi Chết...đối với tôi đều mới tinh sương, như bình minh Sáng Thế, như một Lễ Hiện Xuống Mới. Đó là tổng hợp vào chính bản thân mình một giao thoa, một cộng sinh và tiếp biến. Đó là, xin lỗi Anh, tôi hơi...vô phép, một cuộc ”*nhập thế/ dã hoá vào máu thịt*” rất ”*vô thức*”, có lẽ còn chờ được ”*mạc khải*”. Tôi cứ để mặc lòng, trí và ngòi bút trôi đi. Đã có Thánh Thần sáng soi, dìu dẫn. Anh đọc và hãn Anh đã nắm rõ. *Cái tôi* và Chúa và tất cả cứ bằng bạc, phủ sóng ở mỗi chữ, mỗi câu, mỗi tập. Không khiên cưỡng, gò ép phải thế này, thế kia được. Do đó, có lúc nó *Cựu Ước, Thánh Vịnh, Ngôn Sứ, Diệu Ca*. Đôi khi, nó Tân Ước dày đặc những dụ ngôn đã hoá sinh vào đồng đất quê nhà Việt Nam, vào đồng dao, vào ngôn ngữ của miệng dân gian. Lại có lúc, nó trôi nổi ra bát ngát tam quan, đình chùa, miếu mạo, hát xẩm, ca trù ...

BCT: Anh đã sống qua những giai đoạn biến động rất lớn của lịch sử Việt Nam, sao anh vẫn giữ được hồn thơ trong veo? Anh có chịu ảnh hưởng của tác giả, tác phẩm một nền văn học nghệ thuật nào không?

LDB: Anh hỏi tôi, giữa...trùng điệp những ảnh hưởng du nhập, tác động, tiếp cận từ Kinh Thánh, Kinh Nguyên, Dân Gian đến Văn học cổ, Hán Nôm, Đường Thi, Thiên và va chạm nhiều nhưng của thời thế trước và sau 1975, tại sao thơ LDB vẫn ”trong veo”?? Ồ, lạ nhỉ? Thừa Anh, tôi vẫn một lòng trân trọng - kể cả ngưỡng mộ và khâm phục - các bậc tài hoa tiền bối. Nhưng nhất định không ”*bị choáng ngợp, bị mê hoặc*” đến nỗi mờ mắt, hết thấy con đường phía trước. Chúa bảo tôi ”*kho trời chung, mà vô tận của mình riêng*”. Chả bao giờ vui, chả bao giờ cạn.

Làm thơ hay hoặc dở, không phải những điều mình viết, mình nói ra. Nhưng quan trọng, là ”*cách mình viết, mình nói ra thế nào*”. Cũng như chỉ có đồ rê mi fa sol la si...ây thế mà âm nhạc Đông Tây, cổ kim hoà điệu, Cò lả, Quan họ, Hát Xẩm, Đờn đưa, ca khúc, hợp xướng...Chẳng hiểu, thừa Anh Thuận, tôi nghĩ và tôi đã viết lách, đặc biệt tôi đã ”*sống máu thịt với thơ Công giáo Việt Nam*” như vậy có gì là...lập dị, sai trái không?...

Anh đã chỉ ra được cái ”*lan man/ miên man*” rất *lãng ba vi bộ* của tôi trong lối viết ”**tùy bút**” trong nghiên cứu văn học. Một chuyện lạ đấy, như tôi hiểu. Anh đâu có trách tôi. Nhưng đã có không ít người - có máu nghiên cứu - không đồng tình. Họ bảo và khuyên tôi nên ”*xoá đi/ làm lại*”. Nghĩa là ”*không thể chấp nhận vừa nghiên cứu, lại vừa tự sự, tùy bút*”. Làm như thế, theo họ, tác phẩm sẽ mất đi tính ”*uyên bác, khoa học và khách quan*”. Vâng, thừa Anh, tôi

giữ nguyên si. Không chỉ khi làm thơ, mà cả trong mọi lĩnh vực đời sống của tôi. Điều này, đã hơn một lần, tôi khẳng định với Anh đó. Đây là cái thế giới "nguyên sinh, trữ tình" của tôi...

Vẫn tồn tại trong tôi một thắc mắc, từ lâu rồi, tại sao quá ít "nghiên cứu sinh bậc Cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Công giáo" làm luận văn, luận án chuyên đề về văn hoá, văn học Văn học Công giáo nhỉ? Chúa ôi, **cả một kho tàng bát ngát, địa hải, thiên hà**. Đây cũng là một "cánh đồng truyền giáo" chứ bộ? Tôi vừa nghe cô học trò tôi báo tin, mời tôi về Hải Phòng dự buổi trình luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học" về ngôn ngữ Công giáo trong sách Toàn Niên Kinh Nguyện của các giáo phận Dòng Đa Minh (Hải Phòng, Bùi Chu, Thái Bình, Bắc Ninh, Lạng Sơn). Tuyệt vời! Là Hội đồng Giám mục Việt Nam, xin lỗi, lại là Ủy Ban Văn Hoá, đích thân tôi sẽ "trái chiếu hoa" mời vị Linh mục ứng sinh ấy và trao một *Giải thưởng Văn hoá - Đức Tin* xứng tầm ngay lập tức. Anh thử nghe ngóng xem nó ra sao, nhé.

BCT: Anh đã viết "Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường", xin anh cho biết những suy nghĩ của anh về lịch sử và tương lai của Văn học Công giáo Việt Nam?

LDB: Máy hôm nay, câu hỏi của Anh khiến tôi cứ phân vân, đến là khó đưa ra được một nhận định rõ ràng. Có chăng, một nền *Văn học Công giáo*? Có chăng một nền *Văn học Công giáo Việt Nam*? Lịch sử nền văn học ấy như thế nào? Rộng lớn và bao quát quá. Trí khôn cùng vốn hiểu biết của tôi thì hạn hẹp, nông cạn, làm sao với tới? Ở đây, thưa Anh, chỉ đơn thuần là những tản mạn suy nghĩ và những đoạn rời cảm nhận về *Văn học Công giáo Việt Nam* thôi. Không dám mở rộng ra *Văn học Công giáo* của giáo hội.

Chưa lâu lác gì lấm đâu. Chính xác là suy nghĩ ấy chỉ mới nhen nhúm trong đầu, từ khi có ý định "làm công việc nghiên cứu lịch sử *Văn học Công giáo Việt Nam*". Đầu, khoảng những thập niên 1975-2009. Nhưng thật ra, đã khởi đi ngay từ những năm tháng đèn sách miệt mài ở nhà trường, với những khuôn phép, chuẩn mực rất giáo khoa thư, 1955-1965...

Vâng, từ cái chuỗi dòng dài thời gian xa lác xa lơ mịt mù ấy, trong tâm tưởng rất vô thức và vụng dại, trắng mặt của tôi, *Văn học Công giáo Việt Nam* không hơn "một khái niệm" khá mơ hồ và trừu tượng. Nó hiện ra son nhạt trong tôi như một "người tình nhỏ xinh xinh để chiêm bao mộng寐". Thánh thiêng và tinh khiết lắm. Vô nhiễm như vĩa quặng còn ngủ quên dưới lòng đất, đừng ai chạm tới. Đơn giản, vì lúc ấy, ngay cả đến thầy dạy cùng sách vở, văn bài của mình toàn là kinh sách, lễ nhạc, giáo điều, phụng tự...Không hề thấy bóng dáng một tác giả, một tác phẩm nào mặc tấm áo "văn học Công giáo".

Trộm nghĩ, hay một cách mặc nhiên, chúng đã là "*Văn học Công giáo Việt Nam*" rồi, mà bọn trẻ chúng tôi khờ khạo, không hay biết? Thú thật, có một thuở một thời, tôi mông muội đến...tội nghiệp như thế đấy. Chưa bao giờ và có ai dạy cho biết thế nào là *Văn học Công giáo*, *Văn học Công giáo Việt Nam*, thế nào là một tác giả, một tác phẩm *Văn học Công giáo*. Tội nghiệp chưa!

Đến lúc lớn khôn hơn, có tí chữ nghĩa, đọc và học môn Văn học sử Việt Nam, rồi từng bước, hiểu ra "vẫn có đấy, một dòng chảy văn học Việt Nam song song với những kinh qua của lịch sử Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn v.v. Và văn học với thời thế, từ đấy, đã mang tính "biện chứng và tất yếu", không dễ gì biện bạch rạch ròi. Thời thế nào, văn học ấy.

Tôi miên man ngẫm ngợi mãi. Quay trở về *Văn học Công giáo Việt Nam* thì sao? Chỉ thấy lác đác, chỗ này, người kia viết hoặc nói chung chung về một vài nhân vật, sự kiện, truyện tích, câu thơ, bản nhạc, bức tranh, tuồng tích mang nội dung Công giáo. Cứ vô tư và tự nhiên như là chuyện kể dân gian. Thành thử, tôi vẫn nghĩ, Công giáo là Công giáo và văn học là văn học. Cả hai chẳng có dây mơ rễ má gì với nhau. Chúng độc lập, tồn tại ở trong hai phạm trù riêng, Công giáo và văn học, đạo và đời. Những sách vở, tư liệu tôi đọc và học, không hề chỉ ra

”cái chất *Văn học Công giáo*” của một tác giả hay một tác phẩm. Tất cả, như đã bị lớp sương mù của quan điểm, lập trường chính trị và mục vụ, truyền giáo che mờ, khoả lấp, hướng dẫn, khuôn ép. Một mặt, né tránh, e dè, phớt tỉnh hoặc không mấy mặn mòi bắt chuyện. Đó là trường hợp của đại đa số sách báo, giáo khoa. Từ Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Dương Quảng Hàm cho đến Thiều Sơn, Nghiêm Toản, Võ Thu Tịnh...

Mặt khác, có nhắc đến, nhưng chỉ là ”*chạy qua gánh hàng bò có bán ảnh tượng và sách báo Công giáo*” ở các phiên chợ làng quê ta. Nói cho có, viết qua loa. Đó là trường hợp của những ”đấng bậc” chuyên viết lịch sử truyền giáo (Sử Ký Hội thánh; Tường trình về truyền giáo; Hạnh Các thánh...). Đó là sách báo, tư liệu của Lê Thiện Bá, Phao lô Qui, Nguyễn Hồng, Phan Phát Huồn, Bùi Đức Sinh...

Mãi đến 1965, với *Lịch Sử Văn Học Công giáo Việt Nam* của nhà nghiên cứu Võ Long Tê, vấn đề mới dần rõ ra. Có một nền *Văn học Công giáo Việt Nam*. Và kết thúc tập sách này, tác giả chỉ mới làm công việc giới thiệu cho chúng ta buổi hùng đông thế kỷ 16-17, khi vóc dáng *Văn học Công giáo Việt Nam* còn ở dạng kinh nghiệm và ca vãn truyền khẩu.

Từ đó, đứt đoạn, không có ai tiếp nối, kế thừa. Từ đó, *Văn học Công giáo Việt Nam* và việc đi tìm *Văn học Công giáo Việt Nam* lại rơi vào lãng quên, tối om như vào chốn lâm bô. Khoảng giữa những thập niên 1958-1970, ở Đại học Văn Khoa Sài Gòn và Huế, Đà Lạt, chúng tôi may mắn được tiếp cận với một số công trình nghiên cứu chuyên ngành văn chương của các giáo sư Thanh Lãng, Nguyễn Văn Trung. Cũng có đấy ít nhiều chất ”*Công giáo Việt Nam*”. Nhưng rõ ràng là...có vậy.

Cho nên, trong điều kiện thiếu thốn và hoàn cảnh tự thân của mình nỗ lực học tập tâm gương người đi trước đã mở đường và do một lực đẩy từ bên trong nội tâm, tôi liều mạng viết ”*Văn học Công giáo Việt Nam – Những chặng đường*”. Như một bước khởi động với nhiều...suy nghĩ trong vòng...thử nghiệm, thăm dò đầy rủi ro. Những chặng đường Văn học Công giáo Việt Nam được phân định như sau:

- Chặng đường vỡ đất - gieo trồng (thế kỷ 16-17).
- Chặng đường đâm chồi - nảy lộc (thế kỷ 18-19).
- Chặng đường đơm hoa - kết trái (thế kỷ 20).

Công giáo Việt Nam đã có một nền văn học trong dòng sinh mệnh của dân tộc.

Chuyện ”*Văn học Công giáo Việt Nam phát triển thế nào?*”

Là một chuyện dài, của nhiều thời, nhiều người. Hôm qua, hôm nay và ngày mai. Hôm qua đã có, đã gây dựng, đã làm nên một nền *Văn học Công giáo Việt Nam*, với những tác giả, tác phẩm. Họ đã đóng trọn vai trò và chức năng trong dòng lịch sử mấy trăm năm, từ 1533 đến nay. Hôm nay và ngày mai nghĩ gì, làm gì? Câu hỏi và trả lời được đặt ra về phía Hội thánh và về phía người tín hữu cầm bút. Cần phải có một gặp gỡ, một hội luận, một trao đổi, một bàn bạc, một lắng nghe, một tiếp thu và cùng nhau bắt tay thực hiện? Câu hỏi còn treo lơ lửng đấy.

BCT: *Xin hỏi anh một chút riêng tư. Đọc thơ anh, BCT thấy man mác một nỗi buồn, mênh mông là buồn, nó chỉ phối giọng thơ và tạo nên chất trữ tình của thơ anh. Anh có thể ”mở lòng” với bạn đọc được xít nào không?*

LDB: Thưa anh, quên đi thì thôi. Chứ hề nhắc nhớ tới, là lại buồn. Anh hỏi tôi, cái buồn gì? Nói ra có vẻ... không đâu. Mà là cái buồn... thiên cổ, không thể gọi tên. Tôi không oán trách, vì chính mình làm khổ mình thôi. Biết mà không sao dứt đường...tơ được. Đứng là nhiều khi, đọc Kinh Thánh, rồi đọc thơ, thấy mình tìm được ủi an. Y như ông Phùng Quán bảo ”*vịn câu thơ mà đứng dậy.*”

Cũng may, thưa Anh, chúng ta còn một trạm dừng, một bến đỗ, là văn chương. Trong tôi, mặc dù già yếu và sống xa quê, nhưng lúc nào cũng tươi nguyên một cuộc sinh sôi, **đi tìm cái mới, cái hay, cái đẹp cho ngôi đền thi ca Công giáo**. Cho mình và biết đâu, nhờ ơn Chúa, truyền cảm hứng, mở đường cho người đi sau. Sự thật là đã gần hết cuộc đời rồi, chính tôi không hiểu nổi ”*cuộc hoá sinh và nhập thể*” giữa mặt đất với bầu trời, giữa thánh thiêng và dung tục, giữa đạo với đời ra sao trong thơ tôi. Nhưng chắc chắn là có, không thể phân tích hoặc lý giải được.

BCT: Cám ơn anh nhiều. Kính chúc anh sức khỏe, niềm vui và dồi dào Ôn Chúa để anh tiếp tục “*Hành Hương*” đến những miền *bờ xôi ruộng mật* của tư tưởng và nghệ thuật, “*đi tìm cái mới, cái hay, cái đẹp cho ngôi đền thi ca Công giáo*”...góp phần làm giàu cho thi ca Công giáo đương đại.

Tháng 7/2020

Những khuôn mặt thơ ca Công giáo đương đại

“LỜI TỰ TÌNH CỦA BẾN TRẦN GIAN”

(Tập thơ của Lê Đình Bảng. Nxb Tôn Giáo 2012)

Bùi Công Thuấn

Nhà thơ Lê Đình Bảng [*] có nhiều tập thơ đặc sắc. *Quy trước đèn vàng* (2010) là tập thơ có những khám phá riêng về vẻ đẹp của Đức Maria [1]. *Hành hương* (2011) là tập thơ hành hương về những miền nguồn cội thi ca Công giáo bộc lộ đặc sắc thi pháp thơ Lê Đình Bảng [2]. “*Lời tự tình của bến trần gian*” (2012) là một tập thơ tình yêu, thơ tự tình của người trần gian nhưng vẫn được ướp hương thánh thiện.

“*Lời tự tình của bến trần gian*” có 112 bài thơ với lời giới thiệu của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều (hiện là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam). Tập thơ cũng in kèm 72 bài nhạc của 15 nhạc sĩ tên tuổi trong làng Thánh ca Công giáo phổ thơ trong tập *Lời tự tình của bến trần gian*. Riêng nhạc sĩ Hải Triều phổ 41 bài. Có lẽ đây là một tập thơ có con số kỷ lục bài được phổ nhạc. Điều ấy là sự gặp gỡ kỳ diệu của thơ và nhạc. Và chính thơ đã đem đến cảm xúc âm nhạc cho nhiều nhạc sĩ (Vì là thơ của “*bến trần gian*”, nên ca khúc không phải là Thánh ca phụng vụ, nhưng là một dòng ca khúc đặc biệt mang âm hưởng tình ca thánh thiện).

LỜI TỰ TÌNH CỦA TÌNH YÊU

Thơ tình Việt Nam đã có những đỉnh thi son mà tên tuổi được ghi vào lịch sử văn học dân tộc. Hồ Xuân Hương, Tản Đà, Phan Khôi, Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Xuân Quỳnh, Phạm Thiên Thư, Nguyễn Sa... Mỗi người một vẻ, các nhà thơ đã làm giàu có đời sống tinh thần của một thời.

Thơ tình Lê Đình Bảng có những đóng góp đặc sắc gì về tư tưởng và nghệ thuật?

Xin đọc một bài

THÔI ĐỀ GIÓ CUỐN ĐI
Thơ Lê Đình Bảng

Hôm qua đi lễ khấn dòng
Nhìn em đăm đăm tựa bông hoa quỳ
Ta về đọc truyện Trương Chi
Thì ra, người ấy cũng y như mình

Cũng buồn cũng nhớ mông mênh
Cũng tương tư cả giờ kinh sớm chiều
Thì ra, từ buổi em yêu
Nụ tầm xuân đã thành điều thiêng liêng

Bây giờ ngày tháng ra Giêng
Em là cửa Chúa cửa riêng nhà dòng
Mỗi lần ra đứng trông mong
Gửi hương cho gió vào trong tường rào

Gửi thêm một chút chên chao
Nhỡ mai cách trở ba đào, dặm khơi
Sông nào rẽ khúc ngăn đôi
Em như thánh nữ, ta người trần gian

Cũng là bụi đất tro than
Sao ta nguội lạnh, em nhân đức dày
Cũng là đầu ngọn heo may
Ta đêm bóng tối, em ngày trời trong

Hai con đường thẳng song song
Chia nhau nỗi nhớ, nửa trong nửa ngoài
Thế rồi, chiều nắng, mưa mai
Cách chia đâu phải dặm dài đường xa

Em về bên ấy hương hoa
Buồn, ta ra đứng ngã ba sông dài
(Sài gòn 1975)

Đó là chuyện tình của “*người trần gian với thánh nữ*”. Người con gái ấy hình như

không thuộc về trần gian. - *Em là của Chúa của riêng nhà Dòng*". Tuổi thanh xuân của em, "*Nụ tâm xuân đã thành điều thiêng liêng*". Chỉ có "Ta" tương tư, buồn nhớ mênh mông, như chuyện tình Trương Chi. Cách ngăn không xa nhưng hai người như hai đường thẳng song song. Thời gian cứ trôi pha, "*Thế rồi, chiều nắng, mưa phai*", và ta khôn nguôi thương nhớ: "*Em về bên ấy hương hoa/ Buồn, ta ra đứng ngã ba sông dài*". Ta đi lễ khấn dòng của em về mà lòng đầy tâm trạng, mà lẽ ra phải chúc mừng em, phải chia vui với em. Chỉ có nỗi buồn và sự trông mong để gửi vào trong tường rào nhà dòng cho em "*chút hương*" và cả chút "*chênh chao*" (ngiên lệch chao đảo của tâm hồn) để em hiểu lòng ta. Nhưng tất cả đã cách ngăn.

Người đọc nhận ra ngay phải chăng đây là một mối tình đơn phương. Anh nhận ra, em ngày càng xa cách trong không gian, thời gian. Và trong em không có chút hình bóng nào của anh, không một sợi tơ vương bụi trần nào vướng gót chân em. Bởi "*Em là của Chúa, của riêng nhà dòng*". Ta và em không chỉ cách trở bằng tường rào nhà dòng, mà còn "*cách trở ba đào, dặm khơi*". Nhà thơ đã diễn tả nỗi nhớ thương đằng đẵng trong thời gian bằng những tứ thơ rất tuyệt. Nhớ mênh mông trong cả giờ kinh **sớm chiều**, "*Cũng là đầu ngọn heo may (mùa đông)/ Ta đêm bóng tối, em ngày trời trong*". Nhớ em cả **đêm ngày**, từ đầu xuân ra Giêng đến khi gió heo may về (mùa đông). Chỉ còn lại nỗi buồn, không biết gửi về đâu: "*Buồn, ta ra đứng ngã ba sông dài*". Tại sao người thơ lại ra đứng ở *ngã ba sông dài*? Con sông dài ấy chính là nỗi buồn mênh mông của người thơ. Nó gợi lại một tứ thơ cổ điển của Huy Cận: "*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*" (Tràng Giang)

Những điều vừa trình bày trên đã lộ ra những "cái mới" của thơ tình Lê Đình Bảng trong dòng chảy thơ tình, chuyện tình Việt Nam. Tình Lan và Điệp (*Tắt lửa lòng* - Nguyễn Công Hoan) là tình của người thất tình đi tu. Tình của chú tiểu Lan trong *Hồn Bướm mơ tiên* (Khái Hưng) là tình của người chạy trốn. Chú tiểu Lan ngày ngày niệm Phật nhưng trái tim lại gửi dưới hồng trần. Tình yêu trong thơ Xuân Diệu là tình yêu nhục thể (sau này người ta phát hiện ra đó là "tình trai"). Trong thơ T.T.K.H, tình yêu rướm máu trên mỗi câu thơ. *Động hoa vàng* của Phạm Thiên Thư (100 khổ thơ) là tình yêu "*nhập niết bàn*" ("*Vào hang núi nhập niết bàn/ Tình anh nở đoá hoa vàng cửa khe*"). Tình yêu trong thơ Nguyễn Sa (*Áo lụa Hà Đông, Tuổi mười ba...*), trong thơ Nguyễn Tất Nhiên (*Cô Bắc kỳ nhỏ; Ma Soeur...*) là tình yêu của đời thường (tương phản với tình yêu trong thơ Lãng Mạn 1930-1945. Tất nhiên, còn một dòng chảy khác là thơ về tình yêu trong chiến tranh (*Màu tím hoa sim* – Hữu Loan; *Tha La xóm đạo*. 1950-Vũ Anh Khanh; *Núi Đôi* - Vũ Cao; *Cuộc chia ly màu đỏ* - Nguyễn Mỹ; *Sóng* – Xuân Quỳnh...)). Thơ tình trong chiến tranh đậm màu sắc lý tưởng, tràn ngập lửa đạn hy sinh, và nỗi niềm khôn nguôi với quê hương.

Thơ tình Lê Đình Bảng có cái trong ngần, thanh khiết của hồn thơ. Không một chút gợn của cảm xúc nhục thể. Buồn mênh mông, ngóng trông vời vợi, biết là hai người là hai đường song song, nhưng không tuyệt vọng, không hư vô. Yêu em, Ta nhận ra mình là "*bến trần gian*", một sự tương phản cách biệt, nhưng lại dung chứa nhau bởi "*người ấy cũng y như mình*", cũng là tro bụi, cũng cùng một tình cảnh.

"Sông nào rẽ khúc ngăn đôi
Em như thánh nữ, ta người trần gian..."

...Cũng là bụi đất tro than
Sao ta nguội lạnh, em nhân đức dày
Cũng là đầu ngọn heo may
Ta đêm bóng tối, em ngày trời trong”

Sự soi chiếu vào em để nhận ra Ta là “*bén trần gian*”, ta *nguội lạnh*, ta *đêm bóng tối* là điều làm cho thơ Lê Đình Bảng khác hẳn với thơ tình của những nam nhân khác. Trong thơ của nam nhân, “nam tính” có sự vượt trội giữa anh và em, và nam tính trực tiếp bộc lộ nhục cảm, có sức càn lướt.

Hãy để môi rót rượu vào môi
Hãy cầm tay bằng ngón tay bán loạn
(*Tháng sáu trời mưa*-Nguyễn Sa)
Để anh còn dắt cô đi dạo
Còn rủ cô vào rạp cải lương
(*Cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ*-Nguyễn Tất Nhiên)
Thì thôi tóc ấy phù vân
Thì thôi lệ ấy còn ngần dáng sương
Thì thôi mù phố xe đường
Thôi thì thôi nhé đoạn trường thế thôi
(*Động hoa vàng*-khổ 22-Phạm Thiên Thu)

Với Lê Đình Bảng, nhân vật em là “*cô gái Sion trong Kinh Thánh, Bỏ câu của Nhã ca, và là thánh nữ*” mà nhân vật Anh không thể tiếp cận như một người trần gian. Anh hướng về em là nhìn lên một vẻ đẹp tinh tuyền,” *Cái Đẹp Tuyệt Đối*”. Em rạng ngời như ánh dương, Em mát trong như trăng ngàn, Em hồn nhiên như thiên thần. Mọi thứ trần gian quanh em đều mờ đi, kể cả Anh. Em chiếm ngự tâm hồn anh và trở thành ngôi sao soi dẫn anh suốt cuộc đời

Bởi khởi đầu của tình yêu là những kỷ niệm thánh thiêng

Khi ấy, em lên mười sáu tuổi
Tôi từ trường Tập về quê chơi
Bỏ quên kinh sách trong nhà Chúa
làm kẻ chầu nhưng suốt cả đời...
(Thơ tình gửi Dalida)

Em còn nhớ mỗi thứ Năm, Chúa Nhật
Xong lễ về, tôi đợi dưới vòm cây
Ở ngã tư mà em vẫn qua đây
Thuở hai đứa mới mười lăm mười bảy

Hai cánh công, giàn hoa leo bông giấy
Lời kinh thơm như là kẹo mạch nha
Vì lễ đầu dòng vừa mới hôm qua
Trong khăn lúp còn rung rung lời khấn
(Lễ đầu dòng)

Đêm nay, nhớ đốt trầm, chờ nhau nhé
Lẽ nửa đêm, theo kiệu Chúa Hải đồng
Con đường vòng, hai đũa bước song song
Hai ngọn nến, một đức tin ngời sáng
(Nhã ca lẽ nửa đêm)

-Tôi ngấm đứng, chờ em lên dâng hạt
Sao lời kinh, điệu vãn cứ nao lòng
Hình như là ơn Chúa ngấm vào trong
hành máu thịt chờ đức tin, lòng đạo
(Nơi thiên đường ký ức)

Cũng có lúc mơ ước cõi trần gian “*đầu gối, tay ấp*”:

Ngày mai em có lên đền thánh
Ra ngắm rừng dương xanh bóng kia
Đã tới mùa chim quyên xuống đất
Tùng đôi trong vườn rợp hoa kê...

...Em hát những bài ca Thánh vịnh
Cơ hồ mật ngọt và bùa mê

Lòng tin em đỡ đàn **tay gối**
Đầu ấp cho ta nổi nhọc nhằn
(Em lên đền thánh)

Người đọc không thể hiểu tại sao tình đơn phương ấy lại theo Anh suốt cả cuộc đời, cả trong chiêm bao. Sự thật Em chính là *Cái Đẹp tuyệt đối* mà anh hướng về. Anh thấy, lúc sắp qua đời, Anh gọi em là thánh nữ.

Vì tôi trót vụng đường tu
Bao năm nặng gánh tương tư với người
(Sơn tinh Thủy tinh)

Dung không trước lúc qua đời
Gọi em mấy bận sang chơi bên nhà

Maria, Maria
Em là thánh nữ, em là người yêu
(Chiêm bao)

Một nỗi buồn trần trở mãi trong tâm thức người thơ. Nỗi buồn bao trùm không gian thời gian, Không phải là thất tình kiểu trai gái yêu nhau, mà là sự tìm kiếm *Cái Đẹp tuyệt đối* mà người ở bến trần gian chưa với tới được.

Buồn đâu ở **tận tình không**
Con mê sùng ướt đày đồng mưa rơi

(Buồn)

Em vẫn giong thuyền sang **đất hứa**
Đêm khuya, nguyệt lạnh chỗ ta ngồi
(Gửi người biên viễn)

...Từ em đầu hạt mưa tuôn
Từ ta ra ngã ba đường, **vời trông**
Ngọn cò, bóng núi mênh mông
Nhớ nhung, xin hẹn một lòng hôm mai

(Đôi bờ)

Em như cây cải **về trời**
Để ta **ngóng đợi một đời** hư vô
(Một lời thác sinh)

Mai kia trong **cõi vô cùng**
Một vun nước nhạt, một lưng com thừa
Lạy trời bên ấy dăng mưa
Để **tôi đứng đợi** sau bờ đậu kia
Chờ khi xong lễ, em về
Bâng khuâng gió rét buồn nghe trong cảnh
(Bâng khuâng)

Và không ít nước mắt, nhưng nén vào trong lòng.

Ngày mai em có lên nhà mẹ
Xanh mấy tròng khơi, cách mấy sông
Nước mắt chực rơi, rồi nén lại
Đi, về đôi ngã, nước mênh mông
Chờ ngô ra bắp thêm mùa nữa
Khi cánh đồng vừa gặt lúa xong
Gió đã đổi chiều ra gió chướng
Mà thôi, **giấu nỗi buồn vào trong**
(Em về bên ấy có bình yên)

Bao giờ hạt lệ phôi pha
Từ em khóc giấu, từ ta thương thầm
(Mộ khúc)

Ước gì em đến bên tôi
Hai bên hàng ghé song đôi nguyện cầu...
...Cõi trầm hương rất nguy nga
Nghe tuôn lá động, nghe **nhòa lụy rơi**
(lời khăn nhỏ chiều Chúa nhật)

Cũng đành một buổi phân ly
Vời trông theo bóng người đi **mưa nhòa**
(Người về đầu non)

Từ em xa chẳng gần bên
Sẻ chia nước mắt, nhân lên nụ cười
(Quê nhà)

Không thể tìm thấy những nét chân dung cụ thể của một người yêu trần gian trong thơ tình Lê Đình Bảng. Không thể định vị nhân vật Em trong tình yêu của nhà thơ bằng không gian, thời gian, bằng những kỷ niệm, những tình huống như những người yêu trần gian của Hàn Mặc Tử. Cũng không thể tìm thấy những cảm xúc nhục thể nam nữ trong những lời tình mê đắm của thơ Lê Đình Bảng. Nhân vật Em ấy, một nữ tu, một cô gái Sion, một thánh nữ, chỉ có thể là *Cái đẹp tuyệt đối* mà nhà thơ suốt đời ủ ấp trong tim. Chỉ có điều, “*bến trần gian*” còn xa cõi trời quá, cho nên người thơ vẫn hoài ngóng trông.

Hoa kia nở trong vườn rào kín
Của thánh, nào đâu phải của mình
Của một đời hương hoa đạo hạnh
Của vâng lời, nghèo khó, đồng trinh
(Lời tự tình của bến trần gian)

VẼ ĐẸP THƠ TÌNH CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG

Ngoài vẻ đẹp về nội dung và tư tưởng, thơ tình Lê Đình Bảng có vẻ đẹp riêng về nghệ thuật ở nhiều yếu tố thi pháp.

Lê Đình Bảng đưa vào thơ thi liệu lấy từ bối cảnh đời sống sinh hoạt lễ hội Công giáo, điều này là một cách làm giàu thơ tình Việt Nam. Đối với giáo dân Công giáo, những sinh hoạt lễ hội ở nhà thờ là điều rất bình thường, nhưng chính nhà thơ là người phát hiện ra cái đẹp mới mẻ này.

Em có nhớ từ **lễ Tro** ra tết
Từ Giêng, Hai trong cái rét nàng Bân
Nắng ngọt ngào từ hơi ấm trong chăn
Quê nhà ta cũng vào **mùa thương khó**

Và khi ấy **đọc đường hoa xoan nở**
Ôi, loài hoa chịu phép rửa muôn màng
Như kẻ trộm vừa được phúc ăn năn
Đến tắm mát ở đầu nguồn Cứu Rỗi

Những tuần chay, mình **xếp hàng xưng tội**
Lòng bâng khuâng nghe chim hót ngoài vườn...
(Hoa xoan mùa thương khó)

Giục già lời kinh thơm nắng gió
Thiên lương câu hát đượm hương trời
Nô – en về vàng rục lúa ngô phơi

Những mắt biếc với môi trâm rạng rỡ

Ước gì mình sánh bước song đôi
Đêm rất thánh quỳ bên nhau lặng lẽ
(Rước tình)

Đêm nay, nhớ đốt trầm, chờ nhau nhé
Lễ nửa đêm, theo kiệu Chúa Hải đồng
Con đường vòng, hai đũa bước song song
Hai ngọn nến, một đức tin ngời sáng
(Nhã ca lễ nửa đêm)

Nhớ **mùa chay** trước em qua
Thứ Năm đi lễ Đức Cha Truyền Dầu
Hai lòng đã bén duyên lâu
Cứ như lá rét tìm nhau trong cành

Ta nhìn trong mắt em xanh
Hoa xoan tím tím mỏng manh. Ô kia
Ở nơi vòm cửa bên kia
Có đôi chim mới tha về cọng rom

Lúa mùa con gái đưng thơm
Hay hương tóc của chiều hôm lên đèn
(Mùa chay)
Mời em, xin nhảy mừng cho thỏa
Theo những tình nhân vui sánh đôi

Ở đây lúa đồng chiêm chín tới
Lời quyên ca riu rít vàng mười
(Hương mùa mới)

Đọc những câu thơ trên, người đọc còn nhận ra một điều mới lạ khác trong thi pháp thơ tình Lê Đình Bảng. Thơ tình Lê Đình Bảng gắn liền với khung cảnh thiên nhiên làng quê. Nơi ấy đẹp sững sờ: “*Lúa mùa con gái đưng thơm*”, “*dọc đường hoa xoan nở*”, “*nắng ngọt ngào*” “*trong cái rét nàng Bân*”; “*Nô –en về vàng rục lúa ngô phơi/ Những mắt biếc với môi trâm rạng rỡ*”...

Cho nên lễ hội Công giáo ở thôn quê vừa ngân vang lời kinh, tiếng hát, tiếng chuông, tiếng chim trong vườn; vừa ướp trong hương hoa, hương lúa, hương đất, và “*hương tóc của chiều hôm lên đèn*”... Trong thơ ca tình yêu Việt, những chất liệu, thi tứ, cảm xúc đó thật mới mẻ, có sức gây nghiện. Người đọc không chỉ cảm nhận thơ hay mà còn nhận ra những nét rất đẹp mà làng quê Công giáo đem vào đời sống văn hóa Việt.

Đi vào thế giới thơ tình Lê Đình Bảng, người đọc còn nghe đâu đây dư âm những câu thơ Kiều, thấy lấp lánh cái duyên dáng trong cách kể chuyện của Nguyễn Bính, cảm cái đồng điệu tài hoa sang trọng của thơ Phạm Thiên Thư (nhưng rất khác về tư tưởng. Phạm Thiên Thư viết theo nhãn quan Thiên - Lê Đình Bảng viết dưới ánh sáng Mỹ học Kitô giáo), và hơn thế, Lê Đình Bảng làm mới thơ cổ điển (thơ Đường-Lý Bạch, Bạch Cư Dị) bằng những tứ thơ rất khoáng đạt đậm Việt tính. Không gian và thời gian được mở ra rất rộng, thế giới tâm tưởng trôi chảy miên viễn đến vô cùng, thoát ra khỏi cái không gian chật chội của Thơ Mới (1930-1945): “Hai mươi bốn năm xưa/ một đêm vừa gió lại vừa mưa/ Dưới ngọn đèn mờ/ trong gian nhà nhỏ/ hai cái đầu xanh kề nhau than thở...” (Tình Già-Phan Khôi)

Xin hãy bay theo cánh thơ Lê Đình Bảng

Từ em chẳng thấy tấm hơi
Từ em bóng nắng gương soi nhật nhòa
Tôi về quê mẹ quê cha
Con trăng thấp thoáng khi xa khi gần
(Quê nhà)

Những chiều buồn bã thình không
Em đi khói ngát **vời trông** quê nhà
Bao giờ mở hội, tôi qua
Lẽ xa bên ấy bằng ba lẽ gần
(Lẽ xa lẽ gần)

Em đi **biền biệt** chưa về
Mấy mùa sông lấp còn nghe gió đàn
(Sa mạc)

Lạy trời, đổ xuống sương mưa
Chân mây mặt đất lưng bờ tràng giang
Dặn dò sông cứ **mênh mang**
Để ta **phiêu bạt** với ngàn long đong

...Khi không **chiều lại trông chiều**
Gửi em đây cả trăm điều xót xa
(Lạy trời đổ mưa sương)

Hỏi người, rặng liễu kia xanh
Có còn in những bóng hình hồng nhan?
Ta về, hỏi **khấp dương gian**
Trong vương áo mỏng cơ hàn ngày xưa
(Cổ hương)

Từ em **cách trở quan san**
Ta nương cánh **gió trăng ngàn miền khơi**
Lặng thâm khi những tấm hơi
Non phơi đầu bãi, non phơi bóng mình

(Những miền xa khơi)

Ở đây chiều rét **không mùa**
Vào ra sớm vắng, buồn trưa, mưa chiều
Ở đây **trời vẫn trong veo**
Hình như gió nói những điều thiêng liêng
(Thanh xuân)

Những tứ thơ khoáng đạt mở ra “*chân mây mặt đất*”, *gió núi trắng ngàn, đầu non cuối bãi, những rặng liễu xanh và ngọn gió nói lời thiêng liêng bay khắp cõi dân gian, mãi trên cõi trời trong xanh*, đưa tâm hồn người đọc vào cõi thơ bất tuyệt. Thơ tình Việt Nam ít có một thể giới nghệ thuật như vậy.

VỀ ĐẸP CỦA CÁI TÔI TRỮ TÌNH

Đó là một Cái Tôi dân dã, nghèo, long đong phiêu bạt nhưng vẫn thừa sang trọng. Một mình nhưng ở giữa trăng gió, hoa cỏ vây che.

Bỗng dung ngòi nhớ trắng quê
Tình tang cơm cháo măng tre đỡ lòng

Bỗng thương cái phận long đong
Giăng câu, vó tép bên sông một mình
(Tình tang)

Tôi mỏng manh và ải giòn như lá
Nhưng bốn mùa, hoa cỏ sóng vây che
(Thư nhà)

Cái Ta ấy có khí chất phương Đông: tĩnh tại, tự soi vào Tâm, hóa thân vào muôn kiếp khổ, mang nặng xác thân hư huyền, để sẻ chia kiếp người phù du như hương bay. Và trong cái nhìn Hoa Nghiêm (con sâu cái kiến, núi non mây ngàn..., vạn pháp đều có Phật tính), Cái Ta ấy bỗng nhiên ngộ “lẽ nhiệm màu”.

Đợi người **ta đã quên ta**
Hóa thân dưới cội sim già trầm tư
Ôi người khổ hạnh chân tu
Còn bao nhiêu kiếp thân hư hèn này

Ta đong giọt lệ từng ngày
Gửi người trong cõi hương bay nhạt nhòa
(Dòng đời)

Mời người thả bước vô thăm
Ngó lên cao, chỗ Phật nằm tịnh không
Mây gần, nở trắng như bông
Đường tăng ơi, rũ bụi hồng về đâu?

Ta, loài cỏ kiến, chim sâu
Bỗng dưng ngộ lẽ nhiệm màu từ bi
(Trưa trên đèo Takóu)

Cái Ta ấy lại như một hành giả khổ hạnh, nương nhờ vào lượng trời và *lưng cơm thừa* của nhân gian, để cảm nhận cho đến tận cùng nỗi hiện sinh xót xa.

Ta dẫu dành ta không cạn hẹp
Trời cho, xin nửa trái sim già
Và lưng bát nước qua cơn khát
Để kẻ trần gian đỡ xót xa...
(Bây chừ Huế mưa)

Mai kia trong cõi vô cùng
Một vun nước nhạt, một lưng cơm thừa
Lạy trời bên ấy dăng mưa
Để tôi đứng đợi sau bờ dậu kia
(Bâng khuâng)

Nhà thơ có lúc như một khách giang hồ, một tráng sĩ qua sông Dịch, vượt qua một hành trình đẫm đũa máu và thân xác đầy dấu đinh.

Nâng chén trà thơm, thơm tuyết trắng
Mãi gươm đợi một chuyến sang Tần
(Quỳnh)

Dặn lòng còn chút hương hoa
Giữ giùm nhau để may ra có ngày
Bốn bề lửa đốt giăng vây
Ta nghe mướt máu. Hòn đầy dấu đinh
(Vượt qua)

Và, cốt cách là một Cái Tôi si tình

Tĩnh không một tiếng thờ dài
Phòng không gác khánh, mái ngoài tường rêu
Ai về, tôi ngóng trông theo
Ngẩn ngơ trưa xế, ráng chiều bắt tằm...
(Đi lễ chùa nào)

Nhưng tôi rất thích nét *tiêu dao* (Nam Hoa kinh-Trang Tử) này của Lê Đình Bảng

Người từ quây lúa lên nương
Hai vai gánh nặng nhành hương nhân từ
Ta về, đọc lại thiên thư
Ngắm bông sim nở rừng Thu phong đầy

Cảm ơn bờ bụi quanh đây

Tháng giêng hoa cải vàng rây trước thềm
Ba nghìn thế giới tây riêng
Tịnh không một côi kê bên thôn đào

Cảm ơn ngày tháng xôn xao
Đôi con chim mộng ra vào vườn mai
Cảm ơn giờ khắc khoan thai
Trăm muôn bến đợ, ngàn phai sắc vàng

Cảm ơn bầu bạn dương gian
Áo gai hài cỏ, một gian liêu bồ
Sớm chiều vài hạt lương khô
Tiếng chim ghènh đá, giọng hò bãi sông

Cảm ơn đợt gió trên không
Thầm đem hơi ấm giữa lòng đương xuân
(Giữa đường thơm)

Tôi gọi đó là *Cái Tôi tài hoa* đậm chất phương Đông, nền nã Việt tính và nghệ sĩ tính. *Cái tôi ấy tài hoa* trong cách dẫn truyện, tài hoa trong dùng lời để nói những điều rất đẹp, dù là hiện thực khó nghèo. Cái Tôi ấy tài hoa ở việc tìm ra Cái Đẹp và sự chia sẻ với mọi người cái hạnh phúc thánh thiện. Tất nhiên không thể không nói đến sự tài hoa trong sử dụng những thể thơ, tài hoa trong việc thâm thấu ca dao và những câu thơ Kiều, những điển tích phương đông và phương Tây, những tư tưởng triết học của mọi thời. Chính *Cái Tôi tài hoa* ấy làm nên mọi giá trị thẩm mỹ của thơ tình Lê Đình Bảng.

CHỜ NGƯỜI SẺ CHIA

Tập thơ *Lời tự tình của bến trần gian* còn những bài thơ sâu nặng tình quê (*Tội tình, Gửi người quê cũ, Quê nhà, Máy thương, Oi, đồng quê ta, Về quê lúa quê chèo*), những bài thơ giàu có hiện thực và đầy ắp tài hoa về những miền quê nông đượm nghĩa tình (*Về Gò Thị, Lý Cái Môn, Ghé thăm nhà ông Đốc, Về Long Xuyên, Oi người Cần Xây, Đêm mịt mùng Tân Châu, Thả thuyền về sông nước Cửu Long, Ai về vườn bưởi Tân Triều về Huế*; thăm *Nhà dòng phố biển* (Nha Trang), *Về Tây Nguyên, Trưa trên đèo Takóu, Ghé thăm Kinh Bắc, Đêm ở Tràng An* (tiếp nối được tâm thức thơ Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan).

Lê Đình Bảng cũng viết những bài giàu chất trí tuệ với cốt cách nghệ sĩ gửi Nguyễn Du (*Thì thăm với Nguyễn Du*), gửi Cố Giám Mục Giuse Vũ Duy Thống, cố Đức Ông-nhà thơ Xuân Ly Băng, nhạc sĩ Thế Thông, nhạc sĩ Phanxicô. Đọc những bài thơ này, người đọc nhận ra những khuôn mặt văn hóa lớn của văn hóa Công giáo đương đại (nhưng cũng hiểu rằng, viết về người đương thời là rất khó).

Những mảng thơ ấy chứa đựng nhiều thông điệp của trái tim nhà thơ hướng về mọi người. Nó cũng ánh lên những sắc màu khác của tài thơ và cốt cách Lê Đình Bảng, rất tiếc

trong phạm vi một bài viết ngắn tôi chưa nói được điều gì, mong bạn đọc yêu quý thơ Lê Đình Bảng tiếp tục lắng nghe trong tim mình “*Lời tự tình của bến trần gian*”.

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều trong lời đề tựa tập thơ có viết: “...*không ít những câu thơ lục bát của nhà thơ Lê Đình Bảng đã thực sự quyến rũ tôi; ...Những câu thơ lục bát đã làm nên phần cơ bản con người thi sĩ của ông*”. Tôi nghĩ thêm, những bài thơ 7 chữ, 8 chữ của Lê Đình Bảng đã làm sống lại cái thi vị của Thơ Mới, mà một thời người ta đã “chôn” nó đi (Trần Dần).

Tôi nghe thấy trong thông điệp của Lê Đình Bảng điều này:

Giữ gìn, đừng để phai hương
Dấu ngày son nhạt, bước đường xa quê
(Cố hương)

Long Khánh ngày 04/5/2021

[*] Nhà thơ **Lê Đình Bảng** đã in các tập thơ: *Bước chân người Giao chỉ* (Sài gòn 1967), *Hành hương* (2006), *Quỳ trước đèn vàng* (2010), *Lời tự tình của bến trần gian* (2012), *On đời một cõi mệnh mang* (2014), *Kinh buồn* (2014), và các tập thơ được phổ nhạc: *Đội ơn lòng Chúa bao dung* (2012), *Lời khẩn nhỏ chiều Chúa nhật* (2012), *Về cõi trời mệnh mang* (2012). Ngoài ra, ông còn là nhà nghiên cứu lịch sử văn học Công giáo Việt Nam. Ông đã in “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” (2010), và bộ sách “*Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*” (2009) gồm 6 cuốn, 4.088 trang in do ông sưu tầm, nghiên cứu...

[1]<https://buicongthuan.wordpress.com/2020/06/24/tho-le-dinh-bang-quy-truoc-den-vang/>

[2] <https://buicongthuan.wordpress.com/2021/06/04/le-dinh-bang-hanh-huong/>

KINH BUỒN

VÀ HÀNH TRÌNH TƯ TƯỞNG CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG

(Đọc tập thơ *Kinh buồn* của Lê Đình Bảng. Tác giả xuất bản 2012)

Bùi Công Thuấn

Nhà thơ Lê Đình Bảng đã in các tập thơ: *Bước chân người Giao Chỉ* (Sài gòn 1967), *Hành hương* (2006), *Quỳ trước đèn vàng* (2010), *Lời tự tình của bến trần gian* (2012), *On đời một cõi mệnh mang* (2014), *Kinh buồn* (2014), và các tập thơ được phổ nhạc: *Đội ơn lòng Chúa bao dung* (2012), *Lời khẩn nhỏ chiều Chúa nhật* (2012), *Về cõi trời mệnh mang* (2012). Ngoài ra Lê Đình Bảng còn là nhà nghiên cứu có uy tín về lịch sử văn học Công giáo Việt Nam. Ông

đã in “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” (2010), và bộ sách gồm 6 cuốn “*Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*” (2009) do ông sưu tầm, nghiên cứu...

Kinh buồn là tập thơ thể hiện nhiều nỗi trăn trở của Lê Đình Bảng về lẽ trăm luân, còn - mất, tử - sinh của kiếp người, về đời hư huyền phù vân, về sự ra đi của những người thân yêu. *Kinh buồn* không phải *thơ tư tưởng* nhưng là *hành trình tư tưởng* của Lê Đình Bảng một hành trình vật vã nước mắt để đến được bến bình an.

NHỮNG TRẢI NGHIỆM BỀ DÂU

Đọc những tập thơ khác của Lê Đình Bảng, người đọc chỉ thấy một nhà thơ tài hoa, phóng khoáng và say mê; bay bổng với những bài ca tuyệt vời về Cái Đẹp, về cuộc sống; về tình yêu, trong không gian và thời gian bát ngát tươi xanh. Đọc *Kinh buồn*, người đọc sẽ rất ngạc nhiên khi thấy nhà thơ đắm đuối nước mắt.

Con đã khóc, từ khi tám bé
Những mùa Đông, mắt mẹ mắt cha
Ì ầm tiếng súng quê xa
Bên kia phòng tuyến, nhạt nhòa mưa bay

Con đã khóc những ngày trai trẻ
Mơ kiếm cung, dọc bể, ngang trời
Thế rồi, bèo dạt hoa trôi
Thuyền ra sông lớn, bồi bồi lòng đau

...

Con những tưởng rày trông mai nhớ
Sẽ phiêu pha duyên nợ trần ai
Nào ngờ, sét đánh bên tai
Người đi, đi mãi bên ngoài thời gian

...

Khóc là khóc, lòng chưa giải hết
Đòi ai không tử biệt sinh ly
Trông ra gò đồng xanh rì
Trăm năm còn thấy, thấy gì nữa đâu
(Như hoa thơm Chúa hái về)

Bài thơ gợi ra những nét rất đậm hành trình tư tưởng của nhà thơ Lê Đình Bảng trong đời dâu bể. Nhà thơ đã chứng kiến, đã sống tận đáy cái hiện thực cùng cực, nghiệt ngã của lịch sử xã hội Việt Nam. Lê Đình Bảng sinh năm 1942, nghĩa là ông đã chịu đói lả những năm Ất Dậu 1945. Năm ấy hơn hai triệu con dân Việt chết đói. May mà ông thoát chết. Sau đó, dân tộc phải nếm phải hứng chịu *mưa bom bão đạn* trong 30 năm chiến tranh vệ quốc. Đau khổ, tang thương, ly tán không lời nào nói hết:

“*Đêm đêm mưa đạn rơi
Dưới hiên thêm đá mẹ ngồi cầu kinh*”;

*Rồi lửa ngút giặc tràn quê nội
Mẹ con mình khăn gói đi mô”*

(Khóc mẹ).

*Ì ầm tiếng súng quê xa
Bên kia phòng tuyến, nhạt nhòa mưa bay.*

Mừng rằng đất nước đã hòa bình, thống nhất và phát triển, nhưng những vấn đề về *Con người* vẫn còn đó. Số phận mỗi con người trong vòng tử sinh vẫn là con thuyền trầm luân trong bể khổ: “*Thế rồi, bèo dạt hoa trôi/ Thuyền ra sông lớn, bời bời lòng đau*”. Nước mắt chảy mãi không nói hết lời: “*Khóc là khóc, lòng chưa giải hết/ Đời ai không tử biệt sinh ly/ Trông ra gò đống xanh rì/ Trăm năm còn thấy, thấy gì nữa đâu*”.

Hiện thực trần gian vẫn còn đây.

Chúa có thấy chuyện bây giờ thuở trước
Vẫn những thằng Bờm, vẫn những phú ông
Vẫn những chợ phiên đổi chác bán buôn...

...Hai nghìn năm vẫn dấm chua, mật đắng
Ôi, những vết thương chưa thể liền da.

(Lòng Chúa bao dung)

Trong thơ Lê Đình Bảng, có rất ít những câu thơ *phản ánh* hiện thực xã hội Việt Nam. Điều này khiến ông khác hẳn những nhà thơ lấy việc “*phản ánh hiện thực*” làm mục đích sáng tác. Có lẽ, là một nhà thơ lãng mạn, ông chỉ quan tâm đến Cái Đẹp, tìm và thể hiện Cái đẹp (chức năng chính của người nghệ sĩ); hơn nữa, thơ không thể sánh với văn xuôi trong việc ghi lại những cảnh đời, những biến động lịch sử, những tang thương dâu bể. Ở Miền Nam trước 1975, *Ca khúc Da Vàng* (Trịnh Công Sơn), *Mùa hè đổ lửa* (Phan Nhật Nam),... đã miêu tả cụ thể những bi kịch nghiệt ngã khốc liệt của chiến tranh mà người dân miền Nam phải chịu. Lê Đình Bảng chọn lựa con đường sáng tạo của riêng mình.

Lê Đình Bảng giữ thái độ vô ngôn trước hiện thực. Tâm thức ông thăng hoa thành những bài thơ “*bời sỏi ruộng mật*”, những vườn ngát hương hoa trái, những đỉnh non ngàn mây trắng bay, những bờ bãi mênh mông sóng nước.

Tôi nghĩ đến Nguyễn Du (1765-1820). Nguyễn Du hoàn toàn im lặng trước hiện thực xã hội Việt Nam thời Quang Trung-Gia Long. Tác phẩm của ông hầu hết lấy đề tài lịch sử, con người Trung Quốc (*Bắc hành tạp lục*). Qua đó ẩn chứa tư tưởng của ông về hiện thực. Có lẽ Nguyễn Du hiểu được lẽ hưng phế, hiểu được bản chất tang thương của thế sự, hiểu được bản chất thế tục của những tranh giành quyền lực, và ông chọn thái độ im lặng. Và ông bị phê phán ở thái độ này. Điều này không quan trọng, bởi Nguyễn Du để lại nghìn sau những bài thơ chứa đựng những tư tưởng lớn.

Tráng sĩ **bạch đầu bi hướng thiên,**
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên.
(Tập thi kỳ 1-Nguyễn Du)

Dịch nghĩa

Tráng đầu bạc đầu buồn nhìn lên trời,
Hùng tâm, sinh kế cả hai đều mờ mịt.

Lạy Chúa **hiều đêm con thức trắng**

Để xem ngày tháng có dài thêm

Một mình con hắt hiu chờ sáng

Tháng Bảy trời mưa ngâu suốt đêm

(Lời kinh khuya-Lê Đình Bảng)

Câu thơ “*Tháng Bảy trời mưa ngâu suốt đêm*” là ẩn dụ cho đêm đầy nước mắt. Đêm cũng là ẩn dụ cho cái nhìn về cuộc tang thương (*thương hải tang điền*). Nhà thơ chờ mãi, trong cô độc, hắt hiu, nhưng đêm dường như dài thêm. Nhìn ra bên ngoài, vẫn là đêm chờ sáng. Soi vào hiện hữu, nhà thơ thấy gì?

Ta nhìn ta giữa chiêm bao

Thịt da, hoa lửa, má đào, tóc tơ

Ta nhìn ta hóa cây tro

Hắt hiu trôi giữa đôi bờ tịch liêu

...

Một mình ta với mưa tuôn

Xem mây réo biếc, trận cơn kêu sương

Một mình ta giữa trăm muôn

Cái hương, cái tuyết, cái hồn phiêu linh

(Bên bờ tịch liêu)

Điệp khúc “*Ta nhìn ta*”, “*một mình ta*”, là thái độ tự soi vào hiện thể, soi vào tận đáy lòng mình, soi vào bản thể của Ta, vào ba ngàn thế giới chung quanh ta; là thái độ tự thức, tự giác, tự gạt bỏ tất cả những gì ngoài Ta, không thuộc về Ta, để hiểu cho thấu bản thể của Ta trong cõi nhân sinh này. Nhà thơ thấy mình chỉ là “*cây tro*” “*giữa đôi bờ tịch liêu*”, chỉ thấy “*một mình ta*” (nổi cô đơn hiện sinh) giữa những “*kêu/ réo*” của *mưa tuôn*, của *mây biếc*, của *cồn đầy sương*, của trăm muôn hình sắc *phiêu linh*. Những hình ảnh ẩn dụ này chính là cuộc đời “*kêu/ réo*” vây quanh. Cuộc đời xô bồ, ồn ào, đa mang, nhưng nhà thơ đã hóa “*cây tro*” (không phải là cây khô, cây chết), một trạng thái “*không tồn tại*”. Hiện sinh mà không tồn tại, đó là trạng thái bị kịch.

Bi kịch là ở chỗ còn vương cái duyên cái nghiệp.

Năm mươi mùa lũ trôi qua

Mẹ cha giờ đã đi xa cuối trời

Cái **thân** làm tội cái đời

Cái duyên, cái **ngiệp** của người, của ta

(Trầm tư)

Lê Đình Bảng dùng tư tưởng triết học Lão - Trang và tư tưởng Thiên đê lý giải. Lão Tử nói “*Hoạn hữu thân*”[“*Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân; Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?*”- Lão tử - Câu 13 - *Đạo Đức kinh*]. Vì có Thân, nên ta phải hoạn nạn. Và Phật nói

thêm. Hiện hữu (Thân) vốn là “Khô” (*Khô để* trong Tứ Diệu đế - Kinh *Chuyển pháp luân*). Cái khô truyền từ kiếp này đến kiếp lai sinh, bởi vì Thân là do nghiệp (*Đã mang lấy nghiệp vào thân*-Nguyễn Du). Nghiệp ấy do ta gây ra, nhưng nghiệp ta mang lấy cũng do kiếp trước và do người khác, mà Nghiệp là sợi dây trói (dù là *thiện nghiệp* hay *ác nghiệp*) trong quan hệ “duyên” với ta (Lý Duyên khởi). Nhà thơ đã đi qua 50 năm mùa lũ cuộc đời trong sự trói buộc của Thân-Nghiệp ấy.

Chúa biết con nghèo, con đói rách

Trôi sông lạc chợ, sống cầm hơi
Chạy ăn từng bữa, qua từng bữa
Dang nắng dang mưa với đất trời

...

Chúa bảo con, đường lên núi thánh

Ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh
Là băng qua núi cao rừng thăm
Mỗi bước chân đi mỗi gập ghềnh...

...Chúa bảo con mỏng dòn dễ vỡ

Ồ hờ con gió thoảng chiêm bao
Làm sao con dôi lòng con được
Chỉ một chênh chao giây phút đầu

Ở bên trần gian đầy cám dỗ

Ngàn vàng mua lấy thú thương đau...
(Suối nguồn yêu thương)

Dưới ánh sáng tư tưởng thần học Kitô giáo, Lê Đình Bảng nhìn vấn đề rõ hơn. Tất cả những “mưa lũ”, những hoạn nạn do “Thân/ Nghiệp” của kiếp người đều đã được an bài. Đó là con đường phải đi qua. Con đường Thánh giá. Thân phận con người là một thụ tạo, mỏng dòn, bị trần gian cám dỗ. Chính tội lỗi đã trói buộc con người (không phải Nghiệp). Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, con người bị “đính mắc” cái Nghiệp do chính mình tạo ra.

Chúa biết lòng con như chỉ rối

Sợi thừa mau, ngang dọc bời rời

Làm sao con gỡ mình ra được

Thôi, ngược dòng trôi, đuôi sức hơi

...

Chúa biết đời con luôn vướng vít

Những là rầy **nhớ** với mai **mong**

Còn chi sau mỗi mùa thu hái

Những rớt rơi, từng hạt đắng lòng

Chúa bảo con xa đàng tội lỗi

Mà sao con nhắm mắt làm ngơ

(Lời kinh khuya)

Đọc những dòng tâm sự của nhà thơ với Chúa, tôi nghĩ đến những thao thức của thánh Augustino (354-430) trong cuốn Tự thuật (Confessions). Augustino là thánh Tiên sĩ của Giáo hội. Ông từng là một thanh niên sống sôi nổi, mê đắm trong những tham vọng trần gian như mọi Con Người ở trần gian này. Bởi con người là xác thịt, là bùn đất, là bản năng (Freud). Trần gian vốn là vậy. Là dính mắc, là cay đắng, là oan khuất ngậm ngùi, là nước mắt phôi pha, là “Không”. Một mình ta phải mang lấy.

Trần gian chẳng uống giùm **cay đắng**

Lệ đá xanh và cây héo khô

Nỗi chết có san bằng tất cả

Ba nghìn thế giới vẫn là không

(Mộ khúc)

Rồi đây người chẳng bên người

Hắt hiu còn vắng, duềnh khơi giang hà

Cầm bằng giọt lệ phôi pha

Nửa người oan khuất, nửa ta ngậm ngùi.

(Nghìn sau)

TRA HỎI KHÔN NGUÔI

Trải nghiệm một hiện sinh như vậy, nhà thơ đứng trước rất nhiều vấn đề tư tưởng.

Hỏi ngàn xanh lá đương xuân

Thoát sinh sôi, đã lụi tàn, sầu đông

Hỏi đàn chim ngói qua sông

Trong hơi rét đậm, giữa đồng vàng khô

Cái gì như thể hư vô

Sao nghe rơi rớt những xô dạt buồn

(Lời thì thầm của bụi tro)

Đó là câu hỏi về hiện hữu, đương xuân đấy, thoát cái đã lụi tàn, phải chăng hiện hữu là hư vô? *Nỗi buồn xô dạt* hết phận người. Nhà thơ ngắm nhìn thiên nhiên và tra vấn (tra vấn là thái độ triết học). Thiên nhiên đâu có Thân, có Nghiệp như người, sao vẫn chịu quy luật của tàn phai hư vô?

Thiên nhiên vốn vô ngôn, nhà thơ quay lại hỏi mình.

Ta về, gẫm lại thân ta

Thoát trông tác bóng ngày qua xuân thì

Ta về, hỏi gã Trương Chi

Tình muôn kiếp trước yêu vì những ai

Đêm đêm, ngọn lửa trắng chài

Đâu hồn phách ở cõi ngoài, hư vô

Ta về hỏi những xa xưa

Một vàng trắng lặn đáy hồ lặng thinh

Bụi tro là của riêng mình

Ừ, thôi tan tác giữa nghìn mênh mông
(Hư vô)

Vẫn là câu hỏi về “*Hữu thể và thời gian*” (*Sein und Zeit* - Martin Heidegger, 1889-1976): thoát trong tác bóng, thân ta đã qua tuổi xuân thì. Hỏi Trương Chi, đâu là duyên của muôn kiếp trước? (Truyện Trương Chi-Mị Nương). Hỏi, ánh trăng như ngọn lửa chài đêm đêm (một tứ thơ trong *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế) đó là hồn của những ai? Nhà thơ đặt những câu hỏi về hiện thể, về “duyên-nghiệp”, hỏi về cõi âm; tức là từ thực tại đến siêu hình, từ hiện tượng đến tâm thức, tâm linh. Không có câu trả lời. Trăng dưới đáy hồ lặng thình (Mỹ học Thiên). Đành vậy, rồi thân ta cũng là bụi tro tan tác vào *ng nghìn mênh mông* (hư vô).

Ngâm trong những câu hỏi về Hữu thể là những “xao xuyến” (anxiety) triết học về tính *bất định, bất toàn, bất túc, hữu hạn* của con người. Tồn tại là *tồn tại quy tử* (Being toward death – M. Heidegger).

Khi đã là tro bụi, nào ai còn nhận ra tro bụi của ai. Đó là nỗi bi đát hiện sinh (*cay đắng*). Thân đã là tro bụi, vậy mà con người vẫn mê lầm.

Tôi ru tôi, nổi bọt bèo
Bởi hồn tơ tóc còn nhiều **đắng cay**
Bụi mình, bụi của ai đây
Sông Hằng xa tí chân mây, cuối trời
Bụi nào, bụi của thân tôi
Bụi ta huyễn hoặc, bụi đời lầm mê
(Trăm năm tro bụi)

Nhà thơ mượn cách lý giải của Phật. Đời là hư huyễn, là Không, vạn pháp là Không. Thân ta với ngũ uẩn cũng là Không. Nhưng con người cứ mê lầm là Có, để rồi quay quắt mãi trong giả niệm *Có-Không, Còn-Mất, Sinh-Tử* nhị nguyên không thoát ra được (Thiền thoại *con chó có Phật tính không*).

Nhưng dường như lý giải của Phật không đủ thuyết phục, nhà thơ quay sang hỏi Chúa.

Con thường hỏi rất vu vơ
Chúa ơi, biết đến bao giờ **đời con**
Lặng thâm như đá trên non
Trơ thân trầm tích, vô ngôn giữa đời
...
Con thường hỏi giữa mênh mông
Chúa ơi, ngàn biếc chen hồng mà chi?
Mai kia, cỏ lá xanh rì
Trông ra mấy vạt tà huy mịt mù
...
Con thường hỏi những trăng sao
Chúa ơi, quanh quất bên nào, đường quê

Ngược nhìn lên đỉnh Canvê

Nửa khuya thao thức còn nghe tiếng gà

Ở đây nhìn thấu xương da

Trăm năm còn mất, đâu là hợp tan?

Con thường hỏi những tro than

Chúa ơi, cả những phai tàn, về đâu?

(Tĩnh tâm)

Vẫn là những câu hỏi về hiện thể (“đời con”), về “còn-mất” sinh tử, về sự tàn phai của “vạn pháp”, và tiến xa hơn, nhà thơ hỏi Chúa con đường nào về bến quê (Quo vadis?).

Tất nhiên là Chúa không trả lời. Câu trả lời ở trên đỉnh Canvê. Với người Công giáo, con đường Cứu Rỗi là con đường Thánh giá. Mỗi người tự vác thập giá mình theo Chúa, như Chúa đã vác thập giá và bị đóng đinh trên đồi Canvê để Cứu rỗi nhân loại.

Con đường Canvê là con đường Đức tin. Mà đức tin lại là điều mong manh nhất. Kinh Thánh đã chỉ ra điều này từ hai ngàn năm trước. Môn đệ Phêrô được Đức Giêsu trực tiếp dạy bảo. Nhiều lần ông khẳng định lòng tin của mình với Chúa. Vậy mà, ngay đêm Đức Giêsu bị người Do Thái bắt, Phêrô đã chối Chúa ba lần trước lúc gà gáy, mặc dù Chúa đã cảnh báo ông ngay trong bữa tiệc ly trước đó.

Nha thơ tra hỏi về đức tin của chính mình.

Vâng, lạy Chúa, thiên đường chỉ có một

Mà nẻo về thì xa lác xa lơ...

Con lạc giữa ngã ba đường thế kỷ

Lô xô quán không, hương khói nhạt nhòa

Đã mấy dặm dài lau lách, phù hoa

Đã mấy canh khuya lạc lăm, chia cách

...

Chúa ở xa con xa quá đỗi

Âm dương còn cách trở đôi bờ

Chiều nay ra ngóng con thuyền bé

Bần bật về đâu, sóng nhấp nhô...

(Con biết tìm Chúa nơi đâu)

Giông bão ấy làm sao con đến được

Chỉ thấy hoa rơi và lá rụng đầy

Ôi đức tin con, ngọn cỏ lất lây

Vâng, lạy Chúa, thiên đường chỉ có một

(Ngược trông lên Thánh giá)

Thiên đường xa xôi quá. Chúa cũng ở xa quá. Nhà thơ lại sống giữa đời lấm lạc, như con thuyền bé trước biển đầy giông bão, làm sao đến được đất hứa. Như âm dương cách trở,

làm sao nhà thơ có thể đến với Chúa được, làm sao đến được Nước Thiên Đàng là nơi Chúa hứa thưởng ban.

Tra hỏi như thế là tra hỏi về căn cốt của Đức tin, là lộ ra một sự hoài nghi về chính hiện thể của mình, về chính “tồn tại”. Vực thẳm ngay dưới chân, nếu không có Ôn Cứu Rồi, Con người không thể vượt qua vực thẳm. “*Ôi đức tin con, ngọn cỏ lất lây*”.

Những khủng hoảng đức tin như thế bất cứ người theo Chúa nào cũng trải qua. Bởi ơn Đức tin là ơn Chúa. Không phải do nỗ lực ý chí của con người. Ánh sáng mặc khải ấy chỉ mở lối cho những tâm hồn bé mọn. Đức Giêsu cầu nguyện với Chúa Cha: “*Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha.*” (Lc 10, 21) [Jesus said, “*I praise You, Father, Lord of heaven and earth, that You have hidden these things from the wise and prudent and revealed them to babes. Even so, Father, for so it seemed good in Your sight*].

May mà nhà thơ còn chút lòng tin của hạt cải li ti (Đức Giêsu nói với môn đệ: “*Thầy bảo thật anh em: nếu anh em có lòng tin lớn bằng hạt cải thôi, thì dù anh em có bảo núi này: “rời khỏi đây, qua bên kia!” nó cũng sẽ qua, và sẽ chẳng có gì mà anh em không làm được*” (Mt 17, 20)

Chúa ở nơi đâu, gần xa cùng khắp
Đừng bỏ rơi con lạc lõng, mồ côi
Và ước chi trong thương tích của Người
Con tìm được một bến bờ nương náu
(Lòng Chúa bao dung)

Con biết mình khô khan yếu đuối
Nhưng hằng tin được rồi linh hồn
Từ trong giọt máu sau cùng ấy
Đã nhú chồi xanh mừng búp non

Lạy Chúa, chiều nay chân gói mồi
Nhọc nhằn lên dốc núi chon von
Bài ca ai hát Exsultet
Có phải là lời Chúa gọi con
(Hát từ ngôi mộ trống)

Trên Thập giá, Đức Giêsu đã đổ hết máu mình để Cứu Rồi nhân loại. Nhà thơ tin rằng, trong giọt máu cuối cùng (một tứ thơ rất hay) chảy ra từ cạnh sườn của Chúa (do lưỡi đòng của nhân loại đâm thấu qua), mình cũng sẽ được cứu rồi. Trong niềm tin ấy, khi nghe hát bài Exsultet (Bài công bố Tin Mừng Phục sinh), nhà thơ nghe tiếng Chúa gọi mình.

TRỞ VỀ

Thực ra *hiện hữu*, *hiện sinh* vốn vô nghĩa (không có nghĩa). Người ta gán nghĩa cho nó để bám víu vào đó mà sống, mà hành động. Sự gán nghĩa này tùy theo nhận thức (Hiện tượng luận - E. Husserl-1859-1938) về cuộc đời và mục đích mà con người muốn đạt đến.

Ý nghĩa đích thực của hiện sinh phải trong hai chiều kích. Chiều cao, chiều hướng lên, hướng về Thiên Chúa và chiều rộng, chiều ngang, chiều hướng về tha nhân. Ý nghĩa của hiện sinh không chỉ là chiều soi vào hiện thể của cá nhân để chỉ thấy *buồn nôn*, *phi lý*, *xao xuyến*, *hư vô*, chỉ thấy *sống là đi về cái chết* (Being toward death). Chết không phải là hư vô mà là sự sinh sôi. Lê Đình Bảng ý thức về bản thể trong mối tương qua đa chiều như vậy thật cụ thể.

Ta còn ở với dương gian

Để yêu, yêu lấy đời dan díu này
Để gieo hết hạt trong tay
Phơi phong hết nắng của ngày đương xuân
(Ta còn để lại gì không)

Ơn đời nặng nghĩa bao dung

Gió ơi xin cứ nuôi rừng đầy hương
Trở về, làm hạt mưa sương
Thác sinh hẹn với vô thường, nghìn sau
(Mượn lời thác sinh)

Ta đứng co ro, mình một bóng
Dưới hiên mưa ướt lối đi này

Mà xem đá rịn mồ hôi lạnh

Để nghiệm ra khoảnh khắc một đời

Vào cõi mênh mông thiên cổ lụy

Hạt mầm hư nát mới sinh sôi

(Nhớ)

Hóa ra, khi mở lòng ra với đời, khi nhận ra “*ơn đời nặng nghĩa bao dung*”, nhận thức được tương quan với người mới là bản chất của hiện sinh, và chỉ khi nhận ra “*Hạt mầm hư nát mới sinh sôi*” [*Nếu hạt lúa mì rơi xuống đất mà không thối đi, thì nó chỉ trợ trợ một mình, nhưng nếu nó thối đi, thì nó sinh nhiều bông hạt.*] (Ga 12,24)] thì những câu hỏi siêu hình mới được hóa giải.

Nhà thơ thấy nhẹ nhàng, thanh thoi.

Trở về thăm cội tùng xưa
Cùng rong rêu uống sương mưa đầm đìa
Gối đầu bên rặng lau, nghe
Trong hơi gió thổi, đêm khuya thì thầm...

...

Trở về ăn bát cơm chay
Quán thừa, rượu cạn, bàn đầy ly không
Trở về giục già bên sông

Nước lên, thuyền cũng lên, trông gió mùa
(Một cõi đi về)

Đó là tư tưởng “Vô vi” của Lão tử. Nói theo nhà Phật, khi đã *an trụ Tâm*, khi đã thoát khỏi cái *Tâm sai biệt* [*“Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”*]-kinh Kim Cang], đạt đến *Cái Tâm Bát Nhã* (*Bát nhã tâm kinh*) thì con người mới thoát mê lộ. Bài thơ *Tĩnh tâm* là một bài tuyệt hay.

Con nhủ thầm mình vừa tỉnh cơn mê

Có lưu luyến, có bồi hồi, giục giã

Nên đâu dám ngửa tay xin phép lạ

Nhưng hằng tin có Chúa ở trong mình

Dặn lòng mình, khẩn nguyện một lời kinh

Hãy cố nâng niu từng ngày sống một

...

Hoa có rụng, hãy rụng vào đất sạch

Trái còn xanh xin ở mãi trên cành

Bên kia Biển Hồ, nước biếc non xanh

Cứ thả lưới ở mạn thuyền bên phải

Một lòng tin nhỏ li ti hạt cải

Để thuyền neo, tôm cá chở đầy khoang...

(Bên kia hồ yên ả)

Một ngày được ở trong nhà Chúa

Con sẽ đàn ca lên, hát vang

(Suối nguồn yêu thương)

Khi đã tỉnh cơn mê, nhà thơ khẳng định một lòng tin. “*Một lòng tin nhỏ li ti hạt cải/ Để thuyền neo, tôm cá chở đầy khoang*” như các tông đồ của Đức Giêsu xưa. Họ thả lưới suốt đêm nhưng không được con cá nào. Nghe lời Chúa, Simon thả lưới bên phải thuyền thì lưới đầy cá. (Lc 5, 5-7). Tin vào Chúa, nhà thơ hồi sinh tâm hồn, biết “*nâng niu từng ngày sống*”. Không bận tâm vấn đề Tử sinh. “*Một ngày được ở trong nhà Chúa/ Con sẽ đàn ca lên, hát vang*”.

Nhà thơ cảm ơn đời

Cảm ơn trời đất trăm năm

Bao nhiêu ơn xuống, mưa dầm thấm lâu

Kể từ con cá, lá rau

Cây kim, sợi chỉ thừa mau, cũng là...

(Lênh đênh phận người)

THAY LỜI KẾT

Trong tập *Kinh buồn* có một mảng thơ rất hay khác là những bài thơ viết về cha, mẹ, vợ, con, về những người thân yêu đã qua đời (đặc biệt hay là những bài viết về các Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, GS Nguyễn Đăng Thục, Đức TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình, họa sĩ Giuse Bùi

Liêm, Lm Nguyễn Phúc Dân...) . Những bài thơ này vừa kế thừa được dòng thơ về tình gia đình, tình bạn trong thơ truyền thống của dân tộc, vừa góp thêm một cách viết rất mới, rất tài hoa. Nhà thơ yêu thương, tiếc xót người thân yêu nhưng không bi lụy, không sa đà vào những tư tưởng siêu hình. Riêng tôi nghĩ, chính cái chết của những người thân yêu này gợi nhiều ý nghĩa về hiện sinh cho nhà thơ, và hơn thế, giúp nhà thơ ngộ ra nhiều chân lý của Kinh Thánh trong hành trình tư tưởng của mình.

Là người tốt nghiệp *Cử nhân Giáo khoa Việt Hán* Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 1975, Lê Đình Bảng am tường văn chương, tư tưởng phương Đông, nên nhận thức và kiến giải những vấn đề tư tưởng của ông thấm rất sâu triết học phương Đông (Phật-Nho-Lão). Và điều mới mẻ là trong thơ của ông, những tư tưởng Phật- Nho- Lão ấy, và cả triết học phương Tây, lại được ánh sáng Kinh thánh soi chiếu, nhờ thế con đường tư tưởng của Lê Đình Bảng khác hẳn nhà thơ xưa cũng như các nhà thơ đương đại (Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Tô Thùy Yên...).

Con đường tư tưởng ấy phù hợp với những lời chỉ dạy của Giáo hội trong Tông huấn *Giáo hội tại Châu Á*: “*Á Châu cũng là chiếc nôi của các tôn giáo lớn trên thế giới -Do Thái Giáo, Kitô Giáo, Hồi Giáo và Ấn Giáo. Đó là nơi phát sinh nhiều truyền thống thiêng liêng khác như Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo...Giáo Hội giữ một niềm kính phục sâu xa nhất đối với các truyền thống này và tìm cách chân thành đối thoại với các môn sinh của truyền thống đó. Những giá trị tôn giáo họ truyền dạy, chờ được hoàn thành viên mãn trong Đức Giêsu Kitô*”. (Tông huấn *Ecclesia in Asia* của Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II. Chương I, đoạn 6)

Tôi hình dung thế này. Các tập thơ khác của Lê Đình Bảng (*Quỳ trước đèn vàng, Hành hương, Lời tự tình của bến trần gian...*) là những bè phối khác nhau của một đại giao hưởng, và *Kinh buồn* là bè trầm (Bass), rất sâu, rất dày, đầy uy lực, có sức nâng đỡ để tất cả các bè phối ở trên cùng cất cánh. Thiếu bè trầm, giao hưởng sẽ rất mong manh và chênh vênh. Nhờ thế người đọc có thể nghe được tiếng gió thoảng đầy ắp không gian của violin, tiếng ngọt ngào lãng mạn của Guitar, tiếng trầm hùng như sóng ngầm đại dương của Cello, tiếng thánh thót như giọt sương rơi trên lá cỏ của Piano và tiếng hùng tráng, ào ạt, thúc giục của dàn kèn đồng, dàn trống trong buổi xuất hành. Nói như thế để thấy màu sắc thẩm mỹ và tư tưởng của thơ Lê Đình Bảng rất phong phú. Thơ Lê Đình Bảng hay, dễ đọc nhưng cũng có những đòi hỏi khắt khe.

Đọc *Kinh buồn*, bạn đọc sẽ không thấy buồn, bởi nhà thơ đã dẫn chúng ta thoát khỏi những *hư huyền của bến trần gian* mà bước vào cõi hoan ca an nhiên trong ánh sáng Exsultet của Tin Mừng.

Cảm ơn trời đất trăm năm
Bao nhiêu ơn xuống, mưa dầm thấm lâu
Kể từ con cá, lá rau
Cây kim, sợi chỉ thừa mau, cũng là...
(Lênh đênh phận người)

Tháng 6/2021

VỀ ĐẸP VĂN HÓA CÔNG GIÁO TRONG THƠ LÊ ĐÌNH BẢNG

(Đọc tập thơ *Ơn đời một cõi mênh mang*. 2014)

Bùi Công Thuấn

Văn hóa là một đề tài rộng. Ở Việt Nam về địa lý, có 7 vùng văn hóa với những đặc điểm khác nhau: văn hóa đồng bằng sông Hồng, văn hóa Tây Bắc, văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Nam bộ...; có những tiểu vùng văn hóa như văn hóa Huế, văn hóa Kh'mer Nam Bộ. Ngoài ra còn có sự giao lưu văn hóa như văn hóa Phật giáo, văn hóa Công giáo, văn hóa Pháp, văn hóa Chăm...

Những vấn đề rộng của Văn hóa xin không bàn đến trong bài viết này. Chỉ xin giới hạn trong một số thành tố văn hóa để xem xét đặc điểm thơ Lê Đình Bảng trong tập *Ơn đời một cõi mênh mang*.

VỀ ĐẸP NGÔN NGỮ

Ngôn ngữ là thành tố quan trọng bậc nhất của văn hóa. Bởi có ngôn ngữ mới có tư tưởng, thi ca, nghệ thuật, tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống (là những thành tố khác của văn hóa). Ngôn ngữ không chỉ là ký hiệu (Ký hiệu học), cũng không chỉ là *Cái Biểu đạt* và *Cái được biểu đạt* (Ferdinand de Saussure)...Ngôn ngữ chứa đựng trong nó tư tưởng, lịch sử, nghệ thuật và thế giới tinh thần (của một dân tộc, một thời đại) và nhiều thành tố văn hóa khác. Nếu chỉ dùng Ký hiệu học hay lý thuyết ngôn ngữ của Saussure thì không thể nào đọc được *kinh vô ngôn* của Phật giáo (giống như thầy trò Tam Tạng thỉnh được bộ kinh không có chữ).

Khi Đức Giêsu nói: "*Lòng tin của con đã cứu chữa con*" (Mt 8, 18-26), thì câu nói ấy không chỉ có nghĩa thông tin, không chỉ là ký hiệu chữ, mà Lời của Chúa chứa đựng một tín niệm căn cốt của Kitô giáo, đó là Đức tin.

Nguyễn Du viết: "*Thiện căn ở tại lòng ta/ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*" (Đoạn trường tân thanh). "*Chữ tâm*" không chỉ là ký hiệu chữ, mà chứa đựng toàn bộ *Lý giải thoát* và con đường tu tập Phật giáo, bởi "*Tâm tức Phật/ Phật tức tâm/ Tức tâm tức Phật/ Thời thời như vậy*" (Kệ)

Ngôn ngữ có nhiều chức năng: vừa là công cụ giao tiếp, công cụ tư duy. Ngôn ngữ còn có chức năng hành động và là phương tiện sáng tạo nghệ thuật.

Trong sáng tác thơ ca, ngôn ngữ là yếu tố quyết định giá trị thơ và năng lực thi nhân. Phong cách của một tác giả trước hết được xác lập bởi việc sử dụng lời.

Lời thơ Lê Đình Bảng có những đặc điểm gì?

Thơ Lê Đình Bảng có nhiều lớp ngôn ngữ. Trước hết là khẩu ngữ dân gian vùng đồng bằng Bắc bộ (Thái Bình), đan xen với vốn từ của văn chương cổ điển (điển tích trong thơ văn cổ Trung quốc). Đặc biệt là lớp từ vựng mới là những điển ngữ Kinh thánh được Việt hóa. Từ đó Lê đình Bảng sáng tạo một kho từ vựng cho riêng mình.

Đây là ngôn ngữ cổ điển

“*Thế sự thặng trầm quân mạc vấn
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu*” (tr.30).

(Trong bài thơ *Uống rượu tiêu sầu II* của Cao Bá Quát)

“*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”(tr.57).

(*Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du)

Xót cho những Kinh Kha chí lớn

Ở bên kia ngọn sóng tràng giang (tr.59)

(*Điển*: Năm 227 trước Công Nguyên, Kinh Kha sang Tần hành thích Tần Thủy Hoàng nhưng bị thất bại. Xin đọc bài thơ *Dịch Thủy ca* của Kinh Kha và *Dịch Thủy tống biệt* của Lạc Tân Vương)

Đây là ngôn ngữ dân gian kết hợp với điển ngữ Kinh Thánh:

Mẹ đã dạy con *học ăn học nói*
Làm dẫu, dẫu mình sớm tối, chiều trưa
Một chữ cần đời, Mẹ có đi học bao giờ
Sao, kinh sách lẽ đời, trong lời ru văng vẳng
Nào hạnh tích, sấm truyền, nào ca dao vè vãn
Lần chuỗi đưa con, nhịp võng sau hè
Con lớn dần và chợt hiểu khi nghe

...

Cám ơn Mẹ, mỗi sớm tinh mơ gọi con đi lễ
Quãng lộ, đường mưa, lạnh cắt thịt da
Mau đến nhà thờ, kịp *lúc cha ra*
Hôm nay *lễ kính Đức Bà dâng Con, làm phép nén*
Cám ơn Mẹ đã dạy con cầu nguyện
Phó thác đời con làm của lễ thiêng liêng

...

Con chỉ là hạt bụi nhỏ nhoi
Roi xuống đất để nảy ngành xanh lá
(Cám ơn mẹ)

Chỉ một đoạn thơ ngắn của Lê Đình Bảng cũng hội tụ nhiều lớp ngôn ngữ.

Lớp từ ngữ: “*học ăn học nói*”, “*Một chữ cần đời*”, “*lạnh cắt thịt da*” là thành ngữ dân gian. Hình ảnh mẹ dạy con lễ đời, ru con bằng ca dao theo “*nhịp võng sau hè*” là những hình

ảnh dân dã đậm Việt tính của mọi bà mẹ Việt Nam. Chất dân dã trong thơ Lê Đình Bảng còn bao trùm vũ trụ thơ Lê Đình Bảng ở những bài ông viết theo “thể hứng” của ca dao.

Lớp từ ngữ: “*Làm dẫu, dẫu mình sớm tối; kinh sách, hạnh tích, sám truyền, vãn, lần chuỗi,*” *lúc cha ra*”, “*lễ kính Đức Bà dâng Con, làm phép nển*”, “*Phó thác đời con làm của lễ thiêng liêng*”; *Con chỉ là hạt bụi ... Rơi xuống đất* “ là ngôn ngữ “nhà đạo” (ngôn ngữ hàng ngày của người Công giáo).

Những từ ngữ đó gọi ra một nền giáo dục Công giáo, một nét sinh hoạt gia đình ở nhà người có đạo. Làm việc gì, người theo Chúa cũng “*lần chuỗi*” cầu nguyện với tâm tình “*phó thác*”. Ru con, thay vì kể chuyện cổ tích cho con nghe, người mẹ quê đã kể *hạnh tích, sám truyền*, tức là chuyện về đời sống đạo hạnh của các vị thánh (gọi là *Hạnh các thánh*), và các truyện tích trong Kinh thánh (*Sám truyền*). Mỗi sáng sớm, dù đường từ nhà đến nhà thờ phải qua “*Quãng lội, đường mưa, lạnh cắt thịt da*”, mẹ cũng gọi con dậy đi dự thánh lễ cho kịp “*lúc cha ra*” (không được đi trễ). Con lớn lên trong bầu khí ngôn ngữ, đạo hạnh, nề nếp sinh hoạt thánh thiện ấy.

“Ngôn ngữ nhà đạo” chiếm một lượng lớn trong vốn từ của Lê Đình Bảng. Người đọc lần đầu tiếp cận thơ Lê Đình Bảng sẽ ngỡ ngàng về vốn từ giàu có, mới mẻ ấy. Về phương diện này, Lê Đình Bảng đã góp phần làm mới, làm giàu ngôn ngữ thi ca Việt đương đại. Điều đặc biệt là, ngôn ngữ nhà đạo, vẫn tự nhiên, nhuần nhuyễn và gần gũi với người đọc, không gây trở ngại gì cho việc tiếp nhận. Tôi cho đó là tài năng ngôn ngữ mà Lê Đình Bảng kế thừa được từ kinh nghiệm sử dụng và sáng tạo từ của dân tộc.

Xin đọc lại tứ thơ

Con chỉ là hạt bụi nhỏ nhoi
Rơi xuống đất để nảy ngành xanh lá

Về ngữ nghĩa, câu thơ này không có gì khó hiểu, người đọc bình thường có thể tiếp nhận một cách tự nhiên.

Đặc sắc sáng tạo là ở chỗ, Lê Đình Bảng kết hợp hai điển ngữ Kinh Thánh:

Thứ nhất, *Sáng Thế Ký* viết “*Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật*”. “*Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.*” (St 2,7 và St 3, 19).

Thứ hai: dụ ngôn *Người gieo giống* (Lc 8, 5-8). Đức Giê su nói với đám đông dụ ngôn này: “*Người gieo giống đi ra gieo hạt giống của mình. Trong khi người ấy gieo, thì có hạt rơi xuống vệ đường, người ta giẫm lên và chim trời ăn mất. Hạt khác rơi trên đá, và khi mọc lên, lại héo đi vì thiếu ẩm ướt. Có hạt rơi vào giữa bụi gai, gai cùng mọc lên, làm nó chết nghẹt. Có hạt lại rơi nhằm đất tốt, và khi mọc lên, nó sinh hoa kết quả gấp trăm*”.

Con chỉ là hạt bụi nhỏ nhoi
Rơi xuống đất để nảy ngành xanh lá

Câu thơ ánh lên một tư tưởng mới. *Hạt bụi không trở về cát bụi* mà trở thành cây xanh tốt. Trịnh Công Sơn viết: “*Hạt bụi nào hóa kiếp nên tôi/ Để một mai tôi trở về cát bụi*” hàm

chứa cái bi đát của đời người. Trái lại, Lê Đình Bảng hướng về phía sự sống, sinh sôi tốt tươi: “*Hạt bụi...rơi xuống đất để nảy ngành xanh lá*”.

Cái nhìn của người theo Chúa luôn là vậy, luôn nhìn về phía sự sống. Đức Giêsu nói: “*Ta là đường, là sự thật và là sự sống*” (Ga 14, 6).

Trong thí dụ trên, Lê Đình Bảng có cách dùng điển ngữ Kinh thánh rất hay. Hai điển ngữ với ý nghĩa tương phản lại dệt được một tứ thơ tư tưởng đặc sắc, mới mẻ; đồng thời nhà thơ nói với người đọc trải nghiệm tâm linh của mình, rằng, từ những lời đạo hạnh mẹ dạy, con đã trưởng thành lên xanh tốt trong đời.

Tôi đã gặp được những từ ngữ này của nhà đạo trong thơ Lê Đình Bảng (xin chỉ nêu thí dụ): *Cửa lễ trên bàn thánh, cửa lễ thiêng liêng, quê trời muôn phúc thật, dư đầy ơn thiêng, lời kinh sốt mền* (tr. 28), *trần trẻ ân sung* (tr.97). *Lời hằng sống. Giọt máu cuối cùng trên thánh giá; về Emmaus, lễ mở tay, tiến lên bàn thánh; Hoa Mân côi nở bốn bề dậy hương* (tr.90), *Phiên châu lượt* (tr.83); *Như men, muối* (tr.62); *mặc áo tân nương/ tiệc cưới / về đồng cỏ / Con nguyện tin, yêu, phó thác / thông công, Hôm qua, hôm nay, mãi mãi / ở trong nhà Chúa* (tr.63), *hạt mầm gieo vãi* (tr.107). *Đỗ cụ, làm cha.*(tr.66)... Hầu hết những từ ngữ này hàm nghĩa của Kinh Thánh.

Tôi đặc biệt chú ý đến lớp từ Lê Đình Bảng sáng tạo riêng. Nó là dấu ấn phong cách của thơ ông. Lê Đình Bảng dùng nhiều hình ảnh của đồng bằng Bắc bộ. Thơ của ông ở bất cứ đâu cũng là hình ảnh thiên nhiên cao rộng khoáng đạt (trời cao xanh, núi non mây ngàn, sông nước tròng giang, trùng dương mênh mang...)

Biển trời, mây nước mênh mông

Một đi, chín nhớ, mười mong nỗi nhà

(Con là khách ở quê ra)

Đây Xóm Chiếu của **bờ xôi ruộng mật**

150 năm **canh thức dầu đèn** (tr.44)

Mau chân với, về thông công đại lễ

Cứ lung linh xiêm áo mới **dầu đèn**

(Trẩy hội lên đèn)

Lạy trời, đổ xuống **sương mưa**

Chân mây mặt đất **lưng bờ tròng giang**

(Lạy trời đổ sương mưa)

Có lẽ nhà thơ tâm đắc hai chữ “*sương mưa*” và “*bờ xôi ruộng mật*”. Ông dùng hai từ này nhiều lần ở nhiều bài thơ khác nhau.

Hai từ này được Lê Đình Bảng sáng tạo từ kho từ vựng Kinh thánh.

Sách *Asaia* (Is 45, 8) viết: “*Trời cao hỡi, nào hãy gieo sương, mây hạ đổ mưa, mưa đức công chính; đất mở ra đi cho nẩy mầm ơn cứu độ, đồng thời chính trực sẽ vươn lên...*”

Sách *Xuất hành* (3, 1-8) kể lại cuộc gặp gỡ của Môise với Chúa ở núi Horeb. Chúa hứa với ông: “*Ta xuống giải thoát chúng (dân Do Thái khỏi tay người Ai Cập), và đưa đến miền đất tốt tươi, rộng lớn, miền đất tràn trề sữa và mật*”.

Lê Đình Bảng là dân Thái Bình nông nghiệp, đồng chiêm, đồng trũng; đắp đập, be bờ; lúa mùa tốt tươi. Ông đem hình ảnh này tháp nhập vào “*miền đất tràn trề sữa và mật*” của Kinh thánh, thành một từ vừa quen, vừa mới: “*bờ xôi ruộng mật*”.

“*Bờ xôi ruộng mật*” là hình ảnh một miền quê ruộng đồng màu mỡ trù phú. Lúa nếp vàng ươm, thơm tho bao nhiêu là xôi. Cánh đồng mía tốt tươi, ngọt ngào bao nhiêu là mật: “*Xem mía trở cờ, rươi chín đỏ/ Thuyền qua sông Hóa, trắng mây bay*” (tr. 69); vừa là miền “*đất hứa*” trong Kinh Thánh.

Những sáng tạo ngôn ngữ mới lạ như vậy tạo nên phong cách nghệ thuật của thơ Lê Đình Bảng.

Lê Đình Bảng còn đưa vào thơ rất nhiều địa danh, tạo nên tính hiện thực và tính hiện đại trong thơ (điều này ca dao đã có). Đoạn thơ sau đây dày đặc những địa danh ghi dấu chân Lê Đình Bảng, cũng đồng thời bày tỏ nồng nàn một tấm lòng với quê hương của nhà thơ.

Tôi về quê mẹ-Thái Bình đây
Cờ bay hay tóc em bay, nhi
Thơm ngát đường thôn lúa gặt đầy

Lán biển, quai đê, **Tiền Hải** đầy
Kiến Xương, Thái Thụy, Vũ Thư này
Hung Hà nhân tiến vua sai trái
Chén rượu **Đồng Châu** ai tỉnh say

Xem mía trở cờ, rươi chín đỏ
Thuyền qua **sông Hóa**, trắng mây bay
Ai về **An Vỹ** sang **Lương Đống**
Làng Thọ, làng Vân tay nắm tay

(Thái Bình ca)

Sự pha trộn ngôn ngữ đồng bằng Bắc bộ với điển ngữ Kinh thánh đem đến một vẻ đẹp mới cho ngôn ngữ thi ca. Những nội dung, tư tưởng Kinh Thánh trở nên gần gũi quen thuộc, và ngược lại ngôn ngữ dân dã chứa đựng hàm nghĩa mới từ Kinh Thánh. Đây chính là vẻ đẹp của ngôn ngữ thi ca Công giáo (một mặt rất quan trọng của văn hóa Công giáo) trong tiến trình hội nhập với văn hóa dân tộc.

Về hành động ngôn ngữ, với vốn từ phong phú từ Kinh thánh, Lê Đình Bảng đã dẫn người đọc rời bỏ bầu khí văn hóa cổ điển Trung quốc (những Lý Bạch, Bạch Cư Dị, Vương Duy, Lạc Tân Vương...) mà tiến vào thế giới tinh thần phương Tây (Cựu Ước và Tân Ước), vào bầu trời thần học Kitô giáo, khác hẳn với vũ trụ *Thiên Mệnh* của Nho giáo, Đạo “*vô vi*” của Lão giáo và *Bát chánh đạo* của Phật giáo.

Cũng bằng hành động ngôn ngữ, nhà thơ đã “sống đạo”, đã “loan báo Tin Mừng” theo cách của người nghệ sĩ. Vốn điền ngữ Kinh thánh của Lê Đình Bảng giúp người đọc hiểu được lý tưởng thẩm mỹ, ý thức sáng tạo của nhà thơ. Điều này giúp định vị thơ Lê Đình Bảng, một tiếng thơ khác biệt với thơ thế tục.

NÉT ĐẸP NGƯỜI CÔNG GIÁO

Nói văn hóa là nói đến con người. Loài vật chỉ có bản năng, không có văn hóa. Sự trỗi dậy của bản năng nơi con người chính là sự tha hóa, suy đồi. Người ta đánh giá một con người bằng những ứng xử văn hóa của người ấy.

Cho nên, nói về vẻ đẹp văn hóa Công Giáo, trước hết hãy quan sát những chân dung, những hình tượng người Công giáo trong thơ Lê Đình Bảng.

Trong thơ Lê Đình Bảng, hình tượng người mẹ Công giáo khá đậm nét.

Trên bến vắng đò khuya lau lách
Tiếng đàn ai dặm khách trăng soi
Đêm nay bếp lửa ai ngồi
Hắt hiu đường vắng bóng người về thôn

Súng nổ vang phía đồn Kha-Lý
Từ Vân Am, Xá Thị, Quỳnh Côi
Đêm đêm mưa đạn rơi bờ
Dưới hiên thềm đá mẹ ngồi cầu kinh

...
Rồi lửa ngút giặc tràn quê nội
Mẹ con mình khăn gói đi mô
“Hoạt Thành, Tiên Lãng ra tro
Thụy Anh, Vĩnh Bảo ăn no kẹo đồng”

Mẹ ơi, sao mẹ không than thở
Dù đói no, sầu khổ, buồn vui
Chúng con vẫn nhớ nụ cười...
(Khóc mẹ)

Nhớ ngày rày năm xưa
Mẹ ngồi lần tràng hạt
Đợi con dưới phương đình
Rửa hè vắng lời kinh
Nghe ca về Cụ Sáu
(Về quê nhà Phát Diệm)

Nhân vật người mẹ Công giáo có những phẩm chất của người mẹ Việt Nam (cần cù, chịu thương chịu khó, giàu đức hy sinh, thương chồng thương con,..), nhưng Lê Đình Bảng tô đậm hình ảnh mẹ ngồi lần tràng hạt, mẹ ngồi cầu kinh, dù trong hoàn cảnh gian khổ hay trong

bom rơi đạn nổ. Hình như tất cả những gian nan hiểm nguy đối với mẹ, không gây ra sự lo sợ, thảng thốt, bi đát nào, mặc dù có những nỗi buồn đượ chôn kín trong lòng, và những nỗi truân chuyên không tỏ lộ. Do đâu *người mẹ Công giáo* có sự bình tâm ấy? Là do mẹ cầu nguyện phó thác mọi sự trong tay Chúa với một lòng tin kiên vững, dầu có sóng gió ba đào thì Chúa luôn che chở giữ gìn. Đức Giê su nói: “*Thầy để lại bình an cho anh em, Thầy ban cho anh em bình an của Thầy*” (Ga 14, 27). Như vậy vẻ đẹp văn hóa Công giáo ở người mẹ chính là **vẻ đẹp đức tin** trong mọi cảnh đời, sống tinh thần phó thác.

Vẻ đẹp người công giáo cũng đậm nét trong bài thơ *Những người anh em tôi*

Anh em tôi

Có **những người lên non xuống bể**

Ngước nhìn trời, gỏi sóng mà bơi

Giữa tràm luân, giữa tục lụy phân đời

Vẫn yêu lấy chiếc áo dòng ngày xưa mẹ sắm

Anh em tôi

Có **những người ở tận vùng sâu, xa lắm**

Xứ đạo nghèo, bốn mùa cây lúa chẳng ra bông

Lũ trẻ thơ bỏ học, mò cua bắt ốc ngoài đồng

Cửa lễ mọn là chục trứng gà, một hai nải chuối

Có những lúa đôi yêu nhau, chẳng đủ tiền cheo cưới

Hoa mẫu đơn vẫn đỏ thắm vườn nhà

Có quên đi những tháng ngày làm than, cơ nhỡ

...

Anh em tôi

Có **những người nông dân chân đất**

Cũng lên bờ xuống ruộng như ai

Cũng tro phân, chèo chống, cấy cày

Để lời Chúa mọc lên từ biển phèn mặn chát

Họ thủy chung như tấm lòng của đất

Họ bông bênh như con nước, tuần trăng

Chẳng bao giờ tham đỏ bỏ trắng

Vui lúa mới, buồn mùa màng thất bát

...

Nhà thơ ghi nhận nhiều cảnh đời gian nan, vất vả, khôn khó trăm điều, “*bông bênh như con nước*” của những người anh em (cần hiểu *người anh em* trong Kinh thánh), song tất cả đều không thở than. Họ vẫn vui sống và bằng lòng mang lấy phận người để “*Hoa mẫu đơn vẫn đỏ thắm vườn nhà*”, “*Để lời Chúa mọc lên từ biển phèn mặn chát*”. Tất cả những người Công giáo ấy, dù là tu sĩ hay giáo dân nghèo khổ, họ đều là con dân Việt, đậm phẩm tính Việt. Nhưng họ còn có thêm vẻ đẹp mới. Họ giữ gìn phẩm hạnh và sống Lời Chúa giữa mọi người, họ bình tâm gieo trồng Lời Chúa giữa *biển đời mặn chát*. Họ không coi kiếp người là kiếp khổ (“*Đời là bể khổ*”). Họ không cho rằng những khổ lụy phải chịu là do nghiệp quả. Không oán trời, không trách người như văn thơ cổ:

Đau đớn thay phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?
(*Văn tế thập loại chúng sinh*-Nguyễn Du)

Cả Truyện Kiều (*Đoạn trường tân thanh*) và *Văn tế thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du đều là tiếng kêu thương bi đát, bế tắc về phận người. Trái lại, Lê Đình Bảng đã ghi được vẻ đẹp văn hóa Công giáo nơi những người *sống đức tin* ở giữa cộng đồng. Họ **vác thập giá và đi trong sự bình an của Đấng Phục sinh**. Nét đẹp ấy khác hẳn những triết lý thế tục về con người trước kia.

GIA ĐÌNH, LÀNG QUÊ CÔNG GIÁO

Thơ Lê Đình Bảng không phải là thơ “*phản ánh hiện thực*”. Hơn nữa, bút pháp của ông là bút pháp của thơ Lãng mạn (1930-1940), dùng nhiều hình ảnh tượng trưng. Thơ phát triển theo mạch cảm xúc dào dạt của tâm trạng nhà thơ; vì thế nếu muốn tìm hiểu hiện thực gia đình, làng quê Việt Nam trong thơ ông, thì đó là điều bất khả.

Lê Đình Bảng không miêu tả những cảnh sưu thuế phi nhân như trong *Tắt Đèn* (Ngô Tất Tố), không có những phận người chết đói và cả chết no trong nỗi nhục (truyện Nam Cao), cũng không lên tiếng về những điều chà đạp lên nhân phẩm như trong *Thời xa vắng* (Lê lựu)...

Mặc dù cũng chịu đau thương bởi chiến tranh, bởi đói nghèo nhưng Gia đình, làng quê Việt Nam trong thơ Lê Đình Bảng thấm đẫm vẻ đẹp văn hóa Công giáo. Vẻ đẹp ấy tỏa sáng từ mẫu gương Thánh gia (Chúa Giêsu - Đức Mẹ và Thánh Giuse). Trong gia đình này cả ba vị đều là đấng thánh. Gia đình Công giáo Việt Nam và sống ơn gọi nên thánh. Làng quê Việt Nam nhộn nhịp tươi vui trong mùa Nô-en, rộn ràng lễ hội 40 ngày Chay thánh và Phục Sinh. Khác hẳn với làng quê trong thơ thế tục lặng lẽ bầu khí tâm linh Phật, tiếng chuông chùa tiễn ngày tàn vào hư vô...

Sớm chiều ba cứ đình ninh
Mỗi khi **lần hạt, đọc kinh, nguyện cầu**
Ngủ đi con, ngủ thật lâu
Đã nghe sương xuống mái đầu bạc phơ
(Ru con)

Đây, **trọn vẹn một niềm thuận thảo**
Làm lễ dâng, lòng đạo, đức tin
Chấp tray, miệng hát muôn kinh
Chúa thương, phù hộ, giữ gìn Mẹ luôn
(Mẹ là bóng cả cây cao)

Vẫn cái góc chân quê mình mãi mãi
Vẫn *một sương hai nắng* mẹ ra đồng
Vẫn *thân cò lặn lội ở bờ sông*
Cha cày ải trên cánh đồng chiêm trũng

Em hái đầy thuyền hoa sen hoa súng

Chở hết chiêm bao dâng trước bàn thờ
Ôi đức tin đã vàng óng chanh mơn
Và lòng đạo đã chín mùi thơm thảo

Mấy trăm năm là mấy mùa giông bão
Mỗi bước ta đi chân cứng đá mềm
Cứ mơ hoài được trong ấm ngoài êm
Vì nước mắt đã trào ra từ đáy
(Trên đỉnh Trường Sơn)

Xin cứ hái những nhành hương vừa ý
Bỏ câu ơi, bay lên, rợp ngoài đồng
Em có về quê lúa của nhau không
Vẫn đỏ thắm hoa vông, vào vụ gặt
Từ những buổi hừng đông đi vỡ đất
Đồng trũng, đồng chiêm, mùa gạo tám thơm
Tháng Giêng này, bông trĩu hạt, vườn ươm
Rộn ràng làng quê, chiếu chèo mở hội
Những cô tằm vừa lớn không như thổi
Rủ nhau đi, xiêm áo mới, dầu đèn
Cứ như thuyền ra nước lớn, triều lên
Mắt sáng, môi tươi, đàn ca nhã nhạc
(Khi trăm họ một nhà)

Nửa thế kỷ, tôi lìa xa quê mẹ
Nay trở về, đôi mắt cứ rung rung
Qua những cánh đồng nhòa nhạt hơi sương
Qua những đường thôn rạ rom sũng ướt

Về Trà Vy đúng vào **phiên châu lượt**
Giăng mắc cờ hoa như chốn kinh kỳ
Hình như là ai giữ bước chân đi
Thiên lương quá, đất và người yêu dấu

Ở đâu đó những lũy tre, hàng dậu
Ôi dạt dào, những cảm xúc, tôi nghe...
Lời mẹ ru hay nhịp võng sau hè
Ai vẫn đợi ngoài bên sông xưa cũ

Chùm mẫu đơn nở trong vườn nhà xứ
Em kết thành đôi hoa đỏ hồng hồng
Để hôm nào, ra đầu ngõ ngóng trông
Ai cuối bãi, ai đầu ghềnh xa lắc

Đã lâu lắm, tôi xa quê bản bật
Nhớ ngày xưa còn **cắt cỏ, chẵn trâu**
Đâu những bến bờ trong, đục, nông, sâu
Đâu những chân đê, bấp chiều lên khói

Tôi nghe rõ mỗi gập ghềnh trôi nổi
Mấy mươi năm dài hơn cả đời người
Nghe tiếng chuông chiều, ra ngắm mây trôi
Đứng trước hàng hiên, gửi hương cho gió
(Nhớ Trà Vy)

Những trích đoạn thơ trên đủ vẽ ra bức tranh làng quê Công giáo đẹp, êm ả với nhiều nét đẹp văn hóa mới. Vẫn là một vùng quê nghèo, người dân lam lũ “*một nắng hai sương*”, vẫn những “*thân cò lặn lội bờ sông*”. “*Mấy trăm năm là mấy mùa giông bão*”, những cánh đồng nhòa sương, những đường thôn uớt sũng rom rạ, tiếng mẹ ru văng sau hè, bấp chiều lên khói cùng với tiếng chuông chiều đưa hồn ta lên trời; nhưng nhà thơ lắng nghe được những dạt dào cảm xúc sau lũy tre, hàng dâu, trong những *phiên châu lượt*, làng quê *giăng mắc cờ hoa như chốn kinh kỳ*...thật thiêng liêng, thật thắm thiết nghĩa tình.

Về Trà Vy đúng vào **phiên châu lượt**
Giăng mắc cờ hoa như chốn kinh kỳ
Hình như là ai giữ bước chân đi
Thiêng liêng quá, đất và người yêu dấu

Tứ thơ này thật mới lạ và quyến rũ

Em hái đầy thuyền hoa sen hoa súng
Chờ hết chiêm bao **dâng trước bàn thờ**
Ôi đức tin đã vàng óng chanh mơ
Và lòng đạo đã chín mùi thơm thảo

Nét đẹp văn hóa làng quê Công giáo trong thơ Lê Đình Bảng là nét đẹp của “*đức tin vàng óng chanh mơ*”, là “*lòng đạo thơm thảo*” trong cả một “*thuyền đầy hoa sen hoa súng dâng trước bàn thờ*”. Một làng quê bình an, vừa sôi nổi sức sống lại vừa lắng đọng niềm tin yêu. Điều này khác hẳn với thơ hiện thực về làng quê. Có nỗi xót xa, hiu hắt.

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá...

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay...

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài miếng vá..
(Đông chí-Chính Hữu)

Tôi thăm thía cái tình làng nghĩa xóm của người nhà quê khi một người trong làng qua đời:

Trái qua một cuộc bể dâu
(Những điều trông thấy mà đau đớn lòng)
Trời mênh mông đất mênh mông
Nghìn thu cách mặt xa lòng từ đây
Hôm nay có một người nằm ngủ
Dưới tàn cây cỏ thụ xanh tươi
Máu ngừng reo, tắt nụ cười
Mà xe thiên cổ đưa người về đâu
...
Chúng tôi xin được già từ
Người đi đi mãi tím mù tăm hơi
Đau thương chẳng nói lên lời
Nguyện xin được hưởng quê trời, Amen
(Nhớ ông giáo Hà Nam)

‘TRẤY HỘI LÊN ĐÈN’

Ở Việt Nam có nhiều lễ hội. Có những lễ hội lịch sử: Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ Hội Gióng, Lễ hội đèn Hai Bà Trưng, Lễ hội Gò Đống Đa. Có lễ hội tâm linh: Trẩy hội Chùa Hương, Hội Lim, Lễ hội Katê của người Chăm ở Ninh Thuận, Lễ hội Cầu Ngư (Huế), lễ hội Tháp Bà Ponagar ở Khánh Hòa, Lễ hội Cầm Mường ở Lai Châu, Lễ hội Bà Đen, lễ hội vía Bà Chúa xứ...

Các lễ hội là dịp để con dân Việt trở về lịch sử, cội nguồn, gắn kết cộng đồng, hun đúc tính yêu quê hương đất nước. Lễ hội cũng thể hiện những khát vọng tâm linh. Người ta cầu cho quốc thái dân an...

Trong tập *On đời một cõi mênh mang* có nhiều bài “Trẩy hội”, gắn liền với những sự kiện lớn của Giáo hội Công giáo Việt Nam: *Về Sở Kiện về Thăng Long hội ngộ* (Khai mạc Năm Thánh 2010), *Về phương Nam trẩy hội* (Đại hội Dân Chúa 2010), *Về La Vang trăm họ một nhà* (Bế mạc Năm Thánh 2011), *Khi trăm họ một nhà, Cho trần gian được sống dồi dào* (Kỷ niệm 150 năm thành lập GP Huế)...

Mặc dù cũng là “trẩy hội” song lễ hội Công giáo hoàn toàn khác với lễ hội dân gian cả về nội dung và hình thức tổ chức. Lễ hội Công giáo có phần lễ là chính. Phần này theo đúng nghi thức của Roma trong việc cử hành các phụng vụ tế lễ tôn vinh Thiên Chúa. Phần “hội” thường chỉ là dịp để muôn dân khắp bốn phương trời hội ngộ, có dịp đến thánh địa kín mức ơn thiêng. Không có các nghi thức, các “trò” như trong lễ hội dân gian.

Nhà thơ Lê Đình Bảng không viết về phần phần “Lễ” mà tập trung miêu tả tâm trạng của người dự “hội” khi được gặp mặt người anh em khắp Trung, Nam, Bắc.

Trong các tập thơ của Lê Đình Bảng, những bài thơ về lễ hội có một mạch cảm xúc đặc biệt dào dạt phơi phới, cảm xúc của người đi dự lễ hội với một tâm hồn bay bổng như cánh hồng ngàn khơi. Những tay bắt mặt mừng, những gọi nhau ơi ới, những chuyện trò miên man, những níu kéo không dứt ra được. Muôn người cùng hòa một nhịp trái tim, cùng hát một khúc hoan ca của một đức tin trào dâng như sóng muôn trùng, của lòng mến rục sáng như lửa cháy.

Có lẽ đây là những bài thơ đúng với tầm vóc của hồn thơ Lê Đình Bảng. Một Cái Ta quảng giao, Cái Ta nhập vào cộng đoàn lễ hội, Cái Ta bay bổng non ngàn, trùng khơi khắp ba miền. Mạch thơ cuộn cuộn dào dạt cùng với đoàn người trẩy hội. Ông hay dùng từ “*trẩy hội lên đèn*”. Từ này bao hàm nghĩa của Kinh thánh.

Oi những liền-em liền – chị Kinh Bắc

Đã xôn xao lời biển gọi trào dâng
Từ buổi truyền tin Mẹ nói “xin vâng”
Mau chân nhé, bởi hồn đương thổn thức

...

Hôm nay trời và đất đã gồm nhau...

Ngày hội trùng dương tay bắt mặt mừng

Ngồi cùng bàn, *góp gạo thổi cơm chung*
Để chia sẻ những buồn vui, đáp đối

Ba miền đất ba dòng sông vời vợi

Một trái tim sôi tràn lửa Đa Minh
Giữ gìn nhau *bền đỗ* để làm tin
Như men, muối giữa trần gian giông gió
(Khi trăm họ một nhà)

Nay, trăm họ một nhà, vui hội ngộ
Tiệc đoàn viên, mừng lịch sử sang trang
Cao vút mây xanh, rục rờ đèn vàng
Nhà Chúa ngự đẫm mùi hương trầm quế

Mau chân vời, về **thông công đại lễ**
Cứ lung linh xiêm áo mới dầu đèn
Người bên người, như lớp lớp triều lên
Chung tiếng hát lời kinh mừng năm thánh
(Trẩy hội lên đèn)

Tay bắt mặt mừng vui trẩy hội
Người đi như nước máy hôm liền
Hôm nay, mở cửa Thiên Đàng đậy
Để thấy từ Tiên Tri, Sấm Truyền
Lời Chúa đã đi vào cuộc sống
Nảy ngành xanh ngọn, trái nhiều thêm
(Vườn Xoài ơi vỗ tay reo)

Về Trà Kiệu, về quê hương, nhà Mẹ

Ghé Hội An, ra phường phố đông ken
Trong đêm giã hoa, Ngũ Xã đỏ đèn
Cờ xí rợp trời đức tin vàng đá
(Tháng 5 về quê Mẹ Trà Kiệu)

Mau lên nhé, rủ nhau về đi lễ
Về La Vang, để cảm trí cảm lòng
Nơi bến bờ gặp gỡ những dòng sông
Con cái Mẹ từ muôn phương hội ngộ

Đêm nay, La Vang pháo hoa rực rỡ
Mắt lệ trào dâng, òa vỡ trong mưa
Ơn nhiệm màu đắm vào nhạc vào thơ
Sao, ngây ngất bởi lời kinh sốt mẩn
Mau lên nhé quỳ bên nhau cầu nguyện
Vì đêm nay, đêm nhật nguyệt ra đời
Bốn phương trời, mười phương đất xa khơi
Đêm trùm tịch, đêm bồi hồi chờ sáng
Mau lên nhé, kéo núi mòn sông cạn

(Về La Vang trăm họ một nhà)

Nét đẹp của văn hóa Công giáo trong các lễ hội là tinh thần của người đi dự lễ. Lòng chung lòng, nghiêm trang cầu nguyện. Họ đắm mình trong câu kinh tiếng hát và mở lòng ra hướng về Thiên Đàng.

Người gọi người, “*mau lên nhé*”. “*Bốn phương trời, mười phương đất xa khơi*” cùng về đây, “*Tay bắt mắt mừng vui trẩy hội/ Người đi như nước mây hôm liền*”; “*Người bên người, như lớp lớp triều lên/ Chung tiếng hát lời kinh mừng năm thánh*”; “*Mau lên nhé quỳ bên nhau cầu nguyện*”; “*Hôm nay, mở cửa Thiên Đàng đây*”.

Ôi thật là linh thiêng, thật là xúc động: “*Mắt lệ trào dâng, òa vỡ trong mưa/ Ôn nhiệm màu đắm vào nhạc vào thơ/ Sao, ngây ngất bởi lời kinh sốt mẩn*”. Triệu triệu con tim, triệu triệu tấm lòng cùng cất lời ca tụng Thiên Chúa và chia sẻ niềm hân hoan như ngày xưa Phêrô được Chúa đưa lên núi thánh (Mt 17, 1-9). Mỗi cử chỉ mỗi, mỗi hành vi đều hết sức giữ gìn trang nghiêm. Tình hiệp thông, sự gắn bó khắp muôn phương chưa bao giờ đẹp như thế.

Tất cả tinh thần thánh thiện ấy, thái độ tham gia lễ hội thành tín, trang nghiêm của mỗi giáo dân chính là nét đẹp văn hóa Công giáo trong đời sống cộng đồng mà các lễ hội dân gian không có được.

Tài năng của nhà thơ Lê Đình Bảng là vừa chụp ảnh được toàn cảnh “*trăm họ một nhà, vui hội ngộ*”, “*Ngồi cùng bàn, góp gạo thổi cơm chung/ Để chia sẻ những buồn vui, đắp đờ*”; vừa ghi được ánh hào quang tinh thần của “*đêm nhật nguyệt ra đời*”, và kìa! “*Cao vút mây xanh, rực rỡ đèn vàng/ Nhà Chúa ngự đắm mùi hương trăm quế*”.

Thơ ca Việt Nam có rất ít những bài thơ về lễ hội miêu tả cái tinh thần chung của “*trăm họ một nhà, vui hội ngộ*”. Có chăng chỉ là những tâm tình riêng, chuyện tình riêng đôi lúc khi đi dự lễ hội. Bài thơ *Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp có cái hay tả cảnh, tả tình từ góc nhìn cá nhân một cô gái 15 tuổi, nhưng có cái xô bồ, trần tục của bối cảnh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khí ngòi.
Tới núi con Voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây.
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.

(Chùa Hương-Nguyễn Nhược Pháp)

Thơ Lê Đình Bảng ghi được nét đẹp văn hóa lễ hội Công giáo. Đó là đóng góp riêng của nhà thơ vào thơ ca Việt đương đại. Mảng thơ này của Lê Đình Bảng bộc lộ rõ nhất sự tài hoa, phóng khoáng của thi nhân. Thơ mở rộng biên độ không gian, thời gian. Cái Tôi được giải phóng để hội nhập với cộng đồng. Vì thế, dù Thơ Lê Đình Bảng nằm trong thi pháp thơ thơ Lãng mạn (1930-1945) với rất nhiều hình ảnh tượng trưng, nhưng đã có những bước phát triển mới mẻ.

CÁCH NHÌN LỊCH SỬ

Tập thơ *On đời một cõi mệnh mang* còn có những bài thơ thể hiện cái nhìn lịch sử dân tộc và lịch sử Giáo hội Việt Nam. Nhà thơ giúp người đọc nhận ra vẻ đẹp văn hóa của một dân tộc trong tiến trình lịch sử, nhận ra vẻ đẹp của Giáo hội giữa những thăng trầm thế tục. Sự hội nhập văn hóa này xóa đi những định kiến lịch sử về đạo Công giáo ở Việt Nam một thời bị ngộ nhận.

Lê Đình Bảng viết về Xóm Chiếu (thành lập năm 1856), nhân dịp kỷ niệm 150 năm thành lập giáo xứ:

Trăm năm trước có ai về Xóm Chiếu
Ngút ngàn bên kia, kinh rạch chập chùng
Ngập mặn rừng chàm, bần đước, khe trông
Cá sấu, cọp, beo, muỗi mòng ve vắt

Và bao nỗi đau lặng thẳm giấu mặt
Từ buổi hừng đông gieo vãi đức tin
Của những lưu dân từ Nghệ, Tĩnh, Bình
Quảng Trị, Thừa Thiên, Hội An, Nam Ngãi

...

Từ phương Bắc người tay bồng tay bé
Lại những lưu dân trốn chạy cùng đường

Ở Sài Gòn nên đồng khởi đồng hương
Ở Xóm Chiếu nên đất lành chim đậu

...

Đây Xóm Chiếu của bờ xôi ruộng mật
150 năm canh thức dầu đèn
150 năm làm muối làm men
Một thời vỡ hoang một thời bão tố
Chúa dẫn chúng con băng qua Biển Đỏ
(Hát bài trường ca Xóm Chiếu)

Nhà thơ nhìn những “*nỗi đau lặng thầm giấu mặt/ Từ buổi hừng đông gieo vãi đức tin*” của giáo dân lưu tán từ Nghệ, Tĩnh, Bình/ Quảng Trị, Thừa Thiên, Hội An, Nam Ngãi và cả những dân di cư từ miền bắc vào Xóm Chiếu bằng cái nhìn Đức tin.

Đây Xóm Chiếu của bờ xôi ruộng mật
150 năm canh thức dầu đèn
150 năm làm muối làm men
Một thời vỡ hoang một thời bão tố
Chúa dẫn chúng con băng qua Biển Đỏ

Dưới ánh sáng đức tin, người Công giáo nhìn những đau khổ, gian nan “*Từ buổi hừng đông gieo vãi đức tin*” (trải qua nhiều thời kì cấm đạo từ chúa Nguyễn đến thời Quang Trung, các vua nhà Nguyễn, phong trào “*Bình Tây sát tử*” của Văn Thân, những khó khăn trong chiến tranh, khó khăn khi đất nước bị chia cắt...). “*Một thời vỡ hoang một thời bão tố*” ấy là “*bờ xôi ruộng mật*”, là thời gian để giáo dân “*canh thức dầu đèn*”, “*làm muối làm men*” để rồi “*Chúa dẫn chúng con băng qua Biển Đỏ*” (Ba tứ thơ này hàm nghĩa Kinh thánh)

Một cái nhìn như thế về lịch sử, về giáo hội thể hiện nét đẹp văn hóa Công giáo, nét đẹp của sự nhận thức những chân lý lịch sử dưới ánh sáng Tin Mừng.

Và đây là nhận thức về lịch sử dân tộc:

Đây, hoa gấm thành đô Tổ quốc
Đây, uy linh cương vực giống nòi
Dặm dài bờ cõi xa khơi
Đông Sơn còn vọng tiếng người nghìn xưa

Ai cười sòng mở cờ báo tiệp
Đuôi kinh ngư, dựng nghiệp trong ngoài
Nổi nhà, vận nước hai vai
Quyết đem chí lớn xây đài vinh quang

Bạch Đằng Giang sấm vang chớp giạt
Ngập xác thù trôi dạt mênh mông
Biển-trời-mây-nước Tây Đông
Sơn hà xã tắc con Rồng cháu Tiên

Khi quốc biên còn quyền hơn sức
Thuở binh đao thao lược đua tài
Bình Ngô Đại cáo giương oai
Thù trong mắt vía, giặc ngoài khiếp run

Cha dong ruỗi mài sơn đánh giặc
Mẹ tảo tần mài mực ru con
Hàm Rồng đứng giữa mưa bom
Trơ trạ sắt, gan đồng **Lam Kinh**

Trước Tổ quốc **anh linh tiên tổ**
Chúng con nay làm giỗ lập đàn
Nguyện cầu Quốc thái dân an
Non sông mở mặt Việt Nam lấy lòng

Lấy nhân nghĩa bao dung xử thế
Người với người, mở huệ tình thương
Lòng thành nguyện với hoa hương
Trăm muôn vạn lạy mười phương đất trời

...

Lạy Thiên Chúa Ba Ngôi vinh hiển
Lạy Nữ Vương Vô Nhiễm từ bi
Khi buồn vui lúc an nguy
Công cha nghĩa mẹ phú trì, ủa an

...

Chúng con nguyện chấp đôi tay
Chúa ban phần phúc dư đầy, Amen

(Bồi hồi bên sông Mã)

Bài thơ ghi: “*Kính dâng tiên nhân tiên tổ xứ Thanh*”, gọi cho người đọc một bề dày lịch sử của đất Lam Kinh, Thanh Hóa (Lam Kinh được nhà Lê xây dựng năm 1433). Trước Công nguyên, vùng đất Thanh Hóa nằm gọn trong quận Cửu Chân nước Âu Lạc (năm 111 trước CN). Nơi đây từng có cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu chống quân Đông Ngô (năm 248), nơi đây Hồ Quý Ly từng xây dựng Tây Đô (Thành nhà Hồ) và đóng đô (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa). Sau nhà Hồ, Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn, Thanh Hóa và hoạt động 6 năm ở đây (1418-1424). Xứ Thanh cũng là nguồn gốc của các triều đại lớn: Họ Lê, họ Trịnh và họ Nguyễn. Nhắc lại sơ lược một vài sự kiện lịch sử để thấy Xứ Thanh có vị trí quan trọng trong lịch sử Việt, nơi anh linh tổ quốc hội tụ.

Lê Đình Bảng nhắc lại thời Văn hóa Đông Sơn (Làng Đông Sơn, Thanh Hóa là nơi có di chỉ khảo cổ nổi tiếng thế giới được phát hiện năm 1924) ...Nhắc tới Lam Kinh, Bình Ngô Đại cáo là ghi nhớ công ơn khởi nghĩa Lam Sơn (Lê Lợi). Hàm Rồng là khu di tích lịch sử. Nhắc

tới Hàm Rồng là nhắc đến những sự tích anh hùng của dân xứ Thanh. Núi Rồng, sông Mã, động Long Quang là nơi ghi dấu nhiều danh nhân. Năm 1972, Mỹ dùng bom đánh phá cầu Hàm Rồng. Cầu do người Pháp xây dựng năm 1904...

Cái nhìn của nhà thơ Công giáo Lê Đình Bảng về lịch sử dân tộc mình là cái nhìn thế nào?

Trước Tổ quốc anh linh tiên tổ
Chúng con nay làm giỗ lập đàn
Nguyện cầu Quốc thái dân an
Non sông mở mặt Việt Nam lầy lừng

Lấy nhân nghĩa bao dung xử thế
Người với người, mở huệ tình thương

Đây là cái nhìn về một đất nước “*Địa linh nhân kiệt*” (Đất linh thiêng sinh người hào kiệt) với lòng tự hào và biết ơn. Nguyễn Trãi đã khẳng định: “*Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau/ Song hào kiệt đời nào cũng có*” (Bình Ngô Đại Cáo). Lê Đình Bảng nhận ra một đặc điểm ưu việt của tổ tiên là: “*Lấy nhân nghĩa bao dung xử thế/ Người với người, mở huệ tình thương*” nên con cháu mới được hưởng phần phúc. Là một nhà thơ Công giáo, Lê Đình Bảng không chỉ biết ơn tổ tiên mà còn nguyện xin Thiên Chúa cho “*quốc thái dân an, non sông mở mặt...*”. Nhà thơ đã hòa nhập vào tinh thần chung của dân tộc này.

THAY LỜI BẠT

Bài viết đã hơi dài, tôi không dám nhiều lời hơn. Chỉ xin chia sẻ điều này. Tập thơ *Ơn đời một cõi mệnh mang* và những tập thơ khác của nhà thơ Lê Đình Bảng có một giá trị đặc biệt là thể hiện những nét đẹp văn hóa Công giáo trong sự hội nhập với lịch sử văn hóa dân tộc. Ông không chỉ giúp người đọc cảm nhận về đẹp thơ ca mà còn giúp người đọc nhận ra về đẹp người Công giáo, về đẹp một gia đình Công giáo, làng quê Công giáo, lễ hội Công giáo và về đẹp lịch sử dưới ánh sáng Tin Mừng.

Nhà thơ Lê Đình Bảng, từ khuôn mặt một thi nhân tài hoa lãng tử đã hiện lên những góc cạnh của một khuôn mặt văn hóa Công giáo đương đại. Chất tài hoa kết hợp với sự uyên bác cùng với lòng nhiệt thành của một trái tim đầy ân sủng, Lê Đình Bảng đã góp cho văn học Công giáo những trang thơ văn độc đáo và giá trị.

Ông hiểu tất cả những điều ấy là do Trời, do đời cho ông.

Cảm ơn, **Trời** vẫn sương sa
Đã cho **đất** nở thành hoa, thành người...

...

Cảm ơn đời đoạn trăm điều
Nuôi ta đầy sức nâng niu cuộc đời
Ngày mai tàn cuộc rong chơi
Ta xin làm đóa trăng soi bên Người

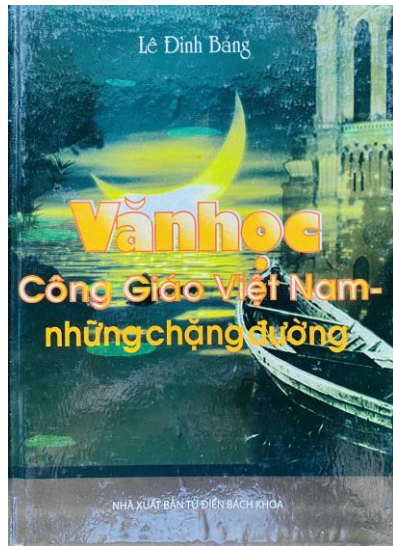
(Ơn đời một cõi mệnh mang) . Tháng 6/2021

Ghi nhận về cuốn sách

VĂN HỌC CÔNG GIÁO VIỆT NAM-Những chặng đường

Lê Đình Bảng. Nxb Tự điển bách khoa. Tháng 8/2010.

Bùi Công Thuấn



Có rất ít công trình viết về lịch sử văn học Công giáo Việt Nam. Cho đến nay mới chỉ có cuốn *Lịch sử văn học Công giáo Việt Nam* của Võ Long Tê (Nxb Tư Duy. 1965) và một số bài viết của các nhà nghiên cứu: Gs Thanh Lãng, Gs Nguyễn Văn Trung, các ông Phạm Đình Khiêm, Nguyễn Vy Khanh và gần đây Ts-Lm Nguyễn Đức Thông...

Nhà nghiên cứu văn học Lê Đình Bảng đã in bộ sách: “*Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*” (2009) do ông sưu tầm (gồm 6 cuốn, 4.088 trang) và cuốn “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” (2010). Đây là sự đóng góp hết sức quý báu vào việc nghiên cứu văn học Công giáo, bước đầu giúp người đọc nhận ra diện mạo văn học Công giáo trong dòng chảy của văn học dân tộc, và khơi gợi nhiều vấn đề học thuật cần được tiếp tục nghiên cứu.

Trong bài viết này, chúng tôi ghi nhận đôi điều về cuốn “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” như một cầu nối với những nhà nghiên cứu trẻ sau này.

NỘI DUNG “VĂN HỌC CÔNG GIÁO VIỆT NAM- Những chặng đường”

“*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” có 596 trang in với nhiều ảnh chân dung các nhà văn nhà thơ, ảnh chụp trang bìa tự điển, bìa tác phẩm văn học, ảnh chụp báo chí, tư liệu...

Nội dung có 6 chương. Mỗi chương có nhan đề riêng.

Chương 1: “*TẢN MẠN ĐÔI ĐIỀU*”. Tác giả đặt vấn đề về: 1. *Đức tin và văn hóa. Tôn giáo và văn học.* 2. *Có văn học Công giáo Việt Nam không?*

Về vấn đề “*có văn học Công giáo Việt Nam không?*” Tác giả băn khoăn: “*Thật khó nghĩ, khó tìm ra lời giải đáp thỏa đáng*” (tr.48). Dẫn tên tuổi các nhà viết văn học sử, giáo sử Việt Nam như Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, Hồ Hữu Tường, Hoàng Trọng Miên, Phạm Văn Diêu, Hà Như Chi, Lê Văn Siêu, Phạm Thế Ngũ, Thanh Lãng, Nguyễn Hồng, Phan Phát Huôn, Nguyễn Khắc Xuyên, Phạm Đình Khiêm, Đỗ Quang Chính,... Tác giả kết luận: “*Tóm lại qua các công trình nghiên cứu tổng quát hoặc chuyên khảo của các tác giả trên, một số vấn đề căn cốt của văn học Công giáo, của văn học Công giáo Việt Nam chưa được đặt ra. Chẳng hạn... diện mạo và đời sống văn học Công giáo Việt Nam như thế nào trong dòng chảy chung của văn học Việt Nam...*” (tr.49)

Lê Đình Bảng đặt vấn đề:

“*Chẳng rõ là định kiến, là ngộ nhận hoặc thận trọng? Giới nghiên cứu nói chung vẫn còn cảm tưởng, hình như văn học Công giáo Việt Nam là một thế giới đóng kín, thuộc về một cõi riêng tư nào đó, biệt lập, âm thầm, khó thâm nhập*” (tr.50)

“*Chúng tôi không dám bao biện, vơ vào. Nhưng rõ ràng Công giáo, ít nhiều, đã khơi gợi trong lòng văn nghệ sĩ Việt Nam một gặp gỡ mới mẻ, một đồng cảm khác lạ, tinh khiết, thiêng liêng nào đó...*” (tr.52)

Chương 2: “*CHẶNG VỞ ĐẤT GIEO TRỒNG*” (Thế kỷ XVI-XVII)

Sau khi liệt kê sự kiện lịch sử, ghi nhận tình hình truyền giáo, tác giả khái quát tình hình văn học giai đoạn này gồm:

Về hình thức: Hán, Nôm, Quốc ngữ.

Về nội dung: Kinh nguyện, giáo lý, truyện tích, giáo sử, quốc sử, ngữ pháp, tự điển văn thư, tường trình và thi ca.

Về tác giả: Giáo sĩ, Thầy giảng, giáo dân. (tr.66)

Sau đó giới thiệu những khuôn mặt tiêu biểu và các thể loại chính:

Girolamo Majorica, A.de Rhodes. Thầy giảng Phan Chi cô (tr.86), Thầy giảng Gioan Thanh Minh (tr.107), Rafael Đắc Lộ (tr.110), Quốc sử, Giáo sử (tr.113), Kinh nguyện và Ca vãn (tr.115), Thầy cả Lữ Y Đoan và *Sám Truyền ca* (tr.120).

Tác giả kết luận về chặng “*Vở đất gieo trồng*” (tr.126) như sau:

1. Văn học Công giáo Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ XVII đã trải qua 2 giai đoạn: *giai đoạn truyền khẩu* và *giai đoạn thành văn*. Sự tiến triển của văn học Công giáo gắn liền với sự tiến triển của công cuộc truyền giáo (tr.127).
2. Khuynh hướng văn học và tác giả giai đoạn này khá phong phú, đa dạng.
3. “*Việc sáng tác thuần túy văn học chưa hẳn thành một phong trào hoặc chưa thể hiện rõ nét những khuynh hướng*”, “*nhưng đã đặt cơ sở vững chắc cho nền văn học Công giáo ở những chặng đường tiếp theo*”(tr.128).

CHƯƠNG 3: “*CHẶNG ĐƯỜNG ĐÁM CHÔI NẢY LỘC*” (thế kỷ XVIII-XIX)

Tác giả liệt kê những sự kiện của bối cảnh lịch sử & văn học Việt Nam cùng với tình hình truyền giáo (tr.131), từ đó giới thiệu văn học Công giáo giai đoạn này có 2 đặc điểm:

1. Kế thừa văn học Công giáo thế kỷ XVII cả về hình thức đến nội dung.

2. Vai trò quyết định của chữ Quốc ngữ với những thể nghiệm thành công của báo chí và tiểu thuyết. (tr.133)

Và lần lượt giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm giai đoạn này:

Inê tử đạo vãn (tr.134), Philippe Do Rosario Bình (tr.138), Lm. Đặng Đức Tuấn (tr.148), Philippê Phan Văn Minh (tr.164), Lm. Phêrô Trần Lục (tr.173), Nguyễn Trường Tộ (tr.182),

Huỳnh Tịnh Của (tr.188), Trương Vĩnh Ký (tr.194), Danh sĩ Phêrô Phạm Trạch Thiện (tr.211), P.J.B Nguyễn Trọng Quản (tr.220)

Ghi nhận thêm các tác phẩm: Truyện các thánh (tr.224), Kinh nguyện-Tu đức-Linh đạo, Giáo lý minh triết, Tự điển ngôn ngữ, Văn và tuồng (tr.226)

Tác giả kết luận chung về giai đoạn này:

Đội ngũ người cầm bút đông đảo. Thi ca là sở trường. Một số tác giả có ý thức dân tộc (Đặng Đức Tuấn, Nguyễn Trường Tộ). Một số thể loại văn học lần đầu xuất hiện: báo chí và tiểu thuyết (tr.227)

CHƯƠNG 4: “CHẶNG ĐƯỜNG ĐOM HOA KẾT TRÁP” (THẾ KỶ XX)

Liệt kê những sự kiện lịch sử (tr.235), tình hình truyền giáo và văn học Công giáo (tr.238), sau đó tác giả trình bày “*Diện mạo và văn học Công giáo*” gồm 6 loại: (tr.248)

1. Thánh kinh;
2. Bí tích-Phụng vụ-Giáo lý-kinh nguyện;
3. Triết học-Thần học;
4. Giáo sử-Kỷ yếu;
5. Văn kiện-thư chung;
6. Tự điển-ngôn ngữ, văn thơ và báo chí...

Phần miêu tả “diện mạo văn học Công giáo”, tác giả chỉ nêu tên tác giả, tác phẩm, thuộc 6 thể loại trên, không giới thiệu, không phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật:

THÁNH KINH-PHÚC ÂM DIỄN CA

Tên tác phẩm (Danh mục tác phẩm dài 7 trang)

Thư viện Hội đồng Giám mục Việt Nam (tr.255), và giới thiệu 11 thư viện (tr.258).

PHỤNG VỤ-GIÁO LÝ-KINH NGUYỆN-TU ĐỨC (tr.261)

Tác phẩm Giáo lý diễn ca, Huân ca của: GM Hồ Ngọc Cẩn, JM Thích, Lê Thiện Bá, Trần Văn Trang, ĐHY Phạm Đình Tụng, Vũ Đức Trinh, Mai Lâm, Đoàn Văn Hàm, Trần Văn Thi, Bách Huyền, Đức Ông Xuân Ly Băng, Lm.Trăng Thập Tự, Vũ Ngọc Bích, Cao Vĩnh Phan, Đinh cao Thuần (tr.264)

THẦN HỌC-TRIẾT HỌC (tr.267)

Nêu tên tác phẩm (Danh mục dài 13 trang). Không phân tích đánh giá tư tưởng, giá trị văn học.

VĂN KIẾN-THƯ CHUNG-THƯ LUÂN LƯU-THÔNG CÁO (tr.281)

“*Đây chỉ là những bản văn mang nội dung tư liệu đánh dấu niên đại cùng các sự kiện của hội thánh địa phương*”. (danh mục tác phẩm dài 6 trang).

GIÁO SỬ-NIÊN GIÁM-KỶ YẾU-LỊCH CÔNG GIÁO (tr.288)

Danh mục dài 10 trang. Thi ca cảm tác về giáo sử Việt Nam có các tác giả (chỉ nêu tên tác giả): Lm.Trần Lục, Quận công Nguyễn Hữu Bài, GM Nguyễn Bá Tòng, GM Hồ Ngọc Cẩn,

JM Thích, Hoàng Văn Đoàn, Phúc Dân, Vũ Ngọc Bích, Cao Vĩnh Phan, Đức Ông Xuân Ly Băng, Lm. Trăng Thập Tự, Lm. Nguyễn Xuân Văn, Đinh Cao Thuần (tr.299)

TỰ ĐIỀN, TỪ ĐIỀN, NGÔN NGỮ, BIÊN KHẢO VHNT, BÁO CHÍ (tr.300)
(Chỉ nêu tên tác phẩm, không phân tích giá trị văn học).

TRUYỆN, CA VÂN, THƠ, TUÔNG KỊCH, THÁNH NHẠC (tr.314)

1. Truyện (tr.314)

Tác giả đặt vấn đề: “*Công giáo Việt Nam đã có những thể loại này chưa? Câu hỏi thật khó trả lời (tr.315) chỉ thấy lác đác vài ba trường hợp, không hợp lưu thành một dòng chảy, một khuynh hướng, một trào lưu văn học mang tính Công giáo*”. Chẳng hạn, Nguyễn Trọng Quản, Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoàng Mưu... và nữ sĩ Thụy An. Thế là hết!” (tr.315).

Tác giả khẳng định: Chúng ta có và đã có từ lâu một nguồn vốn không nhỏ, từ mảng “*Các Thánh truyện*” của Majorica, A. Rhodes, Philippe Bình (tr.316)

2. Ca Vân: (chỉ nêu tên tác phẩm. Không phân tích giá trị văn học) (tr.321)

3. Thơ (tr.327)

Phần này tác giả viết một bài tùy bút dài. Và cho rằng “*Kinh và thơ lẫn vào nhau*”. Giới thiệu các khuôn mặt tiêu biểu (sơ lược tiểu sử và tên tác phẩm, không có đánh giá văn học):

Lm Phêrô Trần Lục (tr.348).

Phêrô Giuse Nguyễn Hữu Bài (tr.350)

Giám mục Đaminh-Maria Hồ Ngọc Cẩn.

Lm. Giuse Nguyễn Văn Thích (tr.351)

Lm. Giuse Maria Lê Quang Oánh (tr.352)

Phêrô Phanxi cô Hàn Mạc Tử (tr.353)

Các tác giả sau 1975:

Phêrô Phạm Đình Tân (tr.355), GM Giuse Bùi Tuần (tr.355), Lm Giuse Vũ Ngọc Bích (tr.356), Lm Gérard Gagnon Nhân (tr.356), Giuse Mai Lâm (tr.357), Maria Ngọc Minh (tr.357), Lm Giuse Vũ Đức Trinh (tr.358), Giuse Nguyễn Duy Nhiên (tr.359), Phêrô Long Giang Tử (tr.360), Lm F.X Nguyễn Xuân Văn (tr.360), Đức ông GB Xuân Ly Băng, Gioan Võ Long Tê (tr.362), Lm Phêrô Vũ Đình Trác (tr.363), Pierre Đỗ Đình (tr.364), Giuse Bàn Bá Lân (tr.366), Paul Thérèse Hồ Dénh (tr.367).

Thơ trong di cảo người đã khuất (tr.368).

Thơ của người đã quen hoặc mới quen (tr.370):

(Chỉ nêu tên tác giả & tên tác phẩm. Không phân tích giá trị văn học)

Trăng Thập Tự, Đơn Phương, GM Nguyễn Văn Sang, Hoàn Sơn, Lm Trương Đình Hòa, Lm. Nguyễn Tâm Thường, Tống Huệ Thi, nữ tu Mai Thành, Nhất Tuấn, Trần Vạn Giã, Phạm Thi Thái Quý, Lê Đình Bằng, Trần Quang Chu.

Thơ trên báo chí trước 1975 (tr.371): Chỉ nêu tên tác giả:

Xuân Ly Băng, Trăng Thập Tự, Mạc La Đình, Đình Quang, Nguyễn Tâm Thường, Sao Vườn Dầu, Đình Bảng, Phan Sĩ Hoàng, Nguyễn Quốc Thái, Hoài Diệu, Từ Khang yển, Thanh Huệ, Từ Linh, Hoàng Ngọc Liên, Sâm Thương, Lê Minh Bình Dương, **Lý Thụy Ý**, Trang Thu Thủy...(tr.372)

Thơ trong các tuyển tập (tr.372)

4. **Tuồng, Kịch** (tr.372)

Giới thiệu tên 20 tuồng Công giáo (danh mục dài 6 trang) từ 1910 đến 1940. Không phân tích giá trị văn học.

5. **Kết luận** (tr.393):

Tác giả liệt kê tên các GS dạy triết Đông, Triết Tây, các học giả, các nhóm văn bút, nhóm báo chí, nhưng không có tên nhà thơ nhà văn nào (tr.399).

“Nhưng tiếc thay, nửa đường đứt gánh!...Thật buồn khi đọc văn học sử và báo chí Việt Nam, đổ con mắt mà chẳng tìm thêm ra được bóng dáng một tác giả, một tác phẩm Công giáo...Có chăng nơi những hiệu sách, nơi những thư viện nhà đạo, toàn là kinh nguyện, thần học, tu đức, quá xa lìa, cách ngăn đối với đời sống văn học nghệ thuật”(tr.400)

CHƯƠNG 5: “*GẶP GỠ NHỮNG DÒNG SÔNG*”

Khái lược Văn học Công giáo. Thơ chiếm 72,6%. (Tr.401)

Có bài sưu tầm:

1. *Về một số sách cũ do người Công giáo viết ra từ thế kỷ 17 đến Tk 19.* (tr.405).

Bài của Nguyễn Văn Trung.

2. *Mảng Nôm đạo thế kỷ 17.* (tr.408)

3. *Mảng Quốc ngữ.* (tr.409)

- *Tầm quan trọng của các bản văn Nôm thế kỷ 17 do giáo sĩ Majorica viết* (tr.412).

Bài của Nguyễn Văn Thọ.

- *Đọc Phép giảng tám ngày nghĩ về những người có lòng với văn hóa* (tr.419). LDB.

- *Tự vị Taberd và di sản văn hóa Việt Nam* (tr.425). Bài dài 14 trang của Trần Văn Toàn.

- *Truyện Thầy Lazarô Phiền của Nguyễn Trọng Quản những đóng góp vào kỹ thuật văn hư cấu (Fiction) trong văn học Việt Nam* (tr.443). Bài dài 8 trang của GS Hoàng Dũng.

- *Cha Léopol Michel Cadière* (tr.453). Bài dài 20 trang của của Lm G. Lefas. LDB dịch

- *Có chăng một nền văn hóa Công giáo Việt Nam* (tr.474). Bài dài 10 trang của

Lm Thiện Cẩm

CHƯƠNG 6. “*MỘT CHÚT TÂM TÌNH CỎ HOA*” (tr.491)

Chia sẻ 3 bài cảm nhận:

- *Chút tâm tình cỏ hoa* (tr.494)-Lê Đình Bảng.

- *Ki Tô giáo trong giao lưu văn hóa Tây phương với Việt Nam* (tr.504) - Nguyễn Văn Trung

- *Cái hằng ngày* (tr.517), không ghi tác giả. Chỉ ghi: Trích chương “Một nền văn hóa đại chúng trong “Đạo Chúa vào Việt Nam” (bản thảo).

Phụ lục 1:

Gửi giới văn nghệ sĩ (tr.535). Hồng Y L. Suénens tuyên đọc.

Gửi giới trí thức (tr.537). Hồng Y P. Léger tuyên đọc

Có vô việc phát triển văn hóa (tr.539). Thánh Công đồng Vaticano II.

MỘT VÀI GHI NHẬN

Giá trị hàng đầu của “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” là ghi được khuôn mặt các tác giả, tác phẩm, các hiện tượng, các thành tựu văn học Công giáo của các thế kỷ XVI-XVII; XVII-XIX; XX; qua đó khắc họa những đường nét chính của diện mạo văn học Công giáo trong lịch sử, giúp người đọc hôm nay có cái nhìn toàn cảnh sáng tác văn học của cha ông, không còn bị khuất lấp như trước kia. Qua việc miêu tả đời sống văn học, tác giả khẳng định có một nền văn học Công giáo đông đảo về tác giả, phong phú về thể loại và nghệ thuật, đóng góp vào dòng chảy chung của văn học dân tộc, điều mà các nhà nghiên cứu thế tục còn e dè, giữ thái độ cẩn trọng.

Tác phẩm cũng bước đầu hình thành một phương pháp nghiên cứu lịch sử văn học Công giáo có tính học thuật, mặc dù tác giả tự nhận “*chỉ là cách làm chủ quan của người biên tập, bởi tác giả tác phẩm Công giáo dường như không thuộc phạm trù “trường phái” hoặc “khuynh hướng” văn học rõ rệt mà ta thường thấy dưới ngòi bút các nhà viết văn học sử*” (tr. 247). Ở mỗi chương, Lê Đình Bảng trình bày đặc điểm của bối cảnh lịch sử, tình hình công cuộc truyền giáo, từ đó ghi nhận, đánh giá sự phát triển của văn học Công giáo. Sau đó, ông đi sâu giới thiệu những tác giả tiêu biểu, những tác phẩm có giá trị nổi bật. Kết thúc mỗi thời kỳ văn học đều có phần đánh giá và chỉ ra các đặc điểm chung.

Một giá trị khác của tác phẩm là tư liệu. Tác phẩm là một kho tư liệu hết sức quý giá. Cuốn sách như một “lược đồ”, rồi từ đó, đi đến tận ngọn nguồn tư liệu. Điều này giúp ích rất lớn cho những nhà nghiên cứu đi sau. Họ không phải mất công mò mẫm tìm đường và tìm tư liệu. Căn cứ vào “lược đồ” Lê Đình Bảng đã vẽ ra, họ sẽ đi nghiên cứu chuyên sâu, khám phá thêm các giá trị của văn học Công giáo mà ông Lê Đình Bảng (trong giới hạn của hoàn cảnh) chưa có thời gian nghiên cứu kỹ hơn. Thí dụ, có rất nhiều tên tuổi của văn học Công giáo thế kỷ XX chưa được nghiên cứu. Đặc biệt là phần từ sau 1975 đến nay.

Những ghi nhận sau đây cần được nghiên cứu thêm:

Lê Đình Bảng chưa có được một tiêu chuẩn khoa học để phân kỳ lịch sử văn học Công giáo. Cuốn sách chỉ là “*Cái nhìn lịch sử về văn học Công giáo*”, chưa phải là một cuốn *Lịch sử văn học Công giáo*”. Văn học Công giáo trong cuốn sách được phân kỳ theo thế kỷ và được đặt tên hoa mỹ, không phản ánh trung thực lịch sử văn học.

Thí dụ: **Lm Trần Lục** vừa được giới thiệu ở chặng đường thế kỷ XVIII-XIX (tr.173), vừa ở chặng đường thế kỷ XX (tr. 348).

Thí dụ: Chặng đường “**Đom hoa kết trái**” (thế kỷ XX), sau khi giới thiệu rất nhiều tên tuổi tác giả, Lê Đình Bảng kết luận (tr.393): trong rất nhiều tên tuổi các GS dạy triết Đông, Triết Tây, các học giả, các nhóm văn bút, nhóm báo chí, không có tên nhà thơ nhà văn nào (tr.399). “*Có chăng nơi những hiệu sách, nơi những thư viện nhà đạo, toàn là kinh nguyện, thần học, tu đức, quá xa lia, cách ngăn đối với đời sống văn học nghệ thuật*”(tr.400), vậy sao có thể nói văn học Công giáo thế kỷ XX là “*đom hoa kết trái*”?

Chưa có phân đánh giá chung lịch sử văn học Công giáo, chưa tổng kết xem văn học Công giáo đã đóng góp những gì làm phong phú văn học dân tộc? Chưa khẳng định được đâu là những khuôn mặt nhà thơ, nhà văn, nhà nghiên cứu văn học Công giáo có vị trí sánh ngang với các nhà văn của văn học dân tộc. Cho đến nay, các nhà thơ nhà văn Công giáo cũng chỉ được biết đến trong phạm vi “nhà đạo”. Không có tên tuổi nào sánh ngang Nguyễn Trọng Quản, Hàn Mặc Tử, được lịch sử văn học dân tộc vinh danh.

Một vấn đề khác cũng cần được nghiên cứu sâu hơn là “*thế nào là nhà văn Công giáo*”, “*thế nào là một tác phẩm văn học Công giáo*”? Nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng xếp nữ sĩ Thụy An (tr.315) với tiểu thuyết *Một linh hồn* (1943) và nhà thơ Lý Thụy Ý (tr. 372) vào danh mục nhà văn nhà thơ Công giáo, điều này cần phải được đánh giá lại.

Thụy An là một người Công giáo, nhưng cuối đời, bà cải đạo sang Phật giáo, quy y với pháp danh Nguyên Quy. Tiểu thuyết “*Một linh hồn*” chỉ là một truyện tình lãng mạn trong dòng *văn chương thị trường giai đoạn 1930-1945*, lấy bối cảnh Công giáo (giống như *Hồn bướm mơ tiên* của Khái Hưng lấy bối cảnh chùa chiền). Nội dung truyện hoàn toàn sai lạc với luân lý Công giáo, vì thế không thể coi Thụy An là *nhà văn Công giáo*, không thể đặt *Một linh hồn* bên cạnh những tác phẩm *văn học Công giáo*. Cũng giống như không thể coi cuốn sách *Tây Dương Gia Tô bí lục* (chữ Hán, in 1812) là tác phẩm văn học Công giáo. Đó là cuốn sách bịa đặt, nhằm nhí, xuyên tạc, một loại “ngụy thư”, nhằm mục đích “đánh phá” Ki Tô giáo. Cuốn sách này được Lê Đình Bảng nhắc đến trong tác phẩm (tr.241). Nhà thơ Lý Thụy Ý làm thơ tình yêu hướng đến người lính Cộng hòa. Có một số bài có chất liệu Ki Tô giáo, nhưng đó không phải là văn chương Công giáo. Chất liệu Ki tô giáo chỉ là một thời thượng.

Vì không có tiêu chuẩn cụ thể để xếp loại tác phẩm văn học Công giáo nên Lê Đình Bảng gom tất cả tư liệu văn hóa Công giáo vào trong “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*”. Ở chương viết về văn học Công giáo thế kỷ XX, ông trình bày diện mạo văn học Công giáo gồm 6 loại: (tr.248)

- 1.Thánh kinh;
2. Bí tích-Phụng vụ-Giáo lý-kinh nguyện;
3. Triết học-Thần học;
4. Giáo sử-Kỷ yếu;
- 5.Văn kiện-thư chung;
- 6.Tự điển-ngôn ngữ, văn thơ và báo chí...

Trong 6 loại trên, chỉ có “văn thơ” là thể loại văn học, còn lại là sách tôn giáo, sách triết học, sách ngôn ngữ và những văn bản nhật dụng (gọi chung là văn hóa phẩm). Thành ra nếu chỉ chọn sách văn học, thì “*vốn liếng văn học Công giáo*” sẽ không nhiều, và có thể chưa

đủ để hình thành một “*lịch sử văn học*”. Cho nên ông mới than thở: “*Thật buồn khi đọc văn học sử và báo chí Việt Nam, đồ con mắt mà chẳng tìm thêm ra được bóng dáng một tác giả, một tác phẩm Công giáo...*” (tr.400)

Trong cách viết, các phần trình bày không cân đối. Thí dụ, phần **Thơ** (tr.327) được viết như một tùy bút rất dài (21 trang). Ông viết say sưa bay bổng và tâm đắc (bởi ông là nhà thơ). Phong cách ngôn ngữ khoa học cần có đối với một công trình nghiên cứu phải nhường chỗ cho kiểu ngôn ngữ nghệ thuật, chủ quan, cảm tính, và vì thế, cuốn sách tràn đầy cảm xúc nghệ sĩ của tác giả.

Xin đọc: “*Bởi thế, trước sau Hàn Mạc Tử, thi nhân Công giáo ở Việt Nam tuy đông đảo nhưng vẫn chỉ là những ngôi sao lẻ loi, sống và viết lặng lẽ âm thầm. Viết vì đức tin lòng đạo, viết để ngợi ca, viết như lời cầu nguyện trong khung cảnh dòng tu, nhà thờ, xứ đạo làng quê hơn là muốn góp mặt góp tiếng với trận bút trường văn. Đã có nhiều, khá nhiều tác giả mai danh ả tích, nhiều tác giả chịu thiệt thòi cam phận khuyết danh, vô danh, tam sao thất bản hoặc mất tăm mất tích luôn. Đến nỗi đã có dư luận bảo đó là “ngoại thư”, là “dã truyện”, là “bí lục” hoặc “ngụy tín”. Thành thử ra, suốt mấy trăm năm qua, người Công giáo Việt Nam bị mang tiếng là “ngoại giáo”, trong tay chẳng có gì làm của riêng, vốn riêng đóng góp vào gia tài văn học Việt Nam? Tội nghiệp...*” (tr. 341).

Đoạn văn trên được viết bằng kiểu câu dài, cảm xúc mạnh mẽ. Phép trùng điệp làm nòng chày trang văn. Và để “nâng” sự cộng hưởng cảm xúc nơi người đọc, ông bộc lộ trực tiếp cảm xúc của mình. Ông viết: “*Tội nghiệp...*” như một tiếng ngậm ngùi trĩu lòng. Về nội dung, Lê Đình Bảng nêu nhiều vấn đề trong “*suốt mấy trăm năm qua*” nhưng không có một dẫn chứng cụ thể nào! Đây là “*ngoại thư*”? Đây là “*dã truyện*”? Đây là “*bí lục*”? Tác phẩm nào là “*ngụy tín*”? Phải chăng Lê Đình Bảng muốn nhắc đến cuốn *Tây Dương Gia Tô bí lục* (1812)? Đây là cuốn sách nhảm nhí, bịa đặt, xuyên tạc để “đánh phá” Ki Tô giáo, sao được kể là “*văn học Công giáo*”? “*Ngụy tín*” là một từ để chỉ lòng tin mù quáng sai lạc, không có sách nào gọi là sách “*ngụy tín*”, chỉ có “*ngụy thư*”.

Cũng về nội dung diễn đạt, Lê Đình Bảng không xác lập thể nào là tác phẩm văn học khi ông gom tất cả các sách của “*nhà đạo*” và chung thuật ngữ “*văn học*”. Sách “*Viết vì đức tin lòng đạo, ... viết như lời cầu nguyện trong khung cảnh dòng tu, nhà thờ, xứ đạo...*” thì đó là sách tôn giáo, không phải sách văn học. Câu văn sau đây có vấn đề về phép kết nối, tạo ra sự hàm hồ về nghĩa: “*Đã có nhiều, khá nhiều tác giả mai danh ả tích, nhiều tác giả chịu thiệt thòi cam phận khuyết danh, vô danh, tam sao thất bản hoặc mất tăm mất tích luôn. Đến nỗi đã có dư luận bảo đó là “ngoại thư”, là “dã truyện”, là “bí lục” hoặc “ngụy tín”*”. Hai lần Lê Đình Bảng nói đến “*tác giả*”, tức là người, sao người lại có thể bị “*tam sao thất bản*”, lại bị gọi là “*ngoại thư*”(tức là sách)? Câu văn ấy phải thêm vào cụm từ: “*đã có nhiều tác phẩm bị*” đặt trước chữ “*tam sao thất bản*” mới ra nghĩa.

Trong đoạn văn trên, có một nhận định không đúng về Lý luận văn học. Lê Đình Bảng viết: “*Đã có nhiều, khá nhiều tác giả mai danh ả tích, nhiều tác giả chịu thiệt thòi cam phận khuyết danh, vô danh, tam sao thất bản hoặc mất tăm mất tích luôn*”. Khi không có tác phẩm (*mất tăm mất tích*), khi không có tác giả (*mai danh ả tích*) thì sao gọi là tác giả, tác phẩm văn học được. Một bản thảo chỉ trở thành tác phẩm khi được in ấn, công bố và có người đọc. Cũng

vậy, người viết chỉ trở thành tác giả khi tác phẩm mình viết ra, được công bố và có người đọc. Một người viết vô danh, một cuốn sách *mất tâm mất tích* thì đâu phải là văn học! Thành ra khi Lê Đình Bảng thở than cho tác giả vô danh, tác phẩm *mất tâm mất tích* thì đó không phải là những cảm xúc thật. Người đọc buộc phải hoài nghi về giá trị thông tin khoa học của những gì ông viết.

Có lẽ lối viết “tùy bút” của Lê Đình Bảng chỉ là đẹp cho thể loại nghiên cứu.

Riêng chương 4: *Chặng đường đơm hoa kết trái* (thế kỷ XX), Lê Đình Bảng không phân tích giá trị văn học của bất cứ tác giả, tác phẩm nào. Một số tác giả có được giới thiệu tiểu sử và tên tác phẩm. Còn lại, rất nhiều tác giả, tác phẩm chỉ được nêu tên mà không được phân tích giá trị văn học. Có lẽ vì thế Lê Đình Bảng không có khám phá gì về những đặc điểm của văn học Công giáo trong giai đoạn này. Chẳng hạn, tính chất “hiện đại hóa” văn học với thể loại truyện của Nguyễn Trọng Quản, thơ Hàn Mặc Tử và *Tuồng Thương khó* của Nguyễn Bá Tông.... Cả chương chỉ có giá trị tư liệu, thống kê tư liệu. Tính chất nghiên cứu “Lịch sử văn học” chưa được triển khai.

Điều này có thể giải thích được. Sang thế kỷ XX, số lượng tác giả, tác phẩm của người cầm bút Công giáo đã tăng lên rất nhiều. Để đọc hết tác phẩm của các tác giả ấy, Lê Đình Bảng cần nhiều thời gian. Vì thế ông chỉ vẽ những nét chính của “bảng lược đồ” văn học Công giáo để người đi sau tiếp tục nghiên cứu. Cũng vì thế ông mới có sự ngộ nhận về tiểu thuyết *Một Linh hồn* (Thụy An) và *thơ lính* (Lý Thụy Ý) như tôi đã nêu ở trên. Xin đơn cử. Chỉ riêng trên tuần báo Nam Kỳ Địa Phận (1908) đã quy tụ nhiều tác giả nổi tiếng một thời như: Matthêu Hồ Tấn Đức, Jacques Lê Văn Đức, Nguyễn Hữu Bài, Hồ Ngọc Cẩn, Huỳnh Tịnh Hương, Nguyễn Văn Thích, Lê Thiện Bá (Phêrô Nghĩa), Trần Văn Trang, Nguyễn Bá Tông, Paul Vàng, Antoine Phi, Gabriel Hữu, Phaolô Qui, Phaolô Đạt, Nguyễn Cang Thường, Bá Đa Lộc Linh Đài, P. Đỗ Thới Cửa, Hồng Lam, An Phang, E.Thành Thông, Paul Tạo, Nguyễn Ngọc Quang, Francois Hữu Tâm, P. Nguyễn Hữu Lượng, F.X. Lê Vĩnh Khương.

Do tính chất tư liệu chi phối nên Lê Đình Bảng đã đưa nhiều tư liệu tham khảo (21 bài) vào cuốn sách “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*”. Ngoài các bài ở chương 5: “*Gặp gỡ những dòng sông*” đứng biệt lập, những bài tham khảo khác được in trong phần nghiên cứu thay cho bài nghiên cứu của tác giả. Chẳng hạn bài viết về Girolamo Majorica của Thanh Lãng (tr.66), bài viết về A. de Rhodes của Phạm Thế Ngũ và Đỗ Quang Chính (tr.75), bài viết về Philippe Do Rosario Bình của Thanh Lãng (tr.138), bài viết về Philipphê Phan Văn Minh của Phạm Đình Khiêm và Võ Long Tê (tr.164), về Cụ Sáu Trần Lục của Hoàng Xuân Việt (tr.176), Nguyễn Trường Tộ của Trương Bá Cần (tr.182), bài viết về *Tuồng thương khó* của Doãn Phương (tr. 382)...

Việc đưa thêm bài tham khảo vào sách có làm phong phú nội dung nghiên cứu, dù vậy nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng nên có những “phản biện” về nội dung những gì tham khảo. Thí dụ bài “*Thương khó, vở kịch nói và vở Opera đầu tiên ở Việt Nam*” của Doãn Phương phỏng vấn nhà nghiên cứu sân khấu Lê Thanh Hiền. Xin lưu ý rằng có sự lẫn lộn giữa “*Tuồng thương khó*” của Nguyễn Bá Tông với **kịch nói “Thương khó”** và **Opera Thương khó** (tr. 382) mà ông Nguyễn Thanh Hiền nói đến. “*Tuồng Thương khó*” của Nguyễn Bá Tông mới là tác phẩm ghi dấu ấn về thể loại sân khấu ở đầu thế kỷ XX.

THAY LỜI KẾT

Có nhiều vấn đề văn học cần được tiếp tục nghiên cứu trong cuốn sách “*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*”.

Đó là vấn đề xác lập thế nào là *tác phẩm văn học Công giáo*? Nhà văn Công giáo có những phẩm chất gì? Cũng cần phân biệt *văn chương phong trào* (văn chương bình dân) với *văn chương nghệ thuật* (văn chương bác học/ văn chương chuyên nghiệp). Sự khác biệt giữa tác giả phong trào (người cầm bút Công giáo dùng văn chương làm phương tiện truyền giáo, viết theo quán tính) với nhà thơ, nhà văn là người sáng tạo “Cái Đẹp”. Việc phân kỳ lịch sử văn học Công giáo dựa trên những tiêu chí nào? Cần phải chỉ ra những trào lưu nào chảy suốt lịch sử văn học (thí dụ dòng Diễm ca kinh thánh, dòng Huân ca, Hạnh các thán). Văn học Công giáo có những đóng góp gì làm phong phú văn học dân tộc (thí dụ, văn học Công giáo góp phần đưa văn học Việt Nam thoát ly khỏi ảnh hưởng văn học Trung Quốc, hội nhập với văn học phương Tây và hiện đại hóa nền văn học dân tộc). Bối cảnh lịch sử xã hội và công cuộc truyền giáo ảnh hưởng thế nào với sự phát triển của văn học Công giáo? Giáo hội có vai trò gì trong việc loan báo Tin Mừng bằng văn hóa, văn học? Những nhà văn nào, những tác phẩm nào là tiêu biểu cho văn học Công giáo, sánh ngang hoặc đi trước văn học dân tộc? Nguyên nhân nào khiến cho văn học Công giáo không được công chúng và giới nghiên cứu văn học thế tục chú ý?...

“*Văn học Công giáo Việt Nam-Những chặng đường*” có thể gợi mở cho những vấn đề đó. Bởi tác phẩm này là nguồn, là “bảng lược đồ” là những đường nét đầu tiên của diện mạo văn học Công giáo Việt Nam mà những nhà nghiên cứu đi sau nhất thiết phải tham khảo, phải nghiên cứu, phải đối thoại, để *Lịch sử văn học Công giáo Việt Nam* được khẳng định và trở thành dòng chảy chung trong lịch sử văn học Việt Nam. Chỉ bấy nhiêu thôi thì tâm huyết, công sức và tài năng của nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng cũng đã được ghi nhận. Ông đã đặt một mốc son trong hành trình chung của việc nghiên cứu văn học Công giáo Việt Nam.

Việc ghi nhận của chúng tôi không tránh được cái nhìn chủ quan, mong là sự gợi mở những vấn đề, để các nhà nghiên cứu trẻ tiếp tục. *Văn học Công giáo Việt Nam* đang gọi mời những nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu, những tấm lòng và tài năng của giáo hội tham gia.

Tháng 10/ 2021

[1] Nhà nghiên cứu văn học Lê Đình Bảng Sinh ngày 17.9.1942 tại làng Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh. Quê: Thọ Cách, Thái Thụy, Thái Bình. Học Tiểu chủng viện Mỹ Đức (Thái Bình), Phan Rang và Phanxicô Savie (Bùi Chu) Sài Gòn, ĐCV Lê Bảo Tịnh - Gia Định (1958-1960). Tốt nghiệp Cử nhân Giáo khoa Việt Hán - ĐH Văn khoa Sài Gòn (1966), ĐH Sư Phạm Sài Gòn -Việt Hán (1971). Ông đã in các tập thơ: *Bước chân giao chỉ* (Sài Gòn 1967), *Hành hương* (2006), *Quỳ trước đèn vàng* (2010), *Lời tự tình của bến trần gian* (2012), *Ơn đời một cõi mệnh mang* (2014), *Kinh buồn* (2014), và các tập thơ được phổ nhạc: *Đội ơn lòng Chúa bao dung* (2012), *Lời khẩn nhỏ chiều Chúa nhật* (2012), *Về cõi trời mệnh mang* (2012).

NHỮNG MIỀN QUÊ HƯƠNG TUYỆT VỜI KỲ LẠ

(Đọc bài thơ *Hành hương* Francis Lê Đình Bảng)

Bùi Công Thuận

HÀNH HƯƠNG

Francis Lê Đình Bảng

1. Sao em chẳng cùng tôi lên rừng vắng
Mà chiêm bao muôn đềm lạ, ơn thiêng
Bốn mươi đêm ngày chay tịnh, hồn nhiên
Nghe suối hát mừng tự do phơi phới

Vừa nhan sắc, vừa nhung tơ, vời vợi
Vừa thơm tho, vừa kỳ diệu khôn lường
Bởi đất trời còn ướt đẫm mùi hương
Bởi lá thắm mở phơi lòng nhân đức

Sao em chẳng quỳ bên tôi, châu chực
Hai đũa mình, hai ngọn nến song song
Mà trí khôn, cầm bằng sợi tơ không
Mà miệng lưỡi sượng sùng, chưa kịp nếm

Nguồn bí tích của Ba Ngôi màu nhiệm
Thật trang nghiêm và thật rất phương phi
Có phải đây là lời của Tiên Tri
Trong sách Khải Huyền về giao ước mới?

2. Sao em chẳng cùng tôi vô tiệc cưới
Hai người khiêng trĩu nặng một chùm nho
Nơi đất đồng, mưa đổ hạt ban trưa
Thóc lúa mới chất đầy bồ, cơm bánh

Mai, em nhé, cùng tôi lên đền thánh
Mỗi ngón tay in dấu một điều răn
Này, lời vàng, em khẽ nói:” Xin Vâng!”
Dấu trăm nhánh dòng khơi xa, biệt lệ

Về phương ấy, khẩn xin đời dâu bể
Là Canaan? Hay cố quận Tầm Dương?

Mà đôi ta, như chim trích vô rừng
Sao tìm được dấu thơm xưa, chìm khuất?

Của biển hương dầu, bờ xôi, ruộng mật
Của Tháng Giêng ngon, như kẹo mạch nha
Tai trong ngân cùng nhạc suối reo ca
Mắt đã thấy cả mùa màng, chín tới...

3. Sao ta chẳng mừng nhau thêm một tuổi
Cưỡi ngựa tàu cau về lại sân nhà
Chàng ơi, chàng. Con mộng寐 đêm qua ...
Đôi nghề đá lay thờ ngay trước cửa

Hôm nay, Biển Hồ quang mây, lặng gió
Và quanh đây, sao yên ả lạ thường?
Hình như... là choáng ngợp những hoa hương
Của ơn phước, của đào mai, hồng thắm

Của những mênh mang, vô cùng, vô tận
Những gương hồ lóng lánh vạt trăng khuya
Nơi bến bờ, chẳng ranh giới, phân chia
Của ngày đầu tiên, của thời đã mãi...

Của đất hứa thật gần, không rào cản
Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi
Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi
Chim nói từng đôi bay về làm tổ...

Hành hương cuốn ta đi bằng nhạc thơ với những hợp âm thuận quyền rũ, níu giữ ta trong vô vàn hình ảnh có sức gọi những điều tuyệt mỹ, và đưa ta đến những miền quê hương tuyệt vời kỳ lạ mà ta chưa từng ghé qua nhưng rất đỗi thân quen. Chỉ bấy nhiêu thôi, thơ Lê Đình Bảng đủ làm hồn trí ta ngất ngây trong cái đẹp miền viễn. Và ta không cần hiểu, bởi nếu bạn đọc chậm lại và cố hiểu cho đến ngọn ngành từng con chữ, bạn sẽ đánh mất cái hạnh phúc đọc thơ. Thơ Lê Đình Bảng không dễ hiểu mặc dù dễ cảm. Hãy cứ bay theo nhà thơ trong cảm xúc lãng mạn đến những miền tuyệt vời kỳ lạ của trí tưởng. Vâng, bài thơ rất quen mà rất lạ.

MỘT TÌNH YÊU “NHIỆM LẠ”

Hành hương là một bài thơ tình “nhiệm lạ”. Đó là lời của “*hai đứa mình*”, là lời hò hẹn lứa đôi: “*Mai, em nhé, cùng tôi lên đền thánh*”, là “lời vàng” chia sẻ gan ruột về những mâu nhiệm thiêng liêng vĩnh cửu, là những “*bồi hồi vô tận*” về bao điều chưa thành hiện thực mà đã “*khơi xa biệt lệ*”: “*Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi/ Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi*”.

Nhưng lạ lùng ở chỗ:

“Tháng giêng ngon như một cặp môi gần” (Vội vàng-Xuân Diệu)

“Của Tháng Giêng ngon, như kẹo mạch nha” (Hành hương-Lê Đình Bảng)

Thơ tình Xuân Diệu gọi ra những xúc cảm nhục thể của một “cái Tôi” vị kỷ, hưởng thụ vội vàng trong tuyệt vọng, nên muốn “ôm”, muốn “riết”, cho chênh choáng, cho no nê, cho đã đầy” cái “*thanh sắc của thời tươi*”(Vội vàng).

Trái lại, thơ tình Lê Đình Bảng lại dẫn ta vào những nơi tuyệt vời thanh khiết: “*Sao em chẳng cùng tôi lên rừng vắng/...Bốn mươi đêm ngày chay tịnh, hồn nhiên*”; “*Mai, em nhé, cùng tôi lên đền thánh/...Mà chiêm bao muôn đêm lạ, ơn thiêng;.../ Nguồn bí tích của Ba Ngôi màu nhiệm/...Sao em chẳng quỳ bên tôi, châu chực/ Hai đứa mình, hai ngọn nến song song/ Mà trí khôn, cảm bằng sợi tơ không...*”.

Vâng, có lẽ đó là một không gian tình yêu điểm tuyệt hơn khả năng diễn tả của ngôn ngữ, một không gian tình yêu chưa hề xuất hiện trong thơ tình yêu Việt Nam bao giờ. Phải bằng trí tưởng “hồn nhiên” mới cảm nhận được. “*Mà trí khôn, cảm bằng sợi tơ không*”, tức là bằng trí tuệ nhẹ như *sợi tơ không*, không mưu cầu, không mê đắm, không dính mắc (nhà Phật gọi là “*trí huệ Bát Nhã*”). Điều lạ lùng là “*trí khôn sợi tơ không*” lại không gọi ra chút gì về Tánh Không” của nhà Phật như ta thường gặp trong thơ Việt.

Thơ tình yêu của Lê Đình Bảng nói được bao điều hạnh phúc của lứa đôi. Nhà thơ sáng tạo một thế giới đạo hạnh, trong lấp lánh như pha lê để diễn đạt niềm hạnh phúc tinh khôi ấy:

“Nghe suối hát mừng tự do phơi phơi

Vừa nhan sắc, vừa nhung tơ, vơi vơi

Vừa thơm tho, vừa kỳ diệu khôn lường

Bởi đất trời còn ướm đắm mùi hương

Bởi lá thắm mở phơi lòng nhân đức”...

.

Của biển hương dầu, bờ xôi, ruộng mật

Của Tháng Giêng ngon, như kẹo mạch nha

Tai trong ngàn cùng nhạc suối reo ca

Mắt đã thấy cả mùa màng, chín tới...

.

Và quanh đây, sao yên ả lạ thường?

Hình như...là choáng ngợp những hoa hương

Của ơn phước, của đào mai, hồng thắm

Của những mệnh mang, vô cùng, vô tận

Những gương hồ lóng lánh vạt trăng khuya

Nơi bến bờ, chẳng ranh giới, phân chia

Của ngày đầu tiên, của thời đã mãi...

Của đất hứa thật gần, không rào cản

Nhưng tình yêu ấy là một tình yêu tiếc nuôi, một tình yêu hoài vọng, một tình yêu chảy mãi vào thiên thu. Một loạt câu hỏi cảm thán làm cháy lòng về sự nuôi tiếc: “*Sao em chẳng*

cùng tôi ...”; “Sao em chẳng quỳ bên tôi...”; “Sao ta chẳng mừng nhau...”; “Mà đôi ta, như chim trích vô rừng/ Sao tìm được dẫu thơm xưa, chìm khuất?”; “Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi/ Gọi mãi, gọi hoài, ơi Thằng Giêng ơi...”.

Người thơ ví mình như Từ Thức, khi về trần, tiếc nuối mãi một tình yêu rất đổi thơm tho cùng Giáng Hương ở cõi tiên. Từ thức đã vào rừng tìm lại cõi xưa, nhưng làm sao tìm được “*dẫu thơm xưa*” khi động tiên đã khép (truyện Từ Thức lên tiên). Người thơ cũng đặt đời mình vào thân phận dân riêng của Chúa, sống mãi kiếp lưu dày mà hoài vọng về Canaan (đất hứa). Ở bên Tầm Dương, nhà thơ hóa thân tri kỷ với Bạch Cư Dị và người kiều nữ trên sông mà cảm nhận “*đời dâu bể*” trong khúc Tỳ Bà Hành bất hủ:

*“Về phương ấy, khát xin đời dâu bể
Là Canaan? Hay cố quận Tầm Dương?
Mà đôi ta, như chim trích vô rừng
Sao tìm được dẫu thơm xưa, chìm khuất?”*

Lê Đình Bảng dắt chúng ta đi vào cõi nhiệm màu của thơ ca lãng mạn, bởi nó gọi ra bao nhiêu trí tưởng, nó nấu nung muôn vàn cảm xúc, và nó nâng đôi cánh tâm hồn ta bay bổng vào cõi

*“Vừa nhan sắc, vừa nhung tơ, vời vợi
Vừa thơm tho, vừa kỳ diệu khôn lường
Bởi đất trời còn ướp đẫm mùi hương
Bởi lá thắm mở phôi lòng nhân đức”.*

MỘT HỒN THƠ MÊNH MÔNG BỐN BIỂN

Lê Đình Bảng đem vào thi pháp thơ tình yêu Việt một hồn thơ dồn tụ vẻ đẹp của thi ca phương Đông, phương Tây và thi ca dân tộc. Chất tài hoa minh triết cùng với tâm thức tôn giáo rất sâu xa của nhà thơ đã trở thành máu thịt cho những câu thơ in đậm dấu ấn cá tính sáng tạo tài hoa và rất đổi thánh thiện.

Thơ Việt trung đại nằm trong thi pháp thơ phương Đông, và chịu ảnh hưởng thơ Trung quốc cả về thể loại, nội dung, cảm xúc và thi liệu. Lê Đình Bảng đã dẫn người đọc rời bỏ ảnh hưởng thơ Trung Quốc mà bước vào bầu khí vô cùng rộng lớn, choáng ngợp ánh sáng hương hoa mật ngọt của Kinh Thánh từ Cựu Ước đến Tân Ước. Xin đọc:

*Hôm nay, Biển Hồ quang mây, lặng gió
Và quanh đây, sao yên ả lạ thường?*

Canaan là vùng đất hứa trong Cựu Ước. Biển hồ (Galilê) trong Tân Ước là nơi đức Giê su tỏ lộ uy quyền tuyệt đối của Thiên Chúa trên vạn vật (Lc 8, 22-25). Khi Lê Đình Bảng dẫn những thi liệu như vậy, Kinh thánh đã trở thành cội nguồn cảm hứng sáng tạo và là ánh sáng tư tưởng mỹ học mới trong thơ Lê Đình Bảng.

Và đây là những tứ thơ hết sức lạ lùng:

*Sao em chẳng cùng tôi vô tiệc cưới
Hai người khiêng trĩu nặng một chùm nho...*

.
Của biển hương dâu, bờ xôi, ruộng mật
Của Tháng Giêng ngon, như kẹo mạch nha

.
Tại trong ngàn cùng nhạc suối reo ca
Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi
Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi
Chim ngói từng đôi bay về làm tổ...

Tôi gọi đó là những tứ thơ lạ lùng bởi vì người đọc phải am tường Kinh Thánh mới cảm nhận được (đó là yêu cầu về tính trí tuệ khi đọc thơ Lê Đình Bảng). *Biển hồ* trong Kinh thánh là biển hồ Galilê, nơi Đức Giêsu dẹp yên bão tố (Lc 8, 22-25). Nhưng Biển hồ ấy “*hôm nay lặng gió...yên ả lạ thường*”, ý nghĩa của câu thơ đã chuyển. Một chùm nho nào có gì to tát gì, chỉ cần hai ngón tay ta có thể cầm một chùm nho, vậy mà Lê Đình Bảng viết: “*Hai người không trữu nặng một chùm nho*”. Bạn không thấy lạ sao? Xin đọc sách Dân Số (Cựu Ước), chương 13, câu 23[1].

Tứ thơ “*biển hương dâu, bờ xôi, ruộng mật*” là hình ảnh rất quen và rất lạ. Quen vì nó gợi ra cảnh đồng quê Việt Nam. Người nông dân đắp đập be bờ để giữ nước trồng lúa. Bờ ruộng lúa cho xôi nếp thơm. Ruộng mía cho chứa chan mật ngọt. Hương đồng quê mênh mông như biển (bạn đọc có đứng giữa ruộng lúa mênh mông mới ướp hồn mình trong hương đồng gió nội ấy). Trong thơ Lê Đình Bảng, miền quê thật trù phú. Những hình ảnh ấy kết hợp với Kinh thánh (sách Xuất hành, chương 3, câu 8) tạo nên một tứ thơ lạ: “*bờ xôi, ruộng mật*”. Tôi gọi là tứ thơ “lạ” vì, viết về đồng quê Việt, người làm thơ thường khai thác cái nghèo khó, lam lũ, bão lụt, hạn hán (Xin đọc *Nước lụt Hà Nam; Nước lụt hỏi thăm bạn* của Nguyễn Khuyến). Chưa bao giờ có hình ảnh đồng quê Việt là “*bờ xôi ruộng mật*”; “*Thóc lúa mới chát đầy bờ, cơm bánh*”.

Tứ thơ sau đây đòi hỏi một sự hiểu biết, một liên tưởng, một trái tim tràn đầy tình yêu và một trí tưởng hết sức lãng mạn mới cảm nhận được (bởi nếu không trí tuệ, bạn đọc sẽ đối mặt với một bức tường sừng sững chặn mắt lối đi vào thơ):

Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi
Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi
Chim ngói từng đôi bay về làm tổ...

Câu thơ không có chủ ngữ. Ai đứng ở bờ đê? Ai gọi ai mà gọi mãi gọi hoài? Phải chăng là gọi chim ngói về làm tổ tháng Giêng? Điều này không bao giờ là hiện thực, bởi chim ngói chỉ bay về vào mùa thu (tháng 8, 9) khi cánh đồng lúa đã khoe sắc vàng. Như vậy, không thể đọc tứ thơ này bằng cảm quan hiện thực, mà phải đọc bằng tâm thức lãng mạn, vượt lên thời gian không gian. Người thơ đứng trên bờ đê hiện thực nhìn dòng sông thời gian chảy mãi không trở lại mà khát khao một “tổ uyên ương”. Tứ thơ “*chim ngói từng đôi bay về làm tổ*”, là một liên tưởng ẩn dụ cho khát khao hạnh phúc lứa đôi mà giờ đây đã không còn nữa. Như Từ thức xưa, người thơ “*như chim trích vô rừng/ Sao tìm được dẫu thơm xưa, chìm khuất?* Một nỗi buồn rất sâu nhưng lại thặng hoa, hân hoan trong thế giới của cái đẹp “*nhiệm lạ*”, và đó là sự

sáng tạo tài hoa của Lê Đình Bảng. Và dường như có một sự đồng điệu tài hoa nào đó với tiếng vang vọng “*Diêu bông hời... ời diêu bông*” trong bài thơ *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm.

Tôi gọi đó là một “hồn thơ mênh mông bốn biển” vì có sự kết hợp, hội tụ, chuyển hóa hồn thơ phương Đông với cội nguồn Kinh thánh và cái hồn nhiên của thi ca Việt. Trong tư duy nghệ thuật, Lê Đình Bảng chuyển rất nhanh thời gian, không gian và thi pháp tạo nên thế giới nghệ thuật chuyển động không ngừng.

*Về phương ấy, khẩn xin đời dâu bể
Là Canaan? Hay cố quận Tâm Dương?*

“*Đời dâu bể*” gợi ra câu thơ Kiều: “*Trải qua một cuộc bể dâu*”. Canaan là đất hứa trong Cựu Ước (xin đọc sách Dân số, chương 34), *cố quận Tâm Dương* gợi ra Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị [2]. Chỉ một câu lục bát, Lê Đình Bảng tổng hợp được ba cội nguồn thi ca hùng vĩ, tạo nên một tứ thơ vừa uyên bác trí tuệ, vừa làm nao lòng người đọc. Dòng sông tư tưởng thao thiết chảy trong trường kỳ lịch sử từ Cựu Ước đến hôm nay (“*Hôm nay, Biển Hồ quang mây, lặng gió/ Và quanh đây, sao yên ả lạ thường?*”) và đến ngày cánh chung được tiên tri trong sách Khải Huyền.

Tôi thích cái dân dã sang trọng trong thơ Lê Đình Bảng, hay nói cách khác Lê Đình Bảng đã làm cho cái dân dã trở nên sang trọng về thi pháp. Điều này phân định rạch ròi thơ ca dân gian với thi ca trí tuệ.

*Sao ta chẳng mừng nhau thêm một tuổi
Cưỡi ngựa tàu cau về lại sân nhà
Chàng ời, chàng. Con mộng寐 đêm qua ...
Đôi nghề đá lạy thờ ngay trước cửa*

Hình ảnh trẻ con thôn quê chơi cưỡi ngựa bằng cái bẹ tàu cau trên sân nhà là hình ảnh hết sức hồn nhiên, dân dã. Cũng vậy, hình ảnh con nghề đá trước cửa là hình ảnh mang bản sắc Việt, sức mạnh che chở Việt (khác với con Kỳ lân, con Tỳ Hưu). Con nghề đá có hình đầu lân, răng rồng, thân chó (con lân mình có vảy, con Tỳ hưu mình có cánh). Nói vậy để thấy rằng Lê Đình Bảng có ý thức sâu sắc khi chuyển hóa cái dân dã Việt thành bản sắc văn hóa Việt, nâng cái dân dã ca dao thành thi ca trí tuệ Việt.

Lê Đình Bảng đã phơi mở tất cả các giác quan để khám phá cái minh triết Việt trong mọi tầng vỉa văn hóa. Một thính giác rất nhạy cảm với âm nhạc (tai), một thị giác đậm sắc màu hội họa (mắt), cảm giác, vị giác, khứu giác tinh nhạy trước cái “thị vị” đời thường (*choáng ngợp những hương hoa; miệng lưỡi... chưa kịp nếm*), đồng thời ông còn cảm nhận được những cái vô hình tâm linh như một người “*có con mắt trông thấu cả sáu cõi*” (Nguyễn Du [4]),

*Mà trí khôn, cảm bằng sợi tơ không
Mà **miệng lưỡi** sượng sùng, chưa kịp nếm
.....
Tai trong ngần cùng nhạc suối reo ca
Mắt đã thấy cả mùa màng, chín tới...
.....
Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi*

Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi

Tiếng gọi trên đê không phải *tiếng gọi đò* của Trần Tế Xương (bài *Sông lấp*), mà là âm vọng trong tâm thức đến thiên thu.

Trong *Hành hương* có rất nhiều từ của văn nói (khẩu ngữ hàng ngày), nhưng người đọc không hề có cảm giác về sự “bình dân hóa” thi ca. Đó là các từ: *gọi mãi, gọi hoài; sao em chẳng; châu chực; hai đứa mình; cầm bằng; miêng lưỡi; vô tiệc cười; đôi ta như chim trích vô rừng.*

Đồng thời cũng có nhiều từ của văn chương bác học được dùng dân dã: *lá thắm mở phoi lòng nhân đức; Mà trí khôn, cầm bằng sợi tơ không; Mỗi ngón tay in dấu một điều răn; Là Canaan? Hay có quận Tầm Dương?; Cửa ngày đầu tiên, của thời đã mãi* (từ Sáng Thế Ký đến sách Khải Huyền)...

Cách dùng từ như vậy, cách thi hóa tri thức đông tây kim cổ như vậy, cách cảm nhận hiện thực, cảm nhận thời gian không gian, cách dệt những tấm thảm văn hóa đa sắc màu như thế, tạo nên cốt cách tài hoa riêng của Lê Đình Bảng. Cho nên “Cái Đẹp” thi ca của Lê Đình Bảng là cái đẹp trí tuệ của thơ Đường, là cảm xúc mỹ lệ của thơ lãng mạn và sự hồn nhiên minh triết của thơ ca dân gian Việt. Những sắc màu ấy hòa điệu làm nên sự quyến rũ của thơ ông, mà khi đọc thơ, ta không dễ tách bạch ra được.

Trong văn chương Việt, những phong cách tài hoa không có nhiều. Nhắc đến Nguyễn Tuân, đến Hoàng Cầm, người đọc nghĩ ngay đó là những nhà thơ, nhà văn tài hoa, bởi họ sáng tạo ra “Cái đẹp” mà người khác không có được. Lê Đình Bảng cũng là một nhà thơ Công giáo tài hoa, bởi thơ ông lấp lánh nhiều vẻ đẹp rất lạ. Lê Đình Bảng có tài dẫn người đọc đi khắp miền nhân gian, có tài kể những câu chuyện rất duyên. Thơ của ông giàu những tứ thơ mới lạ. Tư duy thơ của ông thay đổi nhiều hướng khám phá: thay đổi không gian, thời gian, thay đổi góc trần thuật, thay đổi giọng điệu, đổi vai người nói. Thơ Lê Đình Bảng là thơ điệu nói của thơ ca dân gian nhưng vẫn là thơ trữ tình của thơ lãng mạn.

Đây là sự đổi vai: nhân vật trữ tình xưng “Ta” đang trần thuật thì có tiếng gọi của một nhân vật nữ, làm thay đổi hẳn giọng điệu thơ, nội dung trần thuật chuyển tức thời sang một hướng khác, con mộng寐 đêm qua là con mộng寐 gì? Đôi nghề đá bồng xuất hiện hết sức bất ngờ:

*Sao ta chẳng mừng nhau thêm một tuổi
Cười ngửa tàu cau về lại sân nhà
Chàng ơi, chàng. Con mộng寐 đêm qua ...
Đôi nghề đá lạy thờ ngay trước cửa*

Chất tài hoa trong thơ Lê Đình Bảng đem đến cho người đọc nhiều điều thú vị. Đọc thơ Lê Đình Bảng, tâm hồn ta được tắm trong dòng suối mát những “*bờ xôi, ruộng mật*” của nhiều dòng sông văn hóa; trái tim ta tiếp nhận đủ mọi cung bậc tình cảm cùng với nguồn hạnh phúc thánh thiện diễm tuyệt. Con mắt trí tuệ ta nhìn thấy được Cái Đẹp mà *ngũ uẩn* đã che khuất, và hồn ta bay bổng trong mênh mông muôn trùng của sự giàu có, lạ lùng, kỳ vĩ của kho tàng văn hóa nhân loại.

Trên hết, nhà thơ dẫn ta vào Cái Đẹp của những chay tịnh trên rừng 40 đêm ngày, của “*Nguồn bí tích của Ba Ngôi màu nhiệm/ Thật trang nghiêm và thật rất phương phi*”.

HÀNH HƯƠNG

Hành hương không phải là “đi tham quan” những linh địa nổi tiếng, để biết, để cầu nguyện, xin ơn. Lê Đình Bảng dẫn ta trở về những miền quê hương tuyệt vời kỳ lạ. Đây là một hành trình tâm linh, cũng là con đường tình yêu. Mở đầu bài thơ là hành hương “*lên rừng vắng để chiêm bao muôn điềm lạ, ơn thiêng*” 40 đêm ngày chay tịnh. Tứ thơ gọi ra tâm tình Mùa Chay thống hối, ăn năn. Nhưng không phải vậy, mà đưa ta trở về thế giới “hồn nhiên”, “*Nghe suối hát mừng tự do phơi phơi*”. Rồi ta đi *lên đền thánh*, tìm đến xứ sở Canaan (đất hứa), tạm dừng chân ở bên Tâm Dương mà chiêm nghiệm lời tiên tri trong sách Khải Huyền. Cuộc hành hương khởi đi từ buổi khai nguyên đến tận cùng thời gian (*Của ngày đầu tiên, của thời đã mãi...*). Kết bài thơ là trở về “*Đứng ở bờ đê, sông chảy, bồi hồi/ Gọi mãi, gọi hoài, ơi Tháng Giêng ơi*”. Trở về với miền quê tinh khôi bản sắc Việt, “*Cười ngửa tàu cau về lại sân nhà*”, gặp lại “*Đôi nghề đá lay thờ ngay trước cửa*”.

Thơ tôn giáo của Lê Đình Bảng rất tinh diệu về tình, về ý, sâu sắc về tư tưởng và rất mới lạ về tứ, về cảm xúc, và thi pháp. Lê Đình Bảng nói những điều rất trang nghiêm thánh thiện nhưng lại rất tình. Hồn thơ rất thăng hoa nhưng lại rất “đời”, khác hẳn với *Diễn ca, Thi ca cầu nguyện, Huấn ca* của thơ Công giáo làm theo phong trào. *Lên rừng vắng* 40 ngày đêm chay tịnh để thanh luyện tâm hồn trở nên “hồn nhiên”; lên đền thánh để suy nghiệm “*Nguồn bí tích của Ba Ngôi màu nhiệm*”, để lời tiên tri của sách Khải huyền giúp mạc khải tâm hồn ta Đó là cảm thức thơ tôn giáo. Nhưng vào rừng cũng là tiếp bước Từ Thức tìm kiếm cái mùi hương tiên nữ đã phai, là giữ lấy cái hạnh phúc không còn ở trần gian (cảm thức thế tục). Đất hứa Canaan, “*miền đất tràn trề sữa và mật*”[3] hay động tiên của Giáng Hương, tất cả chỉ là hoài vọng lãng mạn. Dầu vậy, Hành hương vẫn đọng lại trong hồn ta bao điều thao thức nghĩ suy.

Xin trở về đời thực để được đắm mình trong Cái Đẹp mà nhà thơ đã giúp ta “*phơi mở lòng nhân đức*”:

*Và quanh đây, sao yên ả lạ thường?
Hình như...là choáng ngợp những hoa hương
Của ơn phước, của đào mai, hồng thắm*

*Của những mệnh mang, vô cùng, vô tận
Những gương hồ lóng lánh vạt trăng khuya*

Khai bút mừng 2 tết Nhân Dàn (02/2/2022)

[1]. Sách *Dân số*, chương 13:

<https://augustino.net/kinh-thanh-cuu-uoc/sach-dan-so/13/>

[2] *Tỳ Bà Hành* của Bạch Cư Dị:

<https://www.thivien.net/B%E1%BA%A1ch-C%C6%B0-D%E1%BB%8B/T%E1%BB%B3-b%C3%A0-h%C3%A0nh/poem-7Jx-9zMDy2CyYiflk3zRA>

[3] Sách *Xuất hành* (3, 8): “*Ta xuống giải thoát chúng khỏi tay người Ai-cập, và đưa chúng từ đất ấy lên một miền đất tốt tươi, rộng lớn, miền đất tràn trề sữa và mật, xứ sở của người Ca-na-an...*”

[4] Mộng Liên Đường chủ nhân-Tựa Truyện Kiều

https://vi.wikisource.org/wiki/T%E1%BB%B1a_Truy%E1%BB%87n_Ki%E1%BB%81u

“*BÀI NHÃ CA THÁNG GIÊNG*” & Sự kỳ diệu của ngôn ngữ thi ca

(Đọc bài thơ *Bài Nhã ca thánh Giêng* của *Francis asisi Lê Đình Bảng*)

Bùi Công Thuận

Mời bạn cùng đọc

BÀI NHÃ CA THÁNG GIÊNG

*Đêm nay, nhớ chong đèn, chờ nhau nhé
Đốt trầm lên, vây lút cả ngai toà
Bởi đây trời, rộn rã tiếng hoan ca
Và nhật nguyệt kết đôi vàng sáng rõ*

*Có sênh phách rước hòm bia Thiên Chúa
Khấp bờ vui, vui nổi nhịp, thêm lời
Của dậy thì tươi trẻ mãi đôi mươi
Của rạo rục và nồng nàn nhan sắc*

*Từ mưa móc giữa ban ngày, ban mặt
Từ thom tho, đêm trù tịch, giao thừa
Lạy Chúa Trời, trong vườn cấm, ban sơ
Còn cảm dỗ buổi đầu đời, tội lỗi?*

*Sao, ngậy ngát những chín vàng, chín vội
Lúa Giêng, Hai vừa chơm chớm trở đồng
Nước vớt thuyền nghiêng. Chim én sang sông
Cùng em đến cửa ngọc môn nhà Chúa*

*Mình đợi nhau, khi giáo đường cửa mở
Vào lúc nửa đêm, hoa nở, trăng lên
Đủ mười hai chi họ Israel
Đào, mai, quế đã xanh cành, xanh lá*

Mau thức giấc, để vào mùa gieo sạ
Nụ tâm xuân hơn hớn giữa đôi bờ
Em ôm đàn, ta gõ nhịp, tung hô
Đêm nhã nhạc. Đêm nghề thường, trọng vọng

Này ngũ cung: Hò, xự, xang, xê, cống
Này, tiếng ti, tiếng trúc, tiếng huyền cầm
Cứ dập dìu những đôi lứa cài trâm
Ra đồng cỏ, thăm mùa màng chăn thả

Mau chân nhé, vào lễ hương, em ạ
Chiều lên nương, ta hái thuốc, bẻ măng
Theo mẹ, theo cha đi đám cỗ làng
Rượu nếp cái hoa vàng, mật ong chúa

Bốn phía cổng thành, đông tây, cò mở
Trẻ đùa chơi bên hang rắn lục, hổ mang
Quà cưới cho em: xuyên ngọc, kiềng vàng
Bò câu mới ra ràn, chưa chạm đất

Nghe suối chảy, dưới chân mình nảy hạt
Người đông ken, những áo lục, quần điều
Để cầu may, cầu phước, tiết nguyên tiêu...
Ai son sẻ, được sinh năm, đẻ bảy

Những điếm lạ, xưa nay chưa hề thấy
Ruộng rẫy xum xuê thảo quả, hoa hồi
Dầu một vò đầy, bột hũ chưa vơi
Chẳng rõ khi nào, hết xôi, rồi việc?

Chờ Xuân mới, qua ngày Đông, tháng rét
Này bách, này tùng, trúc bá, trầm hương
Bạch đàn, sim mua, khuyneh điệp, kim cương
Gia nghiệp Chúa ban, rừng vàng, biển bạc...

Con cháu đầy đàn, nhiều như bụi cát
Kìa manna, mưa trắng xoá bầu trời
Chim cú đâu về, đậu kín sân phơi
Trăm họ một nhà, ới nhau trẩy hội

Từ sáng sớm, đến xế trưa, chiều tối
Đâu cũng Xuân tươi, rục rờ quỳ vàng

*Chảy miệt mài, như vỡ đập, tràn giang
Hoa trái ngọt lành, liên chi hồ điệp*

*Đừng quên nhé, đừng ngủ quên, mê thiếp
Này là địa đàng, mở cảnh tràn sinh
Có những cô nàng gánh rượu về dinh
Mây xuống thấp và mặt trời dừng lại*

Vua Sa-lô-môn là con của Vua Đa-vít. Ngài cai trị dân Israel 40 năm (khoảng 970-931, TCN). **Sách *Nhã ca*** (“*Bài ca của các bài ca, của Sa-lô-môn*”) [7] có 8 chương, được cho là của vua Sa-lô-môn. Nội dung là đối thoại tình yêu giữa Vua Sa-lô-môn (*Chàng*) và Su-la-mít (*Nàng*), một thôn nữ.

“*Bài Nhã ca tháng Giêng*” là bài *thơ tình* tháng Giêng. “*Nhã ca*” gọi ra không gian Kinh thánh, “*tháng Giêng*” là tháng lễ hội Việt Nam. Nhan đề bài thơ mở ra hai bầu trời văn hóa (đông-tây), hai thế giới tâm linh (Công giáo-dân tộc) và hai nguồn mạch nghệ thuật (dân dã Việt và mỹ học phương tây). Như thế người đọc có thể nhận ra trữ lượng *tu tưởng-nghệ thuật* của bài thơ giàu có thế nào. Có thể nói “*Bài Nhã ca tháng Giêng*” là một bài thơ tình rất lạ của Lê Đình Bảng. Sự mới lạ (thảm mỹ) có thể làm người đọc ngạc nhiên thú vị.

Cho phép tôi chầm chậm một chút nói chuyện thơ Lê Đình Bảng theo phong cách phương đông (như thể nghe nhạc thánh phòng), được vậy, may ra bạn đọc gặp được đôi điều về cái hay của thơ ca Công giáo Việt Nam đương đại (cũng xin đọc thêm những bài tôi đã viết về các tập thơ của Lê Đình Bảng [8]).

Đọc thơ Lê Đình Bảng, xin hãy đọc hồn nhiên, đọc nhanh, liền mạch từ đầu đến cuối, để ta cảm nhận cái hay cái đẹp của cả bài thơ bằng trực giác (chưa cần hiểu); sau đó đọc lại, đọc thật chậm, đọc nhiều lần, chiêm ngưỡng từng chữ, từng chữ, lần ra manh mối mọi nguồn mạch thi ca (close reading). Có vậy những “điều lạ lùng” mới hiện ra làm chói ngợp tâm trí ta. Lúc này, việc đọc thơ đòi hỏi năng lực trí tuệ (vốn tri thức, vốn văn hóa, năng lực nhận thức, khả năng đọc phân tích, liên tưởng, khả năng tạo dựng không gian, thời gian nghệ thuật...), và việc cảm nhận thơ Lê Đình Bảng bằng trí tuệ mới thật thú vị.

⁷ **Sách *Nhã ca*** (Diễm ca)-Bản dịch của Những giờ kinh phụ tụng vụ

<https://augustino.net/kinh-thanh/cuu-uoc/sach-diem-ca/8/>

⁸ Lê Đình Bảng-**Hành hương**: <https://buicongthuan.wordpress.com/2021/06/04/le-dinh-bang-hanh-huong>

Lê Đình Bảng-**Lời tự tình của bến trần gian**:

<https://buicongthuan.wordpress.com/2021/06/12/le-dinh-bang-loi-tu-tinh-cua-ben-tran-gian/>

Lê Đình Bảng-**Quy trước đèn vàng**:

<https://www.vanthocongghiao.net/2021/06/tho-le-inh-bang-quy-truoc-en-vang-tac.html>

Lê Đình Bảng-**Kinh buồn**: <https://www.vanthocongghiao.net/2021/06/kinh-buon-va-hanh-trinh-tu-tuong-cua-le.html>

Lê Đình Bảng-**On đời một cõi mệnh mang**:

<https://www.vanthocongghiao.net/2021/06/ve-ep-van-hoa-cong-giao-trong-tho-le.html>

Lê Đình Bảng-bài thơ **Hành hương**

<https://www.vanthocongghiao.net/2022/02/nhung-mien-que-huong-tuyet-voi-ky-la.html>

Lê Đình Bảng-bài thơ “**Chuyện hoa xoan...mùa thương khó**”

<https://www.vanthocongghiao.net/2022/03/hoa-xoan-mua-thuong-kho-tac-gia-le-inh.html>

Dường như có điều gì mâu thuẫn chăng? Bài thơ (đọc lần thứ nhất) thật dễ hiểu. Tác giả nói chuyện đời thường, “*giữa ban ngày, ban mặt*”, chuyện “*ruộng rẫy*”, sông nước, “*hoa nở, trăng lên*”, chuyện “*lên nương, ta hái thuốc, bẻ măng/ Theo mẹ, theo cha đi đám cỗ làng*”...những sinh hoạt như thế ở thôn quê chẳng có gì là lạ. Nhưng Lê Đình Bảng đã thi hóa cái đời thường ấy và làm cho ngôn ngữ trở nên đầy ắp năng lượng *tu tưởng-nghệ thuật*; và khi nhìn lại bài thơ, người đọc bỗng ngỡ ngàng vì không thể nắm bắt được điều gì! Chỉ biết đích xác một điều là: bài thơ hay quá! Nhưng “*Bài Nhã ca tháng Giêng*” là gì (tức là nội dung, chủ đề, diễn ngôn *tu tưởng- nghệ thuật*) thì vượt khỏi tầm “*quán chiếu*” [9] của ta.

Điều tưởng là mâu thuẫn ấy bắt nguồn từ việc nhà thơ phối hợp rất tài năng hai loại ngôn ngữ: *khẩu ngữ* kết hợp với *ngôn ngữ bác học*. Ngôn ngữ chính của bài thơ là *khẩu ngữ*. Điều này hàm chứa tính dân tộc và tinh thần cộng đồng của thơ Lê Đình Bảng. Nhà thơ đối thoại với nhân vật em bằng ngôn ngữ hàng ngày, nên thơ trở nên gần gũi và thật dễ hiểu: “*Đêm nay, nhớ chong đèn, chờ nhau nhé*”; “*Mau chân nhé, vào lễ hương, em ạ*”; “*Đừng quên nhé, đừng ngủ quên...*”. Đó là những câu nói thân thương có ý nhắc nhở người yêu, ngôn ngữ thơ mộc mạc, “*Nôm na*”. Loại ngôn ngữ thơ thứ hai là “*ngôn ngữ bác học*” (chữ dùng của văn chương trung đại Việt Nam): dùng từ Hán-Việt, dùng những điển ngữ Kinh thánh, sử dụng tu từ và sáng tạo những cách diễn đạt mới, đặt người đọc trước một bức tường ngữ nghĩa mới (có người không thể vượt qua bức tường này). Xin thử đọc:

*Những điềm lạ, xưa nay chưa hề thấy
Ruộng rẫy xum xuê thảo quả, hoa hòe
Dầu một vò đầy, bột hũ chưa vơi
Chẳng rõ khi nào, hết xôi, rồi việc?*

Khổ thơ không có từ nào khó hiểu. Thành ngữ “*hết xôi, rồi việc*” là lời nói hàng ngày; “*ruộng rẫy*”, “*hoa, quả*” là từ người Việt đã dùng hàng ngàn năm. Nhưng nếu đọc kỹ bạn đọc sẽ thấy “*những điềm lạ*” hiện ra. Ruộng Việt Nam luôn xanh lúa, xanh ngô, khoai (“*Xanh xanh bãi mía bờ dâu, ngô khoai biêng biếc*”[10]); vườn rẫy Việt thì trĩu quả: chuối, dứa, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt (“*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*”[11])... nhưng Lê Đình Bảng lại viết: “*Ruộng rẫy xum xuê thảo quả, hoa hòe*”. “*thảo quả*” một từ Hán Việt ở giữa những từ thuần Việt tạo nên sự mới lạ đột ngột. Còn “*thảo quả, hoa hòe*”[12] là hai loại cây trái dùng làm gia vị, có hương vị đặc biệt ấn tượng. Loại quả này làm gì có trong vườn rẫy Việt Nam? Có lẽ nhà thơ chỉ muốn diễn tả cái mùi thơm làm cồn cào vị của vườn rẫy Việt chẳng. Câu thơ *hiện thực* chuyển rất nhanh sang *nghệ thuật tượng trưng* tạo nên sự mới lạ khó tìm thấy trong thơ Việt? Lạ lùng hơn, trong đời sống sinh hoạt Việt, làm gì có “*vò dầu, hũ bột*”? (gợi ra điển ngữ Kinh thánh). Và câu hỏi *ình thái từ* làm ta ngạc nhiên “*Chẳng rõ khi nào, hết xôi, rồi việc?*”, nghĩa là tiệc tùng cứ triền miên, không biết khi nào mới “*hết xôi*”. Ngày xưa, chỉ tiệc tùng mới có xôi. Câu thơ hàm ý quê ta thơm tho, giàu có và thanh nhàn lắm (trong thực tế thì thôn quê

⁹ Xin mượn chữ nhà Phật.

¹⁰ Hoàng Cầm-*Bên kia sông Đuống*

¹¹ Hàn Mặc Tử-*Đây thôn Vĩ Dạ*

¹² *Thảo quả, hoa hòe*: Thảo quả thuộc họ Gừng. Hạt thảo quả có mùi thơm đặc trưng. Người ta chưng cất thảo quả để lấy tinh dầu làm hương liệu và làm gia vị. Hoa hòe có nguồn gốc từ Trung Quốc và đông bắc Việt Nam Hoa hòe là loài gia vị có mùi thơm đặc trưng.

luôn đối nghèo, tất bật). Quả thực, trong một khổ thơ mà chứa bấy nhiêu điều mới lạ về văn hóa và ngôn ngữ, thật hiếm thấy trong thơ Việt đương đại [13].

Vâng, nếu cứ dừng lại mà nhấp từng ngụm cái thi vị của thơ Lê Đình Bảng trong từng câu, từng chữ như thế, chúng ta sẽ bị lạc mất trong rừng ngôn ngữ tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ. Thôi thì, hoa hồng đẹp, ta cứ ngắm cả cành hoa, xin đừng bẻ từng cánh hoa rời ra để xem, “Cái Đẹp” sẽ toi tả, việc đọc thơ chỉ còn là kỹ thuật máy móc!

Ấy là tôi mới thử **nhận dạng cái mới lạ thi ca** của thơ Lê Đình Bảng. Nói cách khác, là tìm kiếm những khám phá sáng tạo, **điều làm nên cốt cách độc đáo thi nhân**. Tôi nhận ra, ngôn ngữ thơ là điều kỳ diệu bậc nhất của sáng tạo thi ca. Dấu hiệu đầu tiên để phân biệt thi nhân với “*người thợ chữ*”(chữ của Nam Cao) là ở thứ *ngôn ngữ kỳ diệu, mới lạ* này.

Vậy nhà thơ Lê Đình Bảng đã sáng tạo những gì mới lạ?

Cái mới lạ thứ nhất là bài thơ dài, cảm xúc thơ dào dạt, những tầng vỉa văn hóa cứ lần lượt hiện lên đẹp kỳ lạ; và đặc biệt là, cấu trúc thơ được giấu kín. Điều này làm cho người đọc thật khó nắm lấy cái “thần” của bài thơ. Nghĩa là, người đọc phải chọn lựa kiểu đọc: đọc để hiểu nội dung thơ hay đọc để cảm nhận cái hay của thơ. Hai chiều tư duy này ngược nhau khiến người quen đọc thơ ngắn (chường 8 đến 10 khổ thơ) rất dễ bỏ cuộc.

Thơ tình lãng mạn (1930-1945) chỉ đọc khổ thơ đầu, ta có thể đoán được các khổ sau, vì tác giả sử dụng cách viết liệt kê ý tưởng, mỗi khổ thơ một ý. Nhưng với “*Bài Nhã ca tháng Giêng*”, bạn khó mà chia bố cục để tìm những ý chính, ý phụ theo kiểu tư duy logic. Tôi có cảm giác bài thơ chưa kết thúc, nghĩa là, thơ vẫn dào dạt “*Chảy miệt mài, như vỡ đập, tràn giang*”. Cũng có thể là tôi còn muốn đọc thêm nữa vì thơ hay. Ai có thể ngăn được những xúc động trong tim mình khi bài thơ đem đến những cảm xúc tuyệt vời! Thú thực, đọc đến khổ thơ này thì tôi phải dừng lại mà thốt lên: tuyệt bút.

Từ sáng sớm, đến xế trưa, chiều tối
Đâu cũng Xuân tươi, rục rỡ quỳ vàng
Chảy miệt mài, như vỡ đập, tràn giang
Hoa trái ngọt lành, liên chi hồ điệp

Gọi là “tuyệt bút” vì toàn là “*sự lạ*”. Đến “*chiều tối*” mà xuân vẫn *tươi rục rỡ*! Câu thơ thứ nhất tạo nhịp: “*Từ sáng sớm, đến xế trưa, chiều tối*” để dẫn đến câu thứ ba thì Xuân “*Chảy miệt mài*”. Hàn Mạc Tử chỉ nhìn thấy “*bóng xuân sang*” trên dàn thiên lý, không diễn tả được cái mạch chảy mạnh mẽ của xuân “*như vỡ đập, tràn giang*”.

Mạch chảy của xuân là mạch chảy thời gian, vô hình, lại được hình tượng hóa bằng một so sánh: “*như vỡ đập, tràn giang*”, điều ấy lạ lùng lắm chứ. Lạ hơn nữa là, “*tràn giang, vỡ đập*” mà nước không tràn, không gây tai họa, và hình ảnh “*tràn giang*” buồn trong thơ Huy Cận (bài *Tràn giang*) được chuyển hóa thành nhịp điệu xuân vui vô bờ. Hóa ra Lê Đình Bảng chỉ lấy cái nhịp “*vỡ đập*” mạnh mẽ và lấy dòng chảy vô biên của “*tràn giang*” để diễn tả nhịp điệu của mùa xuân vui. Lê Đình Bảng đem vào thơ cái “tráng khí” phương đông của thơ Lý

¹³ Xin đọc *Đất Nước*, chương V-*Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm

Bạch, Đỗ Phủ^[14]. Mùa xuân rục rờ hoa quỳ vàng. Mùa xuân, hoa trái ngọt lành bất tận (“*liên chi hồ điệp*” là nối tiếp nhau bất tận). Hai từ Hán-Việt: “*tràng giang*” và “*liên chi hồ điệp*”, làm cho khổ thơ dân dã trở nên sang trọng, vừa cổ kính vừa mới mẻ.

Câu thơ “*Hoa trái ngọt lành, liên chi hồ điệp*” sử dụng phép tiêu đối lạ. Nửa vế trước (*Hoa trái ngọt lành*) là từ thuần Việt, nửa vế sau (*liên chi hồ điệp*) là từ Hán Việt. Nếu không có dấu phẩy (,) ngắt câu thơ làm hai vế thì không thể viết “*Hoa trái ngọt lành liên chi hồ điệp*”, bởi “*liên chi*” là cảnh liền cảnh, “*hồ điệp*” là bướm bướm. Hai danh từ này không thể đứng sau tính từ “*ngọt lành*”. “*Liên chi hồ điệp*” trở thành một tính từ, có chức năng ngữ pháp tương đương với tính từ “*ngọt lành*”, tạo nên một vị ngữ kép trong câu, làm tràn trề ý tưởng. Đó là chỗ tinh tế rất mực tài hoa của Lê Đình Bảng.

Thứ hai, trở lại việc giấu kín cấu trúc bài thơ của Lê Đình Bảng, vậy bài thơ được thiết kế thế nào để trở thành một cấu trúc “*tư tưởng-nghệ thuật*” hoàn thiện?

Bài thơ mở đầu bằng một lời mời gọi ở hiện tại: “*Đêm nay, nhớ chong đèn, chờ nhau nhé/ Đốt trầm lên...*”, sau đó là những khổ thơ liên tưởng (không phải hiện thực trước mặt “*đêm nay*”), lý giải vì sao lại *chong đèn chờ nhau*. Xin chú ý những từ nối mở đầu khổ thơ: “*bởi, có, của, từ...*”

Đêm nay, nhớ chong đèn, chờ nhau nhé

Đốt trầm lên, vây lút cả ngai toà

Bởi đầy trời, rộn rã tiếng hoan ca

Và nhật nguyệt kết đôi vàng sáng rờ

Có sênh phách rước hòm bia Thiên Chúa

Khấp bờ vui, vui nối nhịp, thêm lời

Của dậy thì tươi trẻ mãi đôi mươi

Của rạo rục và nồng nàn nhan sắc

Từ mưa móc giữa ban ngày, ban mặt

Từ thơm tho, đêm trừ tịch, giao thừa

Lạy Chúa Trời, trong vườn cấm, ban sơ

Còn cấm dỗ buổi đầu đời, tội lỗi?...

Nhà thơ dẫn người đọc từ hiện tại, ngay lập tức ngược về “*thuở ban sơ*” nơi vườn Eden (*Sáng thế ký*), và sống với những sự kiện vĩ đại của thời Cựu ước: *đêm nay* “***Có sênh phách rước hòm bia Thiên Chúa***”^[15].

Sau đó là những liên tưởng bất tận của nhà thơ về những cảnh sắc, đời sống và những sinh hoạt, lễ hội mùa xuân (tháng Giêng, Hai) nơi quê hương. Bầu khí dân tộc và cảm thức thánh thiêng trong các lễ hội quyện vào nhau (tác giả không miêu tả cụ thể lễ hội ở nhà thờ hay

¹⁴ Lý Bạch: “**Duy kiến trường giang thiên tuế lưu**” (Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng)

Đỗ Phủ: “**Bất tận trường giang cổn cổn lai**” (Đăng cao)

¹⁵ Hòm bia Thiên Chúa- Vua Đa-vít quy tụ 30 ngàn quân lính Ít-ra-en, từ Ba-a-lê Giu-đa, đi với toàn dân lên đường để đón Hòm Bia Thiên Chúa lên thành vua Đavít (Sách Samuen 2, chương 6)

đình chùa nào mà chỉ ghi nhận cái đẹp văn hóa của đời sống tinh thần Việt trong những tháng Giêng, Hai:

*Sao, ngậy ngát những chín vàng, chín vội
Lúa Giêng, Hai vừa chơm chớm trở đồng...*

*...Theo mẹ, theo cha đi đám cỗ làng
Rượu nếp cái hoa vàng, mật ong chúa*

*Bốn phía cổng thành, đông tây, cò mở
Trẻ đùa chơi bên hang rắn lục, hổ mang...*

Người đông ken, những áo lục, quần điều
*Để cầu may, cầu phước, tiết nguyên tiêu...
Ai son sẻ, được sinh năm, đẻ bảy...
Con cháu đầy đàn, nhiều như bụi cát
Kìa manna, mưa trắng xoá bầu trời
Chim cú đầu về, đậu kín sân phơi
Trăm họ một nhà, ời nhau **trẩy hội**...*

Khổ thơ cuối nhà thơ nhắc lại em: “*Đừng quên nhé, đừng ngủ quên, mê thiếp*”, rồi lại liên tưởng mênh mang.

Thành ra, nội dung bài thơ chỉ là một lời mời gọi, nhắc nhở em: “*Đêm nay, nhớ chong đèn, chờ nhau nhé; Minh đợi nhau, khi giáo đường cửa mở/ Vào lúc nửa đêm; Cùng đến cửa ngõ môn nhà Chúa; Đừng quên nhé, đừng ngủ quên...*”.

Những lời mời gọi, nhắc nhở ấy chưa diễn ra trong thực tại (“*đêm nay*”), nhưng thế giới thơ Lê Đình Bảng đã bay bổng khắp bầu trời Cựu Ước, cùng Davit, và 12 chi họ Israel *rước hòm bia Thiên Chúa*; đã chan hòa trong mọi nẻo cội nguồn văn hóa Việt, in rất đậm trên khắp cánh đồng lúa xanh tươi, nơi vườn cây trĩu quả, và xóm làng đông ken lễ hội.

Bài Nhã ca tháng Giêng là một lời hò hẹn tình yêu rất lạ, lạ lắm so với thơ tình lãng mạn (1930-1945), như kiểu thơ: “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*”^[16], hoặc “*Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở*”^[17]. Lứa đôi hẹn nhau vào lúc nửa đêm, khi giáo đường mở cửa, để *cùng đến trước ngõ môn nhà Chúa*. Vì nơi ấy “*là địa đàng, mở cánh tràng sinh*”. Nhạc thơ cất lên hòa âm bản hoan ca trường sinh. Vườn địa đàng của Adam xưa đã được tái sinh, và tình yêu lứa đôi mở ra trong tình yêu Thiên Chúa (Đó cũng là cảm thức của sách Nhã ca mà tác giả, vua Sa-lô-môn muốn gửi gắm?).

Những lời hò hẹn tình yêu ấy cũng là diễn ngôn, là phẩm chất *thâm mỹ-tu tưởng* của thơ Lê Đình Bảng được chiếu sáng bởi Mỹ học Ki tô giáo (còn nhiều điều tôi chưa trình bày ở đây). Và điều quyến rũ của thơ Lê Đình Bảng với mọi người đọc Việt (dù là bên lương) là chất dân tộc thể hiện ở những tứ thơ thuần Việt, của hồn Việt tinh ròng, ở ngôn ngữ Việt trong như

¹⁶ Xuân Diệu- bài thơ **Yêu**

¹⁷ Hồ Dzếnh-**Ngập ngừng**

pha lê, và ở cái *tâm tình cộng đồng làng quê* (khác hoàn toàn với Cái Tôi cá nhân chủ nghĩa trong thơ Lãng mạn).

*Sao, ngậy ngát những chín vàng, chín vội
Lúa Giêng, Hai vừa chơm chớm trở đồng
Nước với thuyền nghiêng. Chim én sang sông...*

*...Bốn phía cổng thành, đông tây, cờ mở
Trẻ đùa chơi bên hang rấn lục, hổ mang
Quà cưới cho em: xuyên ngọc, kiềng vàng
Bò câu mới ra ràn, chưa chạm đất*

*Nghe suối chảy, dưới chân mình nảy hạt
Người đông ken, những áo lục, quần điều...*

Thú thực tôi không thể nói được điều gì hay hơn những tứ thơ tuyệt đẹp, những lời thơ châu ngọc, những cảm xúc mênh mang, những via tầng văn hóa giàu có trong những khổ thơ trên (bởi đọc thơ thuần Việt là cảm nhận trực tiếp, tuyệt đối tránh diễn giải). Vàng, cả tôi và bạn đều sững sờ trước những tứ thơ rất đẹp, những khám phá mới lạ và những cách diễn đạt tuyệt với chỉ có trong thơ Việt. Tứ thơ, nhạc thơ này quen mà lạ đến diệu kỳ: “*Nước với thuyền nghiêng. Chim én sang sông...*”; giống như quê hương ta, quen mà lạ từng giờ...

Thứ ba, nếu bạn đọc để ý, Lê Đình Bảng đã tiếp cận với nghệ thuật đương đại (thủ pháp *Hậu hiện đại*) khi phá vỡ bốn yếu tố cột trụ của một tác phẩm truyền thông là *cấu trúc, nhân vật, thời gian và không gian*. Về cấu trúc, như đã phân tích ở trên, người đọc không thể nhận ra những cột, kèo, giềng, mối làm nên tác phẩm (vì thế, tác giả còn có thể viết tiếp bài thơ bằng những liên tưởng). Về nhân vật, cả hai nhân vật nhà thơ và “em” không hiện hình, họ đứng ngoài bài thơ, người đọc chỉ nghe tiếng nói của họ (“*Em ôm đàn, ta gõ nhịp, tung hô/ Đêm nhã nhạc. Đêm nghệ thường, trọn vọng*”). Không gian và thời gian được làm mờ đi. “*Cùng em đến cửa ngõ môn nhà Chúa*”, vậy “*cửa ngõ môn nhà Chúa*” là ở đâu? “*Nghe suối chảy, dưới chân mình nảy hạt/ Người đông ken, những áo lục, quần điều*” là ở nơi nào (tôi đoán chừng là chùa Hương! Thôi đi, đừng đoán mò, vì thơ chỉ gợi mà không tả, để hình tượng tự kết đọng trong tâm người đọc). Vì tiếp cận nghệ thuật đương đại, bài thơ đã bỏ xa thế giới nghệ thuật của Hàn Mặc Tử, nó sẽ có sức sống lâu dài...

Xin tạm kết đôi điều. “*Bài Nhã ca tháng Giêng*” là một bài thơ tình rất lạ nhờ kết hợp hai cội nguồn thơ ca là Kinh thánh và truyền thống văn hóa, thi ca dân tộc. Nhà thơ Lê Đình Bảng viết tiếp Nhã ca của vua Sa-lô-mon trên nền thi ca Việt, tạo nên một áng thơ tình có vẻ đẹp và phẩm chất khác hẳn thơ tình Lãng mạn Việt Nam [18], dù thơ Lê Đình Bảng vẫn nằm trong dòng chảy thơ Việt truyền thống. Bài thơ cũng hiển lộ những đặc điểm phong cách thơ tài hoa của Lê Đình Bảng.

¹⁸ Xin đọc mùa xuân trong “Vội vàng” của Xuân Diệu

Xin chúc mừng “*Bài Nhã ca thánh Giêng*” đẹp lộng lẫy trong lễ hội mùa xuân thi ca dân tộc. Kính chúc nhà thơ Lê Đình Bảng nhiều niềm vui (và xin mời bạn đọc tiếp tục chia sẻ cảm nhận về bài thơ).

Nguyên Tiêu Giáp Thìn, Tháng 2/ 2024

“*Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình*”

(Đọc bài thơ BÀI THƯƠNG KHÓ ĐỨC GIÊSU của Lê Đình Bảng)

Bùi Công Thuận

Đang là Mùa Chay, mời bạn cùng đọc.

BÀI THƯƠNG KHÓ ĐỨC CHÚA GIÊSU
Francis Assisi Lê Đình Bảng.

Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước
Có ai thương, cho được giọt nước nào
Chỉ thấy giấm chua, mật đắng, grom đao
Chênh vênh, giữa bầu trời và mặt đất

Hai nghìn năm, những khăn choàng giấu mặt
Gõ cửa từng nhà, nước lã ra sông
Lặn lội thân cò, con vạc, con nông
Đổ hết máu mình ra, cho đến chết

Yêu là thế. Đến tận cùng cạn kiệt
Đêm mịt mù. Đêm gà gáy canh ba
Nhọc nhằn lên Núi Sọ Golgotha
Con chiên Chúa tôi bỏ đi đâu hết

Đêm mướt máu. Đêm Vườn Dầu, thao thiết
Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình
Lạy Cha, lạy Cha, này những dấu đinh
Ôi, chén đắng, làm sao con uống được

Bao nhiêu người thân, nửa đường bỏ cuộc
Bao nhiêu dẫu yêu, khấn hứa, thề bồi
Chỉ còn đây, vàng vọt, đóa trăng soi
Ôi, chén đắng, Con làm sao uống được

Họ đón gió. Để cầm cờ, đi trước
Để mua vui, xem rao bán, chợ trời
Chúa-ba-mươi-đồng- bạc- lẻ-tiền-tươi
Chúa chết tả tơi, trần truồng, nhục khô

Ôi, cái chết đã tận cùng bằng số
Bởi những âm mưu, toan tính thấp hèn
Bởi những chiêu trò, lòng dạ nhỏ nhen
Đi đâu hết, những thề non, hẹn biển

Chán vạn kẻ ngồi đồng bàn, chung chén
Sao, chỉ một mình Simon quá giang
Và Veronica tóc rối, đầu tang
Con cái Chúa ra người dung nước lã

Lũ chúng con, phường lưu dân tụ bạ
Hễ đông vui, xúm xít vỗ tay vào
Như bọn ăn mày *đánh đổ cầu ao*
Tạt nước theo mưa, hoa trôi bèo dạt

Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát
Babylon ôi, liễu rũ, hoang tàn
Đã mấy mùa chay, tím ngắt hoa xoan
Đêm mướt máu, khát, khô hầu, bóng họng

Tiếng kêu ấy, lạc trong vùng phủ sóng
Của những say hương, say khói, lên đồng
Của những kiệu cờ, kèn trống, hát rong
Tuồng tích cũ, đã cả thềm, chóng chán

Một mình Simon ghé vai, cửu vạn
Giữa cảnh phố phường biểu ngữ, pano
Vâng, thưa ngài Tổng Trần Phi la tô
Trước cái chết, rửa tay, là đồng loã

Người đàn bà bị lôi ra, ném đá

Ngay giữa thanh thiên bạch nhật, đông người
Đục hay trong? Còn một bên, một nơi
Sông có khúc và người ta có lúc

Cày xới mãi, vườn chỉ ra hoa đục
Toàn lúa non, bông hạt lép, sâu rầy
Cả mùa màng, trông bốn phía đông tây
Nửa sự thật, chẳng còn là sự thật

Khi tắt thở, Chúa vẫn còn kêu khát
Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi...
Nghe rộn ràng những sênh bát i ôi
Bài Thương Khó Chúa Giêsu kêu khát
(trong tập *Kinh Cầu Mùa*)

ĐÔI ĐIỀU VỀ “THƠ SUY TƯỞNG”

Bài thơ “*Bài thương khó Đức Chúa Giêsu*” là kiểu “*Thơ suy tưởng*”, khác biệt với “*Thơ suy niệm*” và “*Thi ca cầu nguyện*”, vì thế cách đọc và tiếp nhận bài thơ sẽ khác với thơ trữ tình (nhân vật tâm trạng).

Suy niệm một bài Tin Mừng (bằng thơ hay bằng văn xuôi) là tìm hiểu, đào sâu ý nghĩa bài Tin Mừng ấy, để rút ra bài học tu đức cho cá nhân hoặc một cộng đoàn. Những dịp đọc kinh chung, cộng đoàn thường đọc một đoạn Kinh thánh, sau đó đọc một “*bài suy niệm*” để lĩnh hội ý nghĩa đoạn Tin Mừng, rút ra bài học đức tin và bài học hành động.

“*Thi ca cầu nguyện*” là thơ để cầu nguyện. Sau khi đã tìm hiểu ý nghĩa Tin Mừng, người làm thơ luôn viết thêm một đoạn cầu nguyện theo chiều kích tâm linh mà mình muốn thừa với Chúa, hoặc chia sẻ với người đọc. Cầu nguyện luôn là tâm tình riêng của một cá nhân tâm sự với Chúa. Khác với lời cầu nguyện của cộng đoàn, mọi người đọc bản kinh chung.

“*Thơ suy tưởng*” (thuật ngữ phê bình văn học) là thơ trình bày nhận thức của tác giả về một vấn đề xã hội nào đó. “*Nhận thức*” là hành trình tư tưởng, từ quan sát hiện tượng đến khám phá bản chất của vấn đề và bày tỏ thái độ. Về đặc điểm thi pháp, *Thơ suy tưởng* là thơ *Trữ tình-chính luận*. Ngôn ngữ thơ là lời nói trực tiếp, chỉ có một nghĩa tường minh, khác với *ngôn ngữ hình tượng* đa nghĩa của thơ trữ tình. Những tác giả làm *thơ suy tưởng* nổi tiếng ở Việt Nam là Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Khoa Điềm, Nguyễn Duy...^[19].

¹⁹ Xin đọc

Chế Lan Viên: *Làm Hamlet ở Việt Nam*: <https://www.thivien.net/Ch%E1%BA%BF-Lan-Vi%C3%AAn/L%C3%A0m-H%C4%83m-let-%E1%BB%9F-Vi%E1%BB%87t-Nam/poem-5owcmTJjeuNNEmhnfvzrw>
Nguyễn Đình Thi: *Đất Nước*: https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-%C4%90%C3%ACnh-Thi/%C4%90%E1%BA%A5t-n%C6%B0%E1%BB%9Bc/poem-YFWZ8afu7g2IoLevX1_E2Q

Giá trị của *thơ suy tưởng* là ở những nhận thức mới mẻ, nhà thơ nói được những chân lý của cộng đồng, và nói một cách hùng biện (mời nghe nhà thơ Nguyễn Duy tự đọc bài thơ *Đánh thức tiềm lực*).

Khi xác lập bài thơ “*Bài thương khó Đức Chúa Giêsu*” của Lê Đình Bảng là kiểu “*Thơ suy tưởng*”, tôi muốn định vị hai điều: Thơ Lê Đình Bảng đa dạng về kiểu loại (Lê Đình Bảng không chỉ có “*thơ trữ tình*”), và thơ Lê Đình Bảng hội nhập được trong dòng chảy thơ ca dân tộc đương đại. Xin lưu ý, sau 1945, trong hành trình thơ Việt, “*thơ suy tưởng*” tạo nên một dòng chảy riêng, mạnh mẽ, có những đỉnh cao. Lê Đình Bảng là một nhà thơ Công giáo cũng có mặt trong dòng chảy ấy, với khí sắc riêng.

Những “lời mở” trên đây chỉ là chuẩn bị tâm thế tiếp nhận khi đọc một kiểu loại thơ khác của Lê Đình Bảng, để hưởng thụ được một sắc màu tài năng khác về nghệ thuật thơ của ông; không để mình bị đóng đinh nhận thức về một hồn thơ chỉ vào một kiểu loại nghệ thuật. Bởi phong cách của ông là phóng túng, không chịu trói buộc trong bất cứ những định kiến nghệ thuật nào.

Và như thế, việc đọc “*thơ suy tưởng*”(thơ của lý trí, trí tuệ, tư tưởng) sẽ rất khác với cách đọc “*thơ trữ tình*” (kiểu thơ tâm trạng).

Nhà thơ Lê Đình Bảng gặp nhiều cái khó khi khai thác đề tài “*BÀI THƯƠNG KHÓ ĐỨC CHÚA GIÊSU*”.

Trước hết là, Chúa nhật Lễ Lá và ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, giáo dân đã được nghe đoạn Tin Mừng thuật lại cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Và họ đã nghe nhiều lần trong một đời người (tính từ 10 tuổi đến 70 tuổi dự lễ ở nhà thờ mùa Phục Sinh). Vì thế họ đã thuộc lòng Kinh thánh và những gì Giáo hội dạy qua lời giảng của các cha sở. Vậy nhà thơ sẽ “*nhận thức*” được điều gì mới mẻ về “*Bài thương khó của Chúa Giêsu*” khác với lời dạy của Linh mục, nhưng không được trái với tín lý? Đây là yêu cầu của việc sáng tạo. Sáng tạo nghệ thuật là làm ra Cái Đẹp Mới.

Thứ hai là: nếu không “*suy niệm*”(để rút ra bài học), không “*câu nguyện*”(để nói chuyện với Chúa), thì nhà thơ sẽ viết điều gì để vừa bảo đảm chất “*Thánh*” của Tin Mừng, lại vừa đặt ra những vấn đề cho thế giới trần tục hôm nay?

Ta có thể hình dung được sự kết hợp giữa hai thế giới, thế giới Kinh Thánh cách nay hơn 2000 năm, cụ thể là ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, Chúa Giêsu hấp hối trên thập giá, và thế giới trần tục hôm nay, với những biến đổi chóng mặt, những trào lưu độc hại làm tha hóa con người, chìm con người trong “*địa ngục trần gian*”. Có hòa mình vào hai thế giới ấy cùng một lúc người đọc mới có thể *đồng nhận thức* với tác giả.

DIỄN NGÔN CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG TRONG “*BÀI THƯƠNG KHÓ ĐỨC CHÚA GIÊSU*”

Bài thơ “*Bài thương khó Đức Giêsu*” là nhận thức và diễn ngôn về “tiếng kêu”(cũng là “di ngôn”) của Chúa trên thập giá trong giờ phút hấp hối:

Tin Mừng (Ga 19, 28:30) ghi nhận: “*Sau đó, Đức Giê-su biết là mọi sự đã hoàn tất. Và để ứng nghiệm lời Kinh Thánh, Người nói: Ta khát! Ở đó, có một bình đầy giấm. Người ta lấy miếng bọt biển có thấm đầy giấm, buộc vào một nhánh hương thảo, rồi đưa lên miệng Người. Nhấp xong, Đức Giê-su nói: Thế là đã hoàn tất! Rồi Người gục đầu xuống và trao Thần Khí*”.

Ở đoạn Kinh thánh này, nhà thơ Lê Đình Bảng chỉ nhận thức di ngôn “*Ta khát!*” của Chúa. Mở đầu là luận đề “*Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước*”. Khi triển khai hệ thống ý tưởng, nhà thơ nhắc lại : “*Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát*”. Và kết thúc bài thơ, tác giả nhắc lại mạnh mẽ hơn: “*Khi tắt thở, Chúa vẫn còn kêu khát*”.

Như vậy luận đề của bài thơ là, Chúa kêu “*Ta khát!*” Người đòi đáp lại tiếng Chúa thế nào:

“Ta khát!”/ Có ai thương, cho được giọt nước nào”.

Và đây là hệ thống lập luận.

Có hai mạch thơ cùng chảy: tác giả tái hiện hình ảnh Con người và thái độ của họ ở 2000 năm trước và Con người trong lịch sử chảy đến hôm nay.

Hai ngàn năm trước, tất cả đều vô cảm trước tiếng Chúa kêu, Con người bỏ Chúa mà đi. Không ai cho Chúa “*giọt nước tình thương*” nào.

*“Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước
Có ai thương, cho được giọt nước nào
Chỉ thấy giấm chua, mật đắng, gươm đao...*

*“...Đêm mịt mù. Đêm gà gáy canh ba
Nhọc nhằn lên Núi Sọ Golgotha
Con chiên Chúa tôi bỏ đi đâu hết”*

*“...Chán vạ kẻ ngồi đồng bàn, chung chén
Sao, chỉ một mình Simon quá giang
Và Veronica tóc rối, đầu tang
Con cái Chúa ra người dung nước lã” ...*

*...Một mình Simon ghé vai, cứu vạ
Giữa cảnh phố phường biểu ngữ, pano
Vâng, thưa ngài Tổng Trấn Phi la tô
Trước cái chết, rửa tay, là đồng loã”*

Chúa kêu khát, người ta cho Chúa uống giấm chua. Trong đêm Chúa bị bắt, đêm mịt mù, Phê rô chối Chúa lúc gà gáy canh ba. Đường lên Núi Sọ, chỉ một mình Simon vác đỡ

thánh giá Chúa, chỉ một mình Veronica trao khăn cho Chúa lau mặt, trong cuộc luận tội của Phi-la-tô, ông ta rửa tay chối tội đồng lõa với đám đông giết Chúa. Chúa đơn độc trong đêm bị bắt, đơn độc trong cuộc luận tội, đơn độc trên đường vác thập giá và đơn độc treo “*Chênh vênh, giữa bầu trời và mặt đất*”. Hai ngàn năm trước, nào “*có ai thương*” Chúa trong cuộc khổ nạn? Nghệ thuật trùng điệp làm vang lên tiếng nói thiết tha, đau đớn của nhà thơ trước thực tại lòng người vô cảm đối với Chúa, trước sự đơn độc khổ nạn của Chúa.: “*Con chiên Chúa tôi bỏ đi đâu hết*”/ *Con cái Chúa ra người dung nước lã*”.

Đoạn thơ gọi ra (không dựng lại bối cảnh) con đường khổ nạn của Chúa từ khi Chúa bị bắt trong Vườn Dầu, đến khi hấp hối. Và hơn thế, nhà thơ nhận thức toàn cảnh thái độ của Con người trước tiếng kêu của Chúa, dù đó là những môn đệ thân yêu (Phê-rô), hay “*Chán vạn kẻ ngồi đồng bàn, chung chén*” với Chúa, hoặc trong “*đêm mịt mù*” hay “*Giữa cảnh phố phường biểu ngữ, pano*” và cả nơi công đường của Philato. Ở đâu Chúa cũng đơn độc một thân phận hiện sinh trước những dã tâm bội bạc của Con người. Nhà thơ thốt lên: Cả một thời đại ác tâm, bội bạc, trước tiếng kêu của Chúa. Họ có đáp lại, nhưng không phải là “*giọt nước tinh thương*” mà là “*giấm chua, mật đắng, grom đao*”. Duy nhất có Simon và Veronica còn chút thương tình với Chúa.

Ở thời đại của Chúa (cách nay hơn 2000 năm), con người như vậy, còn Con người hôm nay đối với tiếng Chúa kêu, họ đáp lại thế nào?

Lũ chúng con, phường lưu dân tụ bạ
Hễ đông vui, xúm xít vỗ tay vào
Như bọn ăn mày đánh đố cầu ao
Tạt nước theo mưa, hoa trôi bèo dạt

Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát
Babylon ôi, liêu rũ, hoang tàn
Đã mấy mùa chay, tím ngắt hoa xoan
Đêm mướt máu, khát, khô hầu, bóng họng

Tiếng kêu ấy, lạc trong vùng phủ sóng
Của những say hương, say khói, lên đồng
Của những kiệu cờ, kèn trống, hát rong
Tuồng tích cũ, đã cả thềm, chóng chán

Nhà thơ nhận ra: “*Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát*” và “*Tiếng kêu ấy, lạc trong vùng phủ sóng*”. Nghĩa là, Chúa vẫn kêu suốt hơn hai nghìn năm lịch sử, nhưng tiếng Chúa bị lạc mất giữa Con người.

Ở đoạn thơ này, nhà thơ vừa vạch trần hiện thực vừa lên tiếng phê phán rất mạnh mẽ thực tại lòng người. Con người trong hai ngàn năm qua, và con người hôm nay chỉ là *phường lưu dân tụ bạ*, “*khi vui thì vỗ tay vào, đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai*” (nghĩa là bọn lợi dụng Chúa rồi bỏ Chúa, chẳng hạn, bọn theo Chúa để có cái ăn như trình thuật của Kinh thánh). Tiếng Chúa kêu lạc trong những “*con say*” của con người hôm nay. Ngôn ngữ thơ từ bút pháp

hiện thực chuyển sang hình ảnh tượng trưng để khái quát về thái độ của loài người đối với tiếng Chúa kêu: “*Của những say hương, say khói, lên đồng/ Của những kiêu cò, kèn trống, hát rong/ Tuồng tích cũ, đã cả thềm, chóng chán*”.

Ngôn ngữ tượng trưng của thơ có sức khái quát, có sức gọi ra những liên tưởng mà tác giả muốn người đọc cùng chia sẻ. Tôi mơ hồ thấy điều này: Ngày nay con người “**say**” nhiều thứ, say tiền, say tình, say địa vị chức tước, say tham vọng, say những hào nhoáng hình thức, say *Chủ nghĩa thực dụng*, say với *Cái Tôi cá nhân vị kỷ* và say cả tội ác, ...say đến độ thần thánh hóa sự dữ thành lễ hội (“*hương, khói, lên đồng, kiêu cò, kèn trống, hát rong*”). Ngày ngày báo chí đăng không biết bao nhiêu là tệ nạn của nền văn minh sự chết. Thế nhưng trong những lễ hội thật (ở Việt Nam có rất nhiều lễ hội văn hóa, lễ hội tôn giáo), con người hôm nay chỉ là bọn “*cả thềm chóng chán*”, sôi nổi đấy nhưng cũng vô tâm đấy. Họ dự lễ hội như xem trò diễn “*tuồng tích cũ*” không còn hấp dẫn.

Đâu đây thấp thoáng bóng dáng thái độ của một bộ phận giáo dân trong nhà thờ:

Khi tắt thờ, Chúa vẫn còn kêu khát

Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi...

Nghe rộn ràng những sênh bát i ôi

Hai câu thơ đầu tưởng như tác giả tường thuật trang nghiêm. Tiếng Chúa kêu mạnh mẽ đến nỗi “*Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi*”, nhưng ngược lại, trong nhà thờ không ai nghe tiếng Chúa, mà “*rộn ràng những sênh bát i ôi*”, nơi đang diễn “*tuồng tích cũ*”. Câu thơ thứ “*Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi*” là sự phẫn nộ của Chúa trước sự vô tâm, giả hình của Con người.

Như vậy, luận đề của “*Bài thương khó Đức Giêsu*” là: Chúa kêu “*Ta khát*”, nhưng trong suốt hai ngàn năm đến nay, không được Con người đáp lại, và, “*Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát*”. “*Bài thương khó của Chúa*” không chỉ là khổ nạn thân xác phải chịu, mà còn là nỗi đau thương bi tráng, tuyệt vọng trước sự thờ ơ, sự bỏ rơi Chúa của Con người: “*Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước/ Có ai thương, cho được giọt nước nào*”. Không có ai cả! Sự vô tâm bội bạc của nhân gian và nỗi cô đơn tuyệt vọng của Chúa rợn ngợp, bao trùm không gian, bao trùm thời gian, bao cả trùm lịch sử. Đây là một khám phá sâu sắc về tư tưởng của thơ Lê Đình Bảng.

Để làm nổi bật “sự thương khó” của Chúa trước tiếng kêu “*Ta khát*” bị con người chối bỏ, tác giả vẽ nên những cảnh sắc buồn ảm đạm để khắc họa và tô đậm sự cô đơn tột cùng của Chúa. Đặc biệt là sự tương phản giữa tình yêu vô biên của Chúa với sự vô tâm của con người.

Tác giả nhập thân vào Chúa, nói tiếng nội tâm của Chúa, khám phá hiện sinh về “nhân tính” của Chúa, nhận thức và chia sẻ nỗi đau của Chúa bị con người bỏ rơi, nhận thức cách thức Chúa đối mặt với cái chết (*Hiện sinh quy tử -Being toward death-Heidegger*). Thơ nghiêng về kiểu *thơ tư tưởng*.

Hai nghìn năm, những khăn choàng giấu mặt

Gõ cửa từng nhà, nước lũ ra sông

Lặn lội thân cò, con vạc, con nông

Đổ hết máu mình ra, cho đến chết

Yêu là thể. Đến tận cùng cạn kiệt
Đêm mật mừng. Đêm gà gáy canh ba
Nhọc nhần lên Núi Sọ Golgotha
Con chiên Chúa tôi bỏ đi đâu hết

*Đêm mướt máu. **Đêm Vườn Dầu**, thao thiết*
Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình
Lạy Cha, lạy Cha, này những dấu đinh
Ôi, chén đắng, làm sao con uống được

Bao nhiêu người thân, nửa đường bỏ cuộc
Bao nhiêu dấu yêu, khấn hứa, thề bồi
Chỉ còn đây, vàng vọt, đóa trăng soi
Ôi, chén đắng, Con làm sao uống được

Trong tội cùng cùng nỗi cô đơn, khi “*Con chiên Chúa tôi bỏ đi đâu hết*”, Chúa kêu lên: “*Ôi, chén đắng, Con làm sao uống được*”. Tác giả (nhắc lại 2 lần) để tô đậm nỗi bi thương của Chúa trong thân phận con người hiện sinh suốt trường kỳ lịch sử đi tìm sự thấu hiểu, cảm thông. Dù đã “*Gõ cửa từng nhà*”, nhưng Chúa hoài công, chẳng khác gì “*nước lũ ra sông*”, dù Chúa đã “*Lặn lội thân cò, con vạc, con nông/ Đổ hết máu mình ra, cho đến chết*” cũng không tìm được một người cùng thức với Chúa trong đêm Vườn Dầu? Chúa nói với ông Phê-rô: “*Thế ra anh em không thể canh thức nổi với Thầy một giờ sao?*” (Mt 26, 40). Và nhìn Chúa “*mồ hôi Người như những giọt máu rơi xuống đất*” (Lc 22, 44), nhà thơ nhận thức “*Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình*”. Thực sự là con người trần gian không đủ sức cảm nhận nỗi bi thương tội cùng, nỗi cô đơn đến tuyệt vọng và ý thức hiện sinh bi tráng về cái chết mà Chúa đang đối mặt. “*Ôi, chén đắng, Con làm sao uống được!*”

Đây là một dụng ý khám phá tư tưởng của nhà thơ. Lê Đình Bảng không hề nhắc đến “*thần tính Thiên Chúa*” của Đức Giêsu, mặc dù Kinh thánh có nói rất rõ: Chúa nói với người đã chém đứt tai tên đầy tớ khi Người bị bắt: “*Hay anh tưởng là Thầy không thể kêu cứu với Cha Thầy sao? Người sẽ cấp ngay cho Thầy hơn mười hai đạo binh thiên thần! Nhưng như thế, thì lời Kinh Thánh ứng nghiệm sao được? Vì theo đó, mọi sự phải xảy ra như vậy*” (Mt 26, 53-54). Lê Đình Bảng nhìn *Con người hiện sinh* của Chúa, để soi chiếu khám phá con người hiện sinh của chính mình và của nhân loại, có vậy mới cảm được “*con xao xuyến bồi hồi*” (Lc 22,44) của Chúa trước cuộc tử nạn, mới thấy được tầm vóc lớn lao của ơn Cứu Độ mà Đức Giêsu hiến thân cho nhân loại.

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều (hiện là Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam) đã cảm nhận hiện sinh về cuộc khổ nạn của Đức Giêsu bằng những câu thơ óng ánh châu ngọc và bằng một tâm tình thành kính vô hạn:

*“Hồi Chúa Trời, con quỳ dưới chân người, con gánh trên lưng con bóng tối khổng
lô*

Đôi môi con run rẩy chạm vào những ngón chân Người giá lạnh nhưng những

giọt máu chảy từ bàn tay bị đóng đinh của Người từng giọt, từng giọt rơi xuống ngực con rực sáng và nóng ấm vô tận

Cây thập giá nơi Người bị đóng đinh trong đêm sừng sững dựng lên cái Cây Ánh Sáng vĩ đại nhất trên thế gian này...

... Để khi bóng tối ập xuống cố đìm con tận đáy của sợ hãi, của con đòi dục vọng thì ngôn ngữ Người ban cho con rực rỡ hiện lên

Giống những ngọn đèn Người vẫn thắp đêm đêm từ thuở trái đất sinh ra và sáng mãi, sáng mãi lặng im để con quỳ xuống vừa khóc vừa hát

*Trong triệu triệu, triệu triệu tiếng chuông rung lên trên những thánh đường nơi người đã lướt qua ánh sáng ngập tràn” (Chương 2- **Dưới cái cây ánh sáng**)*

Khám phá về con người hiện sinh của Chúa, Nikos Kazantzakis (Triết gia, nhà văn, nhà viết kịch Hy Lạp) viết trong đoạn mở đầu cuốn *The Last Temptation of Christ (Con cám dỗ cuối cùng của Chúa)* như sau:

*“Phần **nhân tính** của Chúa mang tính nhân bản sâu sắc giúp chúng ta hiểu Ngài và yêu Ngài, theo đuổi Nỗi Khổ Hình của Chúa như của chính chúng ta. Nếu Ngài không mang trong mình yếu tố nhân tính ám áp này Ngài sẽ không bao giờ có thể đạt tới tâm tư của chúng ta với sự chắc chắn và dịu dàng như vậy. Ngài sẽ không thể trở thành mẫu mực cho cuộc sống chúng ta...” (Nxb Đồng Nai 1988, tr.7).*

Như vậy, cả Nikos Kazantzakis, Nguyễn Quang Thiều và Lê Đình Bảng đều khám phá “nhân tính” của Chúa trong con người tại thế đối mặt với tử sinh, để từ đó nhận ra Ngài là “mẫu mực cho cuộc sống chúng ta,...chúng ta thấy là chúng ta không lẻ loi trong cuộc đời: Ngài đang đấu tranh bên cạnh chúng ta” (Nikos Kazantzakis-đã dẫn).

Những nhận thức hiện sinh của Lê Đình Bảng về “*Bài thương khó của Đức Giêsu*” đã đưa thơ Lê Đình Bảng hòa vào dòng chảy tư tưởng thơ Việt (Nguyễn Quang Thiều) và tư tưởng văn chương thế giới (Nikos Kazantzakis).

NGHỆ THUẬT THƠ SUY TƯỞNG CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG

1.Hình tượng nhân vật

Trong *thơ suy tưởng* thường chỉ có một *nhân vật* (tác giả) là chủ thể nhận thức, suy tưởng và diễn ngôn. Bài thơ được cấu trúc theo kiểu *Chính luận* (lập luận), dùng ngôn ngữ đơn nghĩa, phát ngôn trực tiếp.

*“Nước chúng ta
Nước của những người không bao giờ khuất
(Đất nước-Nguyễn Đình Thi)*

*“Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi
Đất nước có trong những cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể...”*

(Đất nước-Nguyễn Khoa Điềm)

Lê Đình Bảng cũng mở đầu bằng một góc nhìn cá nhân:

*Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước
Có ai thương, cho được giọt nước nào*

Lê Đình Bảng kiến tạo thơ theo cấu trúc *logic-nghị luận*, nhưng đồng thời lồng vào đó là *cấu trúc hình tượng* (kiểu cấu trúc kép). Bài thơ có 3 nhân vật, xuất hiện nối tiếp nhau, được vẽ ra trong những bối cảnh và thời gian khác nhau. Nhân vật thứ nhất là tác giả, người vừa quan sát, nhận thức hiện thực, vừa kể chuyện vừa bày tỏ thái độ, quán xuyên suốt cả bài thơ. Nhân vật thứ hai là Đức Giêsu, người khám phá hiện sinh, đối tượng nhận thức của nhân vật thứ nhất, đối tượng tác giả muốn người đọc chiêm ngưỡng, nhận thức và nghĩ suy. Nhân vật thứ ba là: “*Lũ chúng con*”, đại diện cho con người hôm nay, tự lên tiếng, tự đánh giá, cũng là tự nhận thức và diễn ngôn. Ba nhân vật với những sắc thái *tư tưởng-thâm mỹ* khác nhau, tạo nên thế giới nghệ thuật *thơ suy tưởng* rất riêng của Lê Đình Bảng.

Tác giả (nhân vật thứ nhất), không hiện diện trực tiếp trong bài thơ, nhưng lên tiếng trực tiếp với người và đưa ra nhận định về từng trường hợp cụ thể. Nhiệm vụ cốt lõi của nhân vật này là lý giải luận đề: nghe Chúa kêu “*Ta khát*”, thì thái độ của con người thế nào? Tác giả trả lời: con người thờ ơ, vô cảm, bội bạc, bỏ Chúa mà đi. Cả lịch sử hai nghìn năm Chúa không tìm được một người chia sẻ, trái lại, “*Hai nghìn năm, những khăn choàng giấu mặt*”; “*Họ đón gió. Để cảm cơ, đi trước/ Để mua vui, xem rao bán, chợ trời*”. Chúa chết vì “*những âm mưu, toan tính thấp hèn / Bời những chiêu trò, lòng dạ nhỏ nhen*” của họ. Và vì thế

*Hơn hai nghìn năm, Chúa còn kêu khát
Babylon ôi, liễu rũ, hoang tàn
Đã mấy mùa chay, tím ngắt hoa xoan
Đêm mướt máu, khát, khô hầu, bóng họng*

Nhân vật thứ nhất (tác giả) phơi bày những sự thật ấy, phơi bày triệt để, lộn trái lương tâm Con người, để thức tỉnh họ. Nghe tiếng Chúa kêu, con người phải làm gì cụ thể để đáp lại tiếng Chúa (như Simon, như Veronica, như người phụ nữ ngoại tình bị ném đá được Chúa cứu thoát). Sự khác biệt của *thơ suy tưởng* Lê Đình Bảng với “*Thơ suy niệm*” và “*Thơ ca cầu nguyện*” là ở chỗ, tác giả không đưa ra bài học đạo đức nào để dạy dỗ người đọc, mà để người đọc cùng nhận thức và tự hồi tâm.

Nhân vật thứ hai (Đức Giêsu) tâm sự với Chúa Cha về sứ mệnh “*Cứu độ nhân loại*”. Tác giả tái hiện lại hình ảnh Đức Giêsu trong Vườn Dầu: “*Đêm mướt máu. Đêm Vườn Dầu, thao thiết / Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình*”, giữa cô quạnh, Ngài kêu lên thê thiết: “*Lạy Cha, lạy Cha...Ôi, chén đắng, làm sao con uống được/ Ôi, chén đắng, làm sao con uống được*”. [Xin đọc trình thuật của Mathêu: “*Người đi xa hơn một chút, sắp mặt xuống, cầu nguyện rằng: "Cha ơi, nếu được, xin cho chén này rời khỏi con. Nhưng xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha"*(Mt 26, 39).]. Tác giả khám phá hiện sinh về sự yếu đuối trong nhân tính của Đức Giêsu trước sứ mệnh Cứu độ nhân loại và sự tuyệt vọng của Ngài trước thái độ bội bạc của con người. “*Lạy Cha, lạy Cha...Ôi, chén đắng, làm sao con uống được/ Ôi, chén đắng, làm sao con uống được*”.

Nhân vật thứ ba là “con người hôm nay”. Đây là kiểu *nhân vật tập thể* mà tác giả nhập thân, đại diện, tự nhận thức và nhân danh để diễn ngôn:

*Lũ chúng con, phường lưu dân tụ bạ
Hễ đông vui, xúm xít vỗ tay vào
Như bọn ăn mày đánh đổ cầu ao
Tạt nước theo mưa, hoa trôi bèo dạt*

Khổ thơ dùng ngôn ngữ bình dân đương đại, dùng nhiều thành ngữ để khắc họa chân dung thấp hèn con người hôm nay và thái độ bội bạc của họ trước tiếng kêu của Chúa. Những đại từ chỉ trỏ “*lũ, phường, bọn*” hàm ý khinh miệt. *Lũ chúng con* chỉ là phường lưu dân tụ tập bậy bạ, “*khi vui thì vỗ tay vào*”, đến khi thấy Chúa bị bắt đưa đi giết thì chạy cho xa. Chẳng được tích sự gì cho Chúa. Giống như bọn ăn mày nghèo kiệt, xin được ít gạo lại đánh đổ ở cầu ao, thế là xong, lại bị không. Tệ hơn thế, *lũ chúng con* còn là bọn hùa theo tội ác “*tạt nước theo mưa*”, như thế đám dân chúng hùa theo đòi tha Baraba mà đóng đinh Giêsu (Mt 27, 20-23).

Trong cái *phường lưu dân bậy bạ* ấy, tìm đâu được một người đáp lại tiếng Chúa kêu “Ta khát”:

*Gõ cửa từng nhà, nước lã ra sông
Lặn lội thân cò, con vạc, con nông...
...Cày xới mãi, vườn chỉ ra hoa đực
Toàn lúa non, bông hạt lép, sâu rầy
Cả mùa màng, trông bốn phía đông tây
Nửa sự thật, chẳng còn là sự thật”*

Hình ảnh thơ đậm màu sắc thẩm mỹ ca dao, nhưng mang ý nghĩa biểu tượng và hàm nghĩa tư tưởng: “*Nửa sự thật, chẳng còn là sự thật*”.

Ba nhân vật, mỗi hình tượng có giá trị thẩm mỹ riêng, có sức gây ấn tượng riêng, chứa đựng những ẩn ý tư tưởng riêng, nhưng cả ba hợp lại trong một tổng thể *Chính luận-Trữ tình-Tư tưởng*, tạo nên một tác phẩm nghệ thuật đa thanh. Kiểu nhân vật này là một đóng góp mới mẻ của Lê Đình Bảng vào thơ *Suy tưởng-chính luận* Việt đương đại.

2. Màu sắc ngôn ngữ

Nếu bạn quen đọc thơ trữ tình của Lê Đình Bảng với ngôn ngữ mượt mà bay bổng, “*lời lời như châu ngọc, hàng hàng gấm thêu*”(Nguyễn Du, *Đoạn trường tân thanh*, câu 1156) thì sẽ bị “sốc” khi tiếp cận với ngôn ngữ trần trụi, đời thường, cách nói năng theo kiểu “*chợ trời*” đương đại của bài thơ này.

*Họ đón gió. Để cầm cờ, đi trước
Để mua vui, xem rao bán, chợ trời
Chúa-ba-mươi-đồng- bạc- lẻ-tiền-tươi
Chúa chết tả tơi, trần truồng, nhục khổ*

Ôi, cái chết đã tận cùng bằng số

*Bởi những âm mưu, toan tính thấp hèn
Bởi những **chiêu trò**, lòng dạ nhỏ nhen
Đi đâu hết, những thẻ non, hẹn biển*

Vấn đề là tại sao Lê Đình Bảng thay đổi kiểu ngôn ngữ khác hoàn toàn với ngôn ngữ thơ trữ tình của ông?

Phải chăng nhà thơ cũng là một người mà “*Ở ăn thì nét cũng hay. Nói điều ràng buộc thì tay cũng giã*” (Nguyễn Du, *Đoạn trường tân thanh*, câu 2534). Nói về sự bội bạc của con người với tiếng kêu “Ta khát” của Đức Giêsu, thì không thể nói bằng ngôn ngữ hoa mỹ, đẹp lãng mạn, mà phải dùng loại ngôn ngữ chắc như gạch đá, động thẳng vào tim, may ra mới lay động được chúng.

*Khi tắt thở, Chúa vẫn còn kêu khát
Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi...
Nghe rộn ràng những sênh bát i ôi*

Câu thơ bộc lộ tất cả sự phẫn nộ của Chúa với bọn giả hình. Tài năng của Lê Đình Bảng là dùng câu Kinh thánh diễn tả sự rung chuyển trời đất khi Đức Giêsu tắt thở “*Và kìa, bức màn trướng trong Đền Thờ bị xé ra làm hai từ trên xuống dưới. Đất rung đá vỡ, mồ mả bật tung*” (Mt 27, 51), để diễn tả sự phẫn nộ của Chúa trước sự thờ ơ, giả hình của con Chúa trong nhà thờ: “*Màn trong nhà thờ xé ra làm đôi...Nghe rộn ràng những sênh bát i ôi*”. Người đọc cảm nhận được độ phê phán sâu sắc của câu thơ là từ hình tượng thẩm mỹ của ngôn ngữ (tức là ngôn ngữ thơ), dù nhà thơ có dùng lời ăn tiếng nói đời thường đương đại. Cũng có thể Lê Đình Bảng muốn dùng ngôn ngữ hôm nay để nói với người hôm nay: nói thẳng, nói thật, lột trái lương tâm *phường* bội phản, *bọn* giả hình, *lũ* bạc ác, không cần phải tượng trưng, hoa mỹ.

ĐỌC “BÀI THƯƠNG KHÓ ĐỨC CHÚA GIÊSU” CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG, BẠN ĐỌC NGHĨ GÌ?

Nhà thơ Lê Đình Bảng không *suy niệm* Kinh thánh để rút ra bài học đạo đức kêu gọi người đọc “*hãy sám hối*” trở về, “*phải gục đầu*” ăn năn trước “*Bài thương khó của Đức Giêsu*”. Ông chỉ đặt vấn đề nhận thức: “*Chúa kêu khát, những hai nghìn năm trước Có ai thương, cho được giọt nước nào*”. Và bạn tự trả lời tiếng kêu ấy của Chúa bằng những “*giọt nước tình thương*”. Hãy làm những việc cụ thể như Simon, như Veronica. Như người đàn bà bị ném đá được Chúa cứu khỏi tội chết. Đừng như Phêrô hay Philatô; hay bọn “*đón gió trở cờ*”, bọn “*tát nước theo mưa*”! Làm sao để cảm nhận, để chia sẻ nỗi cô đơn, tuyệt vọng của Chúa trong Vườn Dầu vì yêu nhân loại, nhưng lại bị nhân loại bỏ rơi.

*Đêm mướt máu. Đêm Vườn Dầu, thao thiết
Chúa khóc thương ai hay khóc chính mình.*

Xin mạn phép nhà thơ mở một ngoặc đơn ở đây. Hơn hai ngàn năm qua, “tiếng kêu” “*Ta khát!*” của Chúa đã được con Chúa đáp lời trong khắp thiên hạ. Tính đến 31/12/2021 trên thế giới đã có 1.375.852.000 người theo Chúa, có 407. 872 linh mục, 608.958 nữ tu [20]. Ở Việt

²⁰ Thông kê của giáo hội Công giáo năm 2023

Nam [²¹], trong thế kỷ 18 và 19, đã có khoảng từ 130.000 đến 300.000 giáo dân bị giết vì đạo, họ đã lấy máu mình làm chứng cho đức tin. Và tôi hình dung ra, nơi Thiên quốc Đức Giê-su nói với những người theo Chúa: "*Thầy bảo thật anh em: anh em là những người đã theo Thầy, thì đến thời tái sinh, khi Con Người ngự toà vinh hiển, anh em cũng sẽ được ngự trên mười hai toà mà xét xử mười hai chi tộc Ít-ra-en*" (Mt, 19:28).

Tháng Ba/ 2024

Độc thơ tình yêu Lê Đình Bảng

CHUYỆN HOA XOAN MÙA THƯƠNG KHÓ

Bùi Công Thuấn

Mời bạn đọc bài thơ Chuyện hoa xoan mùa thương khó của tác giả Lê Đình Bảng.

*Em còn nhớ
từ Thứ Tư Lễ Tro, ra Tết?
và Giêng, Hai trong cái rét Nàng Bân?
Nắng ngọt ngào
bàn tay giấu trong khăn
Đi lễ sớm
quê nhà ta mới vào mùa Thương Khó...
Gió thổi buốt
đọc hai bên đường, hoa xoan nở
Ôi, loài hoa tím tím ngát, muôn măn
Như kẻ trộm lành vừa được phước ăn năn
Đến tắm mát ở đầu nguồn Cứu Rỗi*

*Suốt mấy tuần Chay
khấp lạng thôn mình rộn ràng xung tội
Lòng băng khuâng
nghe chim hót ngoài vườn
Có phải vì còn lưu luyến, tơ vương
Những rơi rớt của vàng hương xưa cũ?
Em theo mẹ vừa ngang qua nhà xừ
Tôi chen vô, lên bốc nẻ, hôn chân
Mùi hoa xoan
hay áo em mới, cứ nồng nàn
Những e ấp, chực chờ, sợ người ta nom thấy?*

*Ở nhà quê
thường có những cái rất hồn nhiên, tình cờ như vậy
Trước, chưa nên
sau, cũng vận vào người
Mấy ai ngờ? Chuyện chung lứa, chẳng chung đôi
Mới chớm quen nhau
đã nhuốm đầy nước mắt!*

...

Tôi lên phố, đi học xa nhà...

Ai bắt trẻ đồng xanh?
để em tôi nheo nhóc tản cư, bé bỏng chạy giặc
Người một phương
chả biết đến bao giờ?
Chuyện thật buồn...
vào một buổi sớm tinh mơ...
Em gục chết
ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, vừa tan lễ...

"...Viên đạn ở đâu?
bay thẳng vào trái tim em...!" mẹ kể...
"...Lạy Chúa tôi!"
Em còn kịp kêu tên Giêsu cực trọng vô cùng!
... Nghe đồn rằng, nơi thềm bậc nhà chung...
Ngay đêm ấy...
Em hiện về... con bướm!
Tôi chẳng thoát
được tin em quá muộn
Thời buổi binh đao, xa xôi, cách trở đi về
Cứ cầm bằng
mình đôi ngả, đôi quê
Đành đoạn qua cầu sinh ly, tử biệt

Mà kỷ niệm thì theo ta đến chết
N như hồn ma bóng quế, hư huyền
Em vẫn là con bướm trắng... rất linh thiêng
Nơi ký ức thiên đường, tôi đánh mất...
Nhớ là nhớ, hằng tuần, mỗi Thứ Năm, Chúa Nhật
Quy song đôi, hai hàng ghé hai bên
Vẫn chia lòng, chia trí... vẫn ngó nghiêng
Nghe em bảo,
đêm nay, ngắm lễ đèn, mở cửa mô, táng xác...

Tôi còn nhớ...
... lúc em xếp hàng từng đôi, lên dăng hạt
Ôi, lời kinh như mật rót vào hồn
Chỉ ước thầm
mình đừng vội lớn, mau khôn
Cứ thả đĩa ba ba, dung dăng dung dẻ...
Đâu đến nỗi, vội khóc cười lan huệ:
kẻ, hoa thơm Chúa hái đầu ngày
Vóc nẻ năm xưa, ai còn giữ trong tay?

không đếm được, Vui, Thương, Mừng, em ạ

...

Thế mới biết

ngọn ngành, có nhân, có quả

Chuyện hoa xoan

mùa Thương Khó đã lâu...

Đêm tối ba mươi, Chứa mười máu trong Vườn Dầu

Đuốc hoa bập bùng, gà khuya gáy sớm ?

... Chiều nay, đợi chuyến xe về quá muộn

Ngắt vôi chùm hoa

làm quà tặng em thôi

Bởi vì em, giờ đã là thánh nữ trên trời

Con bướm trắng

hoa xoan... mùa Thương Khó

Tôi vẫn đợi, vẫn chờ em đâu ngõ

Hỏi sông kia, sao bên lở, bên bồi?

Ai gác thuyền, ra đàn đờn, hàng khơi

Ai tiệc rượu, ai dầu thơm, tóc mười?

Em nhanh chân mang dầu đèn ra trước

Chậm chậm, từng bước thôi

Em ạ, chờ tôi...

Đọc xong bài thơ, tôi lặng người đi rất lâu trong thế giới nghệ thuật của Lê Đình Bảng. Một nỗi buồn thương man mác như màu tím hoa xoan bao trùm không gian làm lòng tôi day dứt khôn nguôi. Bỗng dưng tôi đặt mình trong một tư thế trang nghiêm và rất đổi thành kính để chia sẻ sự mất mát không bù đắp được của nhân vật Tôi; sự mất mát làm cạn khô nước mắt suốt bao nhiêu năm tháng. Cùng với cuộc thương khó "Đêm tối ba mươi, Chứa mười máu trong Vườn Dầu," nỗi bi thương của nhân vật Tôi tưởng không thể vượt qua được. Nhưng sau phút đắm chìm cảm thương ấy, tâm hồn tôi bừng sáng đến ngõ ngàng. Thơ chấp cánh cho hồn tôi bay lên. Tôi thốt lên: Bài thơ hay quá!. Tôi lại lặng đi để cảm nhận cái hạnh phúc được đọc một bài thơ hay. Nói thơ hay là nói cái cảm xúc trực giác, cảm xúc này là sự tổng hợp những khám phá nhận thức về bài thơ, kết hợp với sự rung cảm của trái tim khi nhập thân vào thế giới nghệ thuật. Với thơ Lê Đình Bảng, thật khó nói ra "cái hay" mà người đọc tiếp nhận được. Bởi tiếng thơ Lê Đình Bảng không chỉ là tiếng lòng của nhà thơ mà còn khơi gợi được cả một thế giới ký ức trong lòng người đọc, hơn thế, thơ Lê Đình Bảng còn mở ra một vùng trời khác mà có khi người đọc chưa tiếp cận nhưng vẫn cảm được cái đẹp. Vâng, bài thơ đẹp quá.

MỘT CHUYỆN TÌNH ĐẸP

Bài thơ là lời đối thoại trong tâm tưởng của Tôi với em. Tôi nói chuyện với em, nhớ lại những kỷ niệm yêu thương. Và, em như một nhân vật đang sống, đang ở bên Tôi, chia sẻ những giây

phút hai trái tim cùng một nhịp rung cảm, đồng cảm.

Và câu chuyện được kể trong hồi ức về Mùa Chay ở "quê nhà ta". Nghệ thuật kể chuyện đầy kịch tính với tốc độ nhanh, nhiều tình huống bất ngờ của Lê Đình Bảng góp phần tạo nên cái hay của bài thơ. Đó là nghệ thuật kể chuyện hiện đại. Câu thơ ngắn kết hợp với ngắt nhịp biến hóa, và thay đổi góc trần thuật liên tục: tác giả kể, rồi mẹ kể; quá khứ và hiện tại đồng hiện; thế giới thực tại với thế giới tâm linh lồng vào nhau, vừa tái hiện hiện thực, vừa khắc họa được sự bất tử của nhân vật em, sự vĩnh cửu của tình yêu.

Nghệ thuật kể chuyện ấy kết hợp với cái nhìn đức Tin, tạo nên sự chuyển hóa rất mới lạ. Xưa nay sinh ly tử biệt là nỗi buồn đau bi kịch, nhấn chìm con người trong bóng tối. Nhưng trong chuyện tình này, cái chết bất ngờ đầy đau thương của em "*ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, vừa tan lễ*" là một cuộc tử vì đạo, vì em cùng chết với Đức Giêsu. "*...mẹ kể.../...Lạy Chúa tôi!*" / *Em còn kịp kêu tên Giêsu cực trọng vô cùng!*". Em bước thẳng một bước vào cửa thiên đàng để trở thành "thánh nữ trên trời", và hiển linh ngay trước mắt mọi người.:

Nghe đồn rằng, nơi thêm bậc nhà chung...

Ngay đêm ấy...

Em hiện về... con bướm!...

...

Bởi vì em, giờ đã là thánh nữ trên trời

Con bướm trắng

hoa xoan... mùa Thương Khó...

...Em vẫn là con bướm trắng... rất linh thiêng

Đó là sự thăng hoa tuyệt vời của sáng tạo nghệ thuật, nhưng cũng là của một đức tin tinh ròng ngay trong những hoàn cảnh đau thương nhất. Cái Đẹp của chuyện tình mang phẩm chất Mỹ học Kitô giáo, nhưng lại được thể hiện một cách tự nhiên như trong đời thường, như trong tâm linh dân gian (người ta tin rằng, ở những nơi tưởng niệm, khi có con bướm lạ bay vào, đó chính là hồn người chết hiện về).

Từ sự thăng hoa cái chết của em, mọi yếu tố của câu chuyện đều được chuyển hóa và hiện lên với một vẻ đẹp mới lạ. Không gian tâm linh và không gian nghệ thuật giao hòa trong hoan ca. Những cảnh "nheo nhóc tản cư, bé bỏng chạy giặc" trong "thời buổi binh đao", hình ảnh "một buổi sớm tinh mơ.../ Em gục chết/ ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, vừa tan lễ", đêm trước cuộc thương khó, "Đêm tối ba mươi, Chúa mút máu trong Vườn Dầu"... những biến động xã hội lớn lao đau thương ấy trở thành bè trầm hùng vĩ của một bản đại giao hưởng Phục Sinh. Giờ em ở trên cao, là "thánh nữ trên trời". Có lẽ trong văn chương Việt, không có nhân vật nữ nào tuyệt đẹp như thế. Tiên Dung công chúa, hay Lý Thị Thiên Hương (Linh Sơn Thánh Mẫu-Núi Bà Đen-Tây Ninh) là những nữ thần tình yêu xinh đẹp linh thiêng lắm liệt, thì nhân vật Em cũng có những phẩm chất ấy, hơn nữa nàng đơn sơ, thánh khiết hơn: nàng đi lễ sớm dù trời

lạnh buốt, nàng quý cầu nguyện nghiêm trang, nàng dâng hạt, lời kinh như mật:

*Nắng ngọt ngào
bàn tay giấu trong khăn
Đi lễ sớm
quê nhà ta mới vào mùa Thương Khó...
Gió thổi buốt
dọc hai bên đường, hoa xoan nở...*

...
*Nhớ là nhớ, hằng tuần, mỗi Thứ Năm, Chúa Nhật
Quyè song đôi, hai hàng ghé hai bên
Vẫn chia lòng, chia trí... vẫn ngó nghiêng
Nghe em bảo,
đêm nay, ngắm lễ đèn, mở cửa mở, táng xác...*

*Tôi còn nhớ...
... lúc em xếp hàng từng đôi, lên dâng hạt
Ôi, lời kinh như mật rót vào hồn*

Từ sự Phục Sinh của Em, những kỷ niệm trong thời gian trước và sau cái chết của em, cũng phục sinh. Nói cách khác, tình yêu đã vượt qua tử sinh. Những kỷ niệm ấy vẫn đang sống động như trong hiện thực (lưu ý Lê Đình Bảng dùng chữ "chiều nay" ở thì hiện tại). Em đi lễ sớm trong giá rét...Tôi ngắt vội chùm hoa .

*Em theo mẹ vừa ngang qua nhà xír
Tôi chen vô, lên bốc nẻ, hôn chân
Mùi hoa xoan
hay áo em mới, cứ nồng nàn
Những e ấp, chực chờ, sợ người ta nom thấy?*

Và:

*Chiều nay, đợi chuyến xe về quá muộn
Ngắt vội chùm hoa
làm quà tặng em thôi...*

Và tôi suy nghĩ nhiều về em để nhận ra Tôi. Em là "hoa thơm Chúa hái đầu ngày"; Em là trinh nữ khôn ngoan trong dụ ngôn 10 cô trinh nữ (Mt 25, 1-13) "Em nhanh chân mang dầu đèn ra trước" để đón tân lang (đón Chúa). Cả hai tứ thơ đều ca ngợi em, đều diễn tả cái chết của em đẹp ý Chúa, em về trời trong sự quan phòng của Chúa. Còn tôi:

Suốt mấy tuần Chay

*khắp làng thôn rộn ràng xung tôi
Lòng băng khuâng
nghe chim hót ngoài vườn
Có phải vì còn lưu luyến, tơ vương
Những rơi rớt của vàng hương xưa cũ?*

Khắp làng thôn rộn ràng xung tôi Mùa Chay, còn tôi thì chưa, vì lòng trí còn lơ đãng "nghe chim hót ngoài vườn, còn lưu luyến tơ vương "những rơi rớt của vàng hương xưa cũ". Em trang nghiêm thánh thiện bao nhiêu thì tôi nghịch ngợm bấy nhiêu

*Quỳ song đôi, hai hàng ghé hai bên
Vẫn chia lòng, chia trí... vẫn ngó nghiêng...
Em dâng Hạt, lời kinh ngọt mật, nhưng tôi lại lo ra:
lúc em xếp hàng từng đôi, lên dâng hạt
Ôi, lời kinh như mật rót vào hồn
Chỉ ước thâm
mình đừng vội lớn, mau khôn
Cứ thả đĩa ba ba, dung dăng dung dẻ...*

Những thổ lộ như thế của Tôi khắc họa một nhân vật Tôi có vai trò đặc biệt trong kiến tạo tác phẩm và làm nên sự hấp dẫn của bài thơ.

Tôi là nhân vật kể chuyện, tự kể chuyện tình của mình. Tôi còn là nhân vật tâm trạng, Tôi độc thoại trong tâm tưởng với em (ở thì hiện tại). Sự kết hợp hai góc trần thuật này của Tôi tạo nên hiệu quả kép. Tức là, vừa tái hiện dòng chảy của hiện thực ngoài kia, vừa mở ra cái dòng chảy tâm trạng của Tôi. Ngoài kia là khung cảnh làng quê rộn ràng mùa kinh hạt, ngoài kia là buổi bình đao dân nhe nhóc tản cư, giáo dân chết đạn ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, ngoài kia là ly tán đôi ngả đôi quê, "đành đoạn sinh ly tử biệt".

Còn Tôi, tâm trạng cuộn cuộn chảy, ào ạt, những lớp sóng tâm hồn với nhiều suy nghĩ và cảm xúc cứ tràn lên hết lớp này đến lớp khác. Chính những lớp sóng cảm xúc này của Tôi làm nên sự phong phú và chiều sâu nghệ thuật của bài thơ.

Tôi với tâm trạng "ngọt ngào" trên đường quê đầy hoa xoan nở khi đi theo em đến nhà thờ. Tôi hạnh phúc biết bao nhiêu "Như kẻ trộm lành vừa được phước ăn năn/ Đến tắm mát ở đầu nguồn Cứu Rỗi". Tôi nghịch ngợm và tinh tế. Mùi thơm của áo em sao nồng nàn quyến rũ thế!

*Em theo mẹ vừa ngang qua nhà xứ
Tôi chen vô, lên bốc nẻ, hôn chân
Mùi hoa xoan
hay áo em mới, cứ nồng nàn
Những e ấp, chực chờ, sợ người ta nom thấy?*

*Tôi buồn bã khi phải đi học xa nhà: Người một phương/ chẳng biết đến bao giờ?
Nghe mẹ kể về cái chết của em, tôi đau đớn bất lực:
Tôi thắng thốt/ được tin em quá muộn*

Và Tôi không nguôi thương nhớ, không thôi đọc thoại, không thôi sống trong tâm tưởng những kỷ niệm với em, và tôi muốn đi theo em (điệp từ: "Tôi còn nhớ"; "nhớ là nhớ")

*Tôi vẫn đợi, vẫn chờ em đâu ngõ
Hỏi sông kia, sao bên lở, bên bồi?...
...Chậm chậm, từng bước thôi
Em ạ, chờ tôi..."*

Rõ ràng sự kết hợp nhân vật tôi kể chuyện với nhân vật tôi tâm trạng đã tạo nên sắc thái thẩm mỹ rất riêng cho bài thơ. Bài thơ vừa bao quát được hiện thực rộng lớn ngoài kia, vừa dẫn người đọc thâm nhập rất sâu vào tâm thức của một con người trong nhiều chiều kích: chiều rộng của bối cảnh lịch sử xã hội, chiều cao thẳm của tâm linh (vượt qua tử sinh vươn tới thiên đàng), chiều phức tạp của tâm lý con người trong tình yêu, trong những nghịch cảnh và trong hành trì tư tưởng nhằm giải thích "có nhân có quả" những vấn đề nhân sinh, tư tưởng và tôn giáo (chiến tranh loạn lạc, cái chết bất ngờ đau đớn của người dân, sinh ly tử biệt, mối tương quan giữa người sống và người chết, sự tự ý thức và tự sám hối, niềm tin "được phước ăn năn/ Đến tẩm mát ở đầu nguồn Cứu Rỗi"...)

Trong vai trò của nhân vật tôi kể chuyện, Tôi còn chêm vào những lời bình ngoại đề một cách tự nhiên như thổ lộ tâm sự (theo cách kể chuyện dân gian), để thổi bùng lên cảm xúc của người đọc.

Đang kể chuyện theo em đi nhà thờ Tôi chen vào "lên bóc nẻ, hôn chân", và cảm nhận mùi hoa soan, mùi áo em nồng nàn gần gũi. Một tình yêu còn e ấp, chực chờ, Tôi tạm ngưng kể mà bình luận (cũng là tâm tình chia sẻ):

*Ở nhà quê
thường có những cái rất hồn nhiên, tình cờ như vậy
Trước, chưa nên
sau, cũng vận vào người
Mấy ai ngờ?*

Sau khi kể lại kỷ niệm cùng em "ngắm lễ đèn, mở cửa mô, táng xác..." trong đêm thứ Sáu tuần Thánh, Tôi quay ra suy gẫm:

*Thế mới biết
ngon ngành, có nhân, có quả*

Cuối bài thơ là một loạt câu hỏi (cũng là một cách bình luận), để nâng tầm tư tưởng cho bài thơ, bởi vì việc kể chuyện đã kết thúc. Không gian, thời gian, tâm tưởng mở rộng biên độ ra mãi. Khổ thơ này đòi hỏi người đọc phải có vốn sống, có tri thức văn hóa Việt và sự hiểu biết Kinh Thánh mới cảm hết cái hay của tư tưởng:

*Tôi vẫn đợi, vẫn chờ em đầu ngõ
Hỏi sông kia, sao bên lở, bên bồi?
Ai gác thuyền, ra dàn dấy, hàng khơi
Ai tiệt rượu, ai dầu thơm, tóc mượt?*

Kết bài thơ là lời Tôi đề nghị với em, tuy ngắn gọn, nhưng tạo ra dư âm vang vọng mãi.

*Em nhanh chân mang dầu đèn ra trước
Chậm chậm, từng bước thôi
Em ạ, chờ tôi...*

Chuyện tình yêu chưa kết thúc. Em sẽ dẫn Tôi và người đọc vào thế giới của ánh sáng, vào Thiên Đàng vĩnh cửu, không còn-mất đau thương, không "bên lở, bên bồi"...

Trở lại vấn đề, nhân vật tôi kể chuyện, Tôi kể câu chuyện của đời thực, tạo ra sự khả tín đối với người đọc. Trái lại, nhân vật tôi tâm trạng, tạo nên chất lãng mạn cho bài thơ. Một bài thơ vừa hiện thực nhưng lại đậm màu sắc lãng mạn, đó là cái chất riêng của thơ Lê Đình Bảng.

VỀ ĐẸP THI CA MỚI

Khi đặt bài thơ này bên cạnh những bài thơ tình yêu Việt Nam, bạn sẽ nhận ra sự mới mẻ nghệ thuật mà Lê Đình Bảng mang lại cho thơ Việt đương đại. Thơ tình Xuân Diệu đầy nhục cảm. Thơ tình Nguyễn Bính dập dìu lễ hội dân gian, thơ tình Phạm Thiên Thư thấp thoáng ánh vàng cửa Thiền, thơ tình thời chiến tranh sáng rực màu đỏ (Màu tím hoa sim của Hữu Loan, Núi Đồi của Vũ Cao; Quê hương của Giang Nam, Cuộc chia ly màu đỏ của Nguyễn Mỹ, Hương thầm của Phan Thị Thanh Nhàn). Nhưng cái màu tím hoa xoan mùa thương khó là một khám phá mới về tứ thơ.

Khi tưởng niệm đức Giêsu chịu chết (thứ Sáu Tuần Thánh), người phụ trách lễ thường hái hoa xoan đem trộn với hạt cốm (thóc rang- mà tác giả gọi là "nẻ"), bỏ vào trong áo quan đựng xác Chúa. Giáo dân lên hôn chân Chúa sẽ cảm nhận mùi thơm hoa xoan rất nhẹ và thanh khiết. Hôn xong, người tín hữu đưa tay bốc một ít "nẻ"(cốm có trộn hoa xoan) trong áo quan của Chúa, gọi là xin "lộc" của Chúa. Trẻ con hôn chân Chúa chủ yếu là để bốc nẻ ăn.

Trong bài thơ này, Lê Đình Bảng khám phá màu tím hoa xoan để diễn tả nỗi đau buồn mùa Chúa chịu nạn, nhưng cũng để diễn tả tình yêu. Lửa đôi đi nhà thờ trên con đường đầy hoa xoan.

quê nhà ta mới vào mùa Thương Khó...

Gió thổi buốt

dọc hai bên đường, hoa xoan nở

Ôi, loài hoa tím tím ngát...

...Mùi hoa xoan

hay áo em mới, cứ nồng nàn

điệp khúc "hoa xoan... mùa Thương Khó" được tiếp tục nhắc lại ở cuối bài thơ tô đậm tình yêu lứa đôi, tô đậm nỗi buồn thương thánh thiện. Hoa xoan là "hoa xoan... mùa Thương Khó"(tức là mùa lễ thánh, người giáo dân đau buồn trước cái chết của Chúa). Điều tinh tế và kỳ diệu là tình yêu lứa đôi vừa hồn nhiên ngây thơ, vừa hòa trong nỗi đau buồn mùa lễ thánh, và trở thành hy lễ của cả hai người dâng lên Chúa trong ngày Thương Khó. Thế nên tình yêu ấy tuyệt vời thánh thiện và mới lạ trong thi ca Việt. Mở đầu là hoa xoan nở hai bên con đường tình lứa đôi, cuối cuộc tình là "hoa xoan...mùa thương khó". Đó là sự phát triển tư tưởng. Tình yêu hồn nhiên thánh thiện nở hoa tím đầu thương hòa trong Ôn Cứu Độ.

Những tứ thơ mang tư tưởng như thế thật mới lạ trong thơ tình Việt. Với thơ tình Công giáo, Lê Đình Bảng còn khám phá cái đẹp ngay trong sinh hoạt đạo đức của giáo dân. Góc máy quay của Lê Đình Bảng linh hoạt vô cùng. Mở đầu là font nền có góc rất rộng trong không gian, thời gian: những con đường làng đầy hoa xoan tím, gió thổi lạnh,

Suốt mấy tuần Chay

khấp làng thôn mình rộn ràng xưng tội.

Rồi ống kính zoom lại, tập trung vào lứa đôi:

Em theo mẹ vừa ngang qua nhà xứ

Tôi chen vô, lên bốc nẻ, hôn chân

Ống kính gần hơn, soi vào chỗ riêng tư:

Quý song đôi, hai hàng ghế hai bên

Vẫn chia lòng, chia trí... vẫn ngó nghiêng

Nghe em bảo,

đêm nay, ngắt lễ đèn, mở cửa mô, táng xác...

Sau cùng ống kính dừng lại ở em:

... lúc em xếp hàng từng đôi, lên dâng hạt

Ôi, lời kinh như mật rót vào hôn.

Những chi tiết sinh hoạt rất riêng của "nhà đạo" như "bàn tay giấu trong khăn/ Đi lễ sớm", xưng tội, hôn chân Chúa, quý song đôi cầu nguyện, ngắt lễ đèn, mở cửa mô, nghi thức táng xác, dâng hạt là những điều rất đời thường của mùa Thương Khó. Không gian nhà thờ chìm ngập trong màu tang (Thứ Sáu và thứ Bảy Tuần Thánh, giáo dân ở nhiều giáo xứ đội khăn tang, để thương tiếc Chúa), chẳng thơ chút nào. Nhưng những chi tiết sinh hoạt ấy bỗng trở thành thơ, rất thơ, rất mới lạ mà trong thơ ca Việt chưa có bao giờ, kể cả trong thơ Hà Mạc Tử,

và trong thơ "nhà đạo" hôm nay. Vấn đề là ở chỗ, nhà thơ là người khám phá ra cái đẹp mới mẻ ấy, và biến chúng thành thi liệu đắt giá. Đó là tài năng nghệ sĩ, đó cũng là con đường khai phá mà Lê Đình Bảng đóng góp cho thi ca Công giao đương đại.

Và Lê Đình Bảng đã chuyển hóa những sinh hoạt đời thường ấy thành yếu tố văn hóa, thành chất liệu thi ca, đóng góp vào thi ca Việt những phẩm chất mới lạ, thuần Việt, hồn Việt trong trẻo đến lạ lùng. Xin lưu ý rằng, thơ Việt trung đại sử dụng nhiều điển tích Trung Quốc. Thời Pháp thuộc, thơ Việt chịu ảnh hưởng thơ Lãng mạn Pháp.

Một điều rất thú vị làm nên chất tài hoa của thơ Lê Đình Bảng là việc sử dụng ngôn ngữ bình dân bên cạnh những cách diễn đạt rất sang trọng lịch lãm.

Câu thơ này như một câu nói ngày thường: "Ồ nhà quê/ thường có những cái rất hồn nhiên, tình cờ như vậy". Hoặc một câu nói như nghe từ cửa miệng các bà mẹ quê: "Người một phương/ chả biết đến bao giờ?", có cả cách nói triết lý của người nông dân: "Thế mới biết/ ngọn ngành, có nhân, có quả". Điều này giúp người đọc nhận ra Lê Đình Bảng đã sống rất sâu trong văn hóa dân gian, văn hóa thuần Việt, từ đó chuyển hóa thành thơ. Và trên cái nền nã giản dị, tự nhiên, trong trẻo ấy, bất chợt xuất hiện những tứ thơ như lấp lánh vàng:

*Lòng băng khuâng
nghe chim hót ngoài vườn
Có phải vì còn lưu luyến, tơ vương
Những rơi rớt của vàng hương xưa cũ?*

Tứ thơ sau đây có bóng dáng của "chùm hoa năm ngoái", cũng có cái mê hoặc cõi Thiên Thai: sang trọng, cổ kính nhưng mới lạ

*Chiều nay, đợi chuyến xe về quá muộn
Ngắt vôi chùm hoa
làm quà tặng em thôi
Bởi vì em, giờ đã là thánh nữ trên trời*

Chữ "thôi", chữ "bởi vì" là khẩu ngữ, có thể bỏ đi không ảnh hưởng ngữ nghĩa câu thơ, nhưng chính những từ ngữ ấy lại đem đến cái duyên cho thơ, cái ý nhị trong lời nói, và cái tài hoa của một phong cách thơ.

VỸ THANH

Câu chuyện tình đã kết thúc. Em đã là thánh nữ trên trời, vậy còn điều gì làm cho lòng ta day dứt?

Đó là cái chết của em, một cái chết đột ngột quá, một cái chết thương tâm quá. Người đọc chưa được chuẩn bị tâm thế để đón nhận một tin buồn giữa lúc đang dõi theo tình yêu lứa đôi tưởng là sẽ rất lãng mạn, tưởng là sẽ được Chúa chúc phúc. vào một buổi sớm tinh mơ...

Em gục chết
ngay khi bước ra khỏi nhà thờ, vừa tan lễ...

*"...Viên đạn ở đâu?
bay thẳng vào trái tim em...!" mẹ kể...
"...Lạy Chúa tôi!"*

Chuyện kể với tốc độ nhanh như chính sự việc xảy ra trong nháy mắt làm choáng váng. "Viên đạn ở đâu?/ bay thẳng vào trái tim em "và tiếng kêu của mẹ "...Lạy Chúa tôi" thẳng thốt, rồi ngưng bật không thốt thành lời. Nếu trước đó nhà thơ miêu tả chiến tranh thì người đọc còn có thể liên tưởng được và nỗi đau không choáng ngợp như thế. Cái chết ấy, ai đã trải qua chiến tranh, để lại bao điều day dứt.

Thôi thì, người chết đã yên phận, trong niềm tin vào Đức Kitô Phục Sinh, em đã là thánh nữ trên trời, nhưng người còn sống, nhân vật Tôi (người kể chuyện, nhân vật tâm trạng) người yêu của em sống thế nào. Thôi thì

*Cứ cầm bằng
mình đôi ngả, đôi què
Đành đoạn qua cầu sinh lý, tử biệt...
...Mà kỷ niệm thì theo ta đến chết
Một ước vọng nhỏ nhoi không thành:
Chỉ ước thăm
mình đừng vội lớn, mau khôn
Cứ thả đĩa ba ba, dung dăng dung dẻ...
Đâu đến nỗi, vội khóc cười lan huệ*

*Nên vọng mãi đến thiên thu một câu hỏi không có hồi đáp.
Tôi vẫn đợi, vẫn chờ em đầu ngõ
Hỏi sông kia, sao bên lở, bên bồi?
Một thăng thốt trong mơ như đang ở giữa đời thực
Chiều nay, đợi chuyến xe về quá muộn
Ngắt vội chùm hoa
làm quà tặng em thôi...*

*...Chậm chậm, từng bước thôi
Em ạ, chờ tôi...*

Lòng tôi rung rung mãi khi đọc những câu thơ gan ruột của một người yêu với người yêu, của một thi nhân tài hoa và đa tình rất mực, của một hồn thơ mênh mang như dòng sông kia chảy mãi tới cõi Thiên đàng. Xin cảm ơn người đã để lại cho đời một bông hoa tuyệt vời hương sắc.

THƠ CA CÔNG GIÁO VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI,

Những sáng tạo mới

Bùi Công Thuấn

Văn học như một dòng chảy từ quá khứ đến tương lai. Dòng chảy ấy mang theo dấu tích những ngọn nguồn, chuyên chở những lớp lớp phù sa của thế hệ trước bồi đắp cho thế hệ sau, và đến phiên mình, thế hệ sau xuất hiện những mầm chồi mới tốt tươi hơn. Dòng sông ấy rộng mở mênh mang hơn.

HÀN MẠC TỬ - ĐỈNH THI SƠN LẠ LÙNG

Thơ ca Công giáo truyền thống có thể Diễm ca, Huân ca, Ca vè, Kinh nguyện thường sử dụng thể Lục bát và cách diễn đạt theo thi pháp Ca dao.

Nửa đầu thế kỷ XX, Hàn Mạc Tử xuất hiện như một đỉnh Thi sơn của thơ ca Công giáo mà đến nay đỉnh Thi sơn ấy vẫn sừng sững. Thơ Hàn Mạc Tử đã góp phần hiện đại hóa thơ Việt thế kỷ XX.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu thơ Hàn Mạc Tử. Tôi chỉ nhắc lại một vài đặc điểm nghệ thuật của thơ ông để làm điểm tựa đi tìm những sáng tạo mới trong thơ Công giáo hôm nay.

Nhân vật trữ tình trong thơ Hàn Mạc Tử là Tôi với ba hiện thể: *Tôi, thân xác Tôi, và Hồn tôi*. Thơ Hàn Mạc Tử quen thuộc ở thể thơ 7, 8 chữ của thơ Lãng mạn. Hồn thơ Hàn Mạc Tử hòa trong vũ trụ màu nhiệm của Đấng Chí Tôn. Hàn Mạc Tử sáng tạo một vốn từ hết sức mới lạ của riêng mình. Thế giới nghệ thuật thơ Hàn Mạc Tử là thế giới Lãng mạn, Tượng trưng và Siêu thực. Tất cả những “mới lạ” ấy trong thơ Hàn Mạc Tử xuất phát từ hoàn cảnh riêng của ông (nhiều người tình và ông bị bệnh phong) và từ một “*Ý thức sáng tạo*” khác thường. Ông chia sẻ với Trọng Miên:

*“Đức Chúa trời tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đây chiêm nghiệm lẽ màu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí tôn. Vì thế, trờ hai loài trọng vọng là “**thiên thần**” và “**loài người**”, Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa: “**loài thi sĩ**”! **Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm**, sinh ra đời với một sứ mạng rất thiêng liêng: Phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của Người, và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc đê mê, nhưng rất thom tho tinh sạch...”;*

Hàn Mạc Tử nói đến sứ mệnh của thi sĩ: “Cho nên tất cả thi sĩ trong đời phải qui tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời thi sĩ phải biết đem cái tài năng ra ca ngợi **Đấng Chí Tôn**, và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ, để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng...” (Thư gửi cho Trọng Miên 1939 [22])

Quan điểm đó thể hiện niềm tin ông nương tựa trong cơn thống khổ tuyệt vọng do bệnh phong gậy ra, cũng là ánh sáng rất lạ trong hồn thơ của ông. Nếu ở hoàn cảnh khác, tôi nghĩ chưa hẳn Hàn Mạc Tử đã “ngộ” ra những ý tưởng lạ lùng này. Người đọc thơ Hàn Mạc Tử hiểu rằng, không phải tất cả thơ Hàn Mạc Tử đều là thơ ca ngợi **Đấng Chí Tôn**. Hàn Mạc Tử làm thơ không phải là thực hiện “sứ mạng truyền bá đức tin” như một nhà truyền giáo. Ông là “**Loài thi sĩ**”, “*hương thụ trắng, hoa, nhạc, hương...*”; “*nhân đầy chiêm nghiệm lẽ mầu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí tôn*”. Nói cho đúng, thơ của ông ghi lại những trải nghiệm hiện sinh của một thân phận trong “*máu cuồng và hồn điên*”. Và vì thế, thơ ông là độc đáo, bởi không ai có thể trải nghiệm hiện sinh như ông. Xin đọc:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt
Như mê man chết điếng cả làn da.*

Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết

*Trải niềm đau trên mảnh giấy mỏng manh,
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh...*

(Rướm máu- trong tập *Máu cuồng và hồn điên*)

*Há miệng cho **hồn** văng lên muôn trượng,
Chơi vui trong khi hậu chín tầng mây.
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng,
Trời linh thiêng; cao cả gọi nồng say...*

*Vì không giới, nơi trầm hương vắng lặng,
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao,
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn,
Và muôn vàn thân phách ngã lao đao.*

*Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh,
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu?
Và sương phải muôn vàn tinh khí lạnh,
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.*

²² Hàn Mạc Tử- (Thư gửi Trọng Miên): <https://taodan.vn/tho/han-mac-tu/quan-niem-tho-han-mac-tu-1649.html>

*Rồi sáng sớm bay tìm muôn tử khí,
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ.
Hồn cảm thấy bụi ngùi như róm lệ,
Thôi hồn ơi, phiêu lạc đến bao giờ!*

*Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng
Là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong,
Cứ để mặc hồn ngoài bay lượn vương,
Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông.*

***Xác ta** sẽ hút bao nguồn trắng loạn,
Ngắm vào trong cơ thể những hoa hương,
Và sẽ thở ra toàn hơi thở sáng,
Để trên cao, hồn khỏi lộn màu sương.*

*Rồi **hồn ngắm tử thi** hồn tan rã,
Bóc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa.
Hồn mất xác, hồn sẽ cười nghiêng ngả,
Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la...*

*Ôi hồn thiêng liêng không hề chết đặng,
Làm sao hồn chẳng hiểu nghĩa vô biên.
Ngày tận thế là ngày thôi tán loạn,
Xác của hồn, hồn của xác y nguyên.*

*Đêm nay **ta khạc hồn ra khỏi miệng**,
Để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương.
Nhưng khôn nỗi xác ta đành câm tiếng,
Hồn đi rồi, không nhập xác thể lương.*

(Hồn lìa khỏi xác)

NHỮNG SÁNG TẠO MỚI CỦA THƠ CA CÔNG GIÁO ĐƯƠNG ĐẠI

Thơ Công giáo đương đại vẫn có người bước theo chân của Hàn Mặc Tử, ấy là, làm làm kiểu thơ 7, 8 chữ như thơ Lãng mạn với giọng điệu, vần nhạc như thơ Hàn Mặc Tử. Người làm thơ dùng lại vốn từ trong thơ Hàn Mặc Tử, cũng bắt chước Tượng trưng, Siêu thực như Hàn Mặc Tử, chỉ khác là, thơ của Hàn Mặc Tử là thơ của người trải nghiệm đau thương “*Máu cuồng và hồn điên*”, còn thơ của người học theo Tử lại không thể có trải nghiệm hiện sinh như Tử, thành ra, thơ ấy lạc lõng, cũ kỹ đến xa lạ. Bởi thời đại hôm nay đã là thời toàn cầu hóa, tâm thức con người hôm nay đã là *tâm thức Hậu hiện đại*, khác xa với *nghệ thuật Hiện đại* của thế kỷ XX (Ấn tượng, Lãng mạn, Tượng trưng, Lập thể, Siêu thực...). Cho nên níu kéo những cái xưa cũ đã lỗi thời chỉ kéo lùi sự phát triển của thơ ca Công giáo trong thời đại mới.

1. Sáng tạo hình tượng mới

Hình tượng là yếu tố trung tâm của tác phẩm. Nó chứa đựng *tư tưởng-nghệ thuật* của tác giả, nó tạo ra sự khác biệt rất cơ bản trong lịch sử văn học. Thí dụ, văn học thời phong kiến, hình tượng trung tâm là kẻ sĩ, những trượng phu, tráng sĩ. Nhân vật trung tâm của văn học Lãng Mạn là “*Cái Tôi cá nhân tiểu tư sản*”. Văn học *Hiện thực Xã hội chủ nghĩa* xây dựng hình tượng trung tâm là Công, nông binh, quần chúng cách mạng. Một nền văn học mới phải có hình tượng nhân vật mới.

Xin đọc một bài thơ của Xuân Ly Băng:

Lời Chúa Trên Đại Dương

(Kính nhớ Đức Hồng Y Fx. Nguyễn Văn Thuận)

*Có những con hải âu soãi cánh,
Bay sà xuống ngõ ngang,
Hơn một lần,
Trên đại dương,
Để nghe lời Kinh Thánh,*

*Từ một chiếc thuyền nan.
Và những đám mây chiều,
Chạm đầu trên hải đảo cô liêu,
Khi nghe reo lên một hồi chuông nhỏ,
(Dù cuộc hành trình còn dang dở)
Để nghe lời Chúa Tình Yêu,
Từ một người bé nhỏ.
Và những đợt sóng bạc đầu,
Bỗng một ngày thấy mình sáng láng,*

*Ô kìa, cây Thánh giá
Xuất hiện trên bầu trời,
Khi một người khách lạ,
Nói về Chúa Ba Ngôi
Cho chim cho cá,
Cho người thổ dân nghèo đói tả tơi.
Hỡi người con của lâu đài Navarre,
Thừa vinh quang phú quý,
Thừa gấm vóc lụa là,
Thừa học vấn cao xa,
Đã bỏ mình cô đơn trên hoang đảo.*

*Hôm nay đây,
Trên độ dày lịch sử,*

*Tôi thấy người hiện ra
Trên nhật nguyệt thành Goa,
Trên đại dương đầy đông bão,
Trên sương mù eo biển Ma-lắc-ca,
Trên vườn đào của xứ Mặt trời thức giấc.*

*Với đàn hải âu, tôi kính chào Người,
Với mây biển muôn màu, tôi hát bài ca đẹp nhất,
Với sóng bạc trùng dương,
Tôi vỗ tay reo,
Hỡi Phanxicô loan Tin Mừng Cứu độ.*

Bài thơ kiến tạo hình tượng thánh Phanxicô Xavie nhưng chỉ có vài chi tiết giúp người đọc nhận ra nhân vật: Ngài là *người con của lâu đài Navarre* (miền bắc Tây Ban Nha), truyền giáo ở Goa (Ấn Độ 1542), ở *xứ Mặt trời* (Nhật)... Và người “*Đã bỏ mình cô đơn trên hoang đảo*”(Xavie chết trên đảo Thượng Xuyên, ngay cửa khẩu Quảng Châu khi chờ thuyền lên vào Trung Quốc).

Xuân Ly Băng sáng tạo hẳn một hình tượng Phaxicô Xavie trong không gian và thời gian cao rộng tráng lệ. Nhà thơ không kể “*thành tích*” truyền giáo của Xavie. Cũng không kể như “*hạnh các thánh*”. Xavie hiện lên là *một người khách lạ, một người bé nhỏ*, vây quanh là *Có những con hải âu soãi cánh, một chiếc thuyền nan, đám mây chiều, Và những đợt sóng bạc đầu* để nghe Lời Kinh thánh, để nghe lời của Chúa Tình Yêu.

Bài thơ mở rộng lên cao bằng một hình ảnh đẹp đến lạ lùng: “*Và kìa, cây Thánh giá/ Xuất hiện trên bầu trời,/ Khi một người khách lạ,/ Nói về Chúa Ba Ngôi/ Cho chim cho cá,/ Cho người thổ dân nghèo đói tả tôi.*” Xavie có sức thu hút tất cả đến với mình để nghe Kinh Thánh, và cũng chính Lời Tình yêu từ Xavie có sức làm biến đổi mọi tạo vật:

*Và những đợt sóng bạc đầu,
Bỗng một ngày thấy mình sáng láng,*

Sóng bạc đầu trên biển là sóng dữ, nhưng sau khi nghe Lời Chúa Tình Yêu, nó tự nhận *thấy mình sáng láng*. Sóng trở nên đẹp hiền hòa rạng rỡ, không còn là sóng dữ. Khám phá được một hình ảnh diễn tả sự cảm hóa của Tin Mừng với tạo vật như vậy không phải người làm thơ Công giáo nào cũng có thể đạt tới.

Hình tượng Xavie còn được tô đậm hơn nữa trên nền thiên nhiên tráng lệ giàu ý nghĩa biểu tượng và chiều sâu lịch sử, nhờ thế “*người khách lạ, một người bé nhỏ*” trở nên thân thiện và kỳ vĩ :

*Hôm nay đây,
Trên độ dày lịch sử,
Tôi thấy người hiện ra
Trên nhật nguyệt thành Goa,
Trên đại dương đầy đông bão,*

*Trên sóng mù eo biển Ma-lắc-ca,
Trên vườn đào của xứ Mặt trời thức giấc.*

Khổ thơ gồm những câu thơ ngày càng dài ra như là một bức tường thành đang xây lên, sự khẳng định tầm vóc Xavie ngày một bề thế vững chãi và vươn dài hơn trong lịch sử và thời đại.

*Với đàn hải âu, **tôi** kính chào Người,
Với mây biển muôn màu, **tôi** hát bài ca đẹp nhất,
Với sóng bạc trùng dương,
Tôi vỗ tay reo,
Hỡi Phanxicô loan Tin Mừng Cứu độ.*

Nhân vật **Tôi** (nhà thơ) cũng đẹp trong không gian cao rộng (*biển mây, trùng dương sóng bạc*) giữa muôn loài hội tụ đầy màu sắc, thanh âm reo vui hân hoan. **Tôi** trong bài thơ này thật mới lạ so với Cái Tôi trong thơ Lãng mạn.

Viết về thánh Phanxicô Xavie để “*Kính nhớ Đức Hồng Y Fx. Nguyễn Văn Thuận*”, hẳn Tác giả muốn làm sống lại hình ảnh Đức Hồng Y Fx Nguyễn Văn Thuận trong lòng người đọc Công giáo hôm nay? Đức Hồng Y Fx Nguyễn Văn Thuận cũng là người rao giảng Tin Mừng trong mọi hoàn cảnh, và ngài, bằng sức mạnh của Tin Mừng, đã cảm hóa mọi người đến với ngài như Xavie. Xuân Ly Băng đã khẳng định tầm vóc lịch sử và thời đại của ngài.

Xin đọc thêm những bài thơ xây dựng hình tượng Đức Giêsu và Đức Mẹ trong thơ Lê Đình Bảng, thơ Trần Mộng Tú.

Trong thơ Hàn Mạc Tử không có kiểu hình tượng nhân vật này.

2. Sáng tạo một hình thức diễn đạt mới

Nhà văn nhà thơ tự khẳng định mình bằng một giọng điệu riêng biệt. Cũng vậy, mỗi nền văn học có những cách thức diễn tả tư tưởng tình cảm bằng những hình thức riêng. Văn học trung đại Việt Nam chịu ảnh hưởng Trung quốc có thơ Đường luật, Phú (*Bạch Đằng Giang Phú* của Trương Hán Siêu), Cáo (*Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi), Chiếu (*Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ), Biểu (*Biểu tạ ơn* của Nguyễn Trãi), dùng nghệ thuật ước lệ... Văn học Lãng mạn trước 1945 chịu ảnh hưởng văn học Pháp có tiểu thuyết lãng mạn (Tự lực Văn Đoàn), thơ Lãng mạn (Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính...). Văn học Việt Nam đương đại có thơ tự do viết theo nhiều kiểu bút pháp, có cả Lãng mạn, Siêu thực, Hiện thực Xã hội chủ nghĩa, Hiện thực huyền ảo và Hậu Hiện đại...

Thơ Công giáo có hình thức diễn đạt nào mới không?

Xin đọc một bài thơ của Lm Cao Gia An:

CHỈ CÒN LẠI ĐÁNG XÓT THƯƠNG

“Trong sách luật, ông Mô-sê truyền cho chúng tôi phải ném đá hạng đàn bà đó.

Còn Thầy, Thầy nghĩ sao?”(Ga 8,5)

*Chỉ là để thử nhau thôi
Đâu có gì đâu để nói
Chuyện rõ như ban ngày rồi
Cần gì phải thưa với hỏi
Nhân danh ngàn năm luật lệ
Ngữ này ném đá cho xong
Đã thói đã hư đến thế
Tốt đẹp gì nữa mà mong...*

*Một người gục đầu lãnh tội
Trần ai tui nhục ê chề
Một đoàn người thì rất vội
Giăng tay chặn kín nẻo về
Chỉ riêng Người là Đấng Thánh
Giàu sang muôn học từ bi:
Ai trong các ông sạch tội
Ném viên đá đầu tiên đi!..*

*Mọi người kéo nhau đi hết
Đá xanh lăn lóc trên đường
Một người về từ cõi chết
Nhờ bàn tay Đấng Xót Thương
Mọi người kéo nhau đi hết
Rộng thênh thang một con đường
Mọi điều đã qua đi hết
Chỉ còn lại Đấng Xót Thương*

Cao Gia An, S.J

Lille, France – Mùa Chay 2016

Đây là một bài thơ kể chuyện Kinh thánh thuộc loại “truyện thơ” trong văn học truyền thống. Điểm rất mới so với thơ Hàn Mặc Tử là nghệ thuật kể chuyện mà qua đó tác giả thể hiện những suy niệm của mình về Đức Giêsu.

Tám câu đầu là lời bàn tán của đám đông. Đó là những lời nói trực tiếp của nhiều người (nghệ thuật đa thanh). Vì là nhân vật đám đông, thoáng gặp nên tác giả không khắc họa chân dung mà tập trung nghe tiếng nói của họ. Mặc dù có bàn bạc, nhưng các giọng điệu của đám đông cùng một chiều tư tưởng: “*Chuyện rõ như ban ngày rồi/ Cần gì phải thưa với hỏi/ Nhân danh ngàn năm luật lệ/ Ngữ này ném đá cho xong*”. Trong Tin Mừng (Ga 8, 3-11), không có đoạn đối thoại này, chỉ có một giọng của người Pha-ri-sêu hỏi Chúa Giê su. Như vậy tác giả đã sáng tạo một cảnh đông người đang vây lấy người phụ nữ, bàn tán ồn ào để tạo áp lực đối với Đức Giêsu. Tác giả như đứng giữa bọn họ, tường thuật trực tiếp, khách quan, sự việc (nhưng vẫn bảo đảm trung thực với văn bản Kinh thánh của Gioan).

Tám câu giữa là cận ảnh tất cả các nhân vật: đám đông, người phụ nữ bị ném đá và Đức Giê su. “*Một người gục đầu lãnh tội/ Trần ai tui nhục ê chê*”. Còn đám đông: “*Một đoàn người thì rất vội/ Giăng tay chặn kín nẻo về*”. Đám đông đã có hành động bạo lực đầy đe dọa. Tác giả chỉ chụp ảnh quang cảnh (mà không bình luận), từ cận ảnh người phụ nữ, rồi ống kính lùi xa hơn một chút là toàn cảnh đoàn người giăng tay vây chặt lấy người phụ nữ. Hình ảnh ấy làm bật ra tình huống người phụ nữ không còn đường thoát cả về lý và cả về bạo lực. Và hơn thế, có cả sự hả hê của đám đông, họ mưu toan gài bẫy Đức Giêsu và họ tưởng rằng họ đã chiến thắng.

Trong tình huống căng thẳng quyết liệt như thế, tác giả tiếp tục trần thuật:

“Chỉ riêng Người là Đấng Thánh
Giàu sang muôn học từ bi:
*Ai trong các ông sạch tội
Ném viên đá đầu tiên đi!..*”

Thuật lại tình huống này, tác giả sử dụng hai thủ pháp: Hai câu đầu là bình luận giới thiệu, làm sáng lên phẩm chất của Đức Giêsu: Ngài là Đấng Thánh, lượng từ bi giàu sang muôn học. Mọi người chờ đợi. Bọn người Pha-ri-sêu chờ Đức Giêsu “chịu thua”, còn chị phụ nữ trông chờ Lòng Thương Xót của Chúa. Hai câu sau thuật trực tiếp lời của Đức Giêsu nói với đám đông. Chỉ một câu nói, Đức Giêsu đã hoá giải tất cả hận thù, làm tan bóng tối của mưu ma chước quỷ và đem đến sự Cứu rỗi cho người phụ nữ.

Tám câu cuối, tác giả vừa kể, vừa tả vừa bình luận. Câu thơ ám áp của tình người và sâu sắc về tư tưởng. Đám đông giải tán: “*Mọi người kéo nhau đi hết/ Đá xanh lăn lóc trên đường*”. Họ bỏ lại những hòn đá xanh dùng để ném đá người phụ nữ (chi tiết này không có trong văn bản Tin Mừng Gioan). Tất cả sức mạnh hùng hổ, man rợ cùng với mưu chước thù địch của họ bị ánh sáng của Lòng Thương Xót bẻ gãy, trả lại sự bình yên. Còn người phụ nữ, lòng đầy vui mừng vì nhận ra Lòng Chúa Xót thương. Câu thơ ám áp biết bao: “*Một người về từ cõi chết/ Nhờ bàn tay Đấng Xót Thương*”. Mọi tai họa đã qua đi, con đường sống rộng mở:

*Mọi người kéo nhau đi hết
Rộng thênh thang một con đường
Mọi điều đã qua đi hết
Chỉ còn lại Đấng Xót Thương*

Hình ảnh đọng lại sau cùng của bài thơ, cũng là hình ảnh tư tưởng là hình ảnh Đấng Xót Thương: tất cả sẽ qua đi nhưng Đấng Xót Thương còn mãi ở cái nơi mà con người bị lòng thù hận và ác tâm đẩy đến chỗ chết. Nơi ấy bây giờ “*rộng thênh thang một con đường*”, không phải là con đường lối đi của đám đông mà là *con đường cứu độ thênh thang* dành cho bất kỳ ai biết cậy trông vào Lòng Thương Xót của Chúa.

Bài thơ để lại dư âm hạnh phúc về sự Cứu rỗi có sức lan tỏa (khác rất xa với kiểu thơ công thức). Nghệ thuật kể chuyện đa dạng về thủ pháp: Phần đầu thuật trực tiếp ngôn ngữ đa thanh, phần giữa chụp cận ảnh các nhân vật, tình huống làm nổi bật những mâu thuẫn đầy kịch tính, phần cuối là trần thuật kết hợp với bộc lộ nghĩ suy (suy niệm). Giọng thơ thay đổi liên tục từ đầu đến cuối bài thơ. Tác giả (người kể chuyện) hoàn toàn giấu mình đi như trong cách kể chuyện hiện đại. Nội dung bài thơ bám rất sát văn bản Kinh

thánh nhưng cũng đầy sáng tạo trong việc kiến tạo không gian, thời gian, tình huống, xây dựng nhân vật và góc trần thuật.

Những sáng tạo nghệ thuật ấy trong thơ Hàn Mạc Tử không có. Lm Cao Gia An đã phục hồi lại thể truyện thơ và làm mới, hiện đại thể loại này trong văn học truyền thống.

Xin đọc thêm những bài thơ kể truyện đầy sáng tạo của Trăng Thập Tự: *Trên bãi biển; Simon Kyrênê; Phiên tòa lịch sử...*

3. Khám phá những vỉa tầng văn hóa mới.

Để kiến tạo một tác phẩm nghệ thuật người nghệ sĩ cần có chất liệu cần thiết. Thí dụ, họa sĩ cần có màu, có vải, có khung, có ảnh mẫu, cảnh mẫu, những kiểu mẫu nghệ thuật (tranh thủy mặc, tranh Ấn tượng, tranh lập thể); người nhạc sĩ cần có âm thanh với nhiều loại âm sắc của các nhạc cụ khác nhau tạo hòa âm, tiết tấu, cần các kiểu mẫu âm nhạc (Nhạc Tây Nguyên, Bình Ca, Rap...). Với văn chương, chất liệu chính là vốn ngôn ngữ, những vỉa tầng văn hóa (tư tưởng, lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, lối sống, tín ngưỡng...) và đời sống hiện thực, bởi văn học chính là cuộc đời.

Thơ Hàn Mạc Tử có vốn ngôn ngữ riêng, cũng là tiếng nói riêng của cá nhân Hàn Mạc Tử trong hoàn cảnh đời sống riêng. Ông là người Công giáo, một công chức, có nhiều người yêu, bị bệnh phong. Ông sống trong bối cảnh lịch sử 1930-1945: đất nước bị nô lệ, đói nghèo, thế chiến I, thế chiến II, tình hình chính trị phức tạp. Ông chịu ảnh hưởng văn hóa Kitô giáo và ảnh hưởng văn học Lãng mạn Pháp.

Thơ Công giáo đương đại sử dụng những nguồn thi liệu nào?

Xin đọc một bài thơ của Lê Đình Bảng trong tập *Ơn đời một cõi mệnh mang*^[23]: (vì bài thơ là một trường ca, tôi trích những đoạn chính)

VỀ LA VANG TRĂM HỌ MỘT NHÀ

Francis Lê Đình Bảng

Hẹn mai nhé, cùng nhau đi trẩy hội

Về La Vang, nhà Mẹ mở trăm gian

Sông Hồng reo, reo bát ngát mệnh mang

Tôi Phó Hiến

Em Tràng An ngược ngàn lên Tây Bắc

.

Từ Sở Kiện nhắn về em Kinh Bắc

Từ Hoa Lư nghe trống giục trống dồn

Từ Cửa Bạng, Thần Phù, về đồng cội Nga Sơn

Như thác lũ chảy dạt dào nguồn cội

.

²³ Bùi Công Thuấn-*Ơn đời một cõi mệnh mang*:

http://buicongthuan.vn102.space/2021/07/26/th_le_inh_b_ng_n_i_m_t_coi_menh_mang

*Mau ra đón suối miền Nam mé nước
Đồng ruộng mênh mông, cá lội từng đàn
Những chiều về nghe Dạ Cổ Hoài Lang
Nghe rớt rụng đầy vườn cây trái chín*

*Mau chân với những cô em Thập Tinh
Tay trong tay ta thấp sáng đèn dầu
Người bên người quỳ dăm dăm trông lên
Lời khấn nhỏ một lòng tin dâng Mẹ*

*Mau lên nhé, rủ nhau về xem lễ
Về La Vang để cảm trí cảm lòng
Nơi bến bờ gặp gỡ những dòng sông
Con cái Mẹ từ muôn phương hội ngộ*

*Đêm nay La Vang pháo hoa rực rỡ
Mắt lệ trào dâng, òa vỡ trong mưa
On nhiệm mầu dẫm vào nhạc vào thơ
Sao, ngây ngất bởi lời kinh sốt mẩn
Mau lên nhé, quỳ bên nhau cầu nguyện
Vì đêm nay, đêm nhật nguyệt ra đời
Bốn phương trời mười phương đất xa khơi
Đêm trừ tịch đêm bồi hồi chờ sáng...*

*...Mấy trăm năm hội ngộ chỉ một lần”
(La Vang tháng 01/ 2011)*

Những bài thơ như bài ***Về La Vang trăm họ một nhà*** không hề có trong thơ Hàn Mạc Tử. Nghĩa là **Lê Đình Bảng đã sáng tạo một thế giới nghệ thuật mới rất khác** với thơ Hàn Mạc Tử. Đó là không gian lễ hội Công giáo mà mọi con dân suốt từ bắc chí Nam cuộn cuộn đổ về với niềm vui trẩy hội, với niềm vui của “một mẹ trăm con” (Mẹ Âu Cơ). Nhân vật trữ tình Tôi (trong thơ Lãng Mạn) giờ hội nhập với đoàn người trẩy hội, chào hỏi, vui mừng, kêu gọi, cổ vũ, nói tiếng nói của cộng đồng (khác rất xa nhân vật Tôi trong thơ Hàn Mạc Tử, Tôi “máu cuồng và hồn điên”, cô độc vô vọng).

Lê Đình Bảng đưa vào thơ rất nhiều địa danh từ Bắc chí Nam với những nét văn hóa, đời sống đặc trưng. Chẳng hạn “*miền Nam mé nước/ Đồng ruộng mênh mông, cá lội từng đàn*”; *những cô em Thập Tinh/ Tay trong tay ta thấp sáng đèn dầu*”; *Từ Hoa Lư nghe trống giục trống dồn/ Từ Cửa Bạng, Thần Phù, về đồng cỏi Nga Sơn...*”. Việc đưa địa danh vào thơ đã có từ lâu trong ca dao. Lê Đình Bảng chỉ khai thác và mở rộng không gian nghệ thuật, đồng thời nối kết một không gian tinh thần của người Công giáo dù Bắc hay Nam ở đâu cũng là một nhà.

Trong bài thơ, những tiếng gọi nhau ơi ới, những lời nhắn nhủ mời gọi sôi nổi nhiệt tình tay bắt mắt mừng: “*Hẹn mai nhé*”; “*mau ra đón*”; “*mau chân với*”; “*mau lên nhé*”...không khí lễ hội “hoành tráng” nhưng rất trật tự, linh thiêng và cảm động.

*Đêm nay La Vang pháo hoa rực rỡ
Mắt lệ trào dâng, òa vỡ trong mưa
Ơn nhiệm mầu đắm vào nhạc vào thơ
Sao, ngáy ngát bởi lời kinh sốt mẩn*

Lê Đình Bảng **kết hợp nghệ thuật trần thuật, với thơ “điệu nói” của ca dao**, kết hợp tự sự với trữ tình tạo nên một **giọng đa thanh của thơ hiện đại**.

Cái mới mà Lê Đình Bảng đem vào thơ Công giáo là những **via tầng văn hóa của đời sống Công giáo** khắp miền quê hương đất nước. Đó là mùa lễ hội với cảnh sắc, con người, đặc trưng văn hóa và tính cách Công giáo của mỗi vùng miền. Via tầng văn hóa này không có trong thơ Hàn Mặc Tử, và cho đến nay, cũng chưa có nhà thơ Công giáo nào khai thác những tầng via văn hóa Công giáo thành công như ông.

Trong bài thơ trên, Lê Đình Bảng không sử dụng thi liệu, điển ngữ Trung Quốc. Và mặc dù có chất Lãng mạn, song đó không phải là bút pháp Lãng mạn của thơ Pháp mà là khí chất riêng của Lê Đình Bảng

Khí chất ấy tạo nên phong cách thơ Lê Đình Bảng; khí chất tư tưởng và văn hóa phương đông kết hợp với phương tây, chuyển hóa thành tâm linh và ngôn ngữ Việt, rất cao rộng, phóng khoáng nhưng rất dân dã gần gũi và thánh thiêng.

Lê Đình Bảng là khuôn mặt thơ Công giáo lớn, có đóng góp đặc biệt về tư tưởng và thi pháp vào sự phát triển thơ ca Việt hôm nay. Chất dân tộc đậm đà kết hợp với tư tưởng và Mỹ họ Kitô giáo được thi hóa trong cá tính sáng tạo tài hoa làm nên những áng thơ có giá trị rất riêng của Lê Đình Bảng.

Xin đọc thêm các tập thơ khác của Lê Đình Bảng(*Quy trước đèn vàng, Hành hương, Kinh buồn, Lời tự tình của biển...*)

4. Trở về với đời thực

Thơ Hàn Mặc Tử là thơ Lãng Mạn, Tượng trưng, Siêu thực. Thơ Công giáo hôm nay trở về với đời thực, theo chân Đức Giêsu đến mọi miền nhân gian, gặp gỡ mọi cảnh đời, sẻ chia mọi nỗi niềm và đem đến ân sủng của Lòng Thương Xót Chúa.

Xin đọc một bài của Sơn Ca Linh [24]:

CHIẾC XƯƠNG SƯỜN BỊ ĐÁNH CẤP
(Chút suy tư và cảm nhận từ cái chết thương tâm của cô sinh viên tại Điện Biên)

²⁴ Bùi Công Thuận - *Thơ Sơn Ca Linh*:

<https://www.vanthoconggiao.net/2021/11/khuon-mat-tho-cong-giao-uong-ai-tho-son.html>

Có phải em,
Vì ngay từ đầu không được tạo nên bằng đất sét?
Mà chỉ là một cái xương sườn,
Xương của một thằng đàn ông bị đánh cắp
Khi đang miệt mài trong giấc ngủ trưa?

Vì thế nên em,
Dẫu quá lời, “chỉ một của dư thừa”,
Là “thứ phẩm” của một thân phận người “nguyên bản”.
Xương sườn mà : thứ bảo vệ của cơ phận nội tạng,
Cho tim gan, phèo phổi an toàn...
Là mái che, phên dậu sẵn sàng,
Để đón lấy những trận đòn, vết đâm, cú đá...!

Chỉ là xương thôi mà,
Nên cứ phải làm thân cò bán bưng buôn gánh,
Làm con sen, đũa ở, dậy sớm, thức khuya.
Mang nặng, để đau, cay đắng...dư thừa,
Để thằng đàn ông ngẩng đầu dương dương tự đắc.

Là xương,
Nên ở chốn cửa công phải làm thình im bật,
Khỏi phải học hành,
xương chỉ cần biết đọc, biết viết đủ rồi!
Lẩn quẩn trong nhà, chỉ kim, bếp núc mà thôi...
Chớ bày đặt nghênh ngang múa rìu đóng đánh!

Là xương,
Nên cứ lủi thủi chịu thiệt thòi câm lặng,
Bao lực gia đình, bị đoạ đày, bị hiếp, bị giết, bắt công...
Mà hầu hết là nạn nhân của những thằng đàn ông,
Những “tạo vật”
được vinh dự “mang ảnh hình Thượng Đế”.

Mời đây,
Em, cái xương sườn bị “bỏ quên” giữa những ngày xuân tết,
Lại mấy thằng đàn ông: hiếp, giết, vút bên đường!
Rồi lại mấy thằng đàn ông sung sướng tung bưng,
Tự thưởng cho nhau cái trò “thi đua phá án”!

Và rồi, em, mẹ em...
những cái xương sườn bị đánh cắp,

*Lại tiếp tục bị đọa đày,
bị vùi dập trong khổ ải thương đau.
Biết bao giờ, từ đây cho đến mãi ngàn sau,
Những thằng đàn ông,
Học thuộc lời, ứng xử, của một Vị Thầy 2000 năm trước :
“Chị hãy ngừng cao đầu,
đi bình an trên vạn nẻo đường xuôi ngược,
Bởi vì ta không kết án chị đâu”! (Ga 8,1-11)*

Bài thơ ghi lại những tội ác man rợ đối với phụ nữ trong thực tại hôm nay: “*Bạo lực gia đình, bị đọa đày, bị hiếp, bị giết, bắt công*”. Tác giả đặt vấn đề về thân phận người phụ nữ. Đây là một vấn đề tư tưởng, mang tính nhân loại từ ngàn xưa đến nay và “*cho mãi đến ngàn sau*”.

Từ ngày đầu, phụ nữ đã là nạn nhân của *Những thằng đàn ông*. Họ phải chịu bao nhiêu khổ ải đau thương, biết bao giờ mới hết kiếp nạn? Nguyễn Du đã từng kêu thương cho họ: “*Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*”(Đoạn trường tân thanh) Nhà thơ Công giáo Sơn Ca Linh nhìn rõ những nỗi bất hạnh của người phụ nữ là do tội lỗi của “*những thằng đàn ông*”. Tác giả nhắc lại nhiều lần cụm từ: “*Những thằng đàn ông*”, chỉ để bóc trần tính dã man của “con vật giống đực”, bởi vì tội ác chúng gây ra cho người phụ nữ chẳng khác gì một con vật dã man. Làm thế nào để thay đổi bản chất “con vật” thành Người của “*những thằng đàn ông*” này? Xã hội càng vật chất hóa, đồng tiền càng thống trị, những thứ vô luân càng lên ngôi thì “*thú tính đàn ông*” càng cuộn cuộn như lửa cháy, và thời mạt pháp chỉ có lửa hỏa ngục mới thiêu rụi bọn dã man này.

Tác giả ao ước *những thằng đàn ông* phải học theo Chúa, ứng xử yêu thương với phụ nữ, như Chúa đã xót thương và cứu vớt người đàn bà ngoại tình (Ga 8, 1-11).

Thực ra, nếu cho rằng người phụ nữ ngay từ đầu chỉ là một “*cái xương sườn bị đánh cắp*”, một vật phụ thuộc, một “*của dư thừa*”, một “*thứ phẩm*”, một công cụ, nên “*Nên cứ phải làm thân cò bán bưng buôn gánh,/ Làm con sen, đũa ở, dậy sớm, thức khuya./ Mang nặng, để đau, cay đắng...dư thừa*”, phải chịu cảm lạnh, dốt nát tù hãm và đọa đày...thì đó là nguyên nhân gần.

Niềm tin Kitô giáo chỉ ra rằng, cội nguồn nỗi thống khổ của nhân loại nói chung và người phụ nữ nói riêng là do tội lỗi. Sách Sáng Thế Ký, chương 2, câu 16-19 nói rõ điều này. Sau khi Adam và Eva ăn trái cấm, Thiên Chúa nói với họ: “*Với người đàn bà, Chúa phán: "Ta sẽ làm cho ngươi phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; ngươi sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Ngươi sẽ thêm muốn chống ngươi, và nó sẽ thống trị ngươi."*

Chỉ có điều, nay đã là thế kỷ XXI, người phụ nữ đã được “*giải phóng*”, thời này là thời đại của “*nữ quyền*”, sao họ vẫn cứ là nạn nhân của những tội ác kinh khủng do người đàn ông gây ra. Tất nhiên là do hoàn cảnh xã hội. Khi xã hội suy thoái về đạo đức, sụp đổ mọi giá trị, mất đức tin tôn giáo, an sinh xã hội không được bảo đảm, những người có trách nhiệm với dân thờ ơ với những nỗi oan khiên của dân thì tội ác có điều kiện trỗi dậy. Thơ ca chỉ có thể lên tiếng nói xót thương, chia sẻ và thức tỉnh nhân tâm. Sơn Ca Linh đã nhắc bọn đàn ông:

*Biết bao giờ, từ đây cho đến mãi ngàn sau,
Những thằng đàn ông,
Học thuộc lời, ứng xử, của một Vị Thầy 2000 năm trước :
“Chị hãy ngẩng cao đầu,
đi bình an trên vụn nẻo đường xuôi ngược,
Bởi vì ta không kết án chị đâu”! (Ga 8,1-11)*

Lên tiếng trước những vấn đề của hiện thực thách thức lương tâm Công giáo như thế này không có trong thơ Hàn Mạc Tử. Thơ Công giáo hôm nay đã “nhập thể” (dù chưa rộng khắp), đã nói tiếng nói của những kiếp nhân sinh trong những hoàn cảnh khốn cùng và chia sẻ tình yêu thương như trong dụ ngôn người Samari nhân hậu (Lc 10, 29-37). Đó là một hướng sáng tác có khả năng mở ra nhiều triển vọng.

Xin đọc thêm thơ Sơn Ca Linh: “Trời mới đất mới” và “những đồng xu ten!”, Bò câu đã về hay “bóng chim tắm cá,;

Đọc thêm thơ Trần Mộng Tú: những bài thơ về nạn nhân chiến tranh ở Trung Đông, nạn khủng bố 11/9 ở Mỹ (*Trả lại tôi*), nội chiến ở Syria (*Vết thương nội chiến*), kỳ thị chủng tộc ở Mỹ (*Tôi không thờ được*), 39 người chết trong chuyến đi tìm sự sống ở Anh Quốc 23-10-2019 (*Xin lỗi*)...

5. Suy tư thần học sâu sắc hơn.

Hàn Mạc Tử có nhận thức được ý nghĩa thần học của việc làm thơ, nhưng chưa có những suy tư thần học “*đi sâu vào mầu nhiệm Thiên Chúa Nhập Thể và đồng thời, đi sâu vào mầu nhiệm con người*”^[25].

Trăng Thập Tự có một tập thơ (69 bài) tên là Ghetsêmani, trong đó nhiều bài đánh số từ Ghetsêmani 1 đến Ghetsêmani 16...chứa đựng những suy tư sâu xa về những gì Đức Giêsu trải qua trong đêm trước cuộc tử nạn ở vườn Ghetsêmani.

Kinh Thánh thuật lại rất sắc nét hình ảnh Đức Giêsu cầu nguyện trong vườn Ghetsêmani. Đó là thời khắc hùng vĩ nhất của Đức Giêsu trong thân phận con người hiện sinh: cô đơn, bị phản bội, phải đối mặt với cái chết bi đát. “*Người bắt đầu cảm thấy hãi hùng xao xuyến. Người nói với các ông: “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh em ở lại đây mà canh thức” (Mc 14, 34-35). Và Người đã vượt qua nỗi cô đơn, sự sợ hãi hiện sinh trong một tư thế lẫm liệt: “Đứng dậy, ta đi nào!” (Mc 14, 42). Và Người vượt qua cái chết: “Vì thế, Thiên Chúa đã tôn vinh Người, và ban cho Người một danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu.”(PI 2, 9). Không phải vô tình mà Trăng Thập Tự viết nhiều bài suy tư về Ghetsêmani.*

GHETSÊMANI (12)

Xin thờ lạy nỗi cô đơn chí thánh

²⁵ *Thư Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II gửi nghệ sĩ* 1999:

<http://huangiao.com/index.php/van-kien/duc-giao-hoang/thu-luan-luu/item/1529-thu-duc-thanh-cha-gioan-phaolo-ii-gui-cac-nghe-si-1999>

*Giữa vườn khuya ướt lạnh vai gầy.
Con đến đây mong chia sẻ với Thầy
Một giọt máu, giọt trích từ chén đắng.
Con buồn ngủ ai xui mắt trĩu nặng
Lời thở than con nghe vắng bên tai.
Nỗi đờn đau con xót với đêm dài
Giá có được chút sức hèn con sẽ
Lết tới bên, cầm tay Thầy lặng khẽ
Cũng đủ cảm thông an ủi đôi phần.
Nhưng kìa sao con liệt nhược toàn thân
Con rất muốn mà con không thể...
Nếu đúng ý Trời là phải thế
Cho Thầy nhấp trọn chén cô đơn
Thì xin dâng giấc ngủ chập chờn
Cho chén đắng thêm phần đắng đót...*

Bài thơ Ghetsêmani 12 là tiếng nói nội tâm của tác giả nói chuyện với Chúa. Thực ra tác giả nhập thân vào các môn đồ của Đức Giêsu mà nói chuyện trong tâm tưởng với Thầy. Bài thơ dựng lại trạng thái môn đồ ngủ quên lúc Đức Giêsu cầu nguyện. Tác giả muốn chia sẻ nỗi cô đơn đến tận cùng của Đức Giêsu trong những giờ phút Người một mình đối mặt với chén đắng không thể từ chối. Nhưng tác giả (con người trần gian) nhận ra (ý thức) thân xác mình yếu đuối quá, không sao có thể lết đến bên Thầy, cầm tay Thầy “*chia sẻ với Thầy Một giọt máu, giọt trích từ chén đắng*”. Vì thế đành chấp nhận thực tại để mặc Chúa một mình uống chén đắng và sự yếu đuối của môn đệ (tác giả) làm đầy thêm chén đắng của Chúa.

Trăng Thập Tự suy tư về nỗi cô đơn của Đức Giêsu, cũng là suy tư về thân phận con người khi phải đối diện chén đắng. Mỗi người là một thân phận cô đơn, tự mình mang lấy thập giá đi theo Chúa lên Núi sọ và uống cạn chén đắng. Cô đơn là một thái độ triết học (Chủ nghĩa Hiện sinh), bởi con người là những nhân vị độc đáo, tự do. Cho nên khi Trăng Thập Tự kết hợp Triết học với Thần học để suy tư, thì những suy tư ấy mang ý nghĩa nhân văn hơn nhiều. Nếu chỉ suy tư Thần học rằng Đức Giêsu là Ngôi Hai xuống thế làm người, chịu chết để cứu rỗi nhân loại, thì việc Đức Giêsu chịu chết là một tất yếu, không có gì phải suy tư, không có gì cần chia sẻ.

Nhưng khi đặt Đức Giêsu trong thân phận con người cô đơn tuyệt đối, không thể chối từ chén đắng, không ai có thể chia sẻ được chén đắng, lúc ấy “*Người bắt đầu cảm thấy hãi hùng xao xuyên*”. Người nói với các ông: “*Tâm hồn Thầy buồn đến chết được*”, Đức Giêsu đã sống đến những giây phút cạn kiệt của hiện sinh, một hiện sinh quy tử (Heidegger: Being-towards-death). Những suy tư như thế có thể đạt đến phẩm tính nhân văn cao cả trong cuộc tử nạn và Phục sinh của đức Ki tô.

*Xin thờ lạy nỗi cô đơn chí thánh
Giữa vườn khuya ướt lạnh vai gầy.
Con đến đây mong chia sẻ với Thầy
Một giọt máu, giọt trích từ chén đắng.*

(Ghetsêmani 12)

Trong thơ Hàn Mạc Tử không có những suy tư “*đi sâu vào mầu nhiệm Thiên Chúa Nhập Thể và đồng thời, đi sâu vào mầu nhiệm con người*”(đđ) như thế.

NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Thơ Công giáo đương đại đã chuyển hẳn sang **một thời đại mới** cả về thi pháp, tư tưởng và phong cách. Nền thơ này đang làm giàu thêm kho tàng văn học Công giáo và tạo ra bước phát triển lịch sử cho văn học “nhà đạo”. Nền thơ này có bề dày của hàng ngàn “nhà thơ phong trào” và sản sinh ra những tài năng độc đáo mà thơ của thời đại Hàn Mạc Tử chưa có.

Những tài năng độc đáo ấy có nguồn cảm hứng sáng tạo dồi dào kín múc từ Kinh thánh, có *ý thức sáng tạo* riêng, có những vùng quặng mỏ thi liệu riêng, tạo ra thế giới nghệ thuật riêng. Họ cùng có chung tư tưởng Mỹ học Kitô giáo, cùng mục đích dùng thơ để loan báo Tin Mừng, cùng hành động để chia sẻ Lòng Thương Xót của Chúa với mọi người và nỗ lực “*làm ra cái Đẹp mới*”(sáng tạo nghệ thuật).

Các nhà thơ Công giáo như Đức Ông Xuân Ly Băng, Lm Trăng Thập Tự, Lm Sơn Ca Linh, Lm Cao Gia An, Francis Lê Đình Bảng, Trần Mộng Tú, Trần Vạn Giã... đã định hình được phong cách nghệ thuật, định vị được trên dòng chảy lịch sử của văn học Công giáo, và có ảnh hưởng xã hội nhất định. Thơ của Trần Mộng Tú được đưa vào sách giáo khoa giảng dạy ở Mỹ. Nhà thơ Trần Vạn Giã là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Tập thơ của Lê Đình Bảng có lời tựa của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều (hiện là chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam)...đó là sự hiện diện của thơ Công giáo trong cuộc đời hôm nay.

Người đọc tự hỏi tại sao những nhà thơ trên không “*nổi tiếng*” bằng Hàn Mạc Tử?

Câu trả lời là, Đức Gioan Phaolô II đã nhắc nhở nghệ sĩ “*không để mình bị lôi vào cuộc săn tìm những vinh quang hão huyền, những sự nổi tiếng rẻ tiền, càng không để mình bị hướng dẫn bởi sự tính toán lợi lộc cá nhân nào*”[đđ].

Sứ mệnh của nghệ sĩ Công giáo là: “*các bạn được mời sử dụng trực giác sáng tạo của mình để đi sâu vào mầu nhiệm Thiên Chúa Nhập Thể và đồng thời, đi sâu vào mầu nhiệm con người.../...Nhân loại thời nào, kể cả thời nay, đều mong muốn các tác phẩm nghệ thuật soi sáng cho đường đi và số phận của nhân loại*”[Thư đức Gioan Phaolô gửi nghệ sĩ 1999, đđ].

Các nhạc sĩ Thánh Ca Việt Nam đã tạo ra một nền âm nhạc riêng, đã xây dựng được một kho tàng Thánh ca hết sức đồ sộ và một thế giới nghệ thuật đậm bản sắc Việt Nam. Nhưng những nhạc sĩ Công giáo sáng tác thánh ca không tìm sự “*nổi tiếng*” mà nỗ lực có nhiều ca khúc hay để đưa tâm hồn tín hữu lên với Chúa, để họ cảm nhận được hạnh phúc đích thực khi được sống trong tình yêu thương bao la của Chúa và chia sẻ ân sủng Chúa cho mọi người. Thi ca Công giáo đương đại cũng mong đạt đến những giá trị ấy, mong thực hiện được lời hiệu triệu của Đức Gioan Phaolô II về nghệ thuật. Cho nên không thể lấy sự “*nổi tiếng*” để làm thước đo giá trị thơ ca Công giáo.

Tôn giáo là lĩnh vực tâm linh khác với hoạt động thể tục. Nhưng tôn giáo cũng ở trong cuộc đời và hướng đến mục đích “*Phúc Âm hóa môi trường*”. Giáo hội Việt Nam đã đề ra

phương hướng mục vụ là “*Sống phúc âm giữa lòng dân tộc*”. Vì thế thơ ca Công giáo (là một hoạt động Mục vụ văn hóa) cũng phải lan tỏa được trong cuộc đời, không chỉ bó hẹp trong một vài Câu lạc bộ.

Nếu Thánh ca Công giáo chỉ dùng trong phụng vụ thì thơ ca có thể đến với mọi người, mọi hoàn cảnh sống, nói tiếng nói của mọi kiếp người, và trả lời cho mọi thách thức lương tâm của thời đại. Hơn thế, thơ ca còn có thể chỉ ra con đường chân lý cho mọi người. Đức Giêsu nói: “*Ta là đường, là sự thật và là sự sống*” (“*I am the way, the truth, and the the life*”-Ga 14, 6).

Văn học nghệ thuật Công giáo nói chung và thơ ca nói riêng cần đổi mới về thi pháp và tư tưởng, song thơ cũng cần “nhập thể” như Đức Giêsu đã xuống thế làm người để Cứu rỗi nhân loại. Đó là con đường phát triển còn đang chờ ở phía trước.

Tháng thánh Giuse/ 2022

“TỰ TÌNH KHÚC”- “KHÓC NGƯỜI HAY TA”

Đọc trường ca “*Tự tình khúc*” của Francis Assisi Lê Đình Bảng

Bùi Công Thuận

Văn bản thơ (tôi đánh số khổ thơ để dễ tham khảo)

Mời bạn cùng đọc:

Trường ca TỰ TÌNH KHÚC

Francis Assisi Lê Đình Bảng

1. Con vào nhà Đức Chúa Trời

Nhớ, quên. Còn, mất. Đã rơi rụng nhiều

Xét mình, còn chẳng bao nhiêu

Để làm lưng vốn mang theo, sống đời

2. Con vào nhà Đức Chúa Trời

Từ khi tấm bé, cái thời còn thơ

Quần quanh, nhà xứ, nhà thờ

Bữa thường khoai sắn, muối dưa lẫn hòi

3. Con vào nhà Đức Chúa Trời

Học ăn, học nói những lời khôn ngoan

Học trong sách thánh, Ê van

Nhờ ơn Đức Chúa Thánh Thần sáng soi

4.Con vào nhà Đức Chúa Trời
Kéo sa cám dỗ, thói đời, thế gian
Nửa đường, vướng víu dây oan
Khi không, đứt gánh, bỏ ngang ra về

5.Người thương, bảo nó dinh tề
Ghét thì kết tội bùa mê E và
Tiếng lành, tiếng dữ đồn xa
Có căn, mới được xuất gia, tu trì

6.Dộc lòng, hỷ xả, từ bi
Nửa mai, chúa mở khoa thi, cũng là
Lễ gần, thôi lại lễ xa
Bỏ công đèn sách mẹ cha truyền đời

7.Con vào nhà Đức Chúa Trời.
Tương đâu, cập bến, tới nơi, tới bờ
Tiếng gà xao xác ban trưa
Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu

8.(Gặp người, sao chẳng cau trầu
Ngắt bông điên điển, mời câu ân tình
Các thầy đọc tiếng La Tinh
Các cô con gái thưa kinh dụ dàng)

9.Thế là, mọi chuyện... tan hoang
Mới hay, địa ngục, thiên đàng còn xa
Thế là vỡ mộng làm cha
Chẳng qua, một giấc mơ hoa rã rời

10.Đông, Tây còn lại mấy người
Ra sông, ra biển, đi đời nhà ma
Bây giờ, mới vỡ lẽ ra
Ăn chay, nằm đất, mới là chân tu

11.Thôi về, đọc lại thiên thư
Gẫm trong truyện A lê xù văn ca
Rằng, xưa ở xứ Roma
Có chàng trai trẻ tu nhà, ai ơi

12.Thì thôi, làm gã bỏ đời
Liều thân vào chốn tanh hôi mùi tiền

Chẳng làm ông bụt, bà tiên
Cũng là vạn sự tùy duyên đất trời

13.Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt vôi, hạt đầy
Của riêng, xin để dành, ngày cánh chung
Hạt nào, chim chóc, khe truông
Xanh um bờ bãi, cỏ lũng sinh sôi

14.Nhiều khi, tôi trách thân tôi
Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn
Hạt nào ra nhánh trăm muôn
Đồng chiêm, đồng trũng, chờ xôn xao mùa
Hạt nào theo gió xa đưa
Trôi đi tí tấp, chiều mưa, trắng đồng

15.Hạt nào bay giữa thình không
Tôi nghe sóng ở đáy sông cồn cào
Từ em bắn bật non cao
Giấm chua, mật đắng vun vào hồn tôi
Hạt nào theo gió ra khơi
Tóc tơ, sao vội rẽ đôi phận người

16.Nhiều khi, tôi dỗ yên tôi
Treo gương, rửa kiếm, một đời lặng câm
Hạt mừng, rơi xuống trăm năm
Hạt vui, nhưng nhớ mãi thăm gọi em
Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên
Một bên ý Chúa. Một bên tình người

17.Nhiều khi, tôi muốn buông xuôi
Hai vai gánh nặng, phương trời dăm dăm
Đêm đêm, từng giọt dương cầm
(Cung thương, tiếng mẹ. Cung trầm, tiếng cha)
Hạt ngoài, nghe thấu xương da
Hạt trong, nuốt lệ, đã nhòa nhạt thôi

18.Nhiều khi, tôi chẳng tin tôi
Thoắt trông vời vợi, người ơi, chốn nào
Hạt người, xa vắng, âm hao
Hạt ta, chìm nổi, ba đào, phù du
Hạt người, trong cõi thiên thu

Hạt ta, tro trấu tuyết mù, dậm khơi

19. Chỉ còn mình Chúa, Chúa ôi
Để nghe thấu suốt từng lời trần gian:
“Cho tôi sinh lại một lần
Dầu rằng mật đắng, dầu rằng hoa thơm”
Cầm bằng, rách áo, đói cơm
Chẳng qua, vẫn chuyện Thăng Bờm, nắm xôi

20. Chắp tay, lạy bốn phương trời
Vì cây, dây quán? Khóc người hay ta
Hạt về, bụi bặm, sương sa
Hạt đi, tan tác, lá hoa, vô thường
Trách mình, còn lăm tơ vương
Mai kia, một nợ, hình sương, bóng tà

21. Một mình ta, với riêng ta
Hát ngao dăm khúc tỳ bà hành thôi
Hỏi vàng trăng khuyết nghiêng soi
Nửa bên hương án, nửa nơi trai phòng
Hạt nào, nước lã ra sông
Thương ai, ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu

22. Biển Hồ trắng xoá mưa ngâu
Emmaus chiều muộn, tìm nhau, phương nào
Trời làm một cuộc bể dâu
Mới hay, gỗ đá, vàng thau bời bời
Giữa mùa ôn dịch, chia phôi
Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai

23. Gánh sàu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, ăn năn
Xót xa, như để khóc thân phận mình
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Kháng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!

Tôi đã đọc đi đọc lại bài thơ, để lắng nghe lòng mình, để những âm hưởng thơ dội vào tâm hồn tôi những cảm xúc thẩm mỹ mà chỉ thơ hay mới có sức lay động. Trường ca *Tự Tình Khúc* mở ra trong tôi nhiều tầng ý nghĩa *tu tưởng* và không gian văn hóa rộng lớn nhiều vỉa tầng. Câu chuyện “*cuộc bể dâu*” mà tác giả kể làm dậy lên trong tôi những lớp sóng ngầm của

kiếp hiện sinh. Những yếu tố ấy của *Tự Tình Khúc* là dấu chỉ của một bài thơ hay và đậm phong cách thơ Lê Đình Bảng.

“*Tự tình*” là câu chuyện lòng mình. *Thơ “Tự tình”* cũng là thể loại đã có trong văn học Việt. “*Tự tình khúc*” là khúc ca tự tình, tác giả kể chuyện riêng của mình, để suy gẫm, để cầu nguyện và để chia sẻ. Lê Đình Bảng viết “*Tự Tình Khúc*” bằng thể Lục bát ca dao quen thuộc, dễ tiếp nhận, bởi ca dao là câu hát dân gian người Việt được nghe từ thuở trong nôi. Vậy mà, đọc “*Tự Tình Khúc*”, tôi không sao định vị được kiểu loại bài thơ. “*Tự Tình Khúc*” là thơ tình yêu, thơ sám hối-cầu nguyện, hay là thơ “*khóc thân phận mình*”, kiểu *thơ tư tưởng* tra vấn hiện sinh?

*Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, ăn năn
Xót xa, như để khóc thân phận mình
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Kháng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*

Thực ra, trong *Tình Tự Khúc*, cả ba thể loại *Tự sự*, *Trữ tình* và *Suy tưởng* là một (như thể ánh sáng, nhiệt lượng và sự sống là một từ mặt trời), chuyển hóa, biến hóa trong cấu trúc *thơ tư tưởng*. Đây là chỗ độc đáo của tư duy thơ Lê Đình Bảng.

Xin điểm lại lịch sử thơ Việt, Nguyễn Bính thường kể (*tự sự*) những câu chuyện tình bằng Lục bát dân dã (*Tương tư, Lỡ bước sang ngang, Người hàng xóm...*). Thơ tình Xuân Diệu là tiếng lòng thi nhân (thơ trữ tình: *Tương tư chiều, Khi chiều giăng lưới, Vội vàng...*). Chế Lan Viên tra hỏi triết lý về những vấn đề của nhân sinh (*Cái sợ người, Làm Hăm-lét ở Việt Nam, Bánh vẽ...*). Lê Đình Bảng tạo ra thế giới nghệ thuật riêng bằng sự tổng hợp cả ba kiểu tư duy nghệ thuật của các nhà thơ đi trước, đồng thời làm phong phú thêm lịch sử thi ca Việt bằng “thi pháp” riêng của mình.

Mở đầu bài thơ, ở thời điểm hiện tại, tác giả “*xét mình*” (chữ của nhà đạo), tức là nghĩ suy, đánh giá lại đời mình, về quãng đời “*vào nhà Chúa*”, xem còn mất thế nào, để làm vốn liếng cho hành trình sống đời. Những suy tư này giúp người đọc nhận diện *Tự Tình Khúc* là kiểu *thơ suy tưởng*. “*Suy tưởng*” là suy tư tra vấn tư tưởng, là sống lại lần thứ hai và hình dung ra, tái hiện lại, dàn dựng lại cuộn phim của quá khứ hay vẽ ra viễn ảnh tương lai, để tìm kiếm những ý nghĩa chân lý cho mình. Đặt mình trong hành trình suy tưởng ấy, tác giả nhận ra vốn liếng đời tu (tu đức, triết học, thần học, nề nếp sinh hoạt...) chẳng còn bao nhiêu.

*Con vào nhà Đức Chúa Trời
Nhớ, quên. Còn, mất. Đã rơi rụng nhiều
Xét mình, còn chẳng bao nhiêu
Để làm lưng vốn mang theo, sống đời*

Xin lưu ý, chữ “*vào nhà Đức Chúa Trời*” có nghĩa thánh thiêng hơn chữ “*đi tu*” làm Linh mục. Đó là dụng ý tư tưởng, nhưng cũng là ngôn ngữ dân gian nhà đạo, một tín hiệu về đặc điểm ngôn ngữ thơ Lê Đình Bảng.

Sau đó tác giả kể lại (*tự sự*) hành trình chuyên chăm tu học của mình. Ngay từ bé, cậu tu sinh ấy chỉ biết rèn mình trong môi trường nhà Chúa: “*Quần quanh, nhà xứ, nhà thờ/ Bữa thường khoai sắn, muối dưa lần hồi*”. Mục đích “*vào nhà Chúa*” là để học “*những lời khôn ngoan*” trong sách thánh (Evang), để “*Kẻo sa cám dỗ, thói đời, thế gian*”(người đi tu phải chống lại “*ba thù*” là thế gian, ma quỷ, xác thịt).

Trong nhà Chúa, mọi sự đều rất tốt đẹp, thánh thiện: “*Các thầy đọc tiếng La Tinh/ Các cô con gái thừa kinh diu dàng*”. Môi trường thánh thiện ấy là động lực cho cậu (tác giả) tu tập: “*Dốc lòng, hỷ xả, từ bi/ Nửa mai, chúa mở khoa thi, cũng là / Lễ gần, thôi lại lễ xa/ Bỏ công đèn sách mẹ cha truyền đời*”. Câu thơ chứa đựng nhiều kiểu ngôn ngữ khác nhau: cách nói dân dã của Ca dao, giác niệm của Nhà Phật và vốn từ nhà đạo mới mẻ. Một sự tổng hợp rất tự nhiên nhiều kiểu tư duy ngôn ngữ của thi pháp Lê Đình Bảng, giống như sự tổng hợp và Việt hóa tư tưởng Phật, Nho, Lão trong “*Tam giáo đồng nguyên*” của người Việt. Đó là bản lĩnh Việt.

Những tưởng theo Chúa là con đường tiến thẳng lên bàn thánh. Nhưng rồi cậu tu sinh “*vỡ mộng làm cha*”.

*Tưởng đâu, cập bến, tới nơi, tới bờ
Tiếng gà xao xác ban trưa
Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu*

Lê Đình Bảng dùng hình ảnh ca dao trong phép so sánh ví von: “*Tiếng gà xao xác ban trưa/ Gió đưa cây cải... ầu ơ... ví dầu*”. Chuyện tu trì chỉ còn là “*ầu ơ... ví dầu*” (cách nói dân gian, mượn tiếng ru, để chỉ những chuyện thoáng qua). Nhưng trong khổ thơ này, tiếng gà xao xác và tiếng ru buồn “*ầu ơ... ví dầu*”, vừa tạo nên không gian thôn dã, vừa hiện lộ một tâm hồn rĩ buồn chất chứa những nỗi niềm thâm kín. Ca dao có lời than thở: “*Gió đưa cây cải về trời/ Rau răm ở lại chịu lời đắng cay*”. Cái đọng lại của khổ thơ là những “*lời đắng cay*” không thể nói ra.

*Nửa đường, vướng víu dây oan
Khi không, đứt gánh, bỏ ngang ra về*

Nỗi buồn thâm kín ấy là việc tác giả bỏ tu. Lý do “*bỏ ngang ra về*”, là vì: “*Nửa đường vướng víu dây oan*”. Chuyện tình cờ: “*Khi không, đứt gánh...*”. Mạch thơ thấp thoáng câu thơ Kiều (*Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du) về sự gậy đổ bất ngờ cuộc tình Kiều với Kim Trọng. “*Vướng víu dây oan*” là dính mắc (chữ nhà Phật) chuyện tình yêu, là sợ dây oan nghiệt. Nguyễn Du viết: “*Tu là cội phúc, tình là dây oan*”(Đoạn trường tân thanh, câu 2658). Nhưng “*khi không*” chuyện xảy ra, tức là việc xảy ra không ngờ, ngoài ý muốn.

Đúng là, vì chuyện tình mà bỏ Chúa thì người tu xuất không bao giờ tìm được bình an. Nó trở thành một mặc cảm khắc rất sâu trong tim khi đối diện với Chúa, một “*tội*” rất lớn vì phụ công phụ công cha mẹ và phụ lòng cộng đoàn giáo dân đã cầu nguyện cho mình. Bởi đó là hủy bỏ “*giao ước*” với “*Đấng tối cao*”, một việc cao trọng bậc nhất trong đời sống đức tin. Với giáo dân Việt, đó là điều không thể chấp nhận. Người vào nhà Chúa, đã là người của Chúa. Người đời không được quyền giành giật với Chúa (trừ khi là ma quỷ).

Nhưng phẩm tính nhân bản của con người là “*yêu người*”. Và tình yêu nam nữ là một bản năng sinh tồn rất quan trọng. Bản năng này là tạo hóa đặt để. Tức là, đến tuổi nào đó, con

người có nhu cầu và khát vọng yêu, để nhân loại được tiếp nối, sinh tồn. Xin lưu ý, Kinh thánh dạy, mọi điều Thiên Chúa tạo dựng đều tốt đẹp (St 1, 31). Cho nên người thơ nêu có “*vương vù dây oan*” cũng là thường tình. Gọi tình yêu nam nữ là “*dây oan*” là góc nhìn của Thiên gia, không phải thánh ý của Thiên Chúa. Vì thế việc bỏ tu để trở về sống đời thường là sự chọn lựa khôn ngoan nếu điều đó là ý Chúa. Linh mục hướng dẫn sẽ giúp tu sinh tìm hiểu ơn gọi này. Vì ơn gọi sống đời gia đình cũng là ơn gọi rất cao trọng, ơn gọi nên thánh (xem gương Thánh Gia) giữa trần gian.

Dù vậy, việc bỏ tu không thể tránh khỏi “tiếng đời”. Người ta trọng vọng “*Chủng sinh*” bao nhiêu thì người ta đàm tiếu dè bieu người “*tu xuất*” bấy nhiêu. Dân gian còn cho rằng những người xuất tu tất cả đều có số phận chẳng ra gì. Vì họ ăn cơm nhà Chúa mà bỏ Chúa. Trong nhà Chúa, người ta gọi Chủng sinh là “*thầy*”, giờ họ gọi người tu xuất là “*nó*”, và ném đá vào “*nó*”. Xuất tu vì “*bùa mê E và*”(sự cám dỗ của trần gian) thật khó có thể biện minh..

*Người thương, bảo nó dinh tê
Ghét thì kết tội bùa mê E và
Tiếng lành, tiếng dữ đồn xa
Có căn, mới được xuất gia, tu trì*

*Thế là, mọi chuyện... tan hoang
Mới hay, địa ngục, thiên đàng còn xa*

Người tu xuất không phải là bị tất cả mọi người ghét. Vẫn có người cảm thông: “*Người thương, bảo nó dinh tê*”. Ngày nay hai chữ “*dinh tê*” đã không còn trong từ vựng tiếng Việt. Đó là chữ thời chống Pháp (1945-1954). “*Dinh tê*” (từ chữ Pháp "rentrer" - trở về) chỉ hành động rời bỏ chiến khu, trở về sống ở các đô thị hoặc vùng do Pháp chiếm đóng. “*Dinh tê*” bị phê phán là phản bội kháng chiến [26]. Haiza! Việc bỏ tu về nhà mà cũng đánh như “*dinh tê*” vậy sao!

Nhưng “*chuyện tình*” của người thơ đã xảy ra thế nào? Tác giả chỉ kể lướt qua:

*Gặp người, sao chẳng cau trầu
Ngắt bông điên điển, mời câu ân tình*

Cuộc gặp gỡ thật giản dị, chẳng cần cau trầu nghi lễ, chỉ “*ngắt bông điên điển*” mời nhau đã đủ làm nên ân tình. Một kiểu *tỏ tình* thật lạ, bởi chuyện tình Việt xưa nay khởi đầu bằng “*mời trầu*” (bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương). Tôi chưa nghe ai nói dùng bông điên điển để ngõ lời yêu bao giờ. “*Mời trầu*” là đặc trưng văn hóa Bắc (“*Miếng trầu là đầu câu chuyện*”), còn bông điên điển là loài hoa đặc trưng vùng sông nước Nam bộ, gắn liền với món ăn canh chua cá lóc, cá linh. “*Ngắt bông điên điển*” để tỏ tình là một tứ thơ vừa mới lạ, vừa gợi ra sinh hoạt của dân quê Nam bộ mùa nước nổi. “*Chuyện tình*” “*bông điên điển*” đậm đặc hương vị quê hương. Xin lưu ý, tình yêu nam nữ trong thơ ca Việt luôn khởi phát và thủy chung với đời sống và cảnh sắc quê hương (xin đọc ca dao: *Hôm qua tát nước đầu đình...*). Lê Đình Bảng đã đặt tình yêu lứa đôi của mình vào giữa truyền thống rất đẹp ấy.

²⁶ Viên Linh: *Một thời văn học “dinh tê”*

Người thơ không kể tiếp “chuyện tình” ấy diễn ra thế nào trong đời thực, mà chỉ gọi ra cái vẻ đẹp của tình quê dân dã. Vâng, đó là chỗ tuyệt bút của nghệ thuật lãng mạn: sự việc được nhìn qua lăng kính của “Cái đẹp”, dù đó là điều bi đát. Nhờ thế, “*tình yêu*” trong thơ Lê Đình Bảng không có cái “*mùi vị da thịt*” của thơ tình Xuân Diệu, không là tiếng kêu thống thiết “*Mật đắng, máu cuồng và hồn điên*” của thơ Hàn Mặc Tử. Nhưng độ sâu đậm làm nghiêng ngả thời gian không gian.

*Một mình ta, với riêng ta
Hát ngao dăm khúc tỳ bà hành thôi
Hỏi vàng trắng khuyết **nghiêng** soi
Nửa bên hương án, nửa nơi trai phòng
Hạt nào, nước lã ra sông
Thương ai, ngọc vỡ **giữa dòng, chìm châu***

Lê Đình Bảng tổng hợp tư tưởng, thi pháp và cảm xúc của ba nguồn *thi ca- tư tưởng* đồ sộ để diễn đạt mối tình sâu nặng của mình.

Đó là câu chuyện thương cảm của người kỹ nữ trong *Tỳ Bà Hành* [27] cùng với nỗi lòng kẻ lưu đày Bạch Cư Dị, là tâm trạng chờ mong vô vọng của nàng Kiều sau khi chia tay Thúc Sinh (Truyện Kiều): “*Vàng trắng ai xẻ làm đôi, / Nửa in gói chiếc nửa soi dăm trường*” [28]. Và thân phận “*bèo dạt*” người phụ nữ trong Ca dao: “*Thân em là hạt mưa sa / Hạt vào đài các hạt ra cánh đồng*”. Lê Đình Bảng khám phá, sáng tạo thêm một tứ thơ rất mới: “*Hạt nào, nước lã ra sông*”.

“*Nước lã*” là thứ vô giá trị (thí dụ, tục ngữ: “*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*”). Một hạt mưa rơi xuống sông thành nước lã, tan biến không để lại dấu vết trong dòng trôi vô vọng. Đó là thân phận phụ nữ. Nhưng mà “*người yêu*” của nhà thơ là “*ngọc*”, một viên ngọc bị vỡ tan, chìm sâu trong dòng đời. Đáng thương biết bao nhiêu, tình yêu kết tụ thành “*khối tình Trương Chi*” (Chuyện tình Trương Chi-Mị Nương [29]).

Quả thực, đọc thơ Lê Đình Bảng không dễ chút nào nếu không hiểu đến ngọn ngành văn hóa Việt, không có lung vốn *tư tưởng, thi pháp* thơ phương Đông và không “*trải qua một cuộc bể dâu*” “*chìm nổi, ba đào, phù du*”. Nhưng hạnh phúc của người đọc lại là khám phá ra quá trình sáng tạo của nhà thơ và tìm ra được những nguồn mạch sáng tạo mới mẻ như thế. Hơn nữa, phải nhận dạng cho được phẩm chất thi nhân của Lê Đình Bảng. Phẩm chất ấy thể hiện ở năng lực sáng tạo một thế giới nghệ thuật riêng vừa truyền thống vừa dân dã, lại vừa đậm đặc cá tính.

“*Tự Tình Khúc*” là chuyện của một người xuất tu. Cuộc trở về trần gian của nhà thơ như cuộc trở về của Từ Thức xưa. Đành vậy. “*Thì thôi, làm gã bố đời / Liễu thân vào chốn tanh hôi mùi tiền*”. Ba chữ “*thì thôi*”, “*liễu thân*” và “*gã bố đời*” cực tả sự bế tắc, vô vọng, buông xuôi

²⁷ *Tỳ Bà Hành*-Bạch Cư Dị
thivien.net/Bach-Cu-Di/Ty-ba-hanh/poem-7Jx-9zMDy2CyYi7flk3zRA

²⁸ *Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du, câu 1525-1526

²⁹ *Truyện Trương Chi-Mị Nương*
<https://loigiaihay.com/truong-chi-my-nuong-truyen-co-tich-viet-nam-a186612.html>

và thái độ bức bối (có cả chữ đời: *mả bố đời*) của người thơ khi trở về đời trần tục kiếm sống, phải lặn mình vào “*chốn tanh hôi mùi tiền*”.

Nhưng điều ấy không là “bi kịch” của con người, bởi kiếm sống không bao giờ là dễ dàng. Nó là lời nguyện của Thiên Chúa đối với con người tội lỗi: “*ngươi sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời ngươi, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra..*”(St 3, 17).. “Bi kịch” của nhà thơ là những dằn vặt cân não, những bi phần dữ dội trong cuộc đấu tranh tư tưởng giữa việc chọn Chúa (đời tu) làm lý tưởng, và một bên là bị hành hạ bởi “*bùa mê E và*”.

Lê Đình Bảng đã miêu tả rất cụ thể những cơn vật vã hiện sinh dữ dội ấy:

Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi

Bát cơm nhà Chúa, hạt vơi, hạt đầy

Nhiều khi, tôi trách thân tôi

Bát cơm nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn

Nhiều khi, tôi dỗ yên tôi

Treo guom, rửa kiếm, một đời lạng càm

Nhiều khi, tôi muốn buông xuôi

Hai vai gánh nặng, phương trời dăm dăm

Nhiều khi, tôi chẳng tin tôi

Thoắt trông vơi vơi, người ơi, chốn nào

Một mình ta, với riêng ta

Gánh sầu trĩu xuống hai vai

Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn

Câu tứ trùng điệp, liệt kê, kết hợp với điệp từ, phơi bày ra *con dâu bể* nội tâm, làm hiện lên cuộc *trầm luân hiện sinh* của người thơ. Những cơn sóng tư tưởng vùi dập (mỗi khổ thơ là một đợt sóng), làm kiệt quệ linh hồn. Thời gian và không gian miên viễn, quá sức chịu đựng. Bởi Con người là một sinh mệnh cô độc. “*Một mình ta, với riêng ta*”, không người chia sẻ. Người thơ phải kêu lên: “*Gánh sầu trĩu xuống hai vai,/ Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn*”. Phép đảo “*Gánh sầu trĩu nặng*” lên trước tiếng kêu “*Chúa ôi*” góp thêm sức nặng cho sự yếu đuối của người thơ.

“*Gánh sầu trĩu nặng*” ấy là gì mà đem đến “*bi kịch đau đớn*” cho nhà thơ? Điều gì là “*Giám chủa, mặt đấng vun vào hồn tôi*”? Đẻ, đến nỗi “*tôi trách thân tôi*”... “*tôi muốn buông xuôi, ... tôi chẳng tin tôi*”, tôi “*Chấp tay, lay bốn phương trời/ Vì cây, dây quán? Khóc người hay ta*”. Sau cùng, tất cả là nước mắt ăn năn: “*Hạt nào, nước mắt, ăn năn/ Xót xa, như để khóc thân phận mình*”. Vâng, người tự khóc thương thân, người ý thức sâu sắc về hiện sinh của chính mình trong cõi đời vô thường này (tôi mượn chữ nhà Phật). Phải tủi thân lắm, phải đơn

độc lắm, phải uống *mật đắng giấm chua* (như Chúa Giê su trên thánh giá - Ga 19:29; Lc 23:36 - Tv 69: 22)³⁰, phải trằm luân dưới đáy sông, phải *rách áo đôi com*, tan tác như hoa bên đường... Con Người mới khóc thương thân phận mình như thế.

Quả là một cuộc đấu tranh tư tưởng mệt nhoài, trái tim bị thiêu đốt như ở trong địa ngục (“*Mới hay, địa ngục, thiên đàng còn xa*”), không sao thoát ra khỏi những “*dính mắc*” (chữ của nhà Phật), những dây trói (“*Nghiệp*”, một ý niệm cốt lõi của nhà Phật), những “*khổ đế*” quanh thân người. “*Vì cây, dây quán? Khóc người hay ta*”, chỉ còn là nước mắt.

Đó là mâu thuẫn bi kịch. Một bên là tiếng gọi của Chúa, là ơn Chúa, là “*mắc nợ*” nhà chúa, một bên là tình yêu, và người yêu. Tưởng rằng là “*duyên*”, “*Cũng là vạn sự tùy duyên đất trời*”(chữ của nhà Phật), nhưng cũng đã “*vô duyên*”, vì người yêu đã không còn nữa.

Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên

Một bên ý Chúa. Một bên tình người...

...Trời làm một cuộc bể dâu

Mới hay, gỗ đá, vàng thau bời bời

Giữa mùa ôn dịch, chia phôi

Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai

“Bi kịch” này được nhà thơ miêu tả hiện sinh, vật vã khôn nguôi. Con người phải tự mình mang lấy “*Gánh sầu trĩu xuống*” phận mình (như tự mang lấy thập giá), may ra chỉ kêu lên được một tiếng “***Chúa ôi!***” gần như tuyệt vọng (Phêrô ngày xưa khi bị chìm xuống nước còn kêu được tiếng: “***Thầy ơi cứu con!***”-Mt 14, 30).

Nói như thế để thấy tài thơ của Lê Đình Bảng khi miêu tả “bi kịch” của *Con người* (đặc biệt là người xuất tu). Đó là “bi kịch” *Con người* phải chọn lựa giữa Đức tin và đời sống, giữa lý trí khoa học và mạc khải, giữa thân phận bé nhỏ của loài thụ tạo với Thiên Chúa kỳ vĩ vô cùng, vô tận trong không gian, thời gian. Đây cũng là vấn đề Giáo hội phải đối mặt trong suốt trường kỳ lịch sử. Từ thời Đức Giêsu còn tại thế, Tôma và Phao Lô đã là những chứng nhân liệch tuyên xưng đức tin. Và, ngàn năm sau, hàng trăm ngàn giáo dân Việt đã đổ máu mình ra để khẳng định Ôn Cứu rỗi của Thiên Chúa qua Đức Giê su. “*Tự Tình Khúc*” đã miêu tả tài năng cái “bi kịch” ấy. Xin hãy suy tư về bi kịch : “*Nửa đời, nửa đoạn, chưa quên/ Một bên ý Chúa. Một bên tình người...*”

Nói đến “tài năng thi ca” của Lê Đình Bảng là nói đến tài kiến tạo, sáng tạo thơ phong phú, hồn thơ khoáng đạt, thơ kết tụ đa tầng via văn hóa; cũng là tài sử dụng ngôn ngữ, và kiểu tư duy thơ rất riêng. Lê Đình Bảng khai mở một con đường chưa ai đi.

Thơ Lê Đình Bảng, trong từng câu chữ rất dân dã, có một sự biến hóa đầy trí tuệ, đầy chất thơ và chất nặng tư tưởng. Sự chuyển hóa Mỹ học rất tinh diệu giữa Ca dao dân ca, Kinh thánh và Thiên; có sự tổng hợp “Cái Đẹp” (Thi pháp) giữa chất trí tuệ của thơ cổ điển với cái mộc mạc chân chất của ca dao và thế giới thần học cao rộng, thánh thiêng của Kinh thánh.

³⁰ Thánh vịnh 69, 22: “Thay vì đồ ăn, chúng trao mật đắng,/ con khát nước, lại cho uống giấm chua.”

Chính sự kết tinh này tạo nên phong cách thơ Lê Đình Bảng mà trước và sau ông chưa có nhà thơ Công giáo nào kế tục được.

Thí dụ.

*Nhiều khi, tôi hỏi riêng tôi
Bát com nhà Chúa, **hạt vui, hạt đầy***

“*Bát com, hạt com*” trong câu thơ trên, nghĩa tường minh, là com trong nhà tu. Nghĩa tường minh này đã thấp thoáng ca dao: “*Ai ơi bưng **bát com** đầy/ Đẻo thom **một hạt** đắng cay muôn phần*”. Câu thơ hàm ý món nợ vật chất của nhà thơ với nhà Chúa.

“*Hạt com*” ấy chuyển hóa thành “*hạt giống*” trong dụ ngôn *Người gieo giống* (Lc 8, 4-15). Từ đó nhà thơ nói về sự chuyển hóa Lời Chúa trong tâm hồn mình (Khổ thơ 13, 14). Rồi sự biến hóa Mỹ học diễn ra tự nhiên và nhanh đến nỗi người đọc không kịp nhận ra, đó là: “*Hạt mừng, hạt vui*”(khổ 16) diễn tả những nỗi niềm, “*Hạt ngoài, hạt trong*” (khổ 17) là hạt nước mắt thương thân, “*Hạt người, hạt ta*” (khổ 18) là hạt tư tưởng, “*Hạt về, hạt đi*”(khổ 20) là sự chia lìa nhà thơ và người yêu, “*Hạt nào, nước lã...*” (khổ 21); “*Hạt nào, nước mắt*”(khổ 23)...là vô tận đau khổ của thân phận con người... Từ hạt com cụ thể, nhỏ bé ấy, thơ chuyển hóa thành phận người “*trong cõi thiên thu*”, vừa diễn đạt ý niệm Kinh thánh con người là tro bụi (tác giả dùng từ “*tro trấu*” để Việt hóa Kinh thánh), vừa nói cái “*Vô thường*” trong không gian, thời gian vô tận (Phật giáo) của kiếp người.

*Hạt người, trong cõi thiên thu
Hạt ta, tro trấu tuyệt mù, dậm khơi*

Cho nên, trong *Tự Tình Khúc*, tác giả không nói ý thức về “tội lỗi” như trong Thần học Kitô giáo, mà trình bày “Cái bi kịch” tư tưởng mà con người không sao thoát ra được. Đời thì rất thực, còn Chúa thì..., người thơ chỉ kêu được một tiếng “*Chúa ôi*”.

*Gánh sầu trĩu xuống hai vai
Chúa ôi, có những đêm dài trở trăn
Hạt nào, nước mắt, **ăn năn**
Xót xa, như để **khóc thân phận mình**
Cúi đầu, niệm một lời kinh
Kháng xin, Chúa **đoái thương tình, Amen!***

Điều ấy có nghĩa là, Lạy Chúa, Thánh giá Chúa trao, “*gánh sầu trĩu xuống*” ấy, thì con xin vác lấy. Chỉ xin “*Chúa đoái thương tình*”.

Thật lạ! Thông thường, người ta viết xin “*Chúa đoái thương*”, hoặc “*xin Chúa thương tình*”, tại sao Lê Đình Bảng lại viết “*Chúa đoái thương tình*”, mà không cầu xin tha thứ tội “*bỏ ngang ra về*” giữa đường tu? Có lẽ cầu xin Chúa thương cho tình yêu của người thơ mãi trầm luân dưới đáy sông?: “*Thương ai, ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu*”/ “*Tôi nghe sóng ở đáy sông còn cào*”.

Thí dụ.

Trong khi *suy tưởng*, Lê Đình Bảng sử dụng tư duy chính luận (lập luận, lý giải, để tìm ra chân lý của vấn đề). Bỏ nhà Chúa vì *tội bùa mê E và*, trở về sống đời trần gian, “*Liều thân*

vào *chón tanh hôi mùi tiền*”, đâu là đúng, đâu là sai? Thôi thì dân gian giải thích rằng: Chúa không chọn: “*Có cần, mới được xuất gia, tu trì*”. Đi tu cũng là tùy duyên. “*Cũng là vạn sự tùy duyên đất trời*”. Thông thường, trong một bài thơ, nếu tư duy và ngôn ngữ chính luận là chính, thì chất chính luận sẽ lấn át *hình tượng-thâm mỹ*..., nhưng trái lại, Lê Đình Bảng lại dẫn người đọc đi qua nhiều cánh đồng *thâm mỹ* mà màu sắc nghệ thuật hết sức đa dạng.

*Nhiều khi, tôi trách thân tôi
Bát com nhà Chúa, hạt rơi, hạt còn
Hạt nào ra nhánh trăm muôn
Đồng chiêm, đồng trũng, chờ xôn xao mùa
Hạt nào theo gió xa đưa
Trôi đi tí tấp, chiều mưa, trắng đồng*

Đó là một cánh đồng hoa lộng lẫy màu sắc *thâm mỹ*.

Có một sự chuyển hóa diệu kỳ trong tư duy nghệ thuật. Từ “*Bát com nhà Chúa*”, với những hạt com thật mà tác giả đã ăn, Lê Đình Bảng chuyển cảnh, vẽ ra hình ảnh trong dụ ngôn *Người gieo giống* của Kinh thánh. Những hạt giống Chúa gieo đã “*ra nhánh trăm muôn*”. Liên ngay đó là cảnh sắc đồng quê Việt Nam “*đồng chiêm, đồng trũng xôn xao*” vào mùa. Cảnh vui được mùa ấy lại chuyển ngay sang cảnh “*...tít tấp, chiều mưa, trắng đồng*” đầy ái ngại. Những chuyển hóa ấy tạo nên màu sắc tư tưởng-thâm mỹ mới lạ: “*Bát com, hạt rơi, hạt còn*” là com đời thực nhà tu. Dụ ngôn hạt giống mọc sum suê trong Kinh thánh là Thần học và văn hóa phương tây, tồn tại trong trí tưởng. “*Đồng chiêm, đồng trũng... chiều mưa, trắng đồng*” là đời sống sinh hoạt rất sống động của dân quê Việt. Những cảnh sắc ấy in dấu sâu đậm tâm hồn Việt, chất chứa vô lượng tình trời, tình quê.

Màu sắc *thâm mỹ* trong khổ thơ sau đây, cũng ảo diệu như vậy.

*Biển Hồ trắng xóa mưa ngâu
Emmaus chiều muôn, tìm nhau, phương nào
Trời làm một cuộc bể dâu
Mới hay, gỗ đá, vàng thau bời bời
Giữa mùa ôn dịch, chia phôi
Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai.*

Nhà thơ đem người đọc đến Biển hồ (biển hồ Galilee trong Kinh thánh) trong một chiều muôn, trắng xóa mưa ngâu. Đây là cảnh sắc phương tây, nhưng được Việt hóa bằng hình ảnh “*trắng xóa mưa ngâu*” (mưa ngâu gợi ra chuyện tình Ngưu lang Chức Nữ). Lại dẫn người đọc đi trên đường Emmaus trong chiều muôn, để “*tìm nhau*”. Câu chuyện hai tông đồ trên đường Emmaus đi tìm Chúa trong Kinh thánh (Lc 24, 13-35) trở thành ẩn dụ để nói chuyện tình yêu lạc loài. Màu sắc *thâm mỹ* chuyển ngay sang cảnh sắc tư tưởng phương đông: “*Trời làm một cuộc bể dâu*” (Nguyễn Du viết: “*Trải qua một cuộc bể dâu*”-Truyện Kiều). Những chìm nổi dâu bể mà người thơ gặp phải trong đời là do “*trời làm*” (Thiên mệnh, không phải Chúa!). Trở về với thực tại “*mùa ôn dịch*”, người thơ khóc thầm vì người thân yêu qua đời (“*Hỏi ai, khóc giấu, ngậm cười vì ai.*”). Hành trình tư duy thơ như vậy đã mở ra những chiều kích rất rộng trong không gian, thời gian, tư tưởng và *thâm mỹ*.

Vì thế, Thơ Lê Đình Bảng tinh khôi chất trí tuệ, dạt dào cảm xúc thi nhân, giàu tầng vỉa văn hóa, và lấp lánh nhiều sắc màu nghệ thuật nguyên sơ đời sống và tâm hồn Việt. Đó là một phong cách đẹp của thi ca Việt Nam.

Trò chuyện với bạn đọc.

Bài viết này là một cuộc trò chuyện thi ca (nên tôi nói những chuyện không đầu không cuối). Thường thì, khi đọc những bài *thơ tự tình*, người đọc chú ý khám phá đời sống riêng tư của tác giả, tìm xem những yếu tố nào của đời thực tác giả ảnh hưởng tới hành trình sáng tạo của nhà thơ (phương pháp tiểu sử). Chẳng hạn, để đọc thơ Hàn Mặc Tử, bạn đọc không thể bỏ qua những chuyện tình của nhà thơ họ Hàn với Mộng cầm, Hoàng Cúc, Mai Đình, Thương Thương, Ngọc Sương, Thanh Huy, Mỹ Thiện... Và, bệnh Phong của Nguyễn Trọng Trí giúp lý giải nhiều đặc điểm thơ Hàn Mặc Tử.

Nhưng nếu đọc *Tự Tình Khúc* để tìm hiểu đời tư Lê Đình Bảng, thì bạn sẽ thất bại. Vì tuy kể lại đời thực của mình: chuyện đi tu, chuyện bỏ tu “*vì tội bù a mê E và*”, nhưng cảm hứng thơ Lê Đình Bảng là cảm hứng lãng mạn, bút pháp miêu tả của Lê Đình Bảng bay lượn tài hoa trên những vùng trời *tư tưởng-nghệ thuật* đông tây kim cổ. Lê Đình Bảng không “tả thực” chuyện đời mình, và vì thế, người đọc không nên “tin” vào những gì nhà thơ kể. Cần vượt ra ngoài rào cản hiện thực để vươn tới “*phương trời dăm dăm*”, hòa mình “*trong cõi thiên thu*” và “*thấu suốt từng lời trần gian*”, để tiếp nhận thông điệp của nhà thơ.

Điều ấy giúp ta nhận ra *Tự Tình Khúc* là *thơ tư tưởng*, không phải là thơ kể chuyện đời tư. Lê Đình Bảng miêu tả cái “*bi kịch*” của đời người. Gọi là “*bi kịch*” khi khát vọng muốn vươn tới lại bị hoàn cảnh trobng hiện thực đè bẹp. Con người lâm vào trạng thái bi phần mà không thoát ra được. Lê Đình Bảng “*vào nhà Chúa*” là để học điều khôn ngoan của Kinh thánh. Ấy là “*tìm kiếm Nước Thiên Chúa*” (Mt 6, 33). Nhưng người thơ lại “*bỏ ngang*” hành trình này, để rồi lại dính mắc vào “*bù a mê E và*”. Trở lại đời thường, “*Liền thân vào chốn tanh hôi mùi tiền*”, sống đời *rách áo, đói cơm*, ngu ngơ như thằng Bờm. Tự an ủi rằng mình tu tại gia như Alêxù ngày xưa. Nhưng rồi tình yêu cũng “*ngọc vỡ giữa dòng, chìm châu*”.

Cả hai “*khát vọng*” của đời người này đều bị hoàn cảnh đè bẹp. Cả hai nỗi bi phần này cháy khôn nguôi ngọn lửa thiêu đốt tâm can. Người thơ soi vào mình, đối diện với thân phận cô đơn, *Một mình ta, với riêng ta*, tự mình phải gánh lấy “*Gánh sầu trĩu xuống hai vai*”. May mà còn chút lòng tin, nhà thơ kêu lên: “*Chỉ còn mình Chúa, Chúa ôi*”, và thái độ chân thành: “*Cúi đầu, niệm một lời kinh/ Kháng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”. Diễn ngôn ấy đem đến cho bạn đọc điều gì trong đời sống đức tin?

Xin lưu ý, mở đầu và kết thúc trường ca *Tự Tình Khúc*, Lê Đình Bảng vẫn bám lấy Chúa, “*Cúi đầu, niệm một lời kinh/ Kháng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”. Nghĩa là, đức tin vào Thiên Chúa, lời “*giao ước*” với Chúa và cả cuộc đời trần thế này cậy trông vào Chúa. Đó là tư tưởng xuyên suốt bài thơ, cũng là chân lý suốt đời của tác giả tôn thờ. Dù hoàn cảnh có trăm lộn, dù những vật vã hiện sinh có vùi dập, thì nhà thơ vẫn luôn cầu nguyện với Chúa “*Kháng xin, Chúa đoái thương tình, Amen!*”.

Thơ Lê Đình bảng, mỗi lời thơ là một hạt châu lấp lánh sắc màu thẩm mỹ và tư tưởng. Ngôn ngữ và tư duy thơ của ông tạo nên phong cách riêng. Và ông đã định vị một đỉnh thi son

mới của thơ ca Công giáo sau Hàn Mạc Tử. Sẽ khó có người vượt qua con đường thi ca Lê Đình Bảng, trừ khi họ khám phá được một lối đi sáng tạo khác, rộng mở hơn, mới mẻ hơn. *Tự Tình Khúc* mở ra nhiều ngã đường giúp người đọc khám phá cốt cách và giá trị thơ Lê Đình Bảng, đặc biệt là những đóng góp của thơ ông vào sự phát triển của thơ ca Việt đương đại.

(Với một bài viết ngắn, tôi đã không thể nói cặn kẽ những độc đáo của thơ Lê Đình Bảng. Những gì đã chia sẻ chỉ là một ít gợi mở về thơ ông, biết đâu lại không có chỗ ngộ nhận!).

Tháng 1/ 2026

TRÒ CHUYỆN VỚI NHÀ THƠ LÊ ĐÌNH BẢNG

Bùi Công Thuận

“Thưa anh Bùi Công Thuận, trong thâm tâm, tôi đã có quyết định ấy: một tập chuyên luận của nhà lý luận - phê bình Bùi Công Thuận viết về thơ Công giáo Lê Đình Bảng. Từ đây, các nghiên cứu sẽ khởi đi, bắt mạch, khơi tả. Đồng thời, sẽ là một hợp lưu giữa sáng tạo và phê bình rất căn cốt giữa Bùi Công Thuận và Lê Đình Bảng” (Thư Lê Đình Bảng ngày 13/01/2026).

Nhân việc nhà thơ Lê Đình Bảng định xuất bản một chuyên luận về thơ của ông, chuyên luận gồm những bài tôi đã viết về thơ Lê Đình Bảng ^[31], tôi xin được thưa vài lời với bạn đọc.

1.Chuyên luận về thơ Lê Đình Bảng

Kính thưa nhà thơ Lê Đình Bảng,

Từ lâu tôi đã ấp ủ viết và in một chuyên luận về thơ Lê Đình Bảng. Nhưng đến nay, cuốn sách ấy vẫn chưa trình làng được. Đơn giản chỉ là, những gì tôi viết, chưa nói đủ về thơ anh.

³¹ Các bài Bùi Công Thuận viết về thơ Lê Đình Bảng in trong chuyên luận:

Những mùa vàng văn học Công giáo. Nxb Hội Nhà văn 2018

Văn học Công giáo Việt Nam đương đại; Nxb Hội Nhà văn 2024

Hoa trên núi thánh. Nxb Hồng Đức. 2025

Bạn có thể tải chuyên luận này theo link: <https://www.mediafire.com/file/schay3qva86r2io/CHUYÊN+LUẬN-THƠ+LĐB-+alls+2026.rar/file>

Chẳng hạn, ít nhất, còn một tập tùy bút *Gặp gỡ những dòng sông* và tập thơ *Và em, Lễ khẩn dòng* (2025) của anh tôi chưa chấp bút; và hơn thế, cần những dòng giới thiệu có tính tổng quan về những giá trị thơ Lê Đình Bảng như một chỉ nam, dẫn người đọc vào thế giới nghệ thuật của anh. Đành rằng những điều ấy đã thấp thoáng trong những trang tôi đã viết

Còn một điều nữa, Thơ Việt đến nay (2026) vẫn còn dư âm của những “cách tân” theo hướng Hậu Hiện đại, một phong trào thơ hồi đầu thế kỷ XXI. Thịnh thoảng trên diễn đàn vẫn còn tranh cãi về thơ Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phấn,... Vì thế, những người “đu trend” theo Hậu Hiện đại sẽ không mấy mặn mà với thơ truyền thống của Lê Đình Bảng.

Nhưng đâu là giá trị của thơ? Tôi biết: tư tưởng, nghệ thuật, Thi pháp, phong cách... của một nhà thơ là những đặc điểm có giá trị bậc nhất khi định vị anh ta trên dòng chảy thi ca dân tộc; đó cũng là chất liệu cần nhất để khắc tạc một khuôn mặt thi nhân. Và, tôi e rằng, càng về sau, càng khó có người hiểu đến ngọn ngành thơ Lê Đình Bảng. Bởi cái bối cảnh lịch sử, địa lý, văn hóa, tâm linh, cái hồn dân tộc làm nên thơ Lê Đình Bảng đã qua đi. Con người của một thời sẽ thành tượng đài phôi mình trong thời gian. Còn lại chẳng chỉ là dấu vết. Chẳng hạn, ngày nay chẳng còn ai đọc Thế Lữ, Huy Thông, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính... của thời trước 1945. Các vị ấy chỉ còn là tượng đài của văn học quá khứ, thịnh thoảng có người ngược nhìn.

Khi quan sát thơ Việt, cả trong dòng chảy lịch sử và trong không gian nghệ thuật đương đại, tôi nhận ra Lê Đình Bảng là *một nhà thơ lớn* (tôi sẽ xác lập nội hàm của thuật ngữ này vào dịp khác). Thơ của anh có những giá trị mới mẻ có tính mở đường. Đó là sự tổng hợp giữa cội nguồn văn hóa dân tộc và thế giới tinh thần của Kinh thánh. Đó là một thế giới rất Việt, nhưng cũng rất phương tây trong tư tưởng và cảm hứng sáng tác. Thơ Lê Đình Bảng bỏ lại sau lưng những điển ngữ và mỹ học thơ Trung quốc, đồng thời làm tôn lên vẻ đẹp dân dã của ca dao. Điều rất mới trong thơ Việt hôm nay là, thơ Lê Đình Bảng đã Việt hóa Thần học và Văn hóa Kitô giáo trở thành Cái Đẹp gần gũi, thiết thân như hoa cỏ đồng nội trên đất này. Ở góc nhìn học thuật, Thơ Lê Đình Bảng thể hiện phong phú Mỹ học Kitô giáo trong ý thức sáng tạo, trong mọi yếu tố Thi pháp, điều mà trước đó thi ca Công giáo chưa có.

2. Thơ Lê Đình Bảng và thơ Công giáo hiện nay

Trong cuốn *Văn học Công giáo Việt Nam đương đại* (Nxb HNV 2022), tôi đã giới thiệu các khuôn mặt tiêu biểu: [32] *Xuân Ly Băng, Trăng Thập Tự, Sơn Ca Linh, Lê Đình Bảng, Trần Vạn Giã, Cao Gia An SJ, Trần Mộng Tú*. Trong cuốn *Hoa trên núi thánh* (Nxb Hồng Đức 2025), tôi giới thiệu thêm các nhà thơ Công giáo: *Mai Văn Phấn, Cát Đen, Lm Hồng Phúc, Lm Khắc Đỗ, Trần Trung Hậu, Xuân Cát*.

Ngoài ra có thể kể đến thơ của các Câu lạc bộ “*Đồng xanh thơ*”, Câu lạc bộ “*Thi ca cầu nguyện*”, thơ đăng trên các trang mạng xã hội của các giáo phận, trên tạp chí Mục Đồng (giáo phận Quy Nhơn)... hầu hết là “*thơ phong trào*” (Văn nghệ quần chúng, phân biệt với nghệ

³² Bùi Công Thuận- *Thơ ca Công giáo Việt Nam đương đại, những sáng tạo mới*. tr.63. Xem:

http://buicongthuan.vn102.space/?title=vhch_nh_ng_sang_t_o_m_i_c_a_th_ca_cong_g&more=1&c=1&tb=1&pb=1

Bùi Công Thuận-*Hoa trên núi thánh*. Nxb Hồng Đức. 2025. Các tr: 380, 415, 451,463, 509

thuật chuyên nghiệp) [33]. “*Thơ phong trào*” có mục đích loan báo Tin Mừng nhưng không đặt mục đích nghệ thuật thi ca. Trái lại, *Nghệ thuật chuyên nghiệp* chú trọng sự sáng tạo trong phẩm chất tư tưởng, thi pháp và phong cách (xin đọc Phụ lục)

Trên nền thơ ấy, Thơ Lê Đình Bảng như một đỉnh thi son, có cốt cách riêng, có thành tựu nổi bật, và có ngôi vị mở đường.

3. Sứ mệnh thi ca

Thưa bạn đọc.

Người ta hỏi mãi câu hỏi: “*Thơ là gì?*”.

Và người ta biện minh cho việc cảm nhận thơ, văn bằng lập luận: “*Văn mình, vợ người!*”!

Khi hỏi “*Thơ là gì?*”, thì câu hỏi cùng loại với các nan đề triết học: “*Thiên Chúa là gì?*”, “*Tôi là ai?*”, “*Sống là gì?*”, “*Đời là gì?*”... đó là những **tra vấn về bản thể**.

Nhưng Thơ không có bản thể, **Thơ chỉ là công cụ ngôn ngữ**, nó chịu sự chi phối của các quy luật ngôn ngữ, quy luật thông tin, quy luật giao tiếp, của môi trường văn hóa và quy luật sáng tạo. Con người cũng dùng thơ để diễn tả tư tưởng tình cảm của mình. Nhưng Thơ là nghệ thuật, tức là sự sáng tạo Cái Đẹp bằng ngôn ngữ (sáng tạo là làm ra *Cái Thẩm mỹ mới*). Thơ là nghệ thuật bậc nhất của sáng tạo ngôn ngữ. Không có năng lực sáng tạo *Cái Đẹp mới* bằng ngôn ngữ thì không thể làm thơ.

Hàn Mạc Tử có những ý kiến chí lý:

“*Đức Chúa trời tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đây chiêm nghiệm lẽ mầu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí tôn. Vì thế, trờ hai loài trọng vọng là “**thiên thần**” và “**loài người**”, Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa: “**loài thi sĩ!**”! **Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm**, sinh ra đời với một sứ mạng rất thiêng liêng: Phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của Người, và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc đê mê, nhưng rất thơm tho tinh sạch...*”;

“*Cho nên tất cả thi sĩ trong đời phải qui tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. **Thi sĩ không phải là một người thường**. Với một sứ mệnh của Trời thi sĩ phải biết đem cái tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn, và **làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ**, để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng...*” (Thư gửi cho Trọng Miên 1939 [34])

Đức Giáo hoàng Jean-Paul II xác tín rằng:

“*Người nghệ sĩ có một quan hệ rất đặc biệt với cái đẹp. Nói cho đúng, **cái đẹp là ơn gọi Tào Hóa đã ban cho người nghệ sĩ** qua hình ảnh họ được Chúa trao cho “**nén bạc nghệ thuật**”. Chắc chắn, đây cũng là **nén bạc phải làm cho sinh hoa kết quả, đúng theo ý nghĩa của dụ ngôn các nén bạc**”.*

³³ Nghị quyết số 23/NQ-TW của Bộ Chính Trị ngày 16/6/2008.

³⁴ **Hàn Mạc Tử**- (Thư gửi Trọng Miên): <https://taodan.vn/tho/han-mac-tu/quan-niem-tho-han-mac-tu-1649.html>

Những ai nhận thấy nơi mình có tia sáng thần linh ấy, tức là ơn gọi làm nghệ sĩ (làm thi sĩ, văn sĩ, nhà điêu khắc, nhà kiến trúc, nhà nhiếp ảnh, nhạc sĩ,...) cũng sẽ cảm thấy mình có bổn phận không được để hoang phí tài năng ấy mà phải phát triển, để đem ra phục vụ nhân loại.”^[35].

Như vậy là, dưới ánh sáng Thần học (thư của Thánh Giáo hoàng Jean-Paul II), và trải nghiệm tâm linh của Hàn Mạc Tử, người làm thơ là “*ơn gọi làm nghệ sĩ*”. “*Loài thi sĩ!*” *Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm, ... Thi sĩ không phải là một người thường*”, mà là người “*được Chúa trao cho “nén bạc nghệ thuật*”. Họ sáng tạo trong sự chiếu rọi của “*tia sáng thần linh*”. Điều này dân gian gọi là “*tài năng thiên phú*”.

Vâng, Việt Nam chỉ có 1 Nguyễn Du. Người ta đã nghiên cứu để khám phá bí mật sáng tạo của ông rồi áp dụng mô hình ấy để đào tạo nhiều Nguyễn Du khác! (như kiểu Robot AI bây giờ) Đúng là một ý tưởng thực dụng! Nhưng việc ấy không bao giờ thành hiện thực. Ngay cả đến hôm nay, *Trí tuệ nhân tạo* (AI) có thể làm thơ, chỉ trong nháy mắt, thơ chuẩn về thi pháp, thể loại, đa dạng về phong cách nghệ thuật, và hay hơn “*thơ phong trào*” rất nhiều. Nhưng đó không phải là sáng tạo, mà chỉ là những gì đã được lập trình tạo ra! Sáng tạo nghệ thuật, là “*ném bạc nghệ thuật*” Chúa trao cho người nghệ sĩ, và người sáng tạo nghệ thuật là người *sinh lời* từ việc thực hiện “*ơn gọi làm nghệ sĩ*”.

Cho nên, khi tìm kiếm những khuôn mặt *thi nhân Công giáo* hôm nay, giữa hàng vạn “*người làm thơ*”, tôi thấy thấp thoáng các khuôn mặt: Đức ông Xuân Ly Băng, Lm. Trăng Thập Tự, Lm. Sơn Ca Linh, Lm Hồng Phúc, nhà thơ Trần Vạn Giã, Trần Mộng Tú, Mai Văn Phan. Những người trẻ làm thơ có khí chất là: Lm. Cao Gia An SJ, Lm. Khắc Đỗ, Lm. Cát Đen, Sr. Xuân Cát... Nhưng nếu tìm một khuôn mặt có thể kế tục Hàn Mạc Tử, có *ý thức sáng tạo* riêng, có *thi pháp* độc đáo, có *phong cách* tài hoa phóng khoáng vừa dân tộc vừa hiện đại, và có thành tựu, tiêu biểu cho thi ca Công giáo trong thi đàn Việt hôm nay, sánh ngang với những nhà thơ làm nên diện mạo thơ Việt đương đại, thì Lê Đình Bảng là tiêu biểu.

Thực ra Hàn Mạc Tử chỉ “*nổi tiếng*” là nhà thơ Công giáo ở một vài bài (Thí dụ *Ave Maria*). Hầu hết các tập thơ của Hàn Mạc Tử là thơ đời, thơ về nỗi đau của riêng ông (bệnh phong). Người ta đánh giá cao thơ Hàn Mạc Tử ở việc thơ ông đã đạt đến nghệ thuật thơ Siêu thực, và truyền tụng một vài bài thể hiện tình yêu quê hương (Thí dụ, bài *Đáy thôn Vỹ Dạ*). “*Thơ đạo*” của Hàn Mạc Tử mới chỉ lóe lên một vài tia sáng Thần học và Mỹ học Kitô giáo nhưng ở những hình ảnh siêu thực và rất lãng mạn (chủ quan), tứ thơ không phải là hình ảnh đời sống thực của giáo dân Việt

Trái lại, Lê Đình Bảng đã mở hẵn một *con đường tư tưởng-nghệ thuật* cho thi ca Công giáo phát triển. Trước hết là thái độ **tuyên xưng đức tin công khai bằng thơ ca**; là lộ trình kết hợp *tư tưởng - nghệ thuật truyền thống* và *tư tưởng, văn hóa phương tây* mà cội nguồn là Kinh thánh. Lê Đình Bảng đã đem vào thi ca Công giáo nguồn thi liệu rất giàu có là đời sống văn hóa, sinh hoạt lễ hội Công giáo của tín hữu Việt. Thơ Lê Đình Bảng làm hiện lên vẻ đẹp mới lạ của làng quê Việt trong những mùa lễ hội từ bắc chí nam, trong suốt một dòng lịch sử dài của

³⁵ Thư Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II Gửi Các Nghệ Sĩ - 1999

<https://www.vanthocongghiao.net/2022/02/thu-uc-thanh-cha-gioan-phaolo-ii-gui.html>

lịch sử Việt. Về đẹp ấy trước Lê Đình Bảng chưa ai nhận ra, và sau Lê Đình Bảng, tôi vẫn chưa thấy nhà thơ trẻ nào tiếp tục con đường thơ của ông. Lê Đình Bảng đã hiện thực hóa lời dạy này của Giáo hội: “*Giáo Hội cũng tiếp thu từ các nền văn hoá khác nhau, những yếu tố tích cực có sẵn trong các nền văn hoá đó. Đó là con đường bắt buộc cho những nhà rao giảng Tin Mừng khi trình bày đức tin Kitô giáo và làm cho nó trở nên một thành phần của di sản văn hoá của một dân tộc*” (Tông huấn Giáo hội tại Châu Á- Ecclesia in Asia. Jean-Paul II- ngày 06/11/1999).

Thơ Lê Đình Bảng là thơ của một tầm nhìn cao rộng (về trí tuệ, sở học đông tây, kim cổ), là một tấm lòng rất sâu nặng với văn hóa, quê hương và dân tộc; là một đời sống tâm linh đã vượt qua bụi bặm ngàn trùng của đời để tiến về đền thánh, và là một cuộc đời trầm luân dâu bể, xa tít bụi bờ, đủ để những trải nghiệm đọng lại thành châu ngọc (như hạt ngọc trai hình thành lòng con trai biển). Tất cả những điều ấy làm nên “vốn lời” của những nén bạc mà Thiên Chúa đã giao cho nhà thơ từ lúc khởi đầu (*Dụ ngôn những nén bạc*, Mt 25, 14-30). Và vì thế, khó có người tiếp tục hành trình sáng tạo thơ Công giáo như Lê Đình Bảng.

Tôi ngạc nhiên khi Lê Đình Bảng chia sẻ tâm tình này: “*Tạ ơn Chúa, tôi là ‘người làm thơ Công giáo duy nhất dám tuyên xưng đức tin một cách công khai: francis assisi Lê Đình Bảng. Không ai thêm làm cái trò “nhà quê, nhà thờ, nhà đạo”. Tất cả sự nghiệp thi ca của tôi có mang dấu vết: thánh giá của một tín hữu + với nét văn thân (hình con thuồng luồng của người Giao Chi)’*”^[36].

4. “Tuyên ngôn thơ”

Vâng, Lê Đình Bảng “*làm thơ Công giáo*” mà không phải là người Công giáo làm thơ. Tuyên ngôn thơ của anh là:

*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện
Hồn reo vui trong từng chữ từng lời
Trong đất mầu đương vỡ vạc sinh sôi
Trong cây lá vươn sức dài vai rộng*
(Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện)

Căn tính của Kitô hữu là cầu nguyện. Đức Giêsu dạy: “*anh em hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn, hầu đủ sức thoát khỏi mọi điều sắp xảy đến và đứng vững trước mặt Con Người*” (Lc 21, 36). Trong mọi biến cố, Đức Giêsu luôn cầu nguyện với Chúa Cha: “*Lạy Cha, xin đừng theo ý con, một theo ý Cha*” (Lc 22, 42). Vì thế: “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*” là một ý thức sáng tạo rất sâu sắc, không chỉ có ý nghĩa tư tưởng mà còn là tâm linh vượt lên trên thực tại, so với các nhà thơ thế tục.

“*Tuyên ngôn thơ*” này vừa diễn tả ý nghĩa cụ thể là, thơ Lê Đình Bảng là tiếng nói hiệp thông với Thiên Chúa qua Đức Giêsu. Ngày xưa, Đức Giêsu đã cầu nguyện trong sa mạc, cầu nguyện trong Vườn Dầu, thì hôm nay Lê Đình Bảng “*làm thơ cầu nguyện*” trong mọi hoàn cảnh dâu bể của đời mình. “*Cầu nguyện*” còn là “*căn tính Kitô hữu*”, thì thơ Lê Đình Bảng

³⁶ Thư Lê Đình Bảng, ngày 12/01/2026.

cũng là sự diễn tả những phẩm chất khác nhau của căn tính ấy. Ông “*tuyên xưng đức tin một cách công khai* bằng những trang thơ in đậm Mỹ học Kitô giáo. Đó là niềm xác tín vào đức Giêsu và Ôn Cứu Độ của Người, nương tựa vào Mẹ Maria, vào Giáo hội; xác tín về lịch sử giáo hội Việt Nam kiên vững qua bao thăng trầm.

Từ “*Tuyên ngôn*” ấy, ta hiểu tại sao Lê Đình Bảng không viết về những chuyện thể sự như thơ Chế Lan Viên (*Xương vỡ, máu trào*), Đoàn Văn Cừ (*Chợ tết*)..., viết về Cái Tôi cá nhân “*hỷ, nộ, ái, ố, dục, tãng, bi*” (thơ tình Xuân Diệu), về nỗi đau thương của số phận (*Rướm máu*-Hàn Mạc Tử). Mặt khác thơ Lê Đình Bảng cũng không “*phản ánh hiện thực*” Việt Nam thế kỷ XX như nạn đói 1945, kháng chiến 1945-1954, đất nước bị chia cắt bởi chiến tranh trước 1975; “*hòa hợp-hòa giải*” dân tộc, hay công cuộc “*đổi mới*” ở Việt Nam sau 1975. Bởi thật đơn giản, Lê Đình Bảng khẳng định: “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*”. Vâng, người nghệ sĩ Công giáo sáng tạo theo ơn gọi của riêng mình. “*Người nghệ sĩ có một quan hệ rất đặc biệt với cái đẹp. Nói cho đúng, cái đẹp là ơn gọi Tào Hóa đã ban cho người nghệ sĩ...*”(Thư Jean-Paul II đd)

Hồn thơ Lê Đình Bảng hân hoan, như thể nhà thơ được đứng trước công trình tạo dựng của Thiên Chúa trong 6 ngày: “*Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp!*” (St 1, 31)

*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện
Hồn reo vui trong từng chữ từng lời
Trong đất màu đương vỡ vạc sinh sôi
Trong cây lá vươn sức dài vai rộng*

5. “Thánh giá” và “hình con thường luông”

Nhà thơ Lê Đình Bảng nói về sự nghiệp thi ca của mình:

“*Tất cả sự nghiệp thi ca của tôi có mang dấu vết: thánh giá của một tín hữu + với nét văn thân (hình con thường luông của người Giao Chỉ)*”(đd)

Câu văn dùng hình ảnh biểu tượng. Có thể hiểu là: thơ Lê Đình Bảng kết hợp đức tin của một người Công giáo (*Thánh giá*) với hồn cốt dân tộc (*hình con thường luông*).

Nếu câu thơ “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*” mở ra thế giới bên trong của thơ Lê Đình Bảng, thì hình ảnh Thánh giá: “*thi ca của tôi có mang dấu vết: thánh giá của một tín hữu*” là biểu tượng bên ngoài đời sống đức tin của Lê Đình Bảng. Đức Giêsu nói với môn đệ: “*Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo*” (Mt 16, 24). Và người Công giáo tâm niệm, đời sống đức tin là “*vác Thánh giá theo Chúa*”. Thơ Lê Đình Bảng “*mang dấu vết thánh giá*”, tức là thơ ông mang ấn tín đức tin, thơ là trải nghiệm hành trình sống đạo. “*Dấu vết*” là cái có thể nhìn thấy được. “*Dấu vết*” đức tin là điều hiển hiện trên những lời, những ý, những tứ, trong cảm xúc và hồn cốt thơ Lê Đình Bảng.

Và Lê Đình Bảng chọn “*hình con thường luông*” làm biểu tượng cho *Việt tính* là có ý gì? Người Việt nhận mình là “*Con Rồng cháu Tiên*”. Con Rồng đứng đầu trong Tứ Linh: Long, Ly, Quy, Phượng, tại sao Lê Đình Bảng lại chọn “*hình con thường luông*” thay cho con Rồng?

Con rồng xuất hiện trong truyền thuyết Họ Hồng Bàng

Con thường luồng (còn gọi là Giao long) xuất hiện trong nhiều truyền thuyết gần gũi với người Việt hơn.

Trong “*Truyện Hồ Ba Bể*”, có một bà già ăn mày được hai mẹ con cưu mang. Bà chính là con Giao Long hiện thân thành người. Bà đã cứu giúp hai mẹ con nhà kia thoát cơn lũ lụt.

Sách *Lĩnh Nam chích quái* (phần *Hồng Bàng thị truyện*) viết về tục xăm mình của người Việt như sau:

“Bấy giờ, dân trên núi xuống nước đánh bắt cá thường bị **thường luồng** gây thương tổn, bèn cùng nhau tâu việc ấy với Vua. Vua nói:

- Các giống ở trên núi khác với các loài ở dưới nước. Các loài ở dưới nước chỉ ưa những gì giống với mình và ghét những gì khác mình, vì vậy, ta mới bị gây hại.

Nói rồi, Vua bèn ra lệnh cho ai nấy cũng phải lấy màu xăm hình thủy quái vào người. Từ đó, không bị **thường luồng** gây thương tích nữa. Tục vẽ mình của dân Bách Việt bắt đầu có kể từ đây”.[³⁷]

“Trong thần phả có kể, khi vua Lý Thánh Tông du ngoạn, nhìn thấy nàng Nguyễn Thị Hạo xinh đẹp và có cảm tình. Sau nhiều năm không có con, một lần nàng tắm ở hồ Tây, có một con thường luồng dài hơn 10 thước xuất hiện, ôm quấn lấy bà. Sau đó, vua mơ thấy thủy thần báo mộng sẽ đầu thai làm con vua để dẹp giặc cứu nước. Nàng Thị Hạo mang thai 13 tháng sinh hạ Hoàng Lang, người có thân hình to lớn và sau lưng có 28 vết hằn như vảy rồng. Hoàng Lang sau này đã lập công lớn trong việc đánh giặc, rồi xin trở về thủy quốc và **hóa thành thường luồng**”.[³⁸]

Truyện “*Thầy Chu Văn An và cậu học trò Thủy thần*” kể rằng, con Thủy thần đến học với thầy Chu Văn An (1292-1370). Gặp năm đại hạn, thầy Chu Văn An nhờ cậu học trò con Thủy Thần giúp là mưa. Vì cãi linh trời, cậu ta bị trời phạt. Sau cơn mưa, xác con vua Thủy thần **hiện nguyên hình là con thường luồng**. Dân lập miếu thờ gọi là miếu Gàn, tên chữ là Xá Càn.

Trong Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi miêu tả tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta

“Bại nhân nghĩa nát cả đất trời.

Nặng thuế khoá sạch không đầm núi.

*Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập **thường luồng**.*

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc...”

Lướt qua một vài truyền thuyết nêu trên, người đọc nhận ra hình ảnh con Rồng là biểu tượng cao sang, vương quyền (Lạc Long Quân và 18 đời vua Hùng). Con Rồng không hiện diện trong đời thực. Trái lại, con thường luồng gắn bó mật thiết với đời sống dân Việt.

³⁷ Tục xăm mình của người Việt cổ

<https://baophapluat.vn/tuc-xam-minh-cua-nguoi-viet-co-post76550.html>

³⁸ Kỳ lạ chuyện người Việt “có thai với thánh thần”

<https://baotanglichsuquocgia.vn/vi/Articles/3096/14717/ky-la-chuyen-nguoi-viet-co-thai-voi-thanh-than.html>

Hình ảnh **Thuồng luồng** khi **hóa thân thành người** thì hết lòng giúp dân, dù phải hy sinh. Thuồng luồng đầu thai làm thái tử nhà Lý đi đánh giặc. Làm học trò Chu Văn An cứu dân khỏi hạn hán dù biết sẽ bị trời phạt. Làm bà già ăn mày đi gõ cửa khắp mọi nhà để nhắc nhở và cứu mẹ con nhà chị kia thoát lũ lụt... Khi ở dưới nước, thuồng luồng sát hại người. Hiện vẫn còn để lại thần tích, miếu thờ.

Ta có thể hiểu “Thùy thần” là cách người dân “Thần hóa” sức mạnh của nước lũ qua hình ảnh thuồng luồng (giới nghiên cứu cho là cá sấu). Nước có ích cho dân trong canh tác, trồng trọt (khi nước lên bờ sống chung với người). Nhưng nước có thể nhận chìm thuyền bè của dân và gây bão lụt phá hại cả một vùng dân cư...

Hẳn là Lê Đình Bảng có dụng ý nghệ thuật và tư tưởng khi dùng “*hình con thuồng luồng*” làm biểu tượng cho hồn cốt Việt trong thơ của ông. Không nhất thiết ông phải miêu tả cụ thể hình ảnh thuồng luồng hay phản ánh nạn lũ lụt ở Việt Nam. “*hình con thuồng luồng*” chỉ là biểu tượng cho hồn cốt Việt trong thơ Lê Đình Bảng, xuất phát từ cội nguồn; còn biểu hiện cụ thể của hồn cốt Việt là tư tưởng, thi pháp, cảm xúc, vốn văn hóa cùng với những trải nghiệm bề dâu và thái độ diễn ngôn... của nhà thơ.

6. Ngôn ngữ thơ

Nhân những câu *thơ phong trào* vừa đọc, tôi lại nhận ra đặc trưng của ngôn ngữ thi ca trong thơ Lê Đình Bảng. Bài viết: “*BÀI NHÃ CA THẮNG GIÊNG*” & Sự kỳ diệu của ngôn ngữ thi ca” [39] là một tập chú về ngôn ngữ nghệ thuật của thơ Lê Đình Bảng.

Về dùng từ tiếng Việt, nhiều nhà văn nhà thơ Việt đã để lại những kinh nghiệm sáng tạo quý báu. Nguyễn Du là bậc thầy về thơ và dùng từ thuần Việt (Nôm) và Hán Việt. Nguyễn Tuân chủ trương “*Văn phải là văn*”. Trong *Vang bóng một thời*, văn của Nguyễn Tuân trang trọng, cổ kính. Nhà văn Anh Đức gọi Nguyễn Tuân là bậc thầy ngôn ngữ. Văn Anh Đức cũng tinh ròn chất Nam bộ, sau ông, Nguyễn Ngọc Tư tiếp tục khai thác nguồn tiếng Nam bộ phong phú ấy. Nguồn này khởi đi từ Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Biểu Chánh. Văn của Nam Cao, Kim Lân là ngôn ngữ Bắc bộ rất, đậm vị ngọt của đất, vị mặn của mồ hôi, vừa dân dã vừa tinh tế, đọc rất thú vị. Về thơ, các nhà thơ Việt Nam hiện đại có nhiều sáng tạo làm đẹp tiếng Việt. Thơ Nguyễn Bính là không gian hội hè quê kiểng thanh lịch (*Tiếng trống đêm xuân*. 1957). Đến hôm nay, Quang Dũng vẫn làm ta kinh ngạc về sự mới mẻ đến lạ lùng trong lời thơ của ông (*Tây Tiến*. 1948). Trần Mai Ninh đem vào thơ loại ngôn ngữ rắn rỏi, quyết liệt, gây ấn tượng rất mạnh (*Nhớ máu*. 1946). Đời sống lính tráng trong thơ Trường Sơn của Phạm Tiến Duật trẻ trung hồn nhiên và đẹp, nhưng rất thực (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*. 1969). Nguyễn Khoa Điềm đem vào thơ thứ ngôn ngữ đa tầng về văn hóa (Trường ca *Mặt đường khát vọng*. 1972). Bùi Giáng chơi đùa với chữ, như trẻ con nghịch ngợm, nhưng lại hết sức trí tuệ. Thơ Phạm Thiên Thư sang trọng quý phái ở cả mặt ngôn ngữ và tư tưởng (*Đoạn trường vô thanh, Động hoa vàng*-100 khổ thơ, những năm 1970). Du Tử Lê (*Khúc Thụy Du*. 1968), Tô Thùy Yên (*Chiều trên phá Tam Giang*. 1972) để lại ấn tượng rất riêng cho người đọc ngay từ lần tiếp cận đầu tiên.

³⁹ Nguồn: Bùi Công Thuận-*Hoa Trên Núi Thánh*. Nxb Hồng Đức 2025. Tr 368

<https://www.vanthoconggiao.net/2024/03/bai-nha-ca-thang-gieng-su-ky-dieu-cua-ngon-ngu-thi-ca-tac-gia-bui-cong-thuan.html>

Lê Đình Bảng đóng góp gì cho ngôn ngữ thi ca Việt vốn đã rất giàu có?

Câu trả lời là, Lê Đình Bảng nối tiếp truyền thống “ngôn ngữ nhà đạo” của tiền nhân và hiện đại hóa ngôn ngữ thơ Công giáo. Majorica (1591-1656) là người khơi nguồn. Ông viết nhiều chục cuốn sách bằng chữ Nôm, đặc biệt là bộ *Các Thánh truyện*, một kho tàng tiếng Việt nhà đạo thời kỳ đầu. Linh mục Lữ Y Đoan viết *Sám truyện ca* (1670) trước truyện Kiều (*Đoạn trường tân thanh*) của Nguyễn Du 150 năm. Ông diễn ca Kinh thánh Cựu Ước. Đây là công trình đồ sộ về dịch thuật và chuyển hóa ngôn ngữ. Lữ Y Đoan đem Kinh thánh hội nhập với văn hóa Việt và dùng tiếng Việt để “dịch” Kinh thánh. Philippe de Rosa Bình (1759-1833), người kế tục A. Rhodes viết văn, thơ bằng chữ Quốc ngữ. Ông đã Việt hóa ngôn ngữ Kinh thánh thành ngôn ngữ nhà đạo, viết bằng Quốc ngữ. Xin đọc *Nhật trình kim thư khát chính Chúa giáo*.

Thực ra không có sự phân biệt rạch ròi ngôn ngữ đạo- đời, ngôn ngữ đông – tây, ngôn ngữ truyền thống - hiện đại trong thơ Lê Đình Bảng. Tất cả những vùng miền, những kiểu tư duy và đặc trưng ngôn ngữ ấy đã chuyển hóa, đã được nhào nặn, đã hóa thân thành ngôn ngữ riêng Lê Đình Bảng, rất đậm chất. Người đọc chỉ cần thoáng qua là có thể nhận diện. Vấn đề là, ngôn ngữ là tiếng nói chung của cộng đồng. Biến tiếng nói chung ấy thành ngôn ngữ thi ca riêng, thì đó là công phu và tài năng, là cá tính sáng tạo, là Thiên phú.

Đây là một đoạn thơ chứa đặc trưng ngôn ngữ thơ Lê Đình Bảng

*“Sao, ngậy ngát những chín vàng, chín vội
Lúa Giêng, Hai vừa chơm chớm trở đông...”*

*...Theo mẹ, theo cha đi đám cỗ làng
Rượu nếp cái hoa vàng, mật ong chúa*

*Bốn phía cổng thành, đông tây, cò mở
Trẻ đùa chơi bên hang rắn lục, hổ mang...*

*Người đông ken, những áo lục, quần điều
Để cầu may, cầu phước, tiết nguyên tiêu...*

*Ai son sẻ, được sinh năm, đê bảy...
Con cháu đầy đàn, nhiều như bụi cát
Kìa manna, mưa trắng xoá bầu trời
Chim cú đầu về, đậu kín sân phơi
Trăm họ một nhà, ới nhau trẩy hội...”*

(Bài Nhã ca tháng Giêng)

Ngôn ngữ của đoạn thơ trên không chỉ là *lời để diễn ý* mà còn là tư tưởng, văn hóa; là hiện thực đời sống Công giáo sum suê ân sung (Manna); là cảnh sắc trăm màu làng quê Việt Nam trù phú no tràn hạnh phúc (*Người đông ken, những áo lục, quần điều*). Điều làm nên những giá trị thơ ấy là góc nhìn, tấm lòng và vốn từ vựng rất giàu có của nhà thơ. Góc nhìn và tấm lòng thanh khiết ấy hiện lên đằng sau câu chữ (ngoài văn bản). Nhà thơ reo vui và hòa mình cùng với người dân quê Công giáo trong cộng đồng quê hương lễ hội. Không có bóng

dáng Cái Tôi. Mỹ học Kitô giáo nở hoa tuyệt vời trên nền thi ca dân tộc. Sự kỳ diệu của ngôn ngữ thơ Lê Đình Bảng là vậy.

7. Vỹ thanh

Khi tôi đang viết lại cuộc trò chuyện này, nhà thơ Lê Đình Bảng gửi thêm cho tôi 6 tác phẩm (chưa in) của ông: đó là tập thơ *Kinh cầu mùa* (51 bài), tập thơ *Ở một cõi nào xa xăm* (43 bài), tập thơ *Và đâu những bến bờ* (33 bài), trường ca *Thác lời cỏ hoa* (170 khổ thơ), trường ca *Nhật Nguyệt Hành* (545 câu thơ), trường ca *Di sản* (939 câu thơ)^[40].

Nhìn chung, sáu tập thơ vẫn được viết bằng “thi pháp” của thơ Lê Đình Bảng đã có trong những tập thơ trước đó. Ba tập: *Kinh cầu mùa*, *Ở một cõi nào xa xăm*, *Và đâu những bến bờ* (33 bài) là tâm trạng của nhà thơ khi tuổi đã cao (ông sinh năm 1942), lại sống xa quê (USA). Đó là những suy tư về cuộc đời ông đã trải qua, là nỗi cô đơn thân phận, nỗi nhớ nhà, nhớ quê khôn nguôi, có cả những lời than thở.

Rất đặc sắc là hai trường ca.

Thác lời cỏ hoa là thơ Lục bát cổ điển, thuộc văn chương bác học (như *Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du). Tác phẩm có thể là sự nối tiếp dòng văn học này sau *Đoạn trường vô thanh* của Phạm Thiên Thư. *Thác lời cỏ hoa* được viết bằng tư tưởng và ngôn ngữ Thiền, như thể thơ của một Thiền sư. Nhà thơ sáng tạo nhân vật Em để đối thoại, chia sẻ và bày tỏ suy tư riêng. Nhiều khổ thơ rất đẹp. Sự khác biệt (nếu có) là Lê Đình Bảng không lạc vào cõi Thiền (cõi vô thường, cõi Không), mà trở về với thực tại chân quê (khổ thơ 166). Nhà thơ tìm thấy “*Niết bàn, cũng ở quanh đây*”(khổ thơ 148).

*Về đây, bầu bạn chân quê
Tắm sông, cấy lúa, tát đìa, bầy chim...*

Trường ca *Nhật Nguyệt Hành* là một đặc sắc nghệ thuật khác của Lê Đình Bảng. Đây là **tập thơ duy nhất Lê Đình Bảng viết bằng bút pháp hiện thực**. Thơ Lê Đình Bảng hầu hết viết bằng bút pháp Lãng mạn, thuộc thi pháp truyền thống. Trong *Nhật Nguyệt Hành*, cảnh sắc, đời sống Việt từ Bắc chí Nam hiện lên sắc nét, độc đáo và đầy ắp tình quê. Những nơi ông đã đi qua, nơi ông đã sống, kỷ niệm vẫn tươi nguyên như ngày nào. *Nhật Nguyệt Hành* khác biệt về nghệ thuật với *Thác lời cỏ hoa* ở chỗ Lê Đình Bảng sử dụng nhiều từ ngữ của khẩu ngữ hiện đại, ông làm cho những tiếng thô kệch đời thường thành tiếng thơ (thực ra, hồn thơ Lê Đình Bảng dễ thương).

*1. Rồi một hôm, dong thuyền về miệt dưới
Đặng bỏ câu, bắt rắn, đuổi chuột đồng
Từ Đàng Ngoài, vô tới xứ Đàng Trong
Xuôi mấy xã đầu nguồn, con nước lớn*

*5. Nghe lóc cóc, những cộ bò về muộn
Mấy gã trai lơ huyết sáo, đàn môm*

⁴⁰ 6 TẬP THƠ MỚI CỦA LÊ ĐÌNH BẢNG. (Tải về để đọc theo link:)

<https://www.mediafire.com/file/qrwmsddnwdcyf3/6+TẬP+THƠ+MỚI-LÊ+ĐÌNH+BẢNG.rar/file>

*Theo cô nàng về Côn Ên, Giồng Trôm
Dưới bóng trăng suông, lập loè đom đóm*

Điều đọng lại sau tất cả là, sáu tập thơ mới của Lê Đình Bảng chất nặng những suy tư của người xa quê khi tuổi đã cao, đã phiêu bạt trăm luân đủ mọi cảnh đời, đã truy tìm thân phận qua mọi nguồn mạch tư tưởng, để sau cùng trở về với đức tin của mình.

*Người về nẻo ấy, non xanh
Có hay, lòng Chúa chiêm lành đường bao*

(Thác lời cỏ hoa. Câu 160)

Điều quý giá là, thơ Lê Đình Bảng đã góp vào thi ca Việt hôm nay nguyên vẹn một hồn thơ trong trẻo tình quê, rất truyền thống nhưng giàu có, mới lạ về thi pháp, bên cạnh những “cách tân” thơ Việt đương đại.

Còn nhiều điều để chia sẻ về thơ Lê Đình Bảng. Rất mong có nhiều nhà nghiên cứu văn học Công giáo tiếp tục khám phá sáng tạo *nghệ thuật- tư tưởng* của thơ Lê Đình Bảng.

Và ao ước rằng, nền thi ca Công giáo sẽ có nhiều người trẻ tiếp bước Lê Đình Bảng làm cho Mỹ học Kitô giáo nở thêm nhiều hoa rực rỡ trên bầu trời thi ca Việt hôm nay.

Và ước mong tập chuyên luận về thơ Lê Đình Bảng có thể xuất bản được như ý nguyện của nhà thơ.

Tháng 1/ 2026

PHỤ LỤC

Xin đọc ba bài *thơ phong trào* sau đây:

SÓNG TÌNH

*Biển Cà Ná nước trong xanh
Cứ rì rào vỗ sóng tình miên man
Như Lòng Thương Xót vô biên
Mặn nồng suốt những tháng năm cuộc đời
Chúa là Biển rộng trùng khơi
Con xin làm giọt nhỏ nhoi mọn hèn
Ước mong đây **giọt-nước-con**
Được cùng **Biển-Chúa** hòa tan muôn đời
Sóng Lòng Thương Xót tuyệt vời
Vỗ suốt đời đời cho trọn yêu thương*

(Nguồn: *Đòng Xanh Thơ* số 72, ngày 10/7/2012)

HÃY TIN LỜI THẦY

(Ga 12, 20-33) CN 5 MC

*Hạt giống gieo xuống đất rồi
Nó cứ trơ trọi...thì thôi, lợi gì!*

*Mà nó sẽ phải thôi đi
Để sinh lời lãi có khi trăm nghìn
Ai yêu quý mạng sống mình
Thì sẽ mất hết - hãy tin lời Thầy
Coi thường mạng sống đời này
Sẽ được hạnh phúc lâu dài đời sau
Ai tin - hãy theo Thầy mau
Cha con quý mến bên nhau sum vầy
Lòng Ta xao xuyến lúc này
Vinh quang Cha Cả...ngắt ngáy tâm hồn
Từ trời tiếng phán ôn tồn:
Danh Cha muôn thuở hãy còn tôn vinh!
Chiên Con sẽ bị nhục hình
Treo cao lên bởi tội tình thế nhân.*

(Nguồn: “Thi ca cầu nguyện” số 211, ngày 23/11/2015).

LOAN BÁO TIN MỪNG HÔM NAY

*Khó khăn gian khổ bủa vây tứ bề
Hoa trái đâu? thấy bộn bề
Xin ơn Thiên Chúa vỗ về chứng nhân
Trung kiên với Chúa không ngừng
Lì lợm, liều lĩnh tuyên xưng danh Ngài.
Niềm vui là được Chúa sai
Hy sinh cùng Chúa được Ai trở về.^[41]
(Nguồn: vanthoconggiao.net ngày 10/01/2016)*

Ba thí dụ trên, trải một thời gian dài, suốt từ 2012, đến 2015 và... 2025, “*thơ phong trào*” vẫn vậy: Lời thơ là tiếng Việt (khẩu ngữ) rất cũ và thô, không hề có sự trau chuốt trong dùng từ để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Ý, tứ chông chênh về Thần học và tín lý (thí dụ, so sánh Thiên Chúa với biển và gọi Ngài là “*Biển-Chúa*”). Bài diễn ca (Ga 12, 20-33) làm hỏng cấu trúc tường thuật của Gioan, phá vỡ Lời nói trực tiếp của Đức Giêsu: văn bản không có bất cứ sự sáng tạo nào về tư tưởng và nghệ thuật. Chỉ có vỏ chữ mà không có “Cái Đẹp” là hồn cốt của thi ca.

Tôi ngờ rằng họ ngộ nhận tứ thơ này của Lê Đình Bảng:

***Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện**
Hồn reo vui trong từng chữ từng lời
Trong đất mầu dương vỡ vạc sinh sôi
Trong cây lá vươn sức dài vai rộng
(Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện)*

⁴¹ **Madalena: Nơi loan báo Tin Mừng...khó nhất**

<https://www.vanthoconggiao.net/2026/01/noi-loan-bao-tin-mungkho-nhat-tac-gia-madalena.html>

LÊ ĐÌNH BẢNG-TRƯỜNG CA VỀ THƠ

Bùi Công Thuận

Nhà thơ Lê Đình Bảng đã viết 16 trường ca gồm nhiều thể loại. Trường ca *Những nốt trầm Jobbica* dài 1614 câu thơ, thể thơ 8 chữ. Riêng hai trường ca *Di sản* và *Những nốt trầm Jobbica* là những suy tư của Lê Đình Bảng về thơ trong tương quan với đức tin và cuộc đời.

Hai trường ca này thực ra chỉ là hai phiên bản ngẫu hứng khác nhau của một bài thơ dài. Đó là sự diễn giải những suy nghĩ của Lê Đình Bảng về nhiều vấn đề của thơ.

Thử đối chiếu:

*Lũ chúng ta, như đàn bò chặn thả
Khi ngược dòng, phải gối sóng mà bơi*
(*Những nốt trầm Jobbica*. Câu 133.)

*Lũ chúng ta, như đàn bò đói cỏ
Thèm những rạ rom, bóng mát, đường quê
Ngang qua thửa vườn ra rả tiếng ve
Mùi lúa sớt, khói đốt đồng, ngai ngái*
(*Di Sản*. Câu 908-911)

Thực ra, quan điểm chính của Lê Đình Bảng về thơ đã trình bày trong bài thơ *Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*:

*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện
Hồn reo vui trong từng chữ từng lời
Trong đất màu đương vỡ vạc sinh sôi
Trong cây lá vươn sức dài vai rộng*
(*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*) [42].

Nhưng hành trình thơ của Lê Đình Bảng thế nào? Nguồn mạch thơ Lê Đình Bảng là từ đâu? Thơ và đời sống đức tin? Đặc điểm “thi pháp” của thơ Lê Đình Bảng là gì? Ông nghĩ gì về thơ Việt đương đại? Thơ Lê Đình Bảng có vị trí nào trong thơ Công giáo Việt Nam và thơ Việt hôm nay? Vâng, có thể tìm thấy câu trả lời trong hai trường ca này.

1. Nghĩ về đời sống thơ hôm nay

⁴² Xem. Bùi Công Thuận-*Tro chuyện với nhà thơ Lê Đình Bảng*
<https://buicongthuan.wordpress.com/2026/01/23/tro-chuyen-voi-nha-tho-le-dinh-bang/>

Thật ít khi Lê Đình Bảng nói thật lòng mình về những vấn đề xã hội thời đại ông đang sống. Và đây là lần hiếm hoi ông thể hiện một thái độ điển ngôn:

Tôi sợ lắm, kẻ thập thò, ẩn mặt

*Như vẫn sợ những tuần chay nước mắt
Của lũ con buôn, đón gió, chạy cờ
Chúng mon men vào chiếu rượu, bình thơ
Để góp chuyện, để ăn mày, kiếm chác*

*Chúng làm như rất bình thường, chuyện vặt
Là tiếng vo ve, ra rả, nhập đồng
Có chăng, chỉ là kiến thức ăn đong
Tạt nước theo mưa, mồm loa, mép giải*

*Đâu còn lương tri? Đâu, lòng khí khái
Yêu nước, thương dân, phải có môn bài
Chẳng rạch ròi, chẳng phân biệt, đúng sai
Cái vòng kim cô, sợi dây thòng lọng*

*Của bọn theo thời, cô đồng, cậu bóng
Thơ có riêng một trường phái thơ điên
Không thể nào nghe bốc phét, huyền thuyên
Của những kẻ tự dâng đàn ngựa sử*

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 480- 496)

*Tôi sợ lắm, chuyện đồng xanh bắt trẻ
Chữ nghĩa chông chênh... xiêu vẹo, ngọn ngang
Của cánh con nhang, am miếu, chùa đàn
Chúng vay mượn của người, rồi ảo tưởng*

*Tôi sợ lắm, thơ bạc tình, phản phúc
Là con ngựa thồ, ngã quy, nai lưng*

(Những nốt trầm Jobbica 305-330)

Đoạn thơ trích ở trên, viết thành văn xuôi, thì ý tứ là: Tôi sợ lắm! sợ cái sự nhập nhằng “yêu nước thương dân” như “Cái vòng kim cô, sợi dây thòng lọng”; sợ chữ nghĩa chông chênh xiêu vẹo, sợ thơ phản bội, sợ bọn con buôn văn nghệ, bốc phét về “một trường phái thơ điên” (Tôi xin không diễn giải vì trong đời thực, bạn đọc có thể kiểm chứng những gì Lê Đình Bảng nói đến).

Như là cùng một nhịp tim đập với đánh giá của Nguyễn Huy Thiệp về thơ Việt hôm nay. Sự khác biệt là ở chỗ Nguyễn Huy Thiệp nói “trắng phớ” cái thực tế bằng văn xuôi, còn Lê Đình Bảng nói bằng ngôn ngữ thơ ẩn dụ:

“Nhìn vào danh sách hơn 1000 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam người ta đều thấy đa số đều chỉ là những người già nua không có khả năng, sáng tạo và hầu hết đều... "vô học", tự phát mà thành danh. Trong số này có tới hơn 80% là nhà thơ tức là những người chỉ dựa vào "cảm hứng" để tùy tiện viết ra những lời lẽ du dương phù phiếm vô nghĩa, nhìn chung là lãng nhãng, trừ có dăm ba thi sĩ tài năng thực sự (số này đếm trên đầu ngón tay) là còn ghi được dấu ấn ở trong trí nhớ người đời còn toàn bộ có thể nói là vứt đi cả. Giai thoại có một nhà thơ nói về tình cảnh thơ ở trong bài thơ sau đây (tôi đã đưa chuyện này vào trong tiểu thuyết của tôi vì nó quá hay) khá tiêu biểu cho thực tế đó: "Vợ tôi nửa tỉnh nửa mơ/ Hôm qua nó bảo: Dí thơ vào l.../ Vợ tôi nửa dại nửa khôn/ Hôm nay lại bảo: Dí l... vào thơ!", tôi cũng không phủ nhận cảm tình của nhân dân đối với thơ nhưng quả thực trên thực tế cái danh nhà thơ là một thứ nhìn chung chỉ là nhặng nhít, hữu danh vô thực, chẳng ai muốn dây vào nó: **nhà thơ đồng nghĩa với sự chập cheng, hâm hấp, quá khích, vớ vẩn, thậm chí còn lưu manh nữa...**”^[43].

Đây là một thí dụ: Bài *Mẹ tôi chửi kẻ trộm* của Tống Văn Hân (Giải Thơ báo Văn Nghệ cuộc thi thơ 2019 – 2020) bị công luận phản đối quyết liệt, và “*Nhật xác em chất chồng bảo tàng*”, tập thơ của tác giả trẻ Lê Văn Mua (Giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2025) bị phát hiện đạo thơ ngay khi vừa được trao giải. Ban Chấp Hành Hội Nhà văn Việt Nam đã vội thu hồi giải ngay trong ngày trao giải^[44].

2. Thơ là máu thịt thi nhân

*Thơ đâu chỉ là, gieo chữ, nhả vần
Đã thành xương, và da thịt, ruột gan
Đã thấm đẫm, đã hoà tan vào máu*
(Di sản. Câu 178-180)

*Thơ là khí thiêng, linh hồn, thể phách
Dẫu có tang thương, ngẫu lục, ba đào
Thơ bi hùng, từ bút mực, gươm đao
Sau cuộc phần thư, hoả hào, lộng lẫy*
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 29-32)

Vâng, chỉ những ai đã ném trái bể dâu mới cảm nhận được những điều Lê Đình Bảng viết về thơ...

Nguyễn Du (1766-1820) xót thương nàng Tiểu Thanh cũng là khóc thương mình: “*Cổ kim hận sự thiên nan vấn/ Phong vận kỳ oan ngã tự cư*” (*Độc Tiểu Thanh Ký*). Cao Bá Quát (1808-1855) từng được xưng tụng là “*Thần Siêu, thánh Quát*” về thơ văn. Ông từng viết câu thơ: “*Ngoảnh mặt lại cứu hoàn coi cũng nhờ*” (*Uống rượu tiêu sầu*, bài 1). Và, “*suốt đời chỉ biết cúi đầu trước hoa mai*”. Nhưng số phận ông thật bi thảm. Ông bị vua Tự Đức tru di tam tộc. Thời hiện đại, Nhà thơ Phùng Quán, người viết bài thơ *Lời mẹ dặn*, đã phải đi lao động cải

⁴³ Nguyễn Huy Thiệp-*Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhâm lẫn của nhà văn*.

Nguồn: Tạp chí Ngày Nay, Hà Nội, số 6, 15.3.2004

⁴⁴ *Thông báo của Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam về Giải thưởng Tác giả trẻ*. Chiều ngày 20/01/2026.

<https://vanvn.vn/thong-bao-cua-ban-chap-hanh-hoi-nha-van-viet-nam-ve-giai-thuong-tac-gia-tre/>

tạo nhiều đợt [45]. Phùng Quán viết về thơ trong những ngày gian nan: “*Có những phút ngã lòng./ Tôi vịn câu thơ và đứng dậy...*”[46]. Nhà thơ Thanh Tâm Tuyên trong những năm tháng cải tạo sau 1975, đã làm “*thơ trong đầu*”: “*gánh cỏ trên vai thơ trong đầu/ trời chớm thu hạ mường tượng hồng au* (Thơ làm khi đi nuôi cá)[47]. Nhà thơ Hoàng Cầm, khi ba bài thơ “*Cây tam cúc*”, “*Lá diêu bông*”, “*Quả vườn ổi*” (tập thơ *Về Kinh Bắc* của ông) bị coi là “*phản động*”, đã có một chuyên án được mở ra năm 1982 [48]...Hoàng Cầm tâm sự [49]: “*Phải nói thật một điều, thường người ta khó tin, là hồi đó tôi không mang trong lòng – dẫu chỉ một ly – nỗi oán hận, nỗi buồn phiền, hoặc trách móc hờn giận gì ai. Đôi lúc, chỉ nghĩ về chính số phận mình, có chút cay đắng, có xót xa. Nhưng vì “đã mang lấy nghiệp vào thân” như Nguyễn Du nói, cái nghiệp thơ đầy đau khổ, oan trái, nhưng cũng nhiều hào quang tỏa ra từ tâm linh và từ những câu chữ kỳ diệu đã đem đến cho mình không ít giờ phút say sưa, ngay trong cuộc sống bình nhật cũng không ít hạnh ngộ đẹp, tôi được gặp nhiều người nam, người nữ rất trong sáng, yêu thương mình hết lòng. Dân tộc là thế đấy, thừa các bạn*”.

Lê Đình Bảng giác ngộ điều này:

Thơ vào máu, chảy thành duyên, thành nợ
Nghìn lời yêu, sao sánh với đợi chờ
Cả tâm linh hồn đã chảy vào thơ
Thơ mạnh hơn mìn bom và trái phá

Tiếng bác, tiếng chì. Có nhân, có quả
Tinh túy của thơ là mạch lưu truyền
Chúa ban cho, qua dòng giống, tổ tiên
Có khí thiêng của sương trời, hơi đất

Là di sản đã mở đường phúc thật
Rút rít oanh ca, rợp bóng phong điều
Thơ là khai huyền, ngắt trí, tiêu diêu
Cây cải xum xuê, chim trời trú ngụ
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 425...436)

3. Hành trình thơ Lê Đình Bảng

Đây là khởi đầu

Xin mạn phép, được mở lời đáp ứng
Thưa, khởi đầu, tôi lãng mạn làm thơ
Cũng mơ màng, cũng nhung nhớ vu vơ
Trong máu non sông, từng hơi thở gấp

⁴⁵ Khuất Bình Nguyên-**Phùng Quán Thơ**. <https://vanvn.vn/phung-quan-tho/>

⁴⁶ **Thơ Phùng Quán**, (Lời thủ bút. Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)

⁴⁷ Bùi Công Thuận-**Chút tình tri âm**. Nxb HNV. 2009

⁴⁸ Hoàng Hưng-**Vụ án “Về Kinh Bắc”, một sự kiện “Hậu Nhân văn”**. <https://www.talawas.org/24264/>

⁴⁹ **Hoàng Cầm**, *Về Kinh Bắc* (1959-1960) (phần Vĩ thanh), Talawas 5.4.2007

Và để mặc cho gió trời va đập
Bám gấu áo Người, theo những đám đông
Làm đũa trẻ con sai vặt, tiểu đồng
Qua những làng quê, xóm chài, phường phố
(Di sản. Câu 365 ...372)

Có lẽ Lê Đình Bảng cũng giống nhiều người làm thơ khác, trước tiên là làm thơ tình (của chính mình). Thuở manh nha ấy chưa có ý thức sáng tạo nên Lê Đình Bảng phải “*Bám gấu áo Người, theo những đám đông*”. Nói bằng ngôn ngữ hôm nay là, Lê Đình Bảng cũng làm “*thơ phong trào*”. Và trong các “*chiếu thơ*” của các bậc trưởng thượng trong ngôi đền thơ linh thiêng, Lê Đình Bảng chỉ là “*đũa trẻ con sai vặt, tiểu đồng*” ở làng quê, xóm chài, phường phố (ngày nay gọi là “*thi sĩ miệt vườn*”)

Đây là trải nghiệm của đời thơ: Khổ ải, trầm luân, vô vọng khôn nguôi trong không gian mênh mông và trong thời gian vô cùng.

Lũ chúng ta, như đàn bò chẵn thả (câu 133)
Khi ngược dòng, phải gói sóng mà bơi
Bám lấy nhau, kéo võ vụn, xa rời
Sinh là khổ, nhưng nào ai muốn chết

...

Đường lên cao, đỉnh Sion xa ngái (193)
Tôi ra đi, mà chẳng biết đi đâu
Như Abraham trăm nổi cơ cầu

...

Cả những lúc, tôi mệt nhoài, vô thức (213)
Bởi tiếng chim kêu lạnh lót bờ rào
Thiên đàng, địa ngục ở tít trên cao
Hay mãi đâu đâu, khói sương, ải vắng
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 133...216)

Ta hỏi ta, đâu địa ngục, thiên đàng
Và biển hồi, bao ngọn triều, con sóng
(Di sản. câu 43-44)

...

Có nhiều lúc, như chìm vào cô tịch (câu 189)
Là hư không trong một vũng cô liêu
Kể làm thơ thường vui ít, buồn nhiều
Của đêm trở mình, của ngày mở mắt
(Di sản. Câu 189...)

Muốn sống sót, phải lặn ngòi, ngoi nước
Xác rác xơ rơ, toi tả, nát nhàu

Từ dưới, nhào lên, người nói đuôi nhau
Sên, ốc, muỗi mòng, đất bùn, cám bã
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 289-292)

Mênh mang mấy tầng, mênh mang thiên địa
Ngút ngát hoang vu, bờ bụi muỗi mòng
Ta lạc loài như đất đá, rêu rong
Chịu sương giải để cọng sinh, thừa tiếp

Khi vào chón của tận cùng chật hẹp
Đứng trước gian nan, mới rõ đá vàng
Lẳng lẳng ngòì, mơ về cõi thênh thang
Rình trước mặt đang mùa lênh láng nước

(Di sản. Câu 253...260)

Tôi nghĩ, Lê Đình Bảng đã diễn tả được tốt cùng thân phận nhà thơ: “*Là hư không trong một vũng cô liêu/ Kẻ làm thơ thường vui ít, buồn nhiều*”.

Thực ra bản chất của sự sáng tạo là cô đơn. Và nỗi trăn trở của nhà thơ là: “*Tôi ra đi mà chẳng biết đi đâu*”, tức là tìm đâu ra “*con đường sáng tạo*” riêng. Không thể đi lại lối mòn truyền thống. Không thể giẫm lên bước chân của những nhà thơ đi trước. Trước mặt người làm thơ là những “*đỉnh thi sơn*” cao vợi vợi, làm sao vượt qua? Làm thơ tình chẳng? Đã có Xuân Diệu, Nguyễn Bính. Làm thơ thể sự chẳng? Chế Lan Viên sừng sững trước mặt với *Diêu tàn*. Thơ truyền thống thì Nguyễn Du, Cao Bá Quát, các truyện thơ Nôm và kho tàng ca dao như biển mênh mông, như chân trời vô tận. “***Ta hỏi ta, đâu địa ngục, thiên đàng/ Và biển hồi, bao ngọn triều, con sóng***”.

Có một nghịch lý là, bản chất của sáng tạo là cô đơn, là độc đáo, nhưng để sáng tạo được, nhà thơ phải đi cho đến tận Thiên đường Địa ngục, phải trầm mình cùng với chúng sinh trong bể khổ. “*Lũ chúng ta, như đàn bò chẵn thả/ Khi ngược dòng, phải gói sóng mà bơi/ Bám lấy nhau, kéo vỡ vụn, xa rời*”. “*Thơ mọc rễ sâu, tận nguồn, tận cõi/ Trầm mình trong cơn khát của sinh linh*” (Di sản. câu 69-70), làm thân phận “*Sên, ốc, muỗi mòng, đất bùn, cám bã*”, “*lạc loài như đất đá, rêu rong*”

Lại có một trạng thái tinh thần khác:

Có những lúc, chán không thèm đọc chữ
Chỉ ngòì, nằm và đi xuống, đi lên
Tẻ nhạt, hình như, đã thành thói quen
Mình tồn tại, đâu phải mình đang sống
(Di sản. Câu 161-162)

Có lúc, tưởng chừng, buông xuôi, tuyệt vọng
Chúa để tôi, nơi gác khánh, đèn thờ
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 61-62)

Có những lúc, tưởng chừng, không muốn sống

Ôi, ước gì được gặp Chúa bây giờ

Đoái nhìn con, đừng ngoảnh mặt làm ngơ

Để nước mắt lau khô đi mọi thứ

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 727-730)

Ấy là chưa kể hoàn cảnh xã hội ảnh hưởng rất lớn đến ý thức sáng tạo của người làm thơ. Chẳng hạn, Nguyễn Du (1766-1820) không hề viết câu thơ nào về thực tại Việt Nam thời Lê mạt-Nguyễn sơ: một thời đại đầy biến động bề dẫu mà ông bị cuốn vào, tính mệnh của mình chỉ như con kiến: “*Kẻo khi sấm sét bất kỳ/ Con ong cái kiến kêu gì được oan*” (Truyện Kiều, câu 1757-1758).

Và đây là thái độ bi tráng nhìn trời của Lê Đình Bảng, chẳng khác gì Nguyễn Du xưa:

Đã nhiều phen, nước mắt con dàn dựa

Biết tìm ai? *Con tự hỏi chính mình*

Tại sao, sao không vỡ vụn tan tành

Cái bụi chám trong muôn chiều bé nhỏ

Trời cao thăm, chẳng là chi, lạy Chúa

Trước cõi vô biên, vô lượng, vô cùng

Không bến bờ và vô thủy, vô chung

Con, trong cái vỏ ngoài non tơ trứng mỏng

(Di sản. Câu 465...472)

Nguyễn Du tự khắc họa mình là người trắng sỡ bạc đầu nhìn trời bi thiết. Vì “*hùng tâm, sinh kế*”, cả hai đều mờ mịt [⁵⁰]

Trắng sỡ bạch đầu bi hướng thiên,

Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên.

(Nguyễn Du. Tập thi, kỳ 1)

4. Đâu “là đường, là sự thật và là sự sống”?

Sự thật ấy là: nhà thơ phải là chính mình, độc đáo, mới lạ, không được giống ai khác, không là ốc mượn hồn. Nói như Xuân Diệu: “*Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất/ Không có chi bề bạn nối cùng ta*” (Hy Mã Lạp Sơn). Đi tới cuối đất, cùng trời, Lê Đình Bảng mới ngộ ra điều ấy, và ông la lên như thể [Archimedes](#) (287-212 TCN): “Eureka!” (“Tìm ra rồi”): “*Ta là ta, không thể nào khác hơn!*”:

Ta là ta, ta căng gió, giương buồm

Cùng xóm vạn chài, thuyền lưới, đó đơm

Dấu lam lũ và nhọc nhằn, rách rưới

(Di sản. Câu 94-96)

⁵⁰ Nguyễn Du-Tập thi-kỳ 1: <https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Du/T%E1%BA%A1p-thi-k%E1%BB%B3-1/poem-0L2J5koEC7p3UQ-NaNe30w>

*Cuối đất, cùng trời, trong ngoài, bè bạn
Để gây nên một bếp lửa sinh tồn
Ta là ta, không thể nào khác hơn
Dầu man muối hay mật mù trầm tích*
(Di sản. Câu 185-188)

Xuân Diệu bó mình trong Cái Tôi cô độc, trái lại, Lê Đình Bảng “*căng gió, giương buồm*” thơ ra khơi với *bè bạn trong ngoài*, với *xóm vạn chài*, với những *đời lam lũ, nhọc nhằn, rách rưới*. Và đây là chỗ riêng của một nhà thơ Công giáo: Nhà thơ chọn mỗi phúc thứ nhất cho thơ của mình: “*Phúc thay ai có tinh thần nghèo khó vì nước trời là của họ*”(Mt 5,3). Thơ đi cùng với những *đời lam lũ, nhọc nhằn, rách rưới*. Đây là con đường thơ của Lê Đình Bảng.

Nhưng đâu là sự sống của thơ ông?

*Chúa đến với tôi, như một dòng nước
Tựa đám mưa giông bất chợt, dịu hiền*
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 635-636)

*Chính sự sống đã phục sinh nổi chết
Từ dòng huyết thanh của cạnh nương long
Là phù sa tươi, thấm đầm ruộng đồng
Vụ chiêm, vụ mùa lên xanh mơn mớn*
(Di sản. Câu 89-92)

***Tôi tựa sát và gục đầu vào Chúa**
Để thâm nghe tim máu thở rộn ràng
Từ cạnh nương long, thương xót chứa chan
Sao mê đắm như người đang ngất trí*
(Di sản. Câu 209-212)

***Vâng, “chính Ngài truyền cảm hứng cho tôi”**
Suốt canh thâu, tối mò, tôi chợt thấy*
(Di sản. Câu 423-424).

Nhà thơ Lê Đình Bảng đã chứng nghiệm rất rõ rằng “*Chính Ngài truyền cảm hứng cho tôi*” lúc tác giả còn lần mò trong bóng tối canh thâu. Máu từ cạnh nương long của Chúa đã trở thành “*Phù sa tươi*”, thành “*vụ chiêm vụ mùa*” xanh mơn trong thơ của ông, làm ông *mê đắm như người đang ngất trí*”.

*Thơ đã trải qua rất nhiều số phận
Đã long đong, đã vất vả tìm đường
Để có cõi bờ, tổ quốc, quê hương
Quyết không để thơ nạ dòng, mất gốc*
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 505-508)

***Đường con đi, rất gập ghềnh, chật hẹp
Có Chúa đồng hành, mật đắng, hoa thơm***

*Có đoá trắng non, có ngọn gió nồm
Và em nữa, dưới vòm cây cảm lẫm*

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 513-516)

Đã có con đường thơ, có tư tưởng-thấm mỹ, có đối tượng hướng đến để nói về và có cảm hứng sáng tác, Lê Đình Bảng lấy chất liệu thơ từ đâu?

*Có lúc, lâm cảnh hàn vi, cùng quần
Vịn vào thiên kinh, vịn quyển - Sám Truyền
Lời vàng tiên tri, tổ phụ, Thi Thiên
Sáng Thế, Xuất Hành, Ai Ca, Thủ Lãnh*

(Di sản. Câu 409-413)

*Thơ còn hẹn, bao phen phong nhã nữa
Mở Sách Khôn Ngoan, Ca Điều Sion
Vớ Job, Huấn Ca, Thánh Vịnh, Châm Ngôn
Một dòng chảy thơ Diễm Tình trắng mật*

(Di sản. Câu 417-420)

Lê Đình Bảng đã “vịn vào thiên kinh, vịn quyển” của Kinh thánh: *Sám truyền* (Cựu Ước), *Lời các sách Tiên tri, Thi Thiên* (Thánh vịnh) *sách Sáng Thế, sách Xuất hành, sách Ai Ca* (Lamentations), *sách Thủ Lãnh, Sách Khôn Ngoan, Sách Job, Sách Huấn Ca, Thánh Vịnh, Sách Châm Ngôn, Sách Diễm Ca...*

Và cội nguồn phương đông, cùng với văn học lễ hội dân gian trên khắp cả nước (Truyện Kiều, Ca dao, Hồ khoan Ví dặm Nghệ An-Hà Tĩnh, Sử thi Tây nguyên,...)

*Lời của Sám Truyền, Thánh Thi David
Trôi mãi về **những nguồn ngọn phương Đông**
Về những **Kinh Thi, Lễ Nhạc** phiêu bồng
Để nghe rõ tiếng hò khoan, ví dặm*

*Lên vách núi, hay lạc vô rừng cấm
Công chiêng ơi, hoa ban trắng Pơ lãng
Đêm nghe **sử thi** rộn khắp buôn làng
Trăng rớt xuống, ngủ quên ngoài bờ giậu*

*Nền đất bazan thắm son màu máu
Trời đã buồn, mưa, càng khiến buồn hơn
Tự hỏi, mình còn mãi ở Babylon
Sao, bốn phía, biển gầm gào sóng vỗ*

*Là chút vu vơ, để quên, để nhớ
Nhìn tuàn hương bay, là còn tín đồ
Của ba toà sen ngát thuở ban sơ
Của lễ Nguyên Tiêu, đầu năm, trăng giãi*

(Di sản. Câu 133...152)

*Bằng cảm xúc, nên chẳng màng triết lý
Kho trời chung, tàng kinh các, **truyện Kiều**
Mật ngọt **ca dao** chảy vào mẹ yêu
Gửi hết ước mơ, rủi may, oan trái
(Di sản. Câu 485-488)*

Thực ra, tìm ra nguồn thi liệu cả phương đông và phương tây không phải là điều quyết định phẩm chất thơ, mà là làm thế nào để biến nguồn thi liệu ấy trở thành *thơ của riêng mình*. Đó là tổ chất của một thi nhân.

5. Nhân vật Tôi/ Ta

Nhật vật trung tâm làm nên trường ca Lê Đình Bảng là Tôi/ Ta. Tôi nhật ra đây vài câu thơ để bạn đọc thử vẽ ra đôi nét về chân dung nhân vật này.

Xin lưu ý, nhân vật trong tác phẩm không phải là con người xã hội của tác giả. Sự đồng nhất nhân thân xã hội của tác giả với nhân vật trữ tình trong tác phẩm luôn là một ngộ nhận, và rất dễ dẫn đến những quy kết vô đoán, nhiều khi gây ra oan nghiệt (tác phẩm trở thành vật chứng kết án tác giả). Nhân vật trong tác phẩm là *nhân vật tư tưởng-thẩm mỹ*, chứa đựng trong nó thế giới tinh thần, cái thần thái, cái tạng của tác giả; là vốn sống, là sự trải nghiệm và những suy tư nung nấu của một Con Người đi giữa thế gian. Tất cả những điều ấy được nghệ thuật hóa (hư cấu) và chuyển hóa thành thơ. «*Le style, c'est l'homme.*». Buffon (1707–1788) đã khẳng định như vậy [51]

Nhân vật Tôi trong trường ca Lê Đình Bảng có hình bóng đời sống thực của tác giả (“*Văn là người*”), thấp thoáng đôi nét quê hương, gia đình và đời sống lưu lạc, xa quê.

Nói cho đúng, nhân vật Tôi là phóng chiếu con người tinh thần của tác giả ở nhiều chiều kích. Đó là con người xã hội (với những đói rách, bức xúc, trầm luân, đi tìm đường sống), con người văn chương (với những mộng tưởng lãng mạn), con người tâm lý (những ẩn ức về Mẹ, về nhân vật Em, về lịch sử và đời sống hiện thực Việt Nam), con người tâm linh (tự cảm nhận đời mình trong tương quan với Chúa), có cả Cái Tôi- *con người suy tư-tự tra vấn, tự phong (Ta là Ta; Tôi là tôi? Hay Judas, Barabbas?)*... Nhưng cốt lõi của Cái Tôi/ Ta trong hai trường ca này là một *nhà thơ* tài hoa và rất giàu có về hồn thơ.

Nhân vật nhà thơ ấy kết nối làm nên linh hồn tất cả thơ Lê Đình Bảng. Nhà thơ ấy có một chút “*thập tử phong trần*” của Nguyễn Du (1786-1796), có trái tim hồn hậu của Tư Mã Giang Châu (Bạch Cư Di, 772-846) trên bến Tầm Dương. Có cái khoáng đạt ngạo du của Lý Bạch (701-762) nhưng cũng có lúc “*Về Côn Sơn, Bạch Vân am, sa mạc/ Ngắm bóng trăng suông hay nhìn ngón tay*”(Những nốt trầm Jobbica, câu. 149)...và có lúc: “*Trong đau đớn, lẫn nồng nàn cảm xúc/ Nhớ miên man, khi xuống ruộng, lên bờ/ Con ghé gọi trâu, gọi mẹ ngu ngơ/ Nghe rất rõ, khúc sông đêm, chảy xiết*”(Những nốt trầm Jobbica, câu 473-476). Cái Tôi/ Ta của Lê Đình Bảng có những khác biệt cơ bản với Cái Tôi trong thơ Lãng mạn trước 1945 và Cái Ta

⁵¹ Buffon – *Sur le style*. <https://dixitologie.fr/article/buffon-sur-le-style/>

trong thơ kháng chiến sau 1945.

Tôi ra đời, mẹ sảy thai, thiếu tháng
Ròng rã ba năm, ăn chực, bú rình
Khấp chón tang thương, đói khổ, điêu linh
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 619)

Hoa quả trái mùa, chín vàng chín vôi
Tôi, đứa con hư của chợ, của làng
Theo bọn ăn mày, hành khát, cái bang
Trót mang tiếng là buông tuồng, mất nét
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 623)

Quê tôi ở vùng hạ lưu sông Hoá
Nước miên man, cứ chảy suốt một dòng
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 1299)

Thuở còn nhỏ, mẹ dắt tay đi lễ
Là cõi thiêng liêng, sâu kín một đời
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 895)

Trang sách cũ ướp đầy hương tưởng tượng
Lần chuỗi Mân Côi, mùa nhớ, mùa vui
Ngồi quanh ổ rơm, chờ củ khoai lùi
Em có thả đèn trời lên với gió
(Những nốt trầm Jobbica. Câu 1591)

Sông chảy miết, mỗi một luồng, một lạch
Ôi, gã thương hồ miệt thứ quê lên
(Di sản. Câu 457)

Là chuyện động trời của **thời tem phiếu**
Là cuộc phân thư thảo khấu, điên cuồng
Những đêm về, ngồi buồn thảm, thê lương
Sau mỗi lênh đênh **tìm đường, sống sót**
(Di sản. Câu 237)

Ta lạc loài như đất đá, rêu rong
Chịu sương giải để cộng sinh, thừa tiếp
(Di sản. Câu 255)

Ta tắm mát giữa bốn mùa hoan hỷ
Trầm mình trong những hang vực, đầm lầy
Khấp hết bụi bờ, váng vát cỏ cây
Trong vách đá, dưới hầm sâu, thung lũng
(Di sản. Câu 153)

Lên vách núi, hay lạc vô rừng cấm
Công chiêng ơi, hoa ban trắng Pơ lăng

*Đêm nghe sử thi rộn khắp buôn làng
Trăng rớt xuống, ngủ quên ngoài bờ giậu*

(Di sản. Câu 137)

Tôi là tôi? Hay Judas phản bội

Là Barabbas, kẻ cướp gặp may

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 971)

Tôi là con cò, con vạc ăn đêm

Một mảnh thuyền nan, ngược dòng, đầu sóng

*Ngồi bên bờ sông, **hoài trông, tuyệt vọng***

Babylon ơi, bến đỗ trần gian

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 1111)

Tôi đã ngược xuôi, trăm ngàn thế kỷ

*Nay trở về, là lúc **đã tay không***

(Di sản. Câu 872)

Chúa đến với tôi, như một dòng nước

Tựa đám mưa giông bất chợt, dịu hiền

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 635)

Cho con được trở về nơi Vườn Cấm

Được thung dung, giữ sạch những hồng trần

(Di sản. Câu 509)

6. Vài đặc điểm của trường ca Lê Đình Bảng.

Di sản và *Những nốt trầm Jobbica* đủ định hình những đặc điểm “thi pháp” của trường ca Lê Đình Bảng.

Về nghệ thuật thơ, Lê Đình Bảng giữ nguyên đặc điểm phong cách trong hai trường ca *Di sản* và *Những nốt trầm Jobbica*. Trường ca sử dụng thể thơ 8 chữ quen thuộc của thơ Lãng mạn 1930-1945. Giọng thơ tự tình. Nhân vật chính (ngôi kể) là Tôi/ Ta (tác giả). Ngôn ngữ thơ là hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng. Chất liệu thơ là sự kết hợp điển ngữ Kitô giáo với tư tưởng phương Đông, ngôn ngữ ca dao và hình ảnh đời sống thôn quê Việt. Cách viết như sau: một ý tưởng chính được triển khai (như kiểu câu chủ đề), liền sau đó là và suy tưởng, liên tưởng, so sánh bay bổng, mở rộng biên độ qua những vùng miền văn hóa khác nhau, rồi sau đó trở lại chủ đề chính. Điều này khiến cho trong trường ca, có nhiều đoạn có thể đứng riêng thành một bài thơ độc lập với tư tưởng và màu sắc thẩm mỹ riêng.

Trường ca của Lê Đình Bảng không có một cấu trúc chặi chặi. Nghĩa là không có cốt truyện, không có không gian, thời gian cố định. Không có mạch kể truyện kết nối những biến cố, những tình huống, những hoàn cảnh để phát triển chủ đề và nhân vật. Nhân vật chính là Tôi, Ta (tác giả). Tôi kể lể, tự tình, tự đối thoại với mình, đối thoại với nhân vật Em (nhân vật tưởng tượng) và trò chuyện với Chúa. Vì thế, nếu gọi đúng tên, thì trường ca của Lê Đình Bảng là *Tùy bút viết bằng thơ*. Tác giả trình bày những vấn đề suy tư, rồi miên man nghĩ ngợi, miên man liên tưởng so sánh, miên man đi qua những vùng trời khác nhau của cảm xúc và trí tưởng.

Người đọc có cảm giác trường ca của Lê Đình Bảng không có điểm dừng. Ông có thể viết tiếp bao nhiêu khổ thơ cũng được, tùy theo ngẫu hứng bất chợt. Dù vậy, trường ca Lê Đình

Bảng có thể đứng được vì nó chứa đựng những suy tư, những nung nấu, những trải nghiệm và diễn ngôn tâm huyết của nhà thơ.

Chẳng hạn. Viết về thơ, nhưng có lúc Lê Đình Bảng kể lại tiểu sử lúc nhỏ của mình, không liên can gì đến thơ:

*Tôi ra đời, mẹ sảy thai, thiếu tháng
Ròng rã ba năm, ăn chực, bú rình
Khấp chón tang thương, đói khổ, điêu linh
Những mẹ vú nuôi từng ngày đắp đổi*

*Hoa quả trái mùa, chín vàng chín vội
Tôi, đứa con hư của chợ, của làng
Theo bọn ăn mày, hành khất, cái bang
Trót mang tiếng là buông tuồng, mất nét*

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 619...626)

Hoặc đang nói chuyện thơ, tác giả tách mình ra nói chuyện riêng với em:

*Về phương ấy, tháng Ba, hoa gạo nở
Tàu em đi, ngang qua những đồng bưng
Những bãi bờ xanh, lau cói rung rung
Đâu cũng thấy lúa ngoi lên, lấm láp*

*Những hàng dứa, ai trồng, nghiêng cúi rạp
Theo xuống ra, cơn lũ lớn rửa đồng
Nghe chuông chiều về xóm lưới, thỉnh không
Hay theo nước ròng, theo ghe lưới cá*

*Cứ dong ruỗi một đời thôi, em ạ
Từng canh khuya, nghe đất cũng trở mình
Lòng bảo lòng, thôi, cam phận điêu linh
Đi bên dưới hàng cây sao rụng lá*

*Qua lớp cỏ may lô xô gò mả
Như bảo rằng hãy đỡ bến, nghỉ ngơi
Đôi mắt thuyền em, xanh biếc da trời
Như sông lấp, sông bồi, ai hiểu được*

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 441...453)

Hoặc, nhà thơ dùng mạch đối thoại, mạch kể để hướng vào lòng mình mà cầu nguyện Riêng. Xin chú ý đến tâm tình tạ ơn và điều tác giả cầu xin Chúa:

*Tạ ơn Chúa, trong từng hơi con thở
Từng cơn mê, mỗi nhịp đập trái tim
Ngọn tóc nào rơi, sợi chỉ, cây kim*

Cây lau giập, cái tim đèn lên khói

Trong lặng thinh, con thềm nghe tiếng gọi

Này, con đây. Xin dìu dẫn con đi

Sớm tinh mơ đến nắng xé, tà huy

Lúc giao chiến, hay đồn binh hạ trại

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 935...942)

Có thể lý giải thế này, Lê Đình Bảng chọn kiểu *Tùy bút thơ Lãng mạn* để viết trường ca là để mặc sức phô diễn cảm xúc suy nghĩ, tránh diễn ngôn về những vấn đề thực tại và giữ kín những điều riêng tư “*Sống để bụng, chết mang theo*”. Khi viết, ông thông dong liên tưởng khắp bầu trời mặt đất, đầu ghềnh cuối bãi, từ khởi thủy đến thiên thu.

Những câu, chữ rung rung đầy nước mắt

Chết mang theo, dù nhẹ bấc, rạ rom

Giữa chợ đời, hoa vẫn nở, vẫn thơm

Có những thứ trót hẹn lòng, để bụng

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 413-416.)

Nhờ những liên tưởng miên man, Lê Đình Bảng dẫn người đọc đi qua nhiều vùng cảm xúc khác nhau, tạo nên sự phong phú màu sắc thẩm mỹ. Với tư cách chủ thể diễn ngôn, Lê Đình Bảng bày tỏ thái độ đầy phần nộ với “*lũ con buôn đón gió chạy cờ*” trong làng thơ, bức xúc vì những “*Cái vòng kim cô, sợi dây thòng lọng*” “*Của bọn theo thời, ...*”. Người đọc cùng đau xót với những nỗi điêu linh trong hành trình nhà thơ đi tìm đường sống, đi tìm con đường cho thơ. Nhà thơ cũng truyền cảm xúc bình an, ấm áp, đầy ắp tin yêu cho người đọc khi ông “*tựa sát và gục đầu vào Chúa/ Để thắm nghe tim máu thở rộn ràng*”, và cùng với Em đi qua những miền quê hoa mộng ngọt ngào “*Những bãi bờ xanh, lau cói rung rung/ Đâu cũng thấy lúa ngoi lên, lấm lạp...*”. Và đọng lại ở những suy tư sâu sắc về thơ: Thơ rợp bóng như Nước trời (Dụ ngôn *Nước trời như hạt cải-Mt 13, 31-32*).

Thơ là khái huyền, ngát trí, tiêu diêu

Cây cải xum xuê, chim trời trú ngụ

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 435-436)

7. Bắc thêm một nhịp câu

Theo nhà thơ Đỗ Quyên (Canada), có 387 tác giả Việt Nam viết trường ca và kho tàng trường ca Việt đương đại có 906 tác phẩm [52]. Đỗ Quyên cũng cho biết, chưa có một tiêu chí nhất định, có tính học thuật về thể loại về *trường ca*, dù trường ca đã có một lịch sử và đã phát triển thành trào lưu. Huy Thông đã viết trường ca *Tiếng địch sông Ô* (1935). Trường ca phát triển ào ạt sau 1975 (trong thời gian khoảng 10 năm)[53].

⁵² Đỗ Quyên: *Trường ca Việt Nam-Tác giả và tác phẩm* (2011)

<http://vanhoanghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/3331-truong-ca-viet-nam-tac-gia-va-tac-pham>

⁵³ Hoài Nam: *Dấu hỏi trường ca trong văn học Việt*

<https://vanvn.vn/da-hoi-truong-ca-trong-van-hoc-viet/>

Ngoại trừ *truyện thơ Nôm*, *Diễn ca* lịch sử (thí dụ: *Đại Nam quốc sử diễn ca*. Lê Ngô Cát. 3774 câu thơ) và *Sử thi* Tây Nguyên (“*Bài ca chàng Đăm Săn*”) là thể loại có đặc điểm riêng. Ở góc nhìn cá nhân, tôi thấy “*Trường ca*” cũng có những đặc điểm chung: trường ca có độ dài hàng trăm câu thơ trong một bài, liền mạch chủ đề, liền mạch về cảm hứng sáng tạo. Ít nhất có một nhân vật trung tâm làm ngôi trần thuật (kể chuyện) hay bày tỏ tình cảm (tự tình, suy tư). Tác giả thường là nhân vật trung tâm, kết nối các yếu tố tạo nên tác phẩm. Trường ca có thể có một cốt truyện chặt chẽ hoặc có một cấu trúc nội dung tương đương với một cốt truyện để bảo đảm tính chất của một tác phẩm. Về thể thơ, Trường ca có thể là thơ Lục bát, thơ 7, 8 chữ, thơ tự do, thơ Hậu Hiện đại...

Được nhắc đến nhiều là các trường ca *Bài ca chim chơ rao* (Thu Bồn), *Dấu chân qua trăng cỏ* (Thanh Thảo), *Đường tới thành phố*, *Trường ca Biển* (Hữu Thịnh). *Khoảng trời hố bom* (Lâm Thị Mỹ Dạ). Đỗ Quyên viết trường ca *Lòng hải lý* bằng bút pháp Hậu Hiện đại...

Cho đến nay (2026), nhà thơ Lê Đình Bảng cũng đã viết **16 trường ca** (theo cách định danh của tác giả) góp vào trường ca Việt, đó là: *Di sản* (939 câu), *Nhật Nguyệt Hành* (545 câu), *Thác lời cỏ hoa* (170 khổ thơ), *Những nốt trầm Jobbica* (1614 câu), *Nghêu ngao hát thương hồ* (127 khổ thơ), *Ca dao mẹ* (130 khổ thơ), *Bản Tango với Chúa* (49 khổ thơ), *Đồng dao* (26 khổ thơ), *Tình tự khúc*, *Nếp nhà*, *Trong cõi vô ngôn*, *Về đâu những bến bờ*, *Những Con Bão Muộn*, *Tuyết & Xứ Người*, ... quả là một kho tàng đồ sộ.

Điều mới mẻ của trường ca Lê Đình Bảng là sự kiến tạo các trường ca Công giáo mà hạt nhân là *tư tưởng Mỹ học Kitô giáo* kết hợp với văn hóa Việt truyền thống và *tư tưởng Mỹ học* phương đông. Những trường ca này phản ánh một mảng hiện thực riêng của đời sống và văn hóa Công giáo trên đất Việt, góp phần làm giàu có nội dung thi ca Việt.

Nói riêng quan niệm về thơ, Lê Đình Bảng cũng có những đóng góp làm phong phú thêm kho lý luận về thơ mà các nhà thơ đi trước đã xây dựng.

Xuân Diệu nói về nhà thơ Lãng mạn: “*Làm thi sĩ nghĩa là ru với gió/ Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây*” (*Cảm xúc*, trong tập *Thơ Thơ*, năm 1938).

Hàn Mạc Tử trong thư gửi Trọng Miên năm 1939 khẳng định: “*Cho nên tất cả thi sĩ trong đời phải qui tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời thi sĩ phải biết đem cái tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn, và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ...*”.

Sau khi đã phản bác các nhà thơ Lãng mạn, Sóng Hồng nói về nhiệm vụ xã hội của thơ ca Cách mạng: “*Dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ,/ Mỗi vần thơ: bom đạn phá cường quyền*”(Là thi sĩ. 1942).

Các nhà thơ Hậu Hiện đại làm thơ theo tư tưởng và thủ pháp Hậu hiện đại, chẳng hạn, thơ phá vỡ cấu trúc truyền thống (bài thơ không có cấu trúc, không nhân vật, không thời gian, không không gian). Thơ có những yếu tố ngẫu nhiên, hoang tưởng. Giễu nhại hoặc vòng lặp được sử dụng như thủ pháp “Giải thiêng”. Cái Đẹp không còn là tư tưởng Mỹ học của thơ. Có người làm *Thơ Rác*, *Thơ Dơ*, *Thơ Nghĩa địa*, *Thơ không thơ*. Mọi từ ngữ đều bình đẳng, không

có từ thanh, từ tục, từ bác học, hay từ bình dân (vì thế trong thơ Hậu hiện đại, có thể có nhiều từ rất tục mà thơ truyền thống không bao giờ đụng đến...)

Không thể có một định nghĩa vừa chứa đựng được bản thể của thơ, lại vừa miêu tả được mọi sắc thái của thơ. Thơ được định nghĩa tùy theo góc nhìn và mục đích của người làm thơ. Thơ con cóc của Lê Đình Bảng khác biệt rất xa với Thơ Con Cóc dân gian. Nhưng để phân biệt rạch ròi “thơ” và “không thơ”; “thơ hay” và “thơ dở” là điều không dễ dàng. Nó tùy thuộc vào cảm quan, lý tưởng thẩm mỹ, trình độ văn hóa và sự trải nghiệm của người đọc.

Tất nhiên Lê Đình Bảng làm thơ theo những nguyên tắc thẩm mỹ và thi pháp truyền thống trong thơ Việt. Thơ Lê Đình Bảng đậm chất *Tùy bút lãng mạn*. Ý tưởng “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*” của Lê Đình Bảng có thể xuất phát từ Hàn Mặc Tử: “*Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý*”...(Ave Maria). Nhưng Lê Đình Bảng có những khám phá và đóng góp mới mẻ về thơ Công giáo, cũng đồng thời góp phần làm mới thơ Việt.

Chẳng hạn, Lê Đình Bảng khai thác chất liệu Kinh thánh:

*Có lúc, lâm cảnh hàn vi, cùng quần
Vịn vào thiên kinh, vạ quyển - Sám Truyền
Lời vàng tiên tri, tổ phụ, Thi Thiên
Sáng Thế, Xuất Hành, Ai Ca, Thủ Lãnh*

(Di sản. Câu 409-413)

*Thơ còn hẹn, bao phen phong nhã nữa
Mở Sách Khôn Ngoan, Ca Điệu Sion
Với Job, Huân Ca, Thánh Vịnh, Châm Ngôn
Một dòng chảy thơ Diễm Tình trắng mật*

(Di sản. Câu 417-420)

Đặc biệt Lê Đình Bảng khai thác vốn văn hóa, lễ hội ở làng quê Công giáo kết hợp với tục ngữ, ca dao và cách nói bình dân. Lê Đình Bảng cũng khám phá thêm vốn hình ảnh, từ ngữ mới và làm mới điển ngữ thơ Trung đại khiến cho ngôn ngữ quen thuộc trở nên mới lạ.

*Những câu, chữ rưng rưng đầy nước mắt
Chết mang theo, dù nhẹ bấc, rạ rơm
Giữa chợ đời, hoa vẫn nở, vẫn thơm
Có những thứ trót hẹn lòng, để bụng*

*Nhưng tất cả là tuần hương, cầu cúng
Một đêm thôi, mở mắt, đã rục vàng
Chiều lên non, tay gõ nhịp tình tang
Làm của lễ đầu mùa, dâng tiến Chúa*

(Những nốt trầm Jobbica. Câu 413...420)

Một điều rất dễ nhận ra là, vốn từ tiếng Việt của Lê Đình Bảng thật giàu có. Ông đã in nhiều tập thơ nhưng rất ít lặp lại từ ngữ, ý tứ đã viết trước đó. Thơ Lê Đình Bảng tự nhiên như hơi thở, đặc biệt là thơ Lục bát. Xin đọc hai trường ca: *Nghêu ngao hát thương hồ* (508 câu) và *Thác lời cỏ hoa* (680 câu). Ai cũng biết làm thơ Lục bát rất dễ nhưng cũng thật khó. Nếu thiếu

vốn từ thì không thể làm nổi một bài Lục bát 20 câu đúng thi luật. Thơ Lục bát hay thơ 8 chữ của Lê Đình Bảng không chỉ chuẩn mực về thi luật mà còn lấp lánh chất tài hoa.

*Như đất, nước, làng quê ta hiền hậu
Và đôi chân theo quang gánh tang bồng
Mong sao thơ chảy mãi mãi, là sông
Chở trăm chuyến những dạt dào ngôn ngữ...*

(Di sản. Câu 357-360)

Nhà thơ Lê Đình Bảng chia sẻ “*suy nghĩ, trăn trở về thơ, về thơ Công giáo, về người làm thơ Công giáo: Phải “đổ hết máu mình ra”*”. Phải coi đó là “*một cuộc khổ nạn của những tinh hoa*”, là “*cuộc trầm mình, bơi qua biển máu*”, là “*một vượt cạn, đi tìm tự do*” và thật bình thường, như “*một cơn đau sinh nở của một người đàn bà sinh con*”^[54].

Xin chia sẻ tâm huyết của nhà thơ Lê Đình Bảng với bạn đọc và đôi điều tôi lược nhặt được bước đầu đọc trường ca của ông, một kho tàng đồ sộ trường ca Công giáo đương đại.

Tháng 01/ 2026

TÌNH YÊU CỦA THÁNH NỮ

(Đọc *Và Em. Lễ khẩn dòng* của Lê Đình Bảng. Tuổi Hoa Publishing USA 2024)

Bùi Công Thuận

Từ Hồ Xuân Hương đến Tản Đà, Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Hữu Loan, Hoàng Cầm,... thơ tình Việt Nam đã đi một chặng đường dài những thành tựu đặc sắc. Cũng đã có thơ tình yêu mang màu sắc Thiên của Phạm Thiên Thư, nhưng tìm một tập thơ tình viết bằng Mỹ học Kitô giáo thì chỉ có thơ Lê Đình Bảng.

1. Tập thơ “*Và Em. Lễ khẩn dòng*”

Và Em. Lễ khẩn dòng gồm 64 bài thơ tình yêu. Nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc nhận định: “*Cái đẹp lạ lùng ấy của tập thơ này là ở chỗ nó đi thông dong giữa hai bờ, hai cõi. Cõi trần, cõi bụi, và cõi đạo, cõi bát ngát hương hoa... Tập thơ buồn, đẹp, menh mang, ấm áp, và đầy thiết tha vẫy gọi*”.

Xin đọc các bài trong tập thơ (tôi ghi chú thêm thể thơ): Dấu yêu (Lục bát) tr.17 – Mùa trăng vu lan. (7 chữ) tr.18 – Tĩnh Tâm (7 chữ) tr.20 – Ngày mai Lễ khẩn dòng (7 chữ). tr.21 – Bên ấy bên đây (Lục bát). tr.23 - Hoa xoan tím tím (8 chữ). tr.24 - Thương tưởng (7 chữ). tr.25

⁵⁴ Lê Đình Bảng: Thư viết cho BCT ngày 26/01/2026 nhân đọc bài viết “*Lê Đình Bảng-Trường ca về thơ*”

Bạn tải các Trường ca của Lê Đình Bảng về đọc theo link:

<https://www.mediafire.com/file/r8f8v6fbb8s27bv/LĐB-12+TÁC+PHẨM+2026.rar/file>

- Tôi ru tôi một đời (Lục bát vắt dòng). tr.26 – Hương nhu (Lục bát vắt dòng) tr.27. Lên ngọn sông đào (7 chữ). tr.28 - Đồi bờ (Lục bát). tr.29 - Nếu có một mai (8 chữ). tr.30- Trong vườn ngọc lan (7 chữ) tr.31 – Thanh xuân (Lục bát vắt dòng). tr.32 - Cuối một con đường (7 chữ). tr.33 - Con gái nhà trời (Lục bát) tr.34 - Ngọc lan hương (7 chữ) tr.35 - Và em. Lễ khăn dòng (Lục bát). tr.36 - Cõi thiêng (7 chữ, vắt dòng). tr.38 - Sơn tinh Thủy tinh (Lục bát). tr.39 – Lời dâng (7 chữ vắt dòng). tr.40 - Em lễ chùa nào (Lục bát) tr.41 – chuyện lòng (Lục bát vắt dòng). tr.42 – Chiều. (Lục bát vắt dòng). tr.43 - Trong cõi hương bay (Lục bát vắt dòng). tr.44- Hoa cõi xay (7 chữ). tr.45- Chiêm bao (Lục bát). tr.46 - Tự tình với bóng (7 chữ). tr.47 - Hình như là tình yêu (Lục bát) tr.48 - Trong cơn mơ (7 chữ) tr.49 - Xa mấy quăng đồng (Lục bát). tr.50 - Những bến và bờ (7 chữ). tr.51 - Như là lễ mở tay (7 chữ). tr.52 - Giọt lệ ăn năn (5 chữ). tr.53 - Cánh thiệp màu hồng phấn (7 chữ). tr.54 – Mẫu đơn (Tứ tuyệt). tr.56 - Vu vơ (Lục bát). tr.57 - Bao giờ và chẳng bao giờ (7 chữ). tr.58 - Gửi về nơi xa lắm (Lục bát vắt dòng). tr.59 - Mai một em về nhà mẹ (7 chữ). tr.60 - Cây cải về trời (Lục bát vắt dòng). tr.61 - Ôn em một đời (7 chữ). tr.62 - Vội vã trao tay (Lục bát). tr.63 - Miền cỏ hoa (Lục bát ngắn). tr.64 - Kinh chiêu niệm (Lục bát 4 câu). tr.65 - Con mê dài (Lục bát) tr.66 - Có bày én đưa tin (Lục bát hai câu). tr.67 - Ôn trời trời cho (Lục bát 2 câu). tr.68 - Nguyện cầu (Tứ tuyệt). tr.69 - Con đi học đạo xa nhà (Lục bát). tr.70 - Tràng châu mở cảnh tràng sinh (7 chữ). tr.73 - Biết ngày nào voi (Lục bát Tứ tuyệt). tr.75 - Về phía giáo đường (Lục bát). tr.76 - Một đời con dâng hiến (7 chữ). tr.77 - Khói và mây (Lục bát). tr.81 - Nhật ký tình yêu của mai (8 chữ). tr.82 - Nghìn trùng (Lục bát 2 câu). tr. 90 - Diễm ca (Lục bát 2 câu). tr.91 -Sông chảy bốn mùa (7 chữ). tr.92 - Trong khu vườn rào kín (7 chữ). tr.93 - Nhớ hôm giỗ mẹ (8 chữ). tr. 97 - Bao giờ và bao giờ (Lục bát). tr.101 - Con cò đi đón cơn giông (Lục bát). tr.102 –

2. Đọc thơ tình Lê Đình Bảng

Nhìn vào mục lục trên, có 32 bài Lục bát (gồm 7 bài Lục bát vắt dòng), 23 bài thơ 7 chữ. Như vậy, chất Ca dao và chất thơ Lãng mạn (về Thi pháp) chiếm toàn bộ không gian nghệ thuật của tập thơ. Nhiều bài là những Ca dao mới rất hay. Xin đọc: *Con gái nhà trời. tr.34- Em lễ chùa nào tr.41- Con đi học đạo xa nhà tr.70 - Khói và mây tr.81 - Nghìn trùng tr.90 - Diễm ca tr. 91 - Con cò đi đón cơn giông tr.102.*

EM LỄ CHÙA NÀO

*Hỏi Em, chùa miếu đâu rồi
 Oì, con ghé ngõ lên đồi hay chưa?
 Ai mang phẩm oản lên chùa
 Niệm hương, khăn vái, bỏ bùa cho ai?*

*Tịnh không, một tiếng thờ dài
 Phòng riêng, gác khánh, mái ngoài tường rêu
 Ai về, tôi ngóng trông theo
 Ngán ngơ, trắng xé, ráng chiều bắt tằm*

*Lâu rồi, sao chẳng sang thăm
Cây dâu úa lá, nong tầm buồn so
Những chiều buồn, đứng co ro
Nhác trông khói nước, lưng bờ chênh chao*

*“Nàng ơi, tu ở chùa nào
Cho tôi làm tiểu, xin vào, tu chung.”*
(Tràng An, Ninh Bình, 9.2009. tr. 41)

Và không phải vô tình Lê Đình Bảng nhắc tới Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính trong những vần thơ của mình khi diễn tả tình yêu trai gái.

*Ta ở bên này, xa tít tắp
Những chiều lên khói, nhớ hoàng hôn
Nhớ vàng bông cải, câu kinh sớm
Nhớ Tháng Giêng, đồng bãi cỏ non
Chỉ một đôi đường, bao cách trở
Chẳng vì đò dọc hay đò ngang
Cầu trời, Em vững tin, bên đố
Xa lánh những bùa mê, thế gian...*

(Trong vườn ngọc lan. tr.31)

*Bây giờ, ngày tháng ra Giêng
Em là của Chúa, của riêng nhà dòng
Mỗi lần ra đứng, trông mong
Gửi hương cho gió vào trong tường rào*
(Và Em. Lễ khấn dòng. 36)

Người đọc dễ nhận ra những tứ thơ Lãng mạn trong các câu thơ trên. Huy Cận có tứ thơ: “*không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*” (Tràng giang). Trong bài *Tương tư*, Nguyễn Bính viết: “*Bảo rằng cách trở đò giang,/ Không sang là chẳng đường sang đã đành*”. Xuân Diệu có tập thơ *Gửi hương cho gió* (1945). Dĩ nhiên Lê Đình Bảng đã đem vào bầu khí thơ Lãng mạn những nội dung và tâm tình mới.

Hai không gian nghệ thuật “truyền thống” này đủ sức quyên rũ người đọc thơ Việt. Nhưng cái khó của Lê Đình Bảng là làm mới “thơ truyền thống”. Nhất là đề tài tình yêu lứa đôi cũng là đề tài “truyền thống” trong Ca dao, trong Văn học Việt và trong thơ ca Lãng mạn (1930-1945). Điều ấy đòi hỏi nhiều công sức và tài năng sáng tạo về tư tưởng và thi pháp.

Người làm thơ còn bị cuốn vào những xu hướng thi ca Việt đương đại, đó là xu thế “cách tân” thơ, và yêu cầu đem đời sống chính trị xã hội vào thơ.

Chẳng hạn, thơ Kháng chiến (1945-1975) của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Trần Mai Ninh, Chính Hữu, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Nguyễn Khoa Điềm...; cách tân thơ của nhóm *Xuân Thu Nhã Tập* (1939-1942); nhóm *Dạ Đài* năm 1946; nhóm *Sáng Tạo* (1956) ở miền Nam (Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên...), cách tân thơ của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm ở miền Bắc, và xu hướng làm thơ Hậu Hiện đại từ “đổi mới” (1986) như: Thanh Thảo,

Nguyễn Quang Thiều, Văn Cẩm Hải, Nguyễn Thúy Hằng... Ở Mỹ, Thơ Tân Hình thức của người Việt (new formalism poetry) với Khế Iêm, Đỗ Quyên...

Tôi không thấy dấu vết những nỗ lực “cách tân thơ” như vậy trong tập *Và Em, Lễ khẩn dòng* của Lê Đình Bảng. Có chăng chỉ một chút “thử nghiệm” ở những bài thơ Lục bát vắt dòng, Lục bát Tứ tuyệt và Lục bát 2 câu, hoặc Thất ngôn vắt dòng (rất hiếm). Không có bài thơ tự do nào.

Như vậy, cần phải đọc *Và Em, Lễ khẩn dòng* trong *trường thẩm mỹ* của “thơ truyền thống” mới có thể cảm nhận được cái hay và những đóng góp mới mẻ của thơ Lê Đình Bảng vào kho tàng thơ tình yêu của người Việt hôm nay. Không thể đọc *Và Em, Lễ khẩn dòng* bằng tư duy nghệ thuật Hậu Hiện đại, cũng như không thể đọc thơ Thiên vô ngôn bằng những chuẩn mực của nghệ thuật Hiện thực; hoặc nói cách khác, văn hóa thực dụng Mỹ không thể sống chung với truyền thống nghĩa tình ở miền quê Việt!

3. Thơ tình Lê Đình Bảng

Và Em, Lễ khẩn dòng gồm 64 bài thơ riêng lẻ, nhưng nếu đọc liền mạch, người đọc sẽ nhận ra cả tập thơ như một “trường ca” về câu chuyện tình (Love story) của nhân vật Tôi/ Ta. Mỗi bài thơ là một lát cắt của câu chuyện ấy. Có một thế giới nghệ thuật toàn vẹn: có không gian, thời gian, cốt chuyện, sự việc; có suy tư và diễn biến tâm trạng, số phận của mỗi nhân vật. Tôi/ Ta là *nhân vật trữ tình* trong tác phẩm không phải là tác giả (con người xã hội). Việc đồng nhất nhân vật Tôi với tác giả sẽ gây ra ngộ nhận. Dù rằng trong tập thơ có đôi chi tiết đời thực: xin đọc “*Nhật ký tình yêu của Mai*” (trường ca. tr.82), hoặc, “*Khi ấy, Em lên mười sáu tuổi/ Tôi từ Trường Tập về quê chơi*” (Lên ngọn sông đào. tr.28), hoặc: “*Mùa dịch già, cả Sài gòn đều khóc/ Nỗi buồn con, có thắm thắp gì đâu*” (Nhớ hôm giỗ mẹ. 97), nhưng câu chuyện tình yêu của Tôi đã được nghệ thuật hóa.

Bởi nếu là chuyện tình “*người thật việc thật*” giữa tác giả và một nữ tu thì việc miêu tả tình yêu lứa đôi có những giới hạn nghiêm ngặt. Mọi chi tiết miêu tả sẽ làm lộ nhân thân của nữ tu (người đang trong dòng tu), làm ảnh hưởng quan trọng đến đời tu. Điều này người làm thơ (hoặc bất cứ ai) đều không được phép xâm phạm. Cho nên, nhân vật nữ tu trong tác phẩm đã được khắc họa thành một “*thánh nữ*”, tuyệt vời thánh thiện, tinh khiết, không tì vết, không vương bụi trần, là “*người của Chúa*”. Bút pháp *lý tưởng hóa* được dùng để vẽ lại chân dung nhân vật này. Trái lại, nhân vật Tôi, hiện lên bằng bằng thủ pháp của Chủ nghĩa hiện thực, tương phản với nhân vật “*Thánh nữ*”. Tôi là người *phàm trần, tội lỗi*, bở bụi phiêu bạt, nhưng là người tình si “*thánh nữ*”. Dù có tương tư, có nhớ nhung, có đau khổ, hy vọng và tuyệt vọng, nhưng tuyệt nhiên không có cảm xúc xác thịt nhưng tình yêu trai gái trong thơ Xuân Diệu:

Xin đọc:

Trông lên

mấy nẻo thiên hà

Bởi Em

thánh nữ

bởi ta, phàm trần

(Thanh xuân. Lê Đình Bảng.Tr.32)

*Hãy sát đôi đầu! Hãy kê đôi ngực!
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!
Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai!
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng;
Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng:
“Gần thêm nữa! Thế vẫn còn xa lắm!”*

(Xa cách-Xuân Diệu-Thơ Thơ. 1938)

Tình yêu lứa đôi trong thơ Lê Đình Bảng chỉ có một ít kỷ niệm thật hồn nhiên, trong sáng, thánh thiện: kỷ niệm cùng em đi lễ, cùng trú mưa. Kỷ niệm về những chỗ hẹn: gặp Em ở những chỗ quen, ngay hàng hiên hay lối đi bên quán cà phê Gió; có hôm Em dạy đàn cho em nhỏ, “*Ôi, bàn tay xuôi nguồn tinh khiết*”; có hôm Em về muộn, có lẽ Em xung tội và Tôi nhắc Em về chùm hoa mẫu đơn nở thắm trong vườn rào kín của nhà dòng. Những hẹn hò ấy gắn liền với hình ảnh *Em đọc Thánh thư, Hoa đồng trinh Đức Mẹ, những mùa trăng tuổi mọn*; và tương phản với nhân vật Tôi, làm tôn lên vẻ đẹp thánh thiện của em và sự trong sáng của tình yêu.

*Thế là lại một Mùa Chay
Cùng Em đi lễ ngày rày, năm xưa
Hai người đứng trú cơn mưa
Thấy cây rau muống lên bờ, trông bông*

(Xa mấy quãng đồng. tr. 50)

TRONG KHU VƯỜN RÀO KÍN

*Chiều mai, hơi buốt heo may lạnh
Tan lễ, **tôi chờ Em chỗ quen**
Góc khuất, nhìn ra ngoài cửa sổ
Ai về trong gió lá, khăn len*

*Chiều mai, thứ Sáu, khi xong lễ
Tôi đợi, ngay hàng hiên, ngã tư
Phố nhỏ, chót đèn xanh lá mạ
Cho chân ngoan sẽ bước hiên từ
Như chim én nhỏ nơi bờ tổ
Tôi thoáng nghe **Em đọc thánh thư***

*Chiều mai, thứ Bảy, khi xong lễ
Em có về ngang qua **lối này**
Bên cạnh quán cà phê Gió, nhé
Dưới dàn bông giấy, hoa rơi đầy
Hình như, càng nắng, càng tươi thắm
Lặng lẽ, không hương, sao ngát ngây*

Có phải **hoa đồng trinh Đức Mẹ**
Đương vào mùa bụi phấn bay bay

Ngày kia, Chúa nhật, sang **đầu tháng**

Em bận dạy các em đệm đàn

Đó đó son mì son đó đó

Tôi nghe rộn rã tiếng organ

Ôi, bàn tay suối nguồn tinh khiết

Cả một vườn thom tho ngọc lan

Một hôm, tôi thấy **Em về muộn**

Có phải em **vừa xưng tội** không

Xin Chúa tha cho người trộm dử

Con cò lặn lội mãi ven sông

Là **tôi suốt bao năm làm lạc**

Giờ đã ăn năn và dóc lòng

Từ lúc thâm yêu và trộm nhớ

Cứ vào ra, cứ mãi trông mong

Dù cho mây kéo đen, vẫn vũ

Sấm chớp, rồi ủa ra, đổ mưa

Tôi vẫn chờ em ngang qua đây

Đường trơn, bên kia dốc nhà thờ

Và mai kia, nếu Em đi xứ

Em có về nhà mẹ, cắm phòng

Em nhớ **chùm mẫu đơn, nở thắm**

Ở trong vườn rào kín nhà dòng

Ngày xưa, nó chưa hoa, chưa nụ

Em núp sau vòm cây, nhớ không

Yêu lắm những mùa trăng tuổi mọn

Bây giờ, con sáo đã sang sông

(tr. 93)

Tình yêu ấy khởi đầu rất tình cờ

Khi ấy, Em lên mười sáu tuổi

Tôi từ Trường Tập về quê chơi

Bỏ quên kính sách trong nhà Chúa

Làm kẻ chầu nhưng suốt cả đời

(Lên ngọn sông đào. tr.28)

Nhà thơ ý thức ngay khoảng cách “*mấy nẻo thiên hà*” không thể vượt qua.

Thì ra, từ buổi Em yêu

Nụ tâm xuân đã thành điều thiêng liêng

Bây giờ, ngày tháng ra Giêng
Em là của Chúa, của riêng nhà dòng
(Và em, Lễ khấn dòng. Tr. 36)

Đã có những chói với, những hoảng hốt, những kêu thương khi người thơ không sao với tới được cõi thiêng của tình yêu

Mẹ ôi, vừa mới hôm qua
Người yêu con đã đi xa, xa rồi
Cũng đành đôi ngả đôi nơi
Trắng mây, bên ấy. Xanh trời, bên đây.

(Gửi về nơi xa lắm. Tr. 59)

Chúa ôi, cả những cơn mê
Bên này, dằng dặc. Bên kia, bời bời.
(Vội vã trao tay. Tr.63)

Em bảo, mình hy sinh, chịu khó
Làm giàu kho nhân đức mai sau
Trời ơi, nên thánh, gian nan quá
Biết vậy, mà sao vướng vít nhau
(Những bên và bờ. tr. 51)

Các bài thơ: *Ngày mai Lễ khấn dòng* (tr.21), *Và em. Lễ khấn dòng* (tr.36), *Cánh thiệp màu hồng phấn* (tr.54), và *Nhật ký tình yêu của mai* (trường ca-tr.82) là những “tâm khúc” tình yêu tuyệt vời của Lê Đình Bảng, thể hiện tài năng thi ca thiên phú của ông; giống như những tuyệt tình ca của Phạm Duy khi chia tay người tình (*Nha Trang ngày về, Nghìn trùng xa cách, Giết người trong mộng*). Người đọc chỉ lặng im nghe Lê Đình Bảng kể chuyện tình và cảm nhận cái hay của nghệ thuật thi ca; lắng nghe lòng mình về những vang dội tình yêu nghìn trùng và để cho tiếng đàn tri âm tri kỷ rung lên trong không gian giữa các tâm hồn đồng điệu.

Nồng nàn quán quýt là thế, níu giữ chặt chiu, yêu thương là thế; nhưng không sao giữ được tình yêu, vì khoảng cách không gian biên biệt, vì cách trở thời gian thăm thẳm, và vì hai người ở hai thiên hà xa xôi, không sao vượt qua được.

Trông lên
mấy nẻo thiên hà
Bởi Em

thánh nữ
bởi ta, phạm trần

(Thanh xuân. Lê Đình Bảng. Tr.32)

Em đã vào nhà dòng, thời gian cứ trôi, không gian ngày một cách trở, nhưng dan díu duyên tình không sao gỡ ra được, như chuyện tình Trương Chi-Mị Nương.

Thành ra, người thơ sống trong tương tư triền miên, nhiều khi thảng thốt kêu lên tiếng của tâm thức vô vọng, để rồi sống mà là “sống ảo” ngay trong đời thực, sống với tình yêu đơn phương, giằng xé giữa thánh thiện và trần gian, giữa lòng yêu của một con người và Thiên ý,

giữa ý muốn chiếm giữ và ý thức tôn trọng tự do của người mình yêu. Vẫn biết người ở đó, nhưng chuyện tình đành để gió cuốn đi.

*Từ nay, trong cõi thiêng liêng ấy
Em sống đời Em. Tôi với tôi
Có cố, cũng chẳng thêm được nữa
Cầm bằng, theo gió cuốn đi thôi
(Một đời con dâng hiến. tr. 77)*

Đây là những *thằng thót* yêu: *Vu vơ* (tr.57) - *Bao giờ và chẳng bao giờ* (tr.58) - *Gửi về nơi xa lắm* (tr.59)- *Con mê dài* (tr.66)- *Có bày én đưa tin* (tr.67)- *Trong khu vườn rào kín.* (tr.93)...

Đây là “sông ảo” trong đời thực: *Mai một em về nhà mẹ* (tr.60) – *Cây cải về trời* (tr. 61) - *Ôn em một đời* (tr.62) - *Có bày én đưa tin* (tr. 67) - *Con đi học đạo xa nhà* (tr.70) - *Về phía giáo đường* (tr.76) – *Một đời con dâng hiến* (trường ca. tr. 77)...

*Đợi người,
ta đã quên ta
Hoá thân dưới cội sim già
trâm tư
Oi, người khổ hạnh, chân tu
Còn bao nhiêu kiếp
thân hư hèn này?
Ta đong giọt lệ từng ngày
Gửi người trong cõi hương bay nhạt nhoà
(Trong cõi hương bay. tr.44)*

*Em bảo, còn lâu, lâu lắm đó
Một, rồi hai, ba, bốn, năm năm
Chúa ôi, mòn mỏi, trông chờ lắm
Chỉ biết cầu xin và lặng thầm
(Một đời con dâng hiến. tr. 77)*

Rồi tất cả cũng phôi pha theo trái tim mỗi mòn:

***Lượng đời đã cạn, đã vơi**
Có còn chẳng, chút tàn hơi não phiền
(Bao giờ và bao giờ. Tr. 101)*

***Thế là, bạc trắng đôi tay**
Em không bên ấy. Bên này, tôi không
Con cò đi đón cơn giông
Cái tôm, cái tép một trông, hai chờ
(Con cò đi đón cơn giông. Tr. 102)*

Nói là phối pha theo thời gian, không gian và tuổi tác nhà thơ, nhưng tình yêu “thánh thiêng” ấy đã kết tinh thành “Khôi tình Trương Chi” làm nên châu ngọc thơ tình của Lê Đình Bảng. Về thơ tình yêu Công giáo, trước và sau ông, người làm thơ Công giáo, chưa ai có được kho tàng quý giá ấy.

4. Những gì còn lại

“*Và Em. Lễ khấn dòng*” không chỉ đem đến cho thơ ca Công giáo và thơ ca Việt những bài thơ tình rất đẹp, mà còn đọng lại trong lòng người đọc yêu thơ ca truyền thống những tứ thơ có ánh mây ngũ sắc tư tưởng Mỹ học phương đông, có cái đẹp rạng rỡ tinh khôi của Mỹ học Kitô giáo, và có cái thom tho đồng ruộng, vị ngọt của dòng sông và cái hồn nhiên của con tép con tôm Việt Nam...

ĐÔI BỜ

Từ Em quảy gánh phân ly
Nẻo về, mây khuất. Nẻo đi, nguyệt tà
Chốn này, thuở trước, Em qua
Đã xanh rêu lá, đã nhòa nhạt hương
Từ Em đầu hạt mưa tuôn
Từ ta, ra mấy ngọn nguồn. Vời trông
Người về, bóng núi mênh mông
Nhớ nhung, xin hẹn một lòng, hôm mai...

(Tr. 29)

TRONG CÔI HƯƠNG BAY

Người về phương ấy xa xôi
Ta heo may, suốt một đời heo may
Một canh
một khắc
một chày
Vèo trông mấy lá
dặm đầy sương sa
Đợi người,
ta đã quên ta
Hoá thân dưới cội sim già
trầm tư
Ơi, người khổ hạnh, chân tu
Còn bao nhiêu kiếp
thân hư hèn này?
Ta đong giọt lệ từng ngày
Gửi người trong côi hương bay nhạt nhòa

CON ĐI HỌC ĐẠO XA NHÀ

.....

*Ai người đập đá, nung vôi
Lắm hôm, ngôi nắng giữa trời chông chênh
Thả trôi bè chuối lên ghềnh
Cái tôm, cái tép lênh đênh, ngược dòng*

(tr.70)

GỬI VỀ NƠI XA LẮM

*Nhiều khi
buồn bã
ban trưa
Con vô gian cuối nhà thờ
lặng thinh
Thâm thì
 làm dấu, kêu xin
Bỗng dừng
như thấy lòng mình nhẹ hơn
Ngoài trời, nắng nặng mưa tuôn
Từng cơn
 rồi lại từng cơn, ướt nhòa
Mẹ ôi,
vừa mới hôm qua
Người yêu con
đã đi xa, xa rồi
Cũng đành
 đôi ngả
đôi nơi
Trắng mây, bên ấy. Xanh trời, bên đây*

(tr.59)

Tháng 01/ 2026

BẢN TANGO VỚI CHÚA

Trường ca của Lê Đình Bảng

Bùi Công Thuấn

Chúa là cội nguồn sáng tạo trong thơ Lê Đình Bảng. Bạn đọc có thể gặp nhà thơ thưa chuyện với Chúa trong nhiều tác phẩm của ông. Dù vậy, *Bản Tango với Chúa* là một hội tụ tâm tình của Lê Đình Bảng với Chúa. Nhà thơ trực tiếp nói chuyện với Chúa như một nhân vật đời thực, qua đó bộc lộ đức tin của mình. Đây là một trường ca tự tình về đời sống tâm linh, về trải nghiệm đức tin của một Kitô hữu; và đặc biệt là, sự hé lộ những mối quan hệ sáng tạo giữa nhà thơ và nhân vật đức tin. Đức Giêsu là một con người trần gian, con người lịch sử, sống trong một bối cảnh chính trị xã hội cụ thể, nhưng Đức Giêsu cũng là Thiên Chúa. Trong thơ Lê Đình Bảng, hai bản thể này là một. Nhưng khi thể hiện, thơ Lê Đình Bảng có những khám phá khác biệt.

1. Cấu trúc của trường ca

Trường ca *Bản Tango với Chúa* có 49 khổ thơ, kiểu thơ 7 chữ. 49 khổ thơ gồm: 6 khổ 4 câu. 16 khổ 6 câu. 24 khổ 8 câu. Và 02 khổ 10 câu.

Về thể thơ, *Bản Tango với Chúa* kết hợp thơ Thất ngôn Đường luật với thơ 7 chữ của thơ lãng mạn 1930-1945. Bạn đọc thơ quen có thể nhận ra đâu là Đường luật (với thi luật chặt chẽ) và đâu là thơ 7 chữ lãng mạn (thi luật phóng khoáng hơn). Sự phối hợp này tạo ra hai sắc thái thẩm mỹ: vẻ đẹp cổ kính của Đường luật và vẻ đẹp hiện đại của thơ lãng mạn.

Câu đầu tiên của mỗi khổ thơ là Câu chủ đề. Câu thơ này mang phẩm chất lý trí của suy tưởng nghị luận. Những câu còn lại trong đoạn, triển khai chủ đề bằng những tứ thơ và những liên tưởng, những lý giải, biện luận.

Xin đọc một khổ thơ:

Chúa vẫn yêu thương con quá chừng

Thì ra, là lòng Chúa bao dung

Từ trong mạch suối nương long ấy

Vẫn rỉ ra giọt máu cuối cùng

Chúa khát, hai nghìn năm, vẫn khát

Khăn nào lau mắt lệ rưng rưng

(Khổ 5)

Câu chủ đề: “*Chúa vẫn yêu thương con quá chừng*” là một diễn ngôn trực tiếp bằng ngôn ngữ đơn nghĩa, không có hình ảnh, không có tu từ, không phải là một “tứ” thơ mà là một *luận điểm*. “*Quá chừng*” là một khẩu ngữ diễn tả tình cảm. Câu thơ thứ 2: từ khởi đầu là : “*Thì ra, là*”, là một từ ngữ dùng để giải thích. Hình ảnh “*Mạch nương long*” “*vẫn rỉ máu*” ở câu 3 và 4 là *dẫn chứng* cụ thể, làm luận cứ cho chủ đề. Người đọc sẽ liên tưởng ra hình ảnh đức Giêsu bị treo trên Thánh giá: “*một người lính lấy giáo đâm vào cạnh sườn Người. Tức thì, máu cùng*

nước chảy ra...”(Ga 19, 31-37). Hai câu cuối khổ thơ là một hành động yêu thương khác của Đức Giêsu được tác giả suy tưởng: “*Chúa khát, hai nghìn năm, vẫn khát/ Khăn nào lau mắt lệ rung rung*”. Kinh thánh tường thuật rằng: trên thánh giá, Đức Giêsu kêu lên: “*Ta khát*”(Ga 19, 28) sau đó Người gục đầu xuống và trao Thần khí. Việc Đức Giêsu kêu “*Ta khát*” đã 2000 năm, nhưng nhà thơ suy tưởng rằng, suốt 2000 năm qua, sau khi Đức Giêsu đã sống lại, Chúa vẫn “khát”. Trong thảm trạng đó của Chúa trước nhân loại, nhà thơ đã khóc thương Chúa khôn vơi, không có khăn nào lau khô được dòng nước mắt rung rung.

Cấu trúc khổ thơ trên là *kiểu tư duy nghị luận*: nêu chủ đề, giải thích chủ đề, đưa dẫn chứng làm sáng tỏ chủ đề, từ đó suy tưởng và bộc lộ cảm nhận riêng của tác giả. Tại sao nhà thơ lại dùng *kiểu tư duy nghị luận* trong *thơ trữ tình*? Câu trả lời là: *cấu trúc nghị luận* là để thuyết phục người đọc người nghe bằng nhận thức lý trí. Làm sao để nói về “*Lòng thương xót của Chúa*”? Nhà thơ đưa hai dẫn chứng: Đức Giêsu bị lính dùng giáo đâm thủng sườn, cho đến nay, sau 2000 năm, máu vẫn chảy; và, trước lúc tắt thở, Đức Giêsu kêu lên “*Ta Khát*”(khao khát cứu rỗi nhân loại, nhưng nhân loại lại vô tình).

Cả trường ca 49 khổ thơ có thể coi là một *tùy bút-nghị luận* (vừa cấu trúc *nghị luận-trữ tình* vừa liên tưởng, phóng bút theo cảm hứng). Tác giả đối thoại, “*tình tang*” (*mè nheo*) với Chúa. Câu chủ đề đứng đầu mỗi khổ thơ tạo nên nội dung chính của trường ca là:

(Ghi chú: số đứng trước mỗi dòng là số thứ tự của khổ thơ do tác giả trường ca đặt. Tác giả bài viết này **in đậm** một số chữ để lưu ý bạn đọc về những nội dung khác nhau trong cấu tứ của trường ca. Chữ *in nghiêng* là nguyên văn của văn bản trường ca)

1. **Chúa vẫn yêu con như thế sao**
2. *Chúa vẫn yêu con, vẫn đoái hoài*
3. **Chúa biết con, rau rợ, tập tàng**
4. **Chúa vẫn yêu con, như trước đây**
5. *Chúa vẫn yêu thương con quá chừng/ Thì ra, là lòng Chúa bao dung*
6. *Chúa vẫn yêu con, như thuở nào/ Cái thời, hay mộng寐, chiêm bao*
7. *Chúa vẫn yêu con, như thuở xưa/ Những hôm, nắng quái hay trời mưa*
8. *Chúa vẫn yêu con, không bến bờ/ Mà con thì vớ vẩn, lơ mơ*
9. *Chúa để dành cho con rất nhiều*
10. *Chúa vẫn yêu con như thế sao*
11. **Chúa biết con là trên trộm dử**
- 12... *Lạy Chúa, con là tên trộm dử/ Và dây leo, gai góc, bờ rào*
13. *Chúa biết con đây, chẳng có gì/ Ba gang, mười hai túi làm chi*
14. *Chúa biết con trong nhóm mã tà/ Cùng phường thảo khấu với Judas*
15. *Chúa biết con đi, chẳng trở về*
16. *Chúa biết con một thuở, một thời*
17. *Đã thấy chim đi, nắng rộn ràng/ Oi, người viễn khách có mang mang.*
18. *Chúa biết con, mê đắm, điệu dàng*
19. *Con vẫn tình tang với Chúa đây/ Trèo lên cây và để xem Thầy*
20. **Chúa đợi con bên kia Biển Hồ**
21. **Lạy Chúa, đừng chê con khó nghèo/ Cùng phường thu thuế Mattheo**

22. **Chúa đã ban cho con** quá trời/ No đây, chẳng còn chỗ nào voi
23. Chúa hiển thân, sống trọn kiếp người
24. Sao ngã đi, ngã lại mấy lần
25. Cám dỗ, trời ơi, rất ngọt ngào
26. **Khi chết**, hình như, mình nặng thêm.../
Về lại hành tinh xa tít ấy/ Cầu trời cho nước lớn, thuyền lên
27. Thôi, cứ để mình theo gió đưa
28. **Lạy Chúa, đừng bỏ con**, tội nghiệp
29. Đôi mắt bỗng trâm tư, Chúa ôi/... Làm sao con uống cạn đơn côi
30. Rót xuống giùm con, một giọt thôi
31. **Lạy Chúa, đời con** đã đủ rồi/ Thôi, về non, đập đá, nung vôi
32. Lạy Chúa, đời con đã đủ rồi/ Bao nhiêu là mặn nhạt, đầy vơi
33. Lạy Chúa, giờ, con đã mệt rồi/ Sống, mà như thể sống cảm hơi
34. Chúa đợi chờ con đến lúc nào/ ... Chúa bảo, giờ ta như kẻ trộm
35. **Con biết mình** heo may, yếu mềm
36. Chúa biết con, nhiều khi dối lòng
37. **Sao Chúa hiện ra** trong bụi gai/ Mà con thì đứng tít bên ngoài
38. Chúa hiểu, linh hồn con khát khao/ khô, hồ cạn, đợi mưa rào
39. **Con trải lòng ra** với mọi người
40. **Lạy Chúa, đừng bỏ con** rớt rơi
41. Mãi mãi, đời con luôn sẵn sàng/ Một dòng thôi, dò dọc, dò ngang
42. Hay về yên nghỉ cùng tro bụi/ **Mấy triệu năm rồi, ta héo hon**
43. **Quanh quất, tìm đâu**, một bến bờ/ Những là, cỏ dại với lau thưa
44. Chúa bảo con, trèo lên núi cao/ Ở nơi thanh tịnh và tiêu dao
45. Con mở lòng ra, ra bốn phương/... Là nghe Chúa nói thắm đầu đầy
46. **Ồn Chúa cho** rất ngọt, rất lành/ Giữa đắng cay, ngọt bùi, trợn lẩn/ Có hân hoan, mừng rỡ
47. **Con vẫn không ngừng nghỉ kiếm tìm**/ Dầu trần thân, đáy bể mò kim
48. Sau những suy vong và trụ diệt/ **Hỏi dòng sông ấy chảy về đâu**
49. **Con biết tìm đâu**, đâu lạy Chúa/Tan đàn, xẻ ghé, biết về đâu.

Nhìn vào các câu chủ đề, người đọc có thể nhận ra tác giả trò chuyện với Chúa và bày tỏ suy nghĩ riêng của “Con” (Ta) với Chúa. Tính chất “*tự tình*” này giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về con người tâm linh, con người đức tin của Lê Đình Bảng qua thơ của ông; và đó cũng là cốt lõi tư tưởng thơ của ông. Cấu trúc Nghị luận giúp người đọc dễ nắm được nội dung trường ca.

Trường ca có hai nhân vật: Chúa và Con.

2. Nhân vật Chúa

Trong trường ca này, Chúa được nhận thức là *đáng toàn năng*, *Chúa quan phòng* mọi sự, là *nhân vật đức tin* của nhà thơ.

Nhà thơ nói với Chúa: “*Chúa vẫn yêu con*” (8 khổ thơ), “*Chúa biết con*”(10 khổ thơ), *Chúa chờ đợi con* (khổ 20), *Chúa ban cho con* (khổ 22), *Ơn Chúa dư đầy* (khổ 46), *Chúa hiến thân* (khổ 23), *Chúa hiện ra* (khổ 37). Trong những điển ngôn ấy, “nhân vật Chúa” là một “thuật ngữ” Thần học (xin đọc *Tổng luận Thần học* của thánh Thomas Aquinas-*Summa Theologiae*). Chúa là nhân vật của đức tin Công giáo. Người Công giáo mặc định đức tin của mình theo Kinh thánh đã được Giáo hội Roma dạy (Kinh Tin Kính). Chẳng hạn, *Thiên Chúa là Đấng sáng tạo mọi sự* (Sách Sáng Thế), “*Thiên Chúa quan phòng*” mọi sự, xin đọc Tân Ước (Mt 6, 25-34), *Thiên Chúa là Cha nhân hậu* (Lc 15, 1-3.11-32)...

Vì thế “nhân vật Chúa” trong trường ca “*Bản Tango với Chúa*”, trước hết là Thiên Chúa, một nhân vật “ý niệm”, được nhận biết bằng đức tin. Trí khôn loài người (khoa học) không thể suy biết được.

Trong trường ca *Bản Tango với Chúa*, Chúa là nhân vật rất mơ hồ (không được miêu tả cụ thể), được “mặc định” bởi đức tin, rằng: đức Giêsu cũng là Thiên Chúa. Cho nên khi người Công giáo kêu lên “*Lạy Chúa!*”, thì lời cầu ấy hàm nghĩa cả hai, Thiên Chúa, cũng là Chúa Giêsu. Người ngoài Kitô giáo, không có đức tin, sẽ thật khó hiểu câu thơ nào tác giả nói về Thiên Chúa, và hình ảnh nào là hình ảnh đức Giêsu?

Chúa vẫn yêu con, như thuở xưa
Những hôm, nắng quái hay trời mưa
Có khi, ngồi bỗng vu vơ, nhớ
Những bóng hình xưa xa, dật dờ
Những muốn, mình vươn vai chóng lớn
Sớm chiều, ai đón và ai đưa
(Khổ thơ 7)

Khổ thơ nói về mối quan hệ của Chúa với con, nhưng Chúa trong khổ thơ này là Thiên Chúa hay là đức Giêsu?

Câu chủ đề đoạn thơ chuyên chở ý nghĩa cho cả đoạn. 5 câu thơ còn lại, có lời, có nhạc, có hình ảnh nhưng không chuyển tải thông tin (ngôn ngữ rỗng), không có chức năng giải thích cho chủ đề, thành ra, người đọc không thể hình dung ra nhân vật “Chúa” như thế nào. Khổ thơ có màu sắc tài hoa (tài dùng từ, dùng hình ảnh) song không chuyên chở tư tưởng, cũng không có bóng dáng hiện thực. Nôm na, nghĩa đoạn thơ diễn thành văn xuôi là như thế này: thuở xưa, “con” *ngồi nhớ vu vơ những bóng hình dật dờ, dù là trời nắng quái hay mưa*. “Con” *mong mình chóng lớn và có người đón đưa!* Cái ngày xưa ấy con đã được Chúa yêu như Chúa yêu con bây giờ.

Người kể không miêu tả không gian, không ghi nhận năm tháng nào trong đời, không xác lập bối cảnh xã hội “thuở xưa” của tác giả. Đó là thời chiến tranh Việt Nam, thời khó khăn sau 1975, hay thời tác giả định cư ở nước ngoài? Nhân vật “Con” cũng không có chân dung, không có quan hệ gia đình, làng xóm... Vì thế thơ không bám vào hiện thực để thể hiện tư tưởng. Cả khổ thơ chỉ có một ý chủ đề: ...*đến hôm nay, “Chúa vẫn yêu con như thuở xưa”*.

Vì nhân vật “Chúa” mơ hồ như vậy nên nhà thơ đứng cách rất xa Chúa.

Sao Chúa hiện ra trong bụi gai
Mà con thì đứng tít bên ngoài

*Chỉ trông lửa cháy lên nghi ngút
Và sấm sét rền vang, đécc tai
Chúa của bên kia bờ Cự Ước
(khô 37)*

Vâng, Cự Ước là lịch sử (có chất “Thần thoại”) của dân tộc Israel: từ thuở tạo dựng, đến thời các tổ phụ (Abraham, Isaac, Jacob), cuộc xuất hành khỏi Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Môi-se, thời kỳ chiếm Đất Hứa (Giô-suê), các Thủ lãnh, thời Vương quốc thống nhất (Đa-vít, Sa-lô-môn), chia đôi vương quốc, lưu đày Babylon và thời kỳ hậu lưu đày (Ba Tư) [Wiki]. Chúa là Thiên Chúa của dân Israel, chỉ các Tổ phụ như Abraham, Isaac và Jacob mới tiếp cận trực tiếp với Thiên Chúa. Ở Việt Nam có truyền thuyết “*Con rồng cháu tiên*”, cùng một thời điểm lịch sử với lịch sử dân Israel.

Một “*Thiên Chúa ý niệm*”, Thiên Chúa “*Thần thoại*” như thế thì nhà thơ mãi kiếm tìm.

*Sau những suy vong và trụ diệt
Hỏi dòng sông ấy chảy về đâu
Hỏi dòng sông ấy ra muôn ngả
Hỏi sóng to, sóng nhỏ, bạc đầu
*Có chở hết trăm luân, nghiệp chướng
Hay còn nặng nợ với thương đau*
(khô 48)*

***Con biết tìm đâu, đâu lạy Chúa**
Tan đàn, xẻ nghé, biết về đâu*
(2 câu kết-khô 49)

Trái lại, những tứ thơ về Đức Giêsu, thì sinh động, cụ thể hơn. Lê Đình Bảng tường thuật lại Tân Ước, và dùng hình ảnh Tân Ước làm tứ thơ diễn tả suy nghĩ riêng của mình. Hồn thơ trở nên tinh khôi và sống động, rất giàu chất nhân văn

*Con vẫn tình tang với Chúa đây
Trèo lên cây và để xem Thầy
Bởi con thấp bé nhẹ cân lắm
Đường hẹp, người đông, chen chúc đây
Chẳng lẽ lên mái nhà, giữ ngói
Người ta lại bảo, mình đu dây
Hôm nay, Thầy ghé nhà con vậy
Thứ Sáu, xin mời ăn bữa chay*
(Khô thơ 19)

*Chúa đợi con bên kia Biển Hồ
Mỗi đầu ngày, sáng sớm, tinh mơ
Mỗi trưa, giữa ngọ, ban chiều nữa
Và mỗi đêm về, trong giấc mơ...*
(Khô thơ 20)

Khô thơ 19, nhà thơ nói chuyện “*tình tang*” với Chúa: *mời Thầy ghé nhà dùng cơm, nhưng hôm nay thứ Sáu, Thầy ăn bữa chay*. Nhà thơ kể lể dí dỏm, vui đùa. Con định trèo lên cây và để xem Thầy, vì con thấp bé, vì đường hẹp, đường đông, con không chen được. Lê Đình

Bảng mượn hình ảnh ông Gia Kêu đón đức Giêsu đến nhà (Lc 19, 1-10): “*vì người ta đông quá, mà ông lại thấp bé. Vậy ông chạy lên trước, trèo lên một cây sung để nhìn xem Người, vì Người sắp đi ngang qua đó...*”. Đức Giêsu bảo ông ấy rằng: “*Hôm nay nhà này được ơn cứu độ, bởi người này cũng là con cái Abraham. Vì chung Con Người đến tìm kiếm và cứu chữa điều gì đã hư mất*”(Lc 19, 9-10). Nhà thơ không giàu có như Gia Kêu, nên chỉ mời Chúa dùng cơm chay! (Nói đùa thôi mà!).

Khổ thơ 20, nhà thơ nhắc đến những lần đức Giêsu đứng đợi các môn đệ ở bên kia Biển Hồ (hồ Tibériade) trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Chúa mời gọi các môn đệ đầu tiên là Simon, Anrê, Giacôbê và Gioan khi họ đang ở bờ hồ (Mt 4, 18-22). Lần khác, đức Giêsu cho các môn đệ qua bên kia hồ để Ngài lui về cầu nguyện. Khi màn đêm buông xuống, con thuyền bị sóng và gió xô giạt. Khoảng canh tư, Người đi trên mặt biển mà đến với các môn đệ (Mt 14, 22-33); một lần khác, đức Giêsu đứng bên bờ hồ (Lc 5, 1-11), Ngài nhờ Simon chèo thuyền ra xa bờ một chút rồi Người ngồi để giảng cho đám đông. Giảng xong, Người bảo Simon chèo ra chỗ nước sâu thả lưới. Simon làm theo lời Chúa. Họ bắt được rất nhiều cá, đến nỗi hầu như rách cả lưới. Họ đưa thuyền vào bờ, rồi bỏ hết mọi sự mà theo Người. Ý nghĩa của những lần đức Giêsu đứng ở bên bờ hồ và dạy bảo các môn đệ được Lê Đình Bảng tích hợp trong khổ thơ. Nhà thơ được Chúa gọi như Simon xưa, được Chúa che chở như khi các môn đệ trên thuyền gặp giông bão, được Chúa cảm hóa để rồi nhà thơ buông bỏ để đi theo Ngài.

Nhân vật Chúa là đức Giêsu trong những hoàn cảnh cụ thể được trình thuật trong Tân Ước, vì thế nhà thơ hóa thân vào các môn đệ Chúa để trò chuyện rất thân tình và tự nhiên với Ngài.

*Chúa đã ban cho con quá trời
No đầy, chẳng còn chỗ nào vui
Con xin một, Chúa cho muôn một
Hứng cả hai bàn tay, đã đời
Chúa bảo, khi treo lên thánh giá
Hỏi con, còn đủ sức, còn hơi
Để kêu một tiếng thôi, ta khát
Ôi, được làm Con Đức Chúa Trời
(Khổ thơ 22)*

3. Nhân vật “Con”

“Con” là đại từ nhân xưng nhà thơ dùng khi nói chuyện với Chúa. Đây là nhân vật trữ tình trong tác phẩm (cũng là tác giả tự tình). Con nói chuyện với Chúa thực ra là tự bộc bạch, “...*trái lòng ra với mọi người*”(khổ thơ 39), “*Con mở lòng ra, ra bốn phương*”(45); tự “xét mình”, tự nhìn lại cuộc đời từ lúc còn thơ đến khi “*Nhờ mai, trăm tuổi, mồ xanh cỏ*”(khổ thơ 49).

Nói cách khác, trường ca *Bản Tango với Chúa* là một “tiểu sử” tự bạch của tác giả về những nghĩ suy tâm linh, về đức tin, trong tương quan với con đường số mệnh nhà thơ đã đi qua. Bây giờ đang ở trạm cuối cùng của cuộc đời, chờ ngày về với Chúa, nhà thơ nhìn lại đời mình và nhìn về phía trước (tôi không dùng chữ “tương lai”).

Nhà thơ, có lúc rất thành tín, lại có lúc vui đùa hồn nhiên trẻ thơ và nhiều khi trầm tư vô vọng, nặng trĩu như hòn đá trơ trên đỉnh non ngàn. Lời tự bạch có khi là lời Ca dao mộc mạc gần gũi, có khi trang trọng như văn chương bác học trong cổ thi, và có khi là lời của những phận người “*dưới đáy*”(chữ của M. Gorky) xã hội.

Trước hết, “Con” nhận biết “*Chúa yêu thương con*”, “*Chúa đã hiến thân*” làm người, nhận chịu đau khổ để cứu rỗi nhân loại. Chúa đã ban cho Con đủ đầy ơn Chúa, Con bé nhỏ như hạt bụi và yếu đuối. Con cũng chẳng có gì. Vậy mà con lại phản bội Chúa như Judas. Con cầu xin Chúa đừng bỏ Con. Con cảm ơn Chúa, nhưng “*. Bao nhiêu lời cảm ơn cho đủ*”.

Những nghĩ suy bộc bạch như thế là nhận thức Thần học mà mọi Kitô hữu đều được Giáo hội dạy. Người theo đạo coi đó là đức tin của mình. Khám phá đức tin của nhà thơ là ở những trải nghiệm, và ở thái độ diễn ngôn. (ghi chú: số đứng sau câu thơ là số thứ tự khổ thơ).

Chúa vẫn yêu thương con quá chừng (5)

Chúa biết con đây, chẳng có gì (13)

*Chúa biết con trong nhóm mã tà
Cùng phường thảo khấu với Judas* (14)

*Chúa biết con, mê đắm, điệu dàng
Nửa đời, nửa đoạn cú lang thang* (18)

Chúa biết con, nhiều khi dối lòng (36)

Chúa đã ban cho con quá trời
No đây, chẳng còn chỗ nào voi (22)

Chúa hiến thân, sống trọn kiếp người (23)

Lạy Chúa, đừng bỏ con, tội nghiệp (28)
Lạy Chúa, đừng bỏ con rớt rơi (40)

Bao nhiêu lời cảm ơn cho đủ
Ơn Chúa cho rất ngọt, rất lành (46)

Phần đời riêng của nhà thơ được thuật lại bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh gây ấn tượng. Đó là đời nghèo, phiêu bạt, một phận nhỏ li ti, một thân dây leo bờ rào, một nhân thân “*chẳng ra gì*” trong xã hội, dù có “*ăn nhờ ở đậu*” thì cũng chỉ là tạm bợ. Cứ mãi chờ mong, kiếm tìm, “*Hỏi dòng sông ấy chảy về đâu*”(48), mong ngày “*binh yên nhắm mắt lia đời*”(33)

Chúa vẫn yêu con, như thuở nào
Cái thời, hay mộng寐, chiêm bao
Buồn, vui, sầu lụy và hay khóc (6)

Lạy Chúa, con là tên trộm dử
Và dây leo, gai góc, bờ rào
Là loài cây dại, không hoa trái (12)

Chúa biết con, mê đắm, điệu dàng
Nửa đời, nửa đoạn cứ lang thang (18)

Lạy Chúa, đừng chê con khó nghèo
Cùng phường thu thuế Matheo
Ngồi tro thân giữa nơi phường phố
Của đám người, hoa trôi, bọt bèo
Sống đấy, mà coi như đã chết (21)

Sao ngã đi, ngã lại mấy lần
Không còn nước mắt để ăn năn (24)

Thôi, cứ để mình theo gió đưa
Kéo cửa lùa xẻ, ăn cơm vua
Cái thân đồng nát ve chai ấy
Vạ vật, lang thang ở cổng chùa (27)

Con biết mình heo may, yếu mềm
Mỏng như tơ, chậm chạp như sên
Ăn nhờ, ở đậu thôi, quanh quéo
Có khá hơn, nhưng chẳng bõ bèn (35)

Đã mấy mùa tha hương, viễn xứ
Bao nhiêu là chồng chất, đa mang
Khi ngồi trên đống tro tàn, khóc
Cơ nghiệp, đành thôi, phải bỏ ngang (41)

43. Quanh quất, tìm đâu, một bến bờ
Những là, cỏ dại với lau thưa
Chờ xem, nước có lên, về kịp
Hò hẹn ở bên kia Biển Hồ

Lạy Chúa, giờ, con đã mệt rồi
Sống, mà như thể sống cảm hơi
Qua ngày, qua buổi, mong chi nữa
Giọt nước, hạt cơm ai vãi rơi
Hỏi đến bao giờ, ngày tận thế
Để bình yên, nhắm mắt, lìa đời (33)

Trong khi nhìn lại đời mình, Lê Đình Bảng không đặt suy tư trên hệ triết học phương đông hay phương tây. Ở phương đông, Phật dạy “Đời là bể khổ”. Nguyên nhân của “Khổ đế” là lòng dục. Phương tây nhìn hiện sinh là “Hiện sinh quy tử”-Being toward death (M. Heidegger -1889-1976). Lê Đình Bảng không lý giải tại sao phận mình lại nhỏ li ti như dây leo bờ bụi, lại tha phương giữa “đám người, hoa trôi, bọt bèo/ Sống đấy, mà coi như đã chết” (21). Nhà thơ chỉ kể lại cái thực tại đời mình cùng những nghĩ suy về thân phận mình, cả những nỗi niềm, những tâm trạng thật của một con người (*Lạy Chúa, giờ con đã mệt rồi/ Sống, mà như thể sống cảm hơi*), trong tương quan với Chúa và cầu xin được *bình yên nhắm mắt lìa đời*.

Không cầu xin Chúa thứ tha và cho mình về Thiên đàng như tên trộm lành (Lc 23, 43). Tôi nghĩ, đó là một thái độ hiện sinh vượt lên thân phận.

Có lúc, nhân vật “Con” vượt thoát ra ngoài cái thân phận “*ngồi khuất trong cô tịch*” của “*huyết mộ*” (29), mà cất mình lên, chuyển hóa thành *Cái Ta* trong cái vô cùng của *Đại ngã* (tư tưởng của Upanishad).

17. *Đã thấy chim đi, nắng rộn ràng*
Oi, người viễn khách có mang mang
Nằm nghe cỏ biếc thơm ngày mới
Đừng gọi chiều xanh ngát tuổi vàng
Vẫn một vòng hương bay tóc rối
Đâu nghìn con nước ngó Xuân sang
Say sưa ta cũng lưng hồ rượu
Ruổi ngựa hồng qua bước vội vàng

42. *Người trẩy về phương xa, thượng nguồn*
Emmaus hê, xóm lạ, đường trơn
Một làng nhỏ tấp, như con kiến
Xanh lục tràng giang, xanh núi non
Từ buổi chim đi bờ bãi ấy
Mỗi chiều, ra ngóng những hoàng hôn
Hay về yên nghỉ cùng tro bụi
Mấy triệu năm rồi, ta héo hon

26. *Khi chết, hình như, mình nặng thêm*
Mình như người nằm mộng, nghe kèn
Ngày mai, bông súng, ta về nhé
Sa ngã nào, cũng tại ta yếu mềm
Ngày mai, mai một, ai cầm chắc
Có sống trăm năm, chẳng bỏ bèn
Về lại hành tinh xa tít ấy
Cầu trời cho nước lớn, thuyền lên

Người đọc sẽ ngạc nhiên vì trong hai khổ thơ trên, không có bóng dáng nhân vật *Chúa*, cũng không có nhân vật xưng *Con*. Nhân vật trữ tình bây giờ là “*Ta/ Mình/ người viễn khách*” giang hồ vượt ra ngoài vũ trụ quan, nhân sinh quan Kitô giáo.. Không gian bây giờ là “*ngày mới thơm cỏ biếc, có nắng rộn ràng, nghìn con nước mang mang, Ta “lưng hồ rượu, ruổi ngựa hồng”, “Cuộc sống trăm năm chẳng bỏ bèn”*. Bởi vì: “*Mấy triệu năm rồi, ta héo hon*”. Ta “*Về lại hành tinh xa tít ấy*”, (không rõ ở đâu) bằng con thuyền vượt lên trên nước lớn (“*Cầu trời cho nước lớn, thuyền lên*”). Cảnh được gọi ra như là một thế giới viễn tưởng, đầy lãng mạn, người thơ đã vượt qua tử sinh, hoàn toàn tự do trong không gian thời gian cao rộng (“*Có sống trăm năm, chẳng bỏ bèn*”; “*Khi chết... Mình như người nằm mộng*”...).

Thực ra, những *lãng mạn tư tưởng* như trên chỉ là những phú “*ngẫu hứng*” thi nhân của Lê Đình Bảng trong *Bản Tango với Chúa*. Điều làm quặn lòng người đọc bây giờ là nỗi cô đơn,

nổi đời chờ cái chết trong tâm thức nhà thơ, như kết thúc một kiếp người trong cõi nhân gian. Dù vậy, cả trường ca *Bản Tango với Chúa* là niềm cậy trông vô bờ của nhà thơ vào Chúa.

32. *Lạy Chúa, đời con đã đủ rồi*

*Bao nhiêu là mặn nhạt, đầy vui
Con không mơ ước gì hơn nữa
Đã tận cùng bằng số đầy thôi
Đã lặn chìm sâu nơi đáy nước
Cố ngoi lên, gỏi sổng mà bơi*

33. *Lạy Chúa, giờ, con đã mệt rồi*

*Sống, mà như thể sống cảm hơi
Qua ngày, qua buổi, mong chi nữa
Giọt nước, hạt cơm ai vãi rơi
Hỏi đến bao giờ, ngày tận thế
Để bình yên, nhắm mắt, lìa đời*

Lời bạt

Tôi thích đoạn thơ Lê Đình Bảng mời đức Giêsu vào nhà mình dùng cơm chay (vì hôm nay thứ Sáu, theo thói quen của Giáo hội, giáo dân ăn chay, kiêng thịt thứ Sáu. Nhà thơ nói đùa thôi mà!)

*19. Con vẫn tình tang với Chúa đây
Trèo lên cây và để xem Thầy
Bởi con thấp bé nhẹ cân lắm
Đường hẹp, người đông, chen chúc đây
Chẳng lẽ lên mái nhà, giỡ ngời
Người ta lại bảo, mình đu dây
Hôm nay, Thầy ghé nhà con vậy
Thứ Sáu, xin mời ăn bữa chay*

Đoạn thơ hiện ra điều này: cuộc sống có Chúa sôi nổi vô cùng, tràn đầy sự sống và hy vọng; tràn đầy niềm vui. Hình ảnh Chúa gần gũi, thân thiện. Ngài ở giữa đám đông, rất bình an và chân chất. Không gian thơ tràn đầy niềm vui Kinh thánh, ngôn ngữ thơ lại rất hiện đại, ngầm chứa chất hài Việt hiền lành (“*Bởi con thấp bé nhẹ cân lắm*”; “*Người ta lại bảo, mình đu dây*”). Từ vựng đương đại có chữ “*đu trend*”, nghĩa là chạy theo phong trào, theo xu hướng). Đoạn thơ ghi lại chân thực tường thuật của Kinh thánh, cảnh ông Gia kêu mời Chúa đến nhà (Lc 19, 1-10), cảnh người ta lên mái nhà, dỡ ngói ra, thả người bệnh cùng với cái giường xuống ngay chính giữa, trước mặt Đức Giê-su, xin Ngài chữa lành cho bệnh nhân (Lc, 5, 17-26); nhưng cũng đồng thời mở ra thế giới tâm hồn nhà thơ hân hoan khi mời Chúa đến nhà mình dùng cơm chay.

Có lẽ đây là đoạn thơ khắc họa được, rất riêng, mối quan hệ của nhà thơ (hôm nay) với Đức Giêsu (cách nay hơn 2000 năm). Chúa đến, như Ngài đang ở giữa chúng ta hôm nay, Ngài mang đến niềm hân hoan của sự thứ tha (Lc 5, 20), ơn chữa lành (Lc 5, 24) và sự Cứu rỗi (Lc 19, 9).

Ước gì, mỗi tín hữu Kitô giáo đều mời được đức Giêsu đến nhà dùng cơm chay như nhà thơ. Bởi sự hiện diện gần gũi, thân tình của đức Giêsu cũng là sự đổ tràn ơn tha thứ, ơn chữa lành và Ôn Cứu Độ của Chúa cho chúng ta, bất kể chúng ta là kẻ tội lỗi hay kẻ thấp bé kém cỏi (như Gia Kêu bị coi là kẻ tội lỗi- Lc 19, 7).

Tháng 2/2026

NGHÊU NGAO HÁT THƯƠNG HỒ.

Trường ca 127 khổ thơ Lục bát. Lê Đình Bảng.

Bùi Công Thuận

*1. Quanh năm, làm kiếp thương hồ
Nước sông, gạo chợ, con đò lênh đênh*

*10. Quanh năm theo gió, theo mưa
Còn bao nhiêu, cứ tha hồ rong chơi
Làm sao ăn hết của trời
Nước sông, gạo chợ, dễ người, dễ ta*

*77. Đâu đâu, cũng kẻ là nhà
Ăn nhờ, ở đậu qua loa đôi ngày
Chập chờn, như cánh chim bay
Mỗi năm chờ lũ, sóng vây khắp miền*

Đó là những “*câu hát nghêu ngao*” của một *gã thương hồ*.

“*Nghêu ngao*” là hát bằng qươ, không bài bản, không chủ đích. Về âm nhạc, hát nghêu ngao là mát mẻ, không hòa âm phối khí, không cần tuân thủ nhạc luật. Người ta hát nghêu ngao khi lòng thanh thoi, rộng mở trước đất trời, tràn ngập cảm xúc trước cảnh vật. Thế nên *Nghêu ngao hát thương hồ* là một bài ca của hồn thơ Lê Đình Bảng rộng mở trước cuộc sống trên quê hương mình.

Nhà thơ trên “*con đò lênh đênh*”, ra đi, “*tha hồ rong chơi*” không bến bờ, không nhà trú nắng che mưa, “*Đâu đâu, cũng kẻ là nhà*”, không bị ràng buộc bởi bất cứ điều gì. Khát thì có *nước sông* (nước lũ dưới sông, mức lên uống ngay, không cần đun sôi, nước của trời ngọt lành), đói thì có gạo mua ngoài chợ (*gạo chợ*, ở miền tây, chợ nào cũng có). Miền tây sông nước, “*Mỗi năm chờ lũ, sóng vây khắp miền*”. Con người chan hòa với nhau, “*dễ người, dễ ta*”. Nhà thơ cất lên tiếng hát thương hồ, tự nhiên, từ tận đáy lòng mình, như người miền tây thường hát hò trên sông nước. Tâm hồn phóng khoáng cõi mở và an nhiên. Thiên nhiên Nam bộ đầy mật ngọt hoa thơm, đầy tình thân con người.

Những lời *hát nghệ ngao* ấy là hồn cốt của trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ*.

Trường ca có 127 khổ thơ. Mỗi khổ thơ thường có 4 câu. Nội dung là những vùng miền ký ức khác nhau.

Phần I (khổ 1-91): kể lại *chuyến chơi xa* khắp miền sông nước tây Nam bộ.

Phần II (khổ 92-111): nhớ về quê hương Ninh Bình (miền Bắc).

Phần III (khổ 112-127): là tâm tình (hiện tại) của người xa quê.

Tác giả hoàn thành trường ca này ngày 21/01/2026, khi đang định cư tại nước ngoài và đã nhiều tuổi. Ông sinh năm 1942, quê Thái Bình (năm 2026, ông đã 85 tuổi).

Hai phần đầu của trường ca là hồi ức một thời tuổi trẻ, phần cuối giàu chất suy tư về thực tại. Ở tuổi trời của ông, trường ca này có thể là những “*lời gan ruột*” của Lê Đình Bảng về quê hương đất nước, khi mà: “*Nẻo về, xa tấp, mệnh mông/ Hỏi khuya quạnh vắng, dậm buồn, trăng soi*”(115).

Nhân vật trữ tình trong thơ vừa trong vai một *thương hồ*, vừa là một *thi nhân* lãng mạn, vừa có cốt cách của *hiền nhân* xưa trở về với thiên nhiên, như Nguyễn Trãi về Côn Sơn (*Côn Sơn ca*) hay nhân vật “*Khách*” ngao du sơn thủy trong *Bạch Đằng Giang Phú* của Trương Hán Siêu:

“*Khách có kẻ:*

Giương buồm giông gió chơi vui,

Lướt bể chơi trăng mái miết.

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương,

Chiều lân thăm chừ Vũ huyệt.

Cửu Giang, Ngũ Hồ,

Tam Ngô, Bách Việt.

Nơi có người đi,

Đâu mà chẳng biết...”

(Bạch Đằng Giang Phú- Trương Hán Siêu. Bản dịch của Đông Châu, Bùi Văn Nguyên)

Ẩn bên dưới những chuyến đi, trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ* là **tiếng nói trữ tình** của nhà thơ. Và dõi theo hành trình sáng tác của Lê Đình Bảng, trường ca *Nghêu ngoai hát thương hồ* là một tác phẩm duy nhất được viết bằng **bút pháp hiện thực**. Về thể loại, trường ca này được viết bằng **Lục bát, rất đậm chất ca dao**. Lê Đình Bảng chuyển hóa được thi pháp Ca dao thành thơ trữ tình của riêng ông, một hướng đi mà nhiều nhà thơ Việt đương đại nỗ lực vươn tới, nhưng sau Nguyễn Bính, có rất ít nhà thơ thành công.

1. Hát thương hồ khắp miền sông nước tây Nam bộ

Đây là hành trình của nhà thơ.

2. Về thăm cây kiếng **Cái Mon**

Bốn mùa ngậy ngát mùi thơm hoa tràm

Đây vườn, những bưởi, cùng cam

Hiu hiu đầu gió, trâu nằm ruộng sâu

Từ Cái Mon (Bến Tre), nhà thơ về rừng ngập mặn Năm Căn (Cà Mau).

59. *Dàn phoi, lưới đáy dăng dăng*
Về rừng ngập mặn Năm Căn, tối trời

Từ Cà Mau về Ninh Kiều-Cần Thơ, qua Vàm Cống-An Giang phải đi phà. Dòng sông rộng, nhìn không thấy bờ bên kia. Ghé thăm những địa danh Rạch Miễu, Đầm Dơi, thăm sóc của người Miên, và nhìn sang xứ Chứa Tháp (Cambuchia).

66. *Về ăn bánh cống Ninh Kiều*
Thuyền qua sông nước máy chiều Tây đô
Ghé phà Vàm Cống, Cần Thơ
Thấy em ở tí con đò trôi xa

68. *Qua phà Rạch Miễu rong chơi*
Từng đoàn xe khách nối đuôi năm chờ

76. *Trái, hoa trên ngọn cây sào*
Theo thuyền chợ nổi, ghé vào Đầm Dơi

78. *Ngang qua phum sóc người Miên*
Có cây thốt nốt, tối đèn om om
Chiều nay, theo đám ghe vòm
Em sang Chùa Tháp, tôi còn nhớ ai.

Và khi “Em sang Chùa Tháp”, tức là Cambuchia (quen gọi là *xứ Chùa Tháp*). Người Cambuchia được gọi là người *Miên*), thì nhà thơ dừng bước.

Đặc điểm của các địa danh và hành trình chuyến đi đã được nhà thơ ghi rất rõ như một ký sự nên tôi không diễn giải gì thêm. Nhưng phải trực tiếp cùng với nhà thơ trong chuyến hành trình sông nước miền tây mới cảm nhận được những gì ông ghi nhận. Bạn đọc là người vùng miền khác thì cần theo chân nhà thơ bằng một bản đồ du lịch tây Nam bộ, có vậy, đọc thơ Lê Đình Bảng mới thấy thú vị.

Thí dụ, bạn không tận mắt chứng kiến “Chợ nổi” thì khó mà hiểu được “chợ nổi” sinh hoạt thế nào. Nó rất khác với khu chợ họp trên một mảnh đất làng. Nhưng nhà thơ chỉ ghi nhận “chợ nổi” bằng một chi tiết lạ.

Trái, hoa trên ngọn cây sào
Theo thuyền chợ nổi, ghé vào Đầm Dơi (76)

Ừ! hoa trái luôn ở trên cây xanh, sao nhà thơ lại viết *trái, hoa trên ngọn cây sào!*

Chợ nổi họp trên sông, người buôn bán thường cắm sào xuống sông để buộc thuyền cho khỏi trôi. Và, tiện thể, người ta treo hoa, trái, hàng hóa trên cây sào để khách mua dễ nhìn thấy đặc sản của từng ghe thuyền. Một sự việc rất đời bình thường nhưng đã được nghệ thuật hóa thành một “tứ thơ” lạ.

Cũng vậy, ở Cái Môn, bạn đọc đang cùng nhà thơ say sưa với mùi thơm cây trái ngọt lành, nhà thơ bỗng phát hiện:

Đầy vườn, những bưởi, cùng cam
Hiu hiu đầu gió, trâu nằm ruộng sâu

Thông thường, người ta thấy con trâu cày vất vả trên đồng cùng với người nông dân: “*Trên đồng cạn dưới đồng sâu/ Chông cày vợ cấy con trâu đi bừa*” (Ca dao). Nhưng nhà thơ chợt thấy con trâu nằm trong vườn đầy bưởi, cam thơm, đầu ngọn gió hiu hiu. Quả là một bức tranh hiếm gặp và là một tứ thơ lạ, bất chợt. Vườn đầy cây trái gợi ra sự no ấm, ngọt lành, thơm thảo. Con trâu nằm nghỉ, đầu ngọn gió hiu hiu, nhàn nhã, thanh thoi, như một hiền nhân (Truyền thuyết kể rằng, Lão Tử cưỡi trâu đi ngao du, sau thành Thái Thượng Lão Quân. Phật giáo có tranh *Thập mục ngư đồ*, vẽ 10 bức tranh chăn trâu thể hiện con đường tu tập Thiền). Câu thơ vẽ ra cảnh rất thực nhưng lại giàu có về tư tưởng và cảm xúc thẩm mỹ. Miền tây Nam bộ cảnh vừa đẹp, vừa no ấm thanh bình vừa rất nên thơ lại giàu chất phương đông. Bối cảnh ảnh con trâu cũng là đặc trưng của đồng quê Việt, đặc trưng của vẻ đẹp Việt mộc mạc, chân chất và rất nhân ái. Hình ảnh ấy được nhà thơ Lê Đình Bảng đưa vào thơ như một sự nối tiếp những nguồn mạch tư tưởng và thẩm mỹ của Ca dao Việt.

2. Thi pháp Ca dao

Trong trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ* có nhiều phát hiện mới lạ như vậy. Nói thật đúng, Lê Đình Bảng góp thêm *Ca dao mới* cho kho tàng Ca dao Việt. Ông **sử dụng Thi pháp ca dao** để ghi lại đời sống, sinh hoạt của miền quê Việt hôm nay (Ca dao xưa chủ yếu là ở nông thôn), và qua đó chuyển tải những tình tự quê hương của mình.

Thi pháp là các yếu tố hình thức, phương thức cách kiến tạo cùng với ý thức thẩm mỹ của nhà văn để làm ra tác phẩm. *Nghiên cứu Thi pháp học* là nghiên cứu *con đường sáng tạo* của nhà văn. Từ đó tìm ra tư tưởng thẩm mỹ, đối tượng sáng tác, vùng miền hiện thực được hướng về; khám phá các yếu tố của cấu trúc tác phẩm là thời gian, không gian nghệ thuật, nhân vật, ngôn ngữ, diễn đạt, tu từ, giọng điệu và cách diễn ngôn...

Ca dao thường được viết bằng thể thơ Lục bát (Đồng dao là thơ 4 chữ), **điệu nói**, hướng về người đọc (khác với thơ *trữ tình*, *độc thoại* hướng vào nội tâm). Ca dao sử dụng **Thể Phú**, **Thể Tỷ** và **Thể Hứng** là 3 phương thức diễn đạt chính. **Phú** là miêu tả hoặc kể lại sự việc (tự sự), thể **Tỷ** là so sánh ví von. Thể **Hứng** là mượn sự việc gợi hứng rồi nhân đó dẫn vào câu chuyện (Thí dụ ca dao: “*Trèo lên cây bưởi hái hoa...*”). Trong Ca dao, cả ba “**Thể**” này là đặc trưng phương cách sáng tác, chúng tạo ra những giá trị thẩm mỹ rất giàu có và rất riêng.

Ngoài ra, Ca dao còn dùng **rất nhiều phép tu từ** như *phép trùng điệp*, *ẩn dụ*, *ngoa ngữ*, *chơi chữ*, *nói tránh*, *nói giảm*, *phép đối*; có cả *tu từ cú pháp*.

Hình ảnh của ca dao là *hình ảnh cụ thể biểu cảm* trực tiếp, khác với “*tứ thơ*” thường là hình ảnh tư tưởng, diễn đạt bằng ẩn dụ. Thí dụ ca dao: “*Em về anh nắm cổ tay/ Anh hỏi câu này, có lấy anh không?*”. Vì thế Ca dao đọc lên là hiểu ngay, không cần diễn giải.

Ca dao xây dựng nhiều **mô tip** (motif) riêng, thí dụ mô tip “*nhớ*” (*Khăn thương nhớ ai/ Khăn vắt lên vai...*; *Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ/ Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai...*)

Về **nội dung**, Tục ngữ là *câu nói dân gian* chứa đựng kinh nghiệm và minh triết Việt. Trái lại, Ca dao là *bài hát*, là *tiếng nói tình cảm* của người bình dân. Ca dao Việt Nam có nhiều

bài rất hay về tình yêu lứa đôi, về gia đình, về thân phận, về quê hương. Đàng khác, khi Ca dao được dùng trong sinh hoạt thì đề tài phong phú hơn như Ca dao vui, Ca dao tục và Ca dao phê phán thói đời...

Về **ngôn ngữ**, Ca dao sử dụng *lời nói hàng ngày* (khẩu ngữ) của người bình dân kể cả những từ thô mộc. Thí dụ, Lê Đình Bảng viết:

72. *Cũng từ đồng ruộng nông sâu
Từ nơi những **bãi phân** trâu, phân bò
Cũng từ **cỏ, rạ, rơm** khô
Cũng từ thóc lúa, nắng mưa, mùa màng*

Chất liệu của Ca dao là những sự vật, sự việc hiện diện ngay trong đời sống lao động xung quanh (Thí dụ: “*Hôm qua tát nước đầu đình/ Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen...*”).

Trong Ca dao, ngoài **nhân vật** chính là dân quê (kiểu *nhân vật tự sự*), còn có nhân vật “**Ai**” là nhân vật phiếm chỉ để nói chung về mọi người và nhân vật **Em** là nhân vật trong tâm tưởng để người làm thơ đối thoại.

Lê Đình Bảng sử dụng rất sáng tạo tất cả những yếu tố Thi pháp ấy của Ca dao, như thể chính nhà thơ là người của Ca dao. Thơ lục bát của Lê Đình Bảng tài hoa, phóng khoáng, tự nhiên như hơi thở; trôi chảy, dào dạt, mênh mang, như suối nguồn, sông lớn đổ ra biển khơi..

Đây là hình ảnh đời sống trù phú của miền tây, sinh hoạt đông vui, khung cảnh làm việc khác hẳn các miền khác, vì miền tây là miền của kinh rạch, sông nước, thuyền bè. Ngòi bút miêu tả thật sống động (Thê Phú), rất tinh tế. Phương ngữ Nam bộ dày đặc.

56. ***Dân làng làm sớm, quên trưa**
Gái trai cà rớn, hát hò thâu đêm
Cắt rau ra chợ bán đêm
Mau chân, kéo trẻ, nước lên triều cường*

75. *Được mùa, **ai** chẳng thêm vui
Lúa ngô vừa hái, đất mùi lên thơm
Đầy trời gió táp mưa tuôn
Ấy **ai** gượng dậy, sau cơn ba đào*

89. *Ngày mùa, **cơm** mới ngậy ngậy
Cà lang, lúa bó về đầy quanh sân
Ngó chùm hoa khế lẫn tẩn
Mọc dày chi chít, từ thân ra ngành
Đất đồng, **đỗ** lạc xen canh
Chờ khi nón lá chòng chành **em** qua*

Đây là một khổ thơ viết theo thể Hứng của Ca dao, Cái Đẹp rất gần gũi và tinh tế.

73. ***Gói xôi buộc sợi rơm vàng**
Chờ em quang gánh về làng long hong*

Về trong xóm trúc bên trong

Ngoài đê nước ngập, trong đồng, lúa lên

Không biết “*gói xôi buộc sợi rom vàng*” ấy có liên quan gì đến việc “*chờ em gánh hàng về long hong*” hay không. Ngày nay người ta gói xôi bằng lá hay giấy, hoặc gói nylon và ràng bằng dây thun. Chẳng ai lấy rom để cột gói xôi cả. Cho nên “*Gói xôi buộc sợi rom vàng*” trở thành một ẩn dụ, trở thành câu thơ gợi hứng (gợi cảm xúc thẩm mỹ) cho lý do tại sao (người thơ, hay ai đó) “chờ em”, dù ngoại cảnh có rất eo hẹp: bên trong là xóm trúc, bên ngoài thì đê ngập nước, dưới đồng thì lúa lên không làm nơi hẹn hò được.

Hình ảnh đặc trưng miền tây - Nam bộ làm người đọc ngạc nhiên, thú vị. Xin lưu ý, câu thơ không có chủ ngữ, vì thế hình ảnh thơ là hình ảnh chung của con người miền tây sông nước.

87. *Thả xuống trôi dạt loanh quanh*

Qua cây bùm xum, khóm tranh gió lùa

43. *Ở không, đốt thuốc phi phèo*

Bắt câu vọng cổ, gác chèo thả trôi

Thuyền qua xóm lá nhà chòi

Thoắt trông hàng đáy, dàn khơi xa bờ...

Đây là một phép so sánh đậm chất Ca dao:

79. *Tuổi đời em cứ mặng mai*

Như dây mít mật, mít dai chín vàng

Ca dao mới:

83. *Ngày em đò dọc qua sông*

Dấu xa thì cũng đành lòng chia xa

Ca dao cũ, hình ảnh đò ngang đưa người qua sông chỉ người con gái theo chồng. Thí dụ: “*Đưa người ta không đưa qua sông*” (Tông biệt hành-Thâm Tâm). Miền tây sông nước, cưới nhau ở xa, thường đi đò dọc. Thành ra mới có câu “*Ngày em đò dọc qua sông*”. Cái lạ là ở hình ảnh “*đò dọc qua sông*” vì đò dọc là con đò chở khách, chạy từ đầu sông đến cuối sông. Đò dọc không đưa khách qua sông. Cho nên “*qua sông*” là ý tứ của ca dao cũ. Lê Đình Bảng đã làm mới Ca dao.

Điều đọng lại trong lòng người thương hồ là “tình thương yêu” dành cho những phận người vất vả, gian nan vì nước lũ, quanh năm chống chèo. “*Lấy gì áo ấm com no*”.

35. *Dây trâu dựa dẫm thân cau*

Nắng mưa dầu giải, bạc đầu lúa đôi

47. *Khi không, trời rét căm căm*

Chỗ lo chống lũ, chỗ nằm chờ mưa

Lấy gì áo ấm, com no

Lấy ai chèo chống sớm trưa đỡ nằng

49. Sớm mai, cơn nước, ra đồng
Tháng Ba, đã thấy mưa giông, đầu mùa
Ai về Chợ Nổi, Cần Thơ
Sông Tiền, sông Hậu đôi bờ mênh mang

81. Khi nào trở lại làng bên
Là mùa cá chạy, lũ lên trắng đồng
Là ngày cả gió, long hong
Nhớ hương bánh đúc còn nồng hương vôi

84. Chờ khi búp trở, bung hoa
Chim kêu nước lớn, sao mà buồn ghê
Ai ngờ trời đất ngăn chia.
Bông dung, cá chết trắng bè, thương ai

85. Có khi nghe gió thổi dài
Lũ chim bỏ trốn ra ngoài đầu thôn
Thương lùm cây dại tươi non
Thương con cua biển gạch son đò dào

74. Thuyền ra cửa biển dâng cua
Thương ai lam lũ đắp bờ lui cui

3. Quê hương tí tắp xa khơi

Nhân vật *khách thương hồ* chuyển sang nhân vật *Tôi/ Mình*. Phần II và phần III của trường ca là nỗi nhớ thương quê hương khi tác giả ở xa.

Nhà thơ sống với ký ức về cảnh sắc, con người quê hương cùng với những sinh hoạt đời sống lao động.

Về thi pháp, câu thơ Lục bát Lê Đình Bảng vẫn giữ đặc điểm thi pháp Ca dao:

93. Ở nơi tí tắp xa khơi
Quê **tôi** chân chất những người thuần nông
Trữ vai **thương** mẹ gánh gồng
Nhớ sen, nhớ súng, nhớ bông trúc đào

94. Chỗ này, đất cát lao xao
Chỗ kia, phơi gạch, khuôn vào lò nung
Những chiều vắn vũ mưa giông
Được hôm nắng ráo, ra sông, đón tàu

95. Giọt, từng giọt chảy đâu đâu
Tai nghe tiếng nước giếng sâu sau nhà
Thánh thần quanh quẩn đâu xa
Một là xó bếp, hai là cây đa

102. **Chờ câu quan họ** tình tang
Là đi về chốn mình đang thuộc về

105. **Nhớ** hôm đầu rượu, **ca trù**
Có nghe mưa rất hiền từ mái hiên

Trong tâm hồn nhà thơ, quê hương hiện lên không chỉ là cảnh sắc, đời sống sinh hoạt dân quê, mà còn là thế giới tâm linh (“*Thánh thần quanh quần đầu xa/ Một là xó bếp, hai là cây đa*”), và không gian văn hóa (hát *Ca trù*, hát *Quan họ*)

Khi định cư ở nước ngoài, quê hương xa tít tắp, tâm hồn nhà thơ trĩu nặng. *Thi pháp Ca dao* chuyển sang *thi pháp thơ trữ tình*. Nỗi nhớ quê có hương vị truyện Kiều hòa với Ca dao và thơ Lãng mạn.

115. **Nẻo về, xa tấp, mênh mông**
Hỏi khuya quanh vắng, dậm buồn, trăng soi
Hoài trông vực dưới chân rời
Ngàn xanh lớp lớp, tấm hơi, ngọn triều

117. **Oi người, đâu vắng tri âm**
Lặng nghe buồn, những nốt trầm ghi ta

Như sống ảo, cái thời ở quê, Nhà thơ độc thoại, độc diễn, buồn vui với chính mình. Tự hình dung ra mình uống rượu, hát bội, hút thuốc lào, chuyện văn suốt đêm trắng. Ngày mới lên, lại lo cảm bã cho đàn lợn rồi thả trâu ra đồng, và thả thêm bè nửa tình duyên. Bao nhiêu công việc hàng ngày ở quê, bận rộn nhưng vui, tất tả nhưng đầy ắp tình thân. Bây giờ những công việc ấy trở thành ký ức sống với người ở xa quê, mà xung quanh là xứ lạ quê người.

Tình thơ sâu nặng và cảm động biết bao. Tình quê tưởng như đã quá quen thuộc trong thơ ca Việt lại được Lê Đình Bảng miêu tả rất mới lạ. Đó là chỗ tài hoa của phong cách thơ Lê Đình Bảng.

118. **Vài chung, chưa đủ mềm môi**
Làm chay, hát bội, cả cười thâu đêm
Thuốc lào, chuyện hão huyền thuyên
Trăng lên sau bếp, đã trên đỉnh đầu

119. **Tờ mờ gà gáy, hôm sau**
Cỏ rau, cảm bã, thả trâu ra đồng
Thả thêm bè nửa qua sông
Mời em, tôi đỡ gánh gồng, cho nhau
Sự cô độc chất chứa bao nỗi bi thương

123. **Mật mù lau lách bên sông**
Nhấp nhô bờ bãi, **chiều trông bóng mình**

4. Bút pháp hiện thực và giá trị thơ Lê Đình Bảng

Trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ* (thơ Lục bát), cùng với trường ca *Nhật Nguyệt*

Hành (thơ 8 chữ) [55] là 2 trường ca hiếm hoi của Lê Đình Bảng được viết bằng **bút pháp hiện thực**. Tức là nhà thơ hướng về đời sống hiện thực để khám phá ý nghĩa cuộc đời tìm tư tưởng cho thơ, tìm nhân vật lý tưởng của mình; để gửi gắm chia sẻ thông điệp về sự trải nghiệm với mọi người và để tôn vinh Cái Đẹp theo cảm quan riêng (*Lý tưởng thẩm mỹ*).

Hầu hết thơ Lê Đình Bảng là thơ tôn giáo được viết bằng bút pháp lãng mạn. Lê Đình Bảng sáng tác trong ánh sáng của Mỹ học Kitô giáo, với mục đích: “*Tôi làm thơ nghĩa là tôi cầu nguyện*”. Giá trị của thơ Lê Đình Bảng là giá trị tâm linh, giá trị văn hóa, giá trị loan báo Tin Mừng. Đó là *con đường sáng tạo* của riêng nhà thơ, là sự *chọn lựa có ý thức*, đầy dấn thân, đánh đổi bằng cả một kiếp trời. Khó có thể tìm thấy trong thơ Lê Đình Bảng những vấn đề hiện thực của xã hội Việt Nam như trong dòng chính của thơ Việt đương đại.

Vì thế, *giá trị hiện thực* là một giá trị đặc sắc của trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ*. Trường ca ghi nhận nét đẹp đời sống thương hồ, nét đẹp của những cảnh sắc quê hương ở cả hai miền Nam Bắc; những sinh hoạt, cuộc sống lao động, niềm vui, nỗi buồn, sự vất vả, và tâm tình của của người dân quê. Tình duyên gái trai là một dòng thơ rất đẹp, nối tiếp tình ca của ca dao, dân ca.

17. *Những là ngày tháng pha phôi*

Tình em như chén chè trôi, nước mè

Thèm tô mì gõ đêm khuya

Bánh tôm phơi trắng nong nia trước nhà

18. *Thả bò ra mãi đồng xa*

Mỗi chiều, con nước đổ ra mịt mờ

Em về lúp xúp trong mưa

Trong khăn áo mỏng như tờ thư hoa

Tất nhiên, việc khám phá và miêu tả hiện thực trong “*Nghêu ngao hát thương hồ*” là có Chọn lọc và có chủ đích. Hiện thực chiến tranh và hiện thực công nghiệp hóa đất nước chỉ được lướt qua trong một hai câu thơ.

69. *Mấy mùa chinh chiến tan hoang*

Người đâu, như nước trên ngàn về xuôi

99. *Ai về Gia Viễn mà xem*

Tiếng mìn phá núi cả đêm lẫn ngày

[Ghi chú: Huyện Gia Viễn, phía Bắc của tỉnh Ninh Bình],

Còn lại là hiện thực những miền quê “ngày xưa” thanh bình. Thơ Lê Đình Bảng không có bóng dáng những vấn đề hiện thực xã hội hôm nay.

⁵⁵ **Nhật Nguyệt Hành**: trong trường ca này, hiện thực Việt Nam chiến tranh, đói khổ, lầm than hiện lên rõ hơn, thái độ sống của Lê Đình Bảng bộc lộ cụ thể hơn.

1. Rồi một hôm, **dong thuyền về** miệt dưới

Đặng bỏ câu, bắt rần, đuôi chuột đồng

Từ Đàng Ngoài, vô tới xứ Đàng Trong

Xuôi mây xã đầu nguồn, con nước lớn

Đoạn thơ sau đây ghi nhận đầy đủ, sinh động, bức tranh xã hội miền quê thanh bình “ngày xưa. Người dân quê hạnh phúc, no ấm, cảnh vật ở đâu cũng đẹp, cả nắng vàng chiếu ngang đập nước cũng đẹp. Không gian đầy tình nghĩa cộng đồng làng quê.

27. *Gió về trong rặng bần chua*
Tiếng chày quết bánh mớ mớ, màng màng
Hôm qua, gánh hát về làng
Diễn tuồng Thằng Cuội, Chị Hằng, vui thay

28. **Người xem, từng lũ, từng bầy**
Đất không còn chỗ, đứng đây, liêu xiêu
Vé vào thì chẳng bao nhiêu
Nghe con chim lạc buồn kêu sau vườn

29. *Góc bần, để cả chà chôm*
Đợi ghe ba lá cà vom tấp vào
Nắng vàng vừa ló lên cao
Chiếu ngang đập nước, đê bao, mé đường

30. **Sầu riêng chín rụng ngoài vườn**
Nghe tôm cá quẫy bờ mương nước đầy
Hắn là mưa bóng, mưa mây
Em đi ướt áo, lại lấy lội tron

Lê Đình Bảng bày tỏ tình cảm quê hương thâm thía, thiết thân như máu thịt với mọi con người quê hương. Đó là tình cảm cộng đồng, tình cảm dân tộc, làm nên bản lĩnh và kết tinh thành những giá trị căn cốt của người Việt.

Tình quê hương trong trường ca “*Nghêu ngao hát thương hò*” mang phẩm chất truyền thống. Điều này làm nên giá trị cơ bản của thơ ông. Cũng là vẻ đẹp và sức hấp dẫn của thơ Lê Đình Bảng.

36. **Người dân xóm núi quê tôi**
Đang trưa, nóng vã mồ hôi nhọc nhằn
Miệt mài, chân nể, vai trần
Đã quen những nét văn thân thương luông

101. *Bạn bè, hạt muối cắn đôi*
Lưng cơm, bát cháo, từng hơi thuốc lào
Chim ơi, nghe tiếng chim chào
Hay vì lá thắm sa vào gió trắng

115. **Nẻo về, xa tấp, mênh mông**
Hỏi khuya quạnh vắng, dậm buồn, trăng soi
Hoài trông vực dưới chân rời
Ngàn xanh lớp lớp, tấm hơi, ngọn triều

Cảm hứng thơ của Lê Đình Bảng trong “*Nghêu ngao hát thương hò*” là **cảm hứng**

thế sự. Đây cũng là chất riêng của trường ca, phân biệt thơ những tập thơ khác của ông. Hình ảnh tôn giáo chỉ thoáng qua trong 2 khổ thơ:

6. *Làng em ở cuối mom sông
Có triền bông cải, có vòng lúa non
Nhà thờ, bóng tháp con con
Nhấp nhô lúa sóng, dập dờn hàng dương*

63. *Gặp người vừa ở quê ra
Cứ như cây trái, lá hoa vườn nhà
Bao giờ cho đến Tháng Ba
Vào mùa Thương Khó, mưa sa nhạt nhoà*

Trường ca đây ấp hình ảnh cuộc đời, cảnh sắc quê hương đất nước, vẻ đẹp con người Việt Nam nơi các miền quê đôn hậu, chịu thương chịu khó và sống rất nghĩa tình. Lê Đình Bảng chụp được những cảnh, những nét chân thực của mọi miền ông đến, mỗi nơi ông qua, ông trò chuyện với mọi người như người thân yêu và bày tỏ niềm vui nỗi buồn, nỗi vất vả gian nan của người quê, thương yêu những phường lưu tán, những cô gái quê lấy chồng sớm lại đông con phải lam lũ, người mẹ gánh gồng, và thương thân hiu quạnh, một mình đi tìm bóng mình

7. ***Oi người** bờ bãi, kinh mương
Bao năm tụ bả, làm phường lưu dân*

51. *Lấy chi chồng sớm, đông con
Oi cô thôn nữ qua cơn mưa mùa*

93. *Trữ vai **thương** mẹ gánh gồng
Nhớ sen, nhớ súng, nhớ bông trúc đào*

122. *Thế rồi, ta cũng xa quê
Ai xui nên nỗi, buồn se sắt buồn
Mặt mù lau lách bên sông
Nhấp nhô bờ bãi, **chiều trông bóng mình***

Thơ nghiêng về suy tư hiện sinh, nhưng Lê Đình Bảng không lý giải nguồn cơn “*Ai xui nên nỗi*”. Triết học phương đông hay phương tây không dẫn ông đến ánh sáng cuối đường hầm hiện sinh. Ông sống với ký ức về quê hương, ông tâm tình trò chuyện với người quê mà một thời ông đã hòa mình với họ trong cả nắng mưa dãi dầu hay trong những vườn cây trĩu quả ngọt lành. Quê hương trở thành thế giới tâm hồn nhà thơ, trở thành nguồn cảm hứng vô tận, trở thành giá trị thẩm mỹ và cốt cách thơ ông, và quê hương ấy mãi tươi đẹp, sum suê, xanh tốt trong nắng vàng tươi.

4. *Chờ ăn bông súng, mắm kho
Nghe con nước nổi, trời mưa Tháng Mười
Được xoài, sai lúa, ai ơi
Sầu riêng, cơm trắng, vàng tươi, ngọt lành*

Thật hiếm có những *Ca dao mới* gây được ấn tượng về vẻ đẹp quê hương và tâm lòng thom thảo của người quê như khổ thơ trên. Ấy là, tôi muốn nói đến giá trị hiện thực và giá trị nghệ thuật đặc sắc của thơ Lê Đình Bảng: *nghĩa tình-dân dã-tài hoa*.

Quả thực, chỉ trong trường ca, đặc biệt là trường ca viết bằng Lục bát Ca dao, Lê Đình Bảng mới phóng bút thỏa thích bay lượn không mệt mỏi trong bầu trời nghệ thuật cao rộng, ở đó, phong cách *lãng mạn – tài hoa* của ông đã đóng góp cho thơ ca Việt đương đại những áng thơ kết tụ được cả vẻ đẹp truyền thống và vẻ đẹp tâm hồn Việt hôm nay.

Tháng 2/2026

P/s : bạn có thể tải 12 tác phẩm của Lê Đình Bảng về đọc theo

link:<https://www.mediafire.com/file/f9yw2j8o8x3b207/12+TÁC+PHẨM+LDB+2026.rar/file>

Mấy ghi chú về *Trường ca* của Lê Đình Bảng

Bùi Công Thuận

KHOI DÒNG

Nhà thơ Lê Đình Bảng đã công bố 16 trường ca (công bố năm 2026). Tôi đã viết bài riêng về 5 trường ca (mà theo cảm quan cá nhân) có giá trị đặc biệt về tư tưởng và thi pháp (xin đọc theo link:)^[56]. Còn lại, xin được ghi lại đôi điều, như một gợi ý, để chia sẻ với bạn đọc, biết đâu có những âm vọng lan tỏa.

Với nhà thơ Lê Đình Bảng, *trường ca* là *bài thơ dài*. Thực ra, ở Việt Nam, cho đến nay, vẫn chưa có một quy định cụ thể về học thuật thể loại *trường ca*. Mỗi nhà thơ tự viết trường ca theo mục đích riêng của mình, có thể là trường ca truyền thống (theo phong cách truyện thơ Nôm) hay trường ca hiện đại (thơ tự do).

⁵⁶ 1. *Di sản và Những nốt trầm Jobbica: Trường ca về thơ*

<https://www.vanhocong giao.net/2026/01/le-dinh-bang-truong-ca-ve-tho-tac-gia-bui-cong-thuan.html> (04/02/2026)

2. Tập thơ: *Và Em. Lễ khấn dòng:*

<https://buicongthuan.wordpress.com/2026/02/04/tho-tinh-yeu-cong-giao-va-em-le-khan-dong/>

3. *Tự tình khúc*

<https://www.vanhocong giao.net/2026/01/tu-tinh-khuc-truong-ca-cua-le-dinh-bang-tac-gia-bui-cong-thuan-.html>

4. *Bản Tango với Chúa*

<https://www.mediafire.com/file/2u8i8rj0ng1rn5f/18+BẢN+TANGO+VỚI+CHÚA-Bài+viết-BCT.doc/file>

5. *Nghêu ngao hát thương hồ*

<https://www.mediafire.com/file/hq19tlq9w2dpk5/19+NGHÊU+NGAO+HÁT+THƯƠNG+HỒ.doc/file>

<https://buicongthuan.wordpress.com/2026/02/08/ngheu-ngao-hat-thuong-ho-le-dinh-bang/>

Với trường ca Lê Đình Bảng, dù nội dung bày ra nhiều không gian, thời gian khác nhau, kể những câu chuyện khác nhau, thổ lộ những nghĩ suy khác nhau, nhưng vẫn thống nhất một chủ đề, một bút pháp, một giọng điệu, một cảm hứng, một phong cách.

Nhìn tổng thể, trường ca Lê Đình Bảng thống nhất một Thi pháp: *chủ thể* là nhân vật trữ tình (có cốt cách lãng mạn phương đông). *Hình thức* là các thể thơ truyền thống. *Kiểu tu duy nghệ thuật* vận hành trong trường phẩm mỹ truyền thống (Ca dao và thơ 7, 8 chữ). Và tùy theo nội dung, *chất liệu* thơ Lê Đình Bảng là văn hóa dân gian Việt, pha trộn với điển ngữ văn chương Trung Hoa, hoặc Kinh thánh Kitô giáo (Cựu Ước, Tân Ước) được chuyển hóa thành thi liệu Việt.

Cá tính sáng tạo và trải nghiệm sống đời của cá nhân nhà thơ (Quê Thái Bình, lớn lên thời đất nước chiến tranh, rồi di cư vào Nam, cuối đời định cư tại Mỹ), cùng với sự chọn lựa *con đường sáng tạo* đã làm nên Cái Riêng và những giá trị thơ của ông.

Lê Đình Bảng là một khuôn mặt tiêu biểu của thơ Công giáo đương đại.

MÁY GHI CHÚ

1. “NHẬT NGUYỆT HÀNH”

Trường ca *Nhật Nguyệt Hành* dài 541 câu thơ 8 chữ. Đây là trường ca được viết bằng bút pháp hiện thực, cùng một đề tài và phong vị với trường ca *Nghêu ngao hát thương hồ*- (thơ Lục bát), tức là *thơ du ký* (viết về những chuyến rong ruổi đi ngao du khắp nơi).

Nội dung của *Nhật Nguyệt Hành* là cảm nghĩ của tác giả trong chuyến đi xuyên Việt. Vừa đi vừa ghi nhận những nét đặc biệt về cảnh sắc và con người quê hương ở từng nơi, vừa bày tỏ cảm nghĩ cá nhân về hiện tình đất nước. Trường ca như một “tâm ca” thể hiện tình yêu quê hương, nghĩa đồng bào, và suy tư về gia đình về thân phận.

Rời một hôm, dong thuyền về miệt dưới

Đặng bỏ câu, bắt rắn, đuổi chuột đồng

Từ Đàng Ngoài, vô tới xứ Đàng Trong

Xuôi mấy xã đầu nguồn, con nước lớn

(Câu 1-4)

Nhà thơ in dấu chân mình trên mọi nẻo đường đất nước, khởi đi từ Đất Mũi, bước chân lãng tử “*đi, về, vào, ghé thăm...*” nhiều nơi, có nơi nhiều lần. Thí dụ: về *Đất Mũi* (câu 13), và lại về *Đất Mũi* (câu 269), hoặc nhớ “*Nông Nai, Đài Phố*” (câu 85) rồi lại *ghé miền Đông đất đỏ*” (câu 249).

Quê em ở, những lạch luông đất Mũi

Nhiều ngã ba sông, rậm rịt rừng lau (câu 13-14)

Đây là những địa danh: Đất Mũi-Lạc Nam, Đồng Chũ (câu 29)- Cầu Giẽ, Bắc Giang (câu 33)- về Hà Nội, ghé Hàng Bông (câu 41)- Vào Tuy Hoà, ra Cửa Bạng (câu 45)- Từ Mộc Châu về thị xã Sơn La (câu 57)- Về Hưng Yên (câu 61). Ghé Hội An (câu 73)- “*Mỏ Cà, Rạch Miếu, Tiền Giang/ Ở Châu Đốc, nhớ Nông Nai, Đài Phố*” (câu 85) – Kontum, Tháp Hời (câu 105) - Cửa Đại

(câu 109) - dừng lại Hà Tiên (câu 133) - Về Ô Môn, những lò gạch ven sông (câu 149). “*Về lại sông Hồng, bờ đê Phố Hiến/ Hàng Đào, Hàng Ngang, đất Bắc, kinh kỳ*” (câu 193) 249. “*Rời, một hôm, ghé miền Đông đất đỏ*” (câu 249). “*Bắt thêm cuộc xe ôm, về đất Mũi*” (câu 269)

Ghé Mai Châu, về Bát Bạt, Sơn Tây
Lên núi Tản, sông Đà, thề Non Nước (câu 333-334)

Và ruổi lên miền Trung du, mạn ngược
Vào Đồng Đăng, thăm Phố Lạng, Kỳ Lừa (câu 337-338)

Về Hải Dương, về Vĩnh Bảo, Thanh Hà
Em gái Cổ Am mặn mà, duyên dáng (câu 365-366)

Gia Định - Nhà Bè, thổ công, thổ địa
Áo lụa Hàng Châu, như gái Tô Châu (câu 405-406)

Nội dung thơ có cả phần ký ức tuổi thơ thời chiến tranh phải tản cư. Nhìn quê hương bị tàn phá, tâm tư nhà thơ trĩu nặng đau thương. Sau đó là rời quê vào Nam, mừng vui gặp nhau ở Sài Gòn.

Hình ảnh thơ trong trường ca là *hình ảnh biểu cảm* của Ca dao nên ý nghĩa thơ truyền trực tiếp đến người đọc, không có hàm nghĩa như trong “*tứ thơ*” (thí dụ thơ Đường hay thơ Lãng Mạn).

Quê tôi ở, một vùng ven, sơ tán
Mà chiến tranh, bom đạn, mãi chất chồng (câu 169-170)

Khi ta bé, quen trèo me, trèo sấu
Những ngày tản cư, về phố Sinh Từ (câu 313-314)

Rừng đã chết. Biển, sông khô, hồ cạn
Đói rách, làm than, khốn khổ, tang thương (câu 453-454)

Đâu cũng xót xa, đâu cũng tội tình
Cả một vùng quê ăn mày, hành khất (câu 463-464)

Và niềm vui hội ngộ ở Sài Gòn:

Lòng bỗng rộn lên niềm vui khôn tả
Ngồi bên nhau, ăn chung một bữa cơm (câu 533-534)
Sài Gòn đã mãn phần 300 tuổi (câu 537)

Tuy có phản ánh đôi nét hiện thực Việt Nam “*những ngày tản cư*” (thời kháng chiến chống Pháp (1946-1954?) song ngòi bút Lê Đình Bảng không ghi toàn cảnh cuộc chiến tranh, không phân tích lý giải những nguyên nhân, không gọi tên các bên tham gia và không đánh giá lịch sử. Nhà thơ chỉ nói đến cái khổ của dân trong chiến tranh, ông viết lại cảnh làng quê tan nát vì đạn bom, người ly tán... để “ghi nhớ”, vậy thôi.

Nói bằng thuật ngữ thì đó là sự *phản ánh* “*tự nhiên chủ nghĩa*”, “*có sao nói vậy*”, không truy đến cùng bản chất xã hội của hiện tượng; khác với *Chủ nghĩa Hiện thực phê phán* (Nam

Cao, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng) và *Chủ nghĩa Hiện thực Xã hội chủ nghĩa* miêu tả hiện thực Cách mạng (thơ Tố Hữu...).

Đây là những ghi nhận của Lê Đình Bảng về thời tân cư.

393. *Ngôi nhà cũ, hơn tuổi đời của mẹ*
Hắt hiu bay, hương khói lạnh bàn thờ
Hỏi đến bao giờ, gặp lại ngày xưa
Lặng lẽ chợt thấy mình, như lá rũ

469. *Phố xá không đèn, ngủ gà, ngủ gật*
Những chuyến xe tù lầy lắt thân ma
Những hồi còi tru tréo, phía sân ga
Thôi, dừng lại, đọc mẩu tin vội vã

473. *Những biểu ngữ, những lá cờ tươi tắn*
Hắt hiu bay trên ô cửa gác đầu
Vài đám người qua, lặng lẽ bước mau

419. *Tất cả nỗi niềm, gửi gắm vào thơ*
Vào mạch đất, vào mộ bia, tượng đá

515. *Trở về đây, ta lại gặp riêng ta*
Có nhật nguyệt và đất trời làm chứng

541. *Để lưu giữ vững bền một quá khứ*
Lục bình trông tím ngắt cả dòng sông

Tất nhiên sẽ không ai đòi hỏi nhà thơ phải làm công việc của nhà văn. Dù vậy, Lê Đình Bảng cũng tiếp nối được dòng thi ca “*Nhân đạo chủ nghĩa*” trong truyền thống văn học dân tộc. Chẳng hạn, *Chinh Phụ ngâm* (Đặng Trần Côn viết 1741, bản dịch của Đoàn Thị Điểm) miêu tả những nỗi sầu thương của người chinh phụ có chồng ngoài chiến trận.

Xin lưu ý, *Chinh phụ ngâm* là tiếng dội của lòng dân về thời kỳ bi thương của lịch sử. Chiến tranh Trịnh Nguyễn liên miên từ 1627 đến 1672, rồi đến thời vua Lê Hiến Tông, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra, như khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Nguyễn Dương Hưng, Nguyễn Tuyển... Chúa Trịnh Doanh phải ra sức đàn áp...

2. “*CA DAO MẸ*”

(130 khổ thơ lục Bát 4 câu)

Trường ca *Ca dao mẹ* là ký ức của tác giả về **người mẹ đã khuất** từ ngày xưa. Tác giả khắc họa được **hình ảnh người mẹ quê Việt Nam**. Đó là một bà mẹ quê nghèo, tảo tần nuôi con, thương con thương chồng rất mực, giàu đức hy sinh. Tình thương với mẹ được bày tỏ bằng cách kể lại những kỷ niệm của mẹ.

Vì là ký ức tâm tưởng, tác giả không kể theo tuyến thời gian, cũng không đặt nhân vật trong bối cảnh xã hội cụ thể. Nhân vật tâm tưởng chỉ mang linh hồn chân chất của một bà mẹ quê Việt. *Ca dao mẹ* là tùy bút thơ về mẹ.

Trường ca được viết bằng thể thơ Lục bát, thi pháp Ca dao quen thuộc, giàu cảm xúc.

Xin đọc những câu thơ trực tiếp nói về mẹ:

Hương cau, hương bưởi hiên nhà
Mẹ ngồi gom mẹt khoai hà, chờ con (3-4)

Bao nhiêu mùa lũ đi qua
Mẹ ơi, giờ đã nhạt nhoà, xa xăm (6-7)

Quê tôi họ đạo vùng xa
Có con sông Hoá chảy qua cánh đồng
Mùa Hè cho chí mùa Đông
Mẹ tôi vẫn chợ, qua sông, gọi đò (7-10)

Mỗi lần nằm ốm, rên la
Mẹ thương, cho quả trứng gà con so
Khi không, lại được khoanh giò
Hành hoa, cháo đậu, thơm tho cả nhà(11-14)

Người ta còn bạn, còn đôi
Mẹ tôi khuya sớm, ngược xuôi bời bời (15-16)

Mẹ thường ngồi, ngó ra sân
Ê a, con mở sách phân, học kinh (Khổ 14)

15. Cũng là hương lửa ba sinh
Khô thân cái cảnh một mình nuôi con (Khổ 15)

27. Mẹ nằm, nơi chằng ra nơi
Cái buồng, hơn chiếc chiếu đôi là cùng
Có hôm, trời lạnh, rét run
Có hôm, mưa gió, bão bùng, mẹ ôi

39. Nhớ ngày, cha vội đi xa
Mẹ thường ra ngóng ngã ba, chiều chiều
Đầu Hè, con gió thiu thiu
Mỗi năm thêm một điều hiu tuổi già

45. Về già, đau nhức, ử ê
Câu kinh, bầu bạn đêm khuya, cũng đành

Mẹ thường mặc bộ cánh nâu
Chông chênh qua những vai cầu hoàng hôn

56. Tới mùa thị chín sau vườn
Nhịn ăn, mẹ bảo giữ thơm với người

58. Bây giờ, mẹ đã về trời
Chúng con, côi cút, mỗi người một phương

63. Một đời tần tảo, héo hon

Mẹ ăn bát mẻ, nhường con bát lành
Từ trong giặc giã, chiến tranh
Lòng đau tơi xé, cũng đành, có nhau

68. Hiếm khi mẹ được ở yên

Hết lo com áo, lại phiền thuốc thang
Mẹ ngồi bên rổ khoai lang
Đếm ra một chục mật vàng cho con

Đọc những câu thơ trên, người Việt ở quê có thể nhận ra bóng dáng người mẹ ruột của mình, hay hình ảnh đã thành tâm thức của người Việt về mẹ. Đó là giá trị thơ Lê Đình băng. Thơ Việt có nhiều bài viết về Mẹ rất cảm động, đặc biệt người mẹ trong kháng chiến như *Bầm ơi* (Tố Hữu), *Đất quê ta mênh mông* (Dương Hương Ly)...

3. “THÁC LỜI CỔ HOA”

Thác lời cổ hoa (170 khổ thơ, mỗi khổ 4 câu) là trường ca Lục bát, có phong vị văn chương cổ điển (như *Đoạn trường tân thanh*-Nguyễn Du) kết hợp với thi pháp Ca dao.

Ở thể loại này, *Thác lời cổ hoa* có thể là tác phẩm nối tiếp kiểu truyện thơ *Đoạn trường vô thanh* của Phạm Thiên Thư (dài 3290 câu lục bát, ra mắt 1969). Nhưng *Thác lời cổ hoa* không có một cốt truyện chặt chẽ, không có kiểu nhân vật tự sự, không có những miêu tả không gian, thời gian, tình huống, mà chỉ có **dòng tâm tưởng** của nhân vật trữ tình **trôi chảy trong ký ức**, bất chợt liên tưởng, cõi ngoài rồi cõi tâm, suy tư rồi lại trở về thực tại.

Người đọc bay bổng với những cảm hứng lãng mạn trong không gian Thiền, trầm mặc với vẻ đẹp của Mỹ học Thiền. Nhưng rất khó hình dung ra hiện thực trong thơ. Có chăng là cảnh chết đói của người dân ở cuối trường ca (khổ thơ 168, 169, 170), mà cảnh này chẳng liên quan gì đến chuyện “tình duyên” của nhân vật trữ tình với Em được kể suốt chiều dài trường ca. Mỗi lương duyên này có từ trong tiền kiếp, trong cõi *Liêu trai* “*Chát chồng gánh nợ tiền khiên/ Cho hay, thiện nghiệp, phúc duyên chưa đầy*” (khổ thơ 128). Xen kẽ là những suy tư có màu sắc triết học Phật giáo (tư tưởng về *Không, Cõi Không, Nghiệp, cộng Nghiệp, Duyên Nghiệp, hóa thân, Ngã Chấp, Vô Ngôn*...)

Do cấu trúc của trường ca “lông lẻo” như vậy, mỗi khổ thơ 4 câu có thể đứng độc lập như một bài tứ tuyệt, hoặc một vài khổ thơ liên kết nhau có thể đứng biệt lập như một bài thơ riêng lẻ.

Thí dụ: một bài tứ tuyệt

73. Nửa đời nghiêng bóng cây soi
Tóc ai trắng xóa mù trời bông lau
Ta còn để lại gì đâu
Trăm năm vẫn một nguồn đau, bụi hồng

Thí dụ: một bài như ca dao. Phép trùng điệp “*vì em*” tạo ra kết nối các khổ thơ.

142. **Vì em** nay đã thành hoa
Hoa bao nhiêu sắc mận mà gió sương
Vì em nay đã thành hương
Thơm tho nhân đức, chẳng vương bụi trần

143. **Vì em** nay đã thành trăng
Con trăng là nguyệt, tuyết băng dư đầy
Vì em nay đã là mây
Mây che rợp bóng, mây bay về trời

144. Cuối cùng, là một chia phôi
Cõi không, tịch mịch, nằm phơi giữa đồng
Vì em nay đã là không
Bâng khuâng giữa cõi hồng mộng, mắt còn

Thác lời cổ hoa tuy được viết bằng tư tưởng và ngôn ngữ Thiền, nhưng nhà thơ Lê Đình Bảng không lạc vào cõi Thiền (cõi vô thường, cõi Không), mà trở về với thực tại, chân quê (khổ thơ 166), tìm thấy “Niết bàn, cũng ở quanh đây” (khổ thơ 148).

Về đây, bầu bạn chân quê
Tắm sông, cấy lúa, tát đìa, bầy chim...

Và nhận ra mọi sự là ơn Chúa

160. Người về nẻo ấy, non xanh
Có hay, **lòng Chúa** chiêm lành đường bao.

Cái còn lại vĩnh cửu là dân tộc này

131. Hay là mộng với liêu trai
Ơi, nghìn xưa đã dậm dài, rớt rơi
(Ai ai cũng chết cả rồi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam)

Xin trích:

2. Đường về **cõi pháp** thiên thu
Em đi, khuất nẻo trắng, từ quán xưa
Vọng hoài mõ trúc, nam mô
Chấp kinh, thần trí hồ đồ, bến mê

7. Cho hay, một phiến tài hoa
Kỳ oan thiên cổ, nổi nhà chưa yên
Hay vì nặng nợ tiền khiên
Cộng sinh, **cộng nghiệp**, lụy phiền cho nhau

17. Máy khi, nguyệt lặn, hôm rằm
Cũng vì **chấp ngã**, hồn trầm thụy miên
Mái chùa cong cánh hoa sen
Chỉ như tơ tóc bén **duyên nghiệp** nào

22. Cho hay, những phiến tài hoa
Kỳ oan thiên cổ, nổi nhà sao vơi

28. Nhọc nhằn giữa những trăm muôn
Sao không **buông hết**, cho lòng **trống không**
Nàng về, bỏ lại mệnh mông
Còn ta, thuyên lá giữa dòng phù vân

51. Vì ai nặng nợ, đa đoan
Vì ai vương vίου, lo toan trăm bề
Ừ, thôi, làm gã chẵn đê
Thả rong ăn cỏ, nằm mê trên đồi

52. Bao giờ đây được tuổi tôi
Cái thân rời rã, cái **lời vô ngôn**

53. **Hoá thân về với bụi tro**
Chút phù hư gửi nhà chờ Phục Sinh

81. Lặng thinh, rồi để lặng thinh
Hư vô là để **ngộ mình hư vô**

94. Lặng thâm, ta đã quên ta
Hoá thân dưới cội sim già, trầm tư

124. Hành trang một gánh hình hài
Chỉ mong giải thoát ra ngoài thế gian
Nguyện xin cứu khổ, cứu nàn
Qua cơn nguy khốn vô vàn oan khiên

150. **Vẫn là không với không, không**
Từ khi xa cội ngô đồng rụng rơi
Hỏi tà huy, ánh trăng soi
Ba nghìn thế giới, mấy mươi nẻo về
Dặm dài, bờ lúa, con đê
Nghe cơn sóng vỗ, buồn, nghe nước triều

Nạn đói năm Ất Dậu

168. **Có năm, phá lúa, trồng đay**
Người khôn, của khó chết đầy đường kia
Chỉ vì lòng dạ ngăn chia
Trong Nam, gạo thóc ê hề, dư ăn

169. Trong khi ngoài Bắc đói nhăn
Trẻ con, người lớn chết lả ra đường
Bao nhiêu là cảnh tang thương
Sao dân mình mãi đoạ trường, khổ đau

4. “ĐỒNG ĐAO”

Trường ca *Đồng dao* được viết theo thể *Đồng dao* (bài hát trẻ con dân gian): 4 chữ, 5 chữ, và Lục bát. Đồng dao dài 282 câu.

Về nội dung, đây không phải là bài hát viết cho trẻ con như đồng dao dân gian. Tác giả viết về Em, về mẹ, về làng quê.

Đó là những hồi ức về một thời đã xa, một kiểu tùy bút, không có thời gian, không gian, bối cảnh, nhân vật sự kiện cụ thể.

Hiện thực mờ nhòe trên tâm tưởng nhà thơ, đọng lại những nỗi yêu thương tha thiết. Trường ca không có kết.

Hình như tác giả có ý thể nghiệm các hình thức thơ trong một trường ca (như một nỗ lực đổi mới thơ). Dù ở thể thơ nào, nói về nội dung gì, thơ Lê Đình Bảng cũng vẫn một giọng điệu, một kiểu tư duy nghệ thuật, vận dụng một kiểu thi pháp. Đó là: Kết hợp thi pháp Ca dao với thi pháp thơ trung đại và màu sắc thẩm mỹ Thơ Mới (thơ Lãng mạn trước 1945). Không có bóng dáng những “cách tân” của thơ Việt đương đại như thơ *Xuân Thu Nhã Tập*, nhóm *Dạ Đài*, nhóm *Sáng Tạo*, thơ Hậu Hiện đại, Thơ Tân Hình thức...

Xin trích:

TÔI VÀ EM

61. Tôi là một hạt cải

Giữa đồng ruộng mênh mông

Em là một nhánh sông

Ra lạch luông, ra biển

65. *Mình nhỏ như con kiến*

Như con vạc, con nông

Mai mốt, lúa trở bông

Cải ơi, cải lên ngồng

Chim đâu về làm tổ

70. *Bóng mát che sân nhà*

Mùng riu rít hoan ca

Halleluia

EM

Ngày mai, vào tháng hoa

Đi rước kiệu Đức Bà

95. Em hoa hồng, hoa đỗ

Bay bay trong cơn gió

Reo vui mỗi hừng đông

Em yêu nụ hoa hồng

Nở trong vườn nhà xứ

100. *E ấp đợi sương mai*

Ôi, thơm ngát bông lái

MẸ

17. *Mẹ tôi, vện cả đôi đàng*
Chông con, nhà cửa, họ hàng, ruộng nương
Sớm mai là chuyện bán buôn
Trưa về, sẵn gánh hàng rong, bán chiều

18. *Hôm thì nôi xáo, bún riêu*
Có hôm, bánh đúc, bánh xèo, bánh gai
Trời mưa không dứt, mưa hoài
Mẹ trông, chẳng thấy một ai ghé vào
Gánh gồng, bước thấp, bước cao
250. *Thoắt trông, đã thấy ngọn sào, trắng lên*

3. *Mẹ bỏ con vào thúng*
Và thả trôi trên sông
115. *Từ đây, con long đong*
Bao nhiêu phen chìm nổi

Một vài ghi chú trên có thể giúp bạn đọc có một cái nhìn thoáng qua về các trường ca của Lê Đình Bảng được viết những năm gần đây (2026).

Về nội dung, ngoài tâm tình với Chúa (*Bản Tango với Chúa*), nhiều trường ca của Lê Đình Bảng là tâm tình của người xa quê. Đó là nỗi nhớ quê, là tình yêu quê hương sâu nặng. Ông sống những kỷ niệm gắn bó máu thịt với người quê khắp mọi miền đất nước. Ông suy tư về những gian truân trong đời, về thân phận, về hiện sinh. Tình gia đình là một nội dung rất sâu nặng trong thơ Lê Đình Bảng. Chất phóng khoáng, lãng mạn, tài hoa của ông tạo nên những vần thơ tuyệt hay.

Bút pháp hiện thực trong một vài trường ca cũng ghi nhận được những nét đẹp quê hương và những cảnh khổ sinh hoạt, làm lụng, khốn khó của người dân trong nhiều hoàn cảnh như thiên nhiên lũ lụt, đất nước chiến tranh... Những bức tranh hiện thực này nối kết được thơ Lê Đình Bảng với dòng chảy chính của thi ca dân tộc đương đại, giống như Hàn Mặc Tử đóng góp cho Thơ Mới (1930-1945) những bài thơ đặc sắc về tình yêu quê hương đất nước (*Đây thôn Vĩ Dạ, Mùa xuân chín...*)

Về Thi pháp. Các trường ca của Lê Đình Bảng được viết bằng thi pháp Ca dao, kết hợp với phong cách thơ cổ điển và phẩm chất thơ Lãng mạn, nên thơ Lê Đình Bảng rất quen thuộc, dễ đọc, dễ cảm, nhưng vẫn có cá tính, phong cách riêng.

Những trường ca này góp thêm vào tài sản đồ sộ khối lượng sáng tác thơ của Lê Đình Bảng và làm giàu có thêm sắc màu *tư tưởng - thẩm mỹ* của thơ ông trong vườn thơ đa sắc của thơ ca dân tộc.

Tháng 2/2016

Bạn có thể tải file 12 tác phẩm của Lê Đình Bảng về đọc theo link:

<https://www.mediafire.com/file/f9yw2j8o8x3b207/12+TÁC+PHẨM+LĐB+2026.rar/file>

BÙI CÔNG THUẬN

Chuyên luận về thơ Lê Đình Bảng

Chia sẻ với bạn đọc

Hẳn nhiên bạn đọc đã nhận ra khuôn mặt thơ Lê Đình Bảng trong dòng chảy thơ ca Việt đương đại.

Lê Đình Bảng là nhà thơ Công giáo tiêu biểu xuất hiện sau Hàn Mặc Tử. Nhưng ông phát triển đầy đủ và viên mãn nhất nội hàm của Thơ Công giáo Việt Nam.

Cái Đẹp của Thơ Lê Đình Bảng là Cái đẹp của Mỹ học Kitô giáo. Nội dung giàu có của thơ Lê Đình Bảng là đời sống đức tin của người tín hữu, và những vỉa tầng văn hóa dân tộc, kết hợp với kho tàng điển ngữ từ Kinh Thánh. Thơ Lê Đình Bảng kết tinh minh triết phương Đông với Thần học, triết học phương tây, tất cả được nhào nặn trong những trải nghiệm của nhà thơ, trong thân phận kẻ thương hồ, trôi dạt suốt thế kỷ bể dâu lịch sử của dân tộc.

Vì thế, thơ Lê Đình Bảng có cái mới lạ, cái độc đáo, cái riêng, có những đóng góp đặc sắc cho thơ ca dân tộc mà ít nhà thơ hôm nay có được.

Rồi đây, người ta sẽ nhận ra những giá trị thơ Lê Đình Bảng và đặt ông vào một vị trí xứng đáng trong dòng chảy thơ ca dân tộc.

Ông là một đỉnh thi sơn của thơ ca Công giáo đương đại.

2026

